

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ CÁC CTĐT ĐẠI HỌC KHÓA QH-2024 VỀ TRƯỚC
Học kỳ I Năm học 2025-2026

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
A	B	C	E	F	1	2	3	4=1+2-3	G
		DHCQ CÁC CTĐT THU HP THEO ĐMKTKT							
1	23021758	Nguyễn Mạnh An	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
2	23021760	Bùi Tuấn Anh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
3	23021762	Hà Quỳnh Anh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
4	23021764	Lương Thị Mai Anh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	23.237.000		23.237.000	
5	23021766	Nguyễn Hoàng Anh	ĐMKTKT	K68E-EC1	6.456.000	30.250.500		36.706.500	Nợ kỳ hè 24-25
6	23021768	Nguyễn Dương Bảo	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
7	23021772	Lương Hùng Bình	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
8	23021774	Lê Minh Châu	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	24.316.000		24.316.000	
9	23021776	Nguyễn Thế Doanh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
10	23021778	Dương Đức Dũng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
11	23021780	Ngô Tiến Dũng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.539.500		20.539.500	
12	23021782	Nguyễn Quang Dũng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
13	23021784	Lưu Đức Duy	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	24.316.000		24.316.000	
14	23021786	Nguyễn Thành Duy	ĐMKTKT	K68E-EC1	20.000.000	20.000.000		40.000.000	Nợ K2/24-25
15	23021788	Trần Hữu Duy	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
16	23021792	Trần Phát Đảm	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	23.237.000		23.237.000	
17	23021794	Hoàng Đức Thành Đạt	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
18	23021796	Trần Quốc Điền	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
19	23021798	Đặng Minh Đức	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
20	23021802	Nguyễn Phương Đức	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
21	23021804	Dương Đức Được	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
22	23021806	Lê Thị Trà Giang	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
23	23021808	Nguyễn Ngọc Giáp	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
24	23021810	Nguyễn Thanh Hà	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
25	23021812	Ngô Duy Hải	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
26	23021814	Trương Văn Hải	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
27	23021816	Bùi Hoàng Hiệp	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
28	23021818	Phạm Văn Hiệp	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
29	23021820	Đỗ Trung Hiếu	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
30	23021822	Phạm Minh Hiếu	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	23.237.000		23.237.000	
31	23021824	Trần Thị Quỳnh Hoa	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
32	23021826	Chu Huy Hoàng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
33	23021828	Phạm Minh Hoàng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
34	23021830	Trần Văn Khánh Hoàng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	22.158.000		22.158.000	
35	23021832	Lê Nguyễn Gia Huy	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	34.027.000		34.027.000	
36	23021834	Phạm Nhật Huy	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
37	23021836	Phan Quang Huy	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
38	23021838	Trần Đình Hưng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
39	23021840	Bùi Trung Kiên	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
40	23021842	Nguyễn Đắc Kiên	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
41	23021844	Phạm Xuân Kiên	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
42	23021846	Nguyễn Tuấn Khanh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
43	23021848	Lê Văn Quốc Khánh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
44	23021850	Phạm Bảo Khánh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
45	23021852	Bùi Mạnh Khôi	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
46	23021854	Hoàng Bình Lâm	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	9.711.000		9.711.000	Miễn HP (ĐMKTKT)
47	23021856	Vũ Thanh Lâm	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
48	23021858	Hoàng Bùi Thành Long	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
49	23021860	Nguyễn Duy Lợi	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
50	23021862	Đặng Bình Minh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
51	23021864	Lê Nhật Minh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
52	23021866	Nguyễn Tiến Minh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
53	23021868	Bùi Hoài Nam	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
54	23021870	Nguyễn Hải Nam	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
55	23021872	Nguyễn Hoài Nam	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	23.237.000		23.237.000	
56	23021874	Nguyễn Thị Hồng Ngát	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
57	23021876	Phan Bích Ngọc	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	23.237.000		23.237.000	
58	23021878	Nguyễn Đức Nguyên	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
59	23021880	Nguyễn Gia Phú	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	23.237.000		23.237.000	
60	23021882	Nguyễn Duy Phương	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
61	23021884	Bùi Duy Quang	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
62	23021886	Nguyễn Đăng Quang	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
63	23021888	Phí Minh Quang	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	24.316.000		24.316.000	
64	23021890	Hoàng Minh Quân	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
65	23021892	Nguyễn Trọng Quân	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
66	23021894	Nguyễn Ngọc Rô	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
67	23021896	Ngôn Vũ Ngọc Sơn	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
68	23021898	Nguyễn Quang Sơn	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	26.474.000		26.474.000	
69	23021900	Đặng Anh Tài	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
70	23021902	Nguyễn Phúc Tiến	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
71	23021904	Đinh Mai Hữu Toàn	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
72	23021906	Nguyễn Xuân Toàn	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
73	23021908	Dương Minh Tú	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
74	23021910	Trần Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
75	23021914	Lê Minh Tuyển	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
76	23021916	Vũ Văn Thái	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
77	23021918	Đặng Trung Thành	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
78	23021920	Lê Phương Thảo	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
79	23021922	Trần Minh Thông	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
80	23021924	Trần Thị Huyền Trang	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
81	23021926	Nguyễn Đức Trọng	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
82	23021928	Lê Quang Trung	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
83	23021930	Nguyễn Hoàng Trung	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
84	23021932	Nguyễn Ngọc Ước	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	20.000.000		20.000.000	
85	23021934	Nguyễn Bá Thành Vinh	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	29.711.000		29.711.000	
86	23021936	Phan Tùng Vũ	ĐMKTKT	K68E-EC1	0	23.237.000		23.237.000	
87	23020430	Hà Mạnh Tuấn	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
88	23021759	Nguyễn Thành An	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
89	23021761	Bùi Việt Anh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
90	23021763	Lê Đình Long Anh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
91	23021765	Nguyễn Hải Anh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
92	23021769	Nguyễn Quốc Bảo	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
93	23021770	Nguyễn Thị Ngọc Bích	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
94	23021771	Lê Đức Bình	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
95	23021773	Nguyễn Quốc Cường	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
96	23021775	Nguyễn Hữu Chuyên	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
97	23021777	Bùi Đức Dũng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
98	23021779	Đỗ Tiến Dũng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	23.237.000		23.237.000	
99	23021783	Tăng Quang Dũng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
100	23021785	Nguyễn Quang Duy	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
101	23021787	Phạm Thế Duy	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
102	23021789	Nguyễn Hữu Thái Dương	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
103	23021791	Trần Hữu Dương	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
104	23021793	Chu Trần Đạt	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	23.237.000		23.237.000	
105	23021795	Trương Quang Đạt	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
106	23021799	Lê Anh Đức	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
107	23021803	Phạm Mạnh Đức	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
108	23021805	Bùi Hoàng Giang	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
109	23021807	Nguyễn Đình Giáp	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
110	23021809	Nguyễn Khắc Hoàng Hà	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
111	23021811	Vũ Thị Thu Hà	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
112	23021813	Trần Thanh Hải	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
113	23021817	Dương Xuân Hiệp	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
114	23021819	Đinh Trọng Hiếu	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
115	23021821	Phạm Minh Hiếu	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
116	23021823	Trần Quang Hiếu	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
117	23021825	Văn Thị Như Hoa	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
118	23021827	Đỗ Việt Hoàng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
119	23021829	Trần Minh Hoàng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
120	23021831	Nguyễn Sinh Hùng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
121	23021833	Lê Nguyễn Gia Huy	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	25.934.500		25.934.500	
122	23021835	Phạm Quốc Huy	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
123	23021837	Hà Mạnh Hưng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
124	23021839	Nguyễn Văn Hường	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
125	23021841	Dư Trần Trung Kiên	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
126	23021843	Nguyễn Xuân Kiên	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
127	23021845	Lý Anh Kiệt	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	26.474.000		26.474.000	
128	23021847	Vũ Tuấn Khanh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
129	23021849	Nguyễn Nhật Khánh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	23.237.000		23.237.000	
130	23021851	Trần Quốc Khánh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
131	23021853	Nguyễn Hoàng Lan	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
132	23021855	Ngô Tùng Lâm	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	29.171.500		29.171.500	
133	23021857	Đỗ Thị Ngọc Linh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
134	23021859	Nguyễn Công Lộc	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
135	23021861	Dương Hoàng Minh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
136	23021863	Đinh Quang Minh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
137	23021865	Nguyễn Hoàng Minh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
138	23021867	Trần Hải Minh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
139	23021869	Đặng Hoài Nam	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
140	23021871	Nguyễn Hải Nam	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
141	23021873	Trần Văn Ninh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
142	23021875	Đinh Đăng Ngọc	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	23.237.000		23.237.000	
143	23021877	Đặng Trung Nguyên	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
144	23021879	Nguyễn Đình Thanh Phong	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
145	23021881	Phạm Hải Phú	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
146	23021883	Nguyễn Văn Phương	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
147	23021885	Bùi Minh Quang	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	24.316.000		24.316.000	
148	23021887	Phạm Việt Quang	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
149	23021889	Vũ Nhật Quang	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
150	23021891	Ngô Văn Quân	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	24.316.000		24.316.000	
151	23021893	Dương Ngô Quỳnh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
152	23021895	Dương Xuân Sơn	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
153	23021897	Nguyễn Ngọc Sơn	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	23.237.000		23.237.000	
154	23021899	Nguyễn Tiến Sơn	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
155	23021901	Lê Mạnh Tiến	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
156	23021903	Nguyễn Văn Tiệp	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
157	23021905	Nguyễn Trí Toàn	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
158	23021907	Trần Đức Toàn	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	24.316.000		24.316.000	
159	23021909	Nguyễn Đức Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
160	23021911	Ngô Thanh Tùng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
161	23021913	Yên Mạnh Tùng	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
162	23021915	Hoàng Đức Thái	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.539.500		20.539.500	
163	23021917	Bùi Văn Thành	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
164	23021919	Đoàn Minh Thành	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
165	23021921	Trần Hữu Thiện	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	22.158.000		22.158.000	
166	23021923	Hoàng Văn Thuận	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
167	23021925	Nguyễn Bá Trí	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
168	23021927	Đào Hoàng Trung	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
169	23021929	Nguyễn Đức Hoàng Trung	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
170	23021931	Vũ Xuân Trường	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
171	23021933	Nghiêm Quang Vinh	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
172	23021935	Phạm Tuấn Vũ	ĐMKTKT	K68E-EC2	0	20.000.000		20.000.000	
173	23020581	Nguyễn Hải An	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.539.500		20.539.500	
174	23020582	Nguyễn Ngọc Bảo An	ĐMKTKT	K68I-CN	0	24.855.500		24.855.500	
175	23020583	Hoàng Việt Anh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
176	23020584	Lê Hoàng Anh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	25.395.000		25.395.000	
177	23020585	Nguyễn Quốc Anh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
178	23020586	Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
179	23020587	Vũ Quốc Anh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
180	23020588	Vũ Hoàng Ân	ĐMKTKT	K68I-CN	0	27.553.000		27.553.000	
181	23020590	Vũ Mạnh Cường	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
182	23020591	Hoàng Khánh Chi	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
183	23020592	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
184	23020593	Hoàng Quốc Dương	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
185	23020594	Dương Tiến Đạt	ĐMKTKT	K68I-CN	0	27.553.000		27.553.000	
186	23020595	Trần Tuấn Đạt	ĐMKTKT	K68I-CN	0	29.711.000		29.711.000	
187	23020596	Nguyễn Thành Đô	ĐMKTKT	K68I-CN	0	27.553.000		27.553.000	
188	23020598	Đào Minh Đức	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
189	23020599	Đoàn Việt Đức	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
190	23020600	Lưu Minh Đức	ĐMKTKT	K68I-CN	0	27.553.000		27.553.000	
191	23020601	Nguyễn Tuấn Đức	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
192	23020602	Vũ Ngọc Đức	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
193	23020603	Lê Thủy Hà	ĐMKTKT	K68I-CN	0	28.632.000		28.632.000	
194	23020604	Phạm Bảo Hân	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
195	23020605	Vũ Văn Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CN	0	24.316.000		24.316.000	
196	23020606	Bùi Đức Hòa	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
197	23020607	Nguyễn Đức Hoan	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.539.500		20.539.500	
198	23020608	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
199	23020610	Ngô Đức Huy	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
200	23020611	Nguyễn Ngọc Huy	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
201	23020612	Nguyễn Quang Huy	ĐMKTKT	K68I-CN	0	22.158.000		22.158.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
202	23020613	Vũ Bá Huy	ĐMKTKT	K68I-CN	0	24.316.000		24.316.000	
203	23020614	Đỗ Duy Kiên	ĐMKTKT	K68I-CN	0	26.474.000		26.474.000	
204	23020615	Đỗ Ngọc Khánh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
205	23020616	Nguyễn Văn Khoa	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
206	23020618	Phạm Hoàng Lâm	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
207	23020619	Nguyễn Văn Lập	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
208	23020620	Ngô Thị Thảo Linh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
209	23020621	Nguyễn Thị Ngọc Linh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
210	23020622	Vũ Trần Duy Linh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
211	23020623	Nguyễn Phước Ngưỡng Long	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
212	23020624	Nguyễn Văn Lương	ĐMKTKT	K68I-CN	0	24.316.000		24.316.000	
213	23020625	Nguyễn Bá Mạnh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	26.474.000		26.474.000	
214	23020626	Ma Đức Minh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	9.249.000		9.249.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
215	23020628	Nguyễn Tuệ Minh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	8.941.000		8.941.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
216	23020629	Nguyễn Vũ Minh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
217	23020630	Vũ Thị Mừng	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
218	23020631	Đặng Phương Nam	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
219	23020633	Vũ Gia Hoàng Nhân	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
220	23020634	Hà Thị Kim Oanh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
221	23020636	Nguyễn Hữu Hồng Phúc	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
222	23020637	Phạm Hoàng Phúc	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.539.500		20.539.500	
223	23020638	Đặng Thu Phương	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
224	23020639	Hoàng Văn Minh Quang	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
225	23020640	Trương Gia Sinh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	25.395.000		25.395.000	
226	23020641	Nguyễn Quế Sơn	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
227	23020642	Nguyễn Bá Trọng Tín	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
228	23020643	Nguyễn Quốc Tuấn	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
229	23020644	Võ Hồng Thái	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
230	23020645	Phạm Phương Thảo	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
231	23020646	Bùi Minh Thắng	ĐMKTKT	K68I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
232	23020647	Khuất Đình Vinh	ĐMKTKT	K68I-CN	0	30.790.000		30.790.000	
233	23020648	Đình Minh Vũ	ĐMKTKT	K68I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
234	23020402	Đàm Văn Nam	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
235	23021459	Bùi Khánh An	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
236	23021463	Lê Đức Anh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.539.500		20.539.500	
237	23021471	Trần Quốc Việt Anh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.539.500		20.539.500	
238	23021475	Dương Gia Bảo	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.539.500		20.539.500	
239	23021479	Nguyễn Đình Bình	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
240	23021483	Vũ Huy Công	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
241	23021487	Nguyễn Mạnh Cường	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
242	23021491	Nguyễn Minh Chiến	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
243	23021495	Nguyễn Đức Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
244	23021499	Võ Minh Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	5.164.500		5.164.500	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
245	23021503	Nguyễn Đức Duy	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
246	23021507	Vũ Đức Duy	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
247	23021515	Đào Văn Đà	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
248	23021519	Lê Văn Đạt	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
249	23021527	Nguyễn Phan Đăng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
250	23021531	Lê Hồng Đức	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	23.237.000		23.237.000	
251	23021535	Phạm Sỹ Đức	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
252	23021539	Nguyễn Đăng Giáp	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
253	23021543	Tô Ngọc Hải	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
254	23021551	Nguyễn Quang Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
255	23021555	Trần Đình Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	23.237.000		23.237.000	
256	23021563	Trần Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
257	23021567	Nguyễn Công Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
258	23021571	Bùi Quang Huy	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
259	23021575	Nguyễn Đức Huy	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
260	23021579	Tô Quang Huy	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
261	23021583	Nguyễn Đức Hưng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
262	23021587	Trịnh Quang Hưng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
263	23021591	Nguyễn Xuân Kiên	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	22.158.000		22.158.000	
264	23021595	Phạm Công Khang	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
265	23021599	Trần Gia Khánh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	24.855.500		24.855.500	
266	23021603	Trần Lê Minh Khôi	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
267	23021607	Lê Thị Hoàng Linh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	22.158.000		22.158.000	
268	23021611	Vũ Thục Linh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	23.237.000		23.237.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
269	23021615	Phạm Huy Châu Long	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	22.158.000		22.158.000	
270	23021619	Nguyễn Văn Mạnh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	22.158.000		22.158.000	
271	23021623	Dương Đức Minh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
272	23021627	Lò Châu Minh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	23.237.000		23.237.000	
273	23021631	Nguyễn Nhật Minh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
274	23021635	Phạm Quang Minh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
275	23021639	Đào Phương Nam	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	25.395.000		25.395.000	
276	23021643	Nguyễn Hải Nam	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
277	23021647	Hoàng Thị Thanh Nga	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
278	23021651	Trần Thành Nguyên	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
279	23021663	Nguyễn Tiến Phúc	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
280	23021667	Bùi Thu Phương	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
281	23021671	Lê Nhữ Quang	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
282	23021675	Nguyễn Đình Quốc	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
283	23021679	Lê Ngọc Quyết	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
284	23021683	Ngô Bá Sơn	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
285	23021687	Ngô Hoan Tài	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	28.632.000		28.632.000	
286	23021691	Ngô Thế Tân	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
287	23021695	Lê Hoàng Tiến	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
288	23021699	Nguyễn Đức Toàn	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
289	23021703	Nhữ Đình Tú	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
290	23021707	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
291	23021711	Vũ Quốc Tuấn	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
292	23021715	Nguyễn Thanh Tùng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
293	23021719	Nguyễn Xuân Thành	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
294	23021723	Nguyễn Việt Thắng	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
295	23021727	Phan Tiến Thịnh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	23.237.000		23.237.000	
296	23021731	Nguyễn Mai Thanh Thu	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	27.553.000		27.553.000	
297	23021735	Nguyễn Thu Trang	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
298	23021739	Phan Trần Quang Trí	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	24.316.000		24.316.000	
299	23021743	Đặng Phạm Trung	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
300	23021747	Vũ Nhật Tường Vân	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
301	23021751	Lê Duy Vũ	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
302	23021755	Nguyễn Diệu Mai Vy	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	
303	23021937	Dương Tuấn Minh	ĐMKTKT	K68I-CS1	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
304	23021460	Chung Thị Mai Anh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	23.237.000		23.237.000	
305	23021464	Lê Huy Anh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
306	23021468	Nguyễn Thị Vân Anh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
307	23021472	Văn Lê Quốc Anh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	25.395.000		25.395.000	
308	23021476	Nguyễn Đức Bảo	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
309	23021480	Nguyễn Đình Bình	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	25.395.000		25.395.000	
310	23021484	Đỗ Quang Cường	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
311	23021492	Đỗ Văn Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
312	23021496	Nguyễn Ngọc Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
313	23021500	Vũ Đăng Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
314	23021504	Nguyễn Ngọc Duy	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	25.395.000		25.395.000	
315	23021508	Hoàng Thái Dương	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.539.500		20.539.500	
316	23021512	Nguyễn Xuân Dương	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
317	23021516	Nguyễn Đăng Đạo	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
318	23021520	Nguyễn Bích Đạt	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
319	23021524	Vũ Tiến Đạt	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
320	23021528	Trần Văn Đông	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
321	23021532	Lê Minh Đức	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
322	23021536	Trần Mạnh Đức	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
323	23021540	Nguyễn Văn Hà	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
324	23021544	Đào Danh Hào	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
325	23021548	Nguyễn Đình Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
326	23021552	Nguyễn Xuân Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
327	23021556	Nguyễn Văn Hòa	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
328	23021560	Nguyễn Văn Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
329	23021564	Trần Hữu Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
330	23021568	Nguyễn Thế Hùng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
331	23021572	Lương Quang Huy	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
332	23021580	Thiều Quang Huy	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	24.316.000		24.316.000	
333	23021584	Nguyễn Văn Hưng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
334	23021588	Lương Đức Kiên	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	32.948.000		32.948.000	
335	23021592	Bùi Thế Kiệt	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
336	23021596	Phạm Công Khanh	ĐMKTKT	K68I-CS2	3.000.000	24.316.000		27.316.000	Nợ kỳ hè 24-25
337	23021600	Trần Gia Khánh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
338	23021604	Lê Thế Lâm	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	43.738.000		43.738.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
339	23021608	Ngô Thị Ngọc Linh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	23.237.000		23.237.000	
340	23021612	Vũ Thùy Linh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	25.395.000		25.395.000	
341	23021616	Đỗ Tiến Lộc	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
342	23021620	Thái Khắc Mạnh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
343	23021624	Đặng Đức Minh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	23.237.000		23.237.000	
344	23021628	Nguyễn Đăng Nhật Minh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
345	23021632	Nguyễn Quang Minh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
346	23021636	Phan Đình Minh	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
347	23021640	Hoàng Khánh Nam	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
348	23021644	Nguyễn Trường Nam	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
349	23021648	Nguyễn Tuấn Nghĩa	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	24.316.000		24.316.000	
350	23021652	Đoàn Khánh Nhật	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
351	23021656	Nguyễn Duy Phong	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
352	23021660	Đào Mạnh Phú	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
353	23021664	Nguyễn Văn Phúc	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
354	23021668	Nguyễn Thị Phương	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
355	23021672	Lê Tấn Quân	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
356	23021676	Kiều Thiện Quý	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	22.158.000		22.158.000	
357	23021680	Đặng Hoàng Sơn	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	23.237.000		23.237.000	
358	23021684	Nguyễn Anh Sơn	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
359	23021692	Nguyễn Đình Nhật Tân	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
360	23021696	Phạm Anh Tiến	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
361	23021700	Hồ Anh Tú	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
362	23021704	Dương Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
363	23021708	Nguyễn Lê Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
364	23021712	Ngô Sơn Tùng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	22.158.000		22.158.000	
365	23021716	Nguyễn Văn Thanh Tùng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
366	23021720	Trần Duy Thành	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
367	23021721	Đỗ Phương Thảo	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
368	23021724	Tô Quang Thắng	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	23.237.000		23.237.000	
369	23021732	Lê Huy Thực	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
370	23021736	Nguyễn Thùy Trang	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	23.237.000		23.237.000	
371	23021740	Cao Vũ Nhật Triều	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
372	23021744	Nguyễn Huy Trung	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
373	23021752	Nguyễn Tiến Vũ	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
374	23021756	Nguyễn Thị Hải Yến	ĐMKTKT	K68I-CS2	0	20.000.000		20.000.000	
375	23021465	Lê Nguyên Anh	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
376	23021469	Phạm Mai Anh	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
377	23021473	Vũ Việt Anh	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
378	23021477	Nguyễn Văn Biển	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
379	23021481	Nguyễn Chí Công	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
380	23021485	Lê Đức Cường	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
381	23021489	Vũ Thị Kim Chi	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
382	23021493	Nguyễn Anh Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
383	23021497	Nguyễn Quang Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
384	23021501	Lê Anh Duy	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
385	23021505	Phan Thanh Duy	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
386	23021509	Lê Tùng Dương	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
387	23021513	Phạm Ngọc Hải Dương	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
388	23021517	Đỗ Thành Đạt	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
389	23021521	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
390	23021525	Đinh Hồng Đăng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	25.395.000		25.395.000	
391	23021529	Vũ Huy Đông	ĐMKTKT	K68I-CS3	-200.000	20.000.000		19.800.000	SV đóng kỳ trước
392	23021533	Nguyễn Kim Trung Đức	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
393	23021537	Trịnh Trung Đức	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
394	23021541	Phạm Việt Hà	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
395	23021545	Nguyễn Ngọc Hiệp	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
396	23021549	Nguyễn Hữu Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
397	23021553	Phạm Trung Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
398	23021557	Bùi Minh Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
399	23021561	Nguyễn Văn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
400	23021565	Đoàn Thái Hùng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
401	23021569	Phạm Văn Hùng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
402	23021573	Nguyễn Đăng Huy	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
403	23021581	Trần Tuấn Huy	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
404	23021585	Quách Thanh Hưng	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
405	23021589	Nguyễn Trung Kiên	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
406	23021593	Lê Quang Khải	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
407	23021597	Phạm Hoàng An Khánh	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
408	23021601	Trương Mạnh Khiêm	ĐMKTKT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
409	23021605	Bùi Quang Linh	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
410	23021609	Nguyễn Phương Linh	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
411	23021613	Đào Hồng Lĩnh	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
412	23021617	Nguyễn Hữu Lưu	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
413	23021621	Lê Quang Miên	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.539.500		20.539.500	
414	23021625	Đinh Công Minh	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
415	23021629	Nguyễn Giang Minh	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
416	23021633	Nguyễn Quang Minh	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
417	23021641	Lê Hoài Nam	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
418	23021645	Quách Thành Nam	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
419	23021649	Hồ Văn Tiến Nguyên	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
420	23021653	Mạch Trần Quang Nhật	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.539.500		20.539.500	
421	23021657	Trần Xuân Phong	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
422	23021661	Nguyễn Hoàng Phúc	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
423	23021665	Nguyễn Thành Phước	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
424	23021669	Bùi Minh Quang	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	22.158.000		22.158.000	
425	23021673	Phạm Minh Quân	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
426	23021677	Lê Ngọc Quý	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
427	23021681	Hà Xuân Sơn	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
428	23021685	Nguyễn Quang Bảo Sơn	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
429	23021693	Triệu Cao Tấn	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	23.237.000		23.237.000	
430	23021697	Trịnh Hải Tiến	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
431	23021701	Lý Đức Tú	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	30.790.000		30.790.000	
432	23021705	Lê Văn Tuấn	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	25.395.000		25.395.000	
433	23021709	Phạm Anh Tuấn	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
434	23021713	Nguyễn Khánh Tùng	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
435	23021717	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
436	23021725	Trần Chiền Thắng	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
437	23021733	Nguyễn Đoàn Hoài Thương	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
438	23021737	Nguyễn Văn Tráng	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
439	23021741	Bùi Đức Trọng	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
440	23021745	Nguyễn Văn Trung	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
441	23021749	Trần Văn Vinh	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
442	23021757	Nguyễn Thị Ngọc Yến	ĐMKT KT	K68I-CS3	0	20.000.000		20.000.000	
443	23021462	Khổng Quốc Anh	ĐMKT KT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
444	23021466	Nguyễn Hồng Anh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
445	23021470	Trần Hoàng Mai Anh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
446	23021474	Nguyễn Xuân Bách	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.539.500		20.539.500	
447	23021478	Bùi Phúc Bình	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
448	23021482	Nguyễn Đức Công	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
449	23021486	Nguyễn Lê Việt Cường	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
450	23021490	Bùi Anh Chiến	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	27.553.000		27.553.000	
451	23021494	Nguyễn Đức Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
452	23021498	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	23.237.000		23.237.000	
453	23021502	Nguyễn Anh Duy	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
454	23021506	Trần ánh Duy	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
455	23021510	Nguyễn Đức Dương	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
456	23021514	Trần Bình Dương	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
457	23021518	Hoàng Thành Đạt	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
458	23021522	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.539.500		20.539.500	
459	23021526	Đỗ Hải Đăng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
460	23021530	Đỗ Trung Đức	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
461	23021534	Nguyễn Tư Đức	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
462	23021538	Cao Hương Giang	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
463	23021542	Nguyễn Trung Hải	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
464	23021546	Đậu Đức Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
465	23021550	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
466	23021554	Phạm Trung Hiếu	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
467	23021558	Đoàn Minh Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
468	23021562	Phạm Ngọc Huy Hoàng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
469	23021566	Lưu Văn Hùng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	24.316.000		24.316.000	
470	23021570	Tổng Đức Hùng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
471	23021574	Nguyễn Đình Quốc Huy	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
472	23021578	Nguyễn Nhất Huy	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
473	23021582	Nguyễn Ngọc Huyền	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
474	23021586	Trần Việt Hưng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	25.934.500		25.934.500	
475	23021590	Nguyễn Trung Kiên	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
476	23021594	Nguyễn Anh Khang	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
477	23021598	Trần Duy Khánh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
478	23021602	Lê Nho Khoa	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
479	23021606	Lê Huyền Linh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
480	23021610	Nguyễn Thùy Linh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
481	23021614	Đặng Tuấn Long	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
482	23021618	Đào Đức Mạnh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
483	23021622	Bùi Quang Minh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.539.500		20.539.500	
484	23021630	Nguyễn Nhật Minh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	24.316.000		24.316.000	
485	23021634	Phạm Nhật Minh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
486	23021638	Vũ Nguyễn Trường Minh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
487	23021642	Lê Thanh Nam	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	23.237.000		23.237.000	
488	23021646	Trần Minh Nam	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
489	23021650	Phạm Văn Nguyên	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	23.237.000		23.237.000	
490	23021654	Phan Đăng Nhật	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
491	23021658	Vũ Cao Phong	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
492	23021662	Nguyễn Minh Phúc	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	28.632.000		28.632.000	
493	23021666	Bùi Hải Phương	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
494	23021674	Thạch Minh Quân	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
495	23021678	Phạm Văn Quyền	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
496	23021682	Lê Sĩ Thái Sơn	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
497	23021686	Nguyễn Trường Sơn	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
498	23021690	Đào Ngọc Tân	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
499	23021694	Nguyễn Văn Tiền	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	39.422.000		39.422.000	
500	23021698	Nguyễn Cảnh Toàn	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	35.106.000		35.106.000	
501	23021702	Ngô Anh Tú	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
502	23021706	Lương Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
503	23021710	Trần Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
504	23021714	Nguyễn Thanh Tùng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	22.158.000		22.158.000	
505	23021722	Kiều Đức Thắng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
506	23021726	Nguyễn Văn Thịnh	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
507	23021730	Ngô Viêt Thuyết	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
508	23021734	Nguyễn Thị Thương	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
509	23021738	Nguyễn Thời Trí	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.539.500		20.539.500	
510	23021746	Mai Đức Văn	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	20.000.000		20.000.000	
511	23021750	Đào Lê Long Vũ	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	23.237.000		23.237.000	
512	23021754	Nguyễn Văn Vượng	ĐMKTKT	K68I-CS4	0	24.316.000		24.316.000	
513	23020507	Đinh Văn An	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
514	23020508	Nguyễn Bình An	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
515	23020509	Nguyễn Trọng An	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
516	23020510	Lê Minh Anh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
517	23020511	Lưu Minh Anh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
518	23020512	Nguyễn Duy Anh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
519	23020513	Nguyễn Hoàng Hà Anh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
520	23020514	Phạm Thúc Việt Anh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
521	23020515	Vũ Phúc Anh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
522	23020516	Dương Thanh Bình	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
523	23020517	Trần Lê Cương	ĐMKTKT	K68I-IS	0	22.158.000		22.158.000	
524	23020518	Đàm Đại Dũng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
525	23020519	Ngô Tuấn Dũng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.539.500		20.539.500	
526	23020520	Nguyễn Mạnh Dũng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
527	23020522	Phạm Khánh Duy	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
528	23020523	Nguyễn Hải Dương	ĐMKTKT	K68I-IS	0	22.158.000		22.158.000	
529	23020524	Nguyễn Hữu Hải Đăng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
530	23020525	Dương Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
531	23020526	Lã Minh Đức	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
532	23020527	Lê Xuân Đức	ĐMKTKT	K68I-IS	-10.000	24.316.000		24.306.000	SV đóng kỳ trước
533	23020528	Mai Anh Đức	ĐMKTKT	K68I-IS	0	25.395.000		25.395.000	
534	23020529	Đỗ Thị Thu Hà	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
535	23020530	Lê Thanh Hà	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
536	23020531	Nguyễn Mạnh Hà	ĐMKTKT	K68I-IS	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
537	23020532	Nguyễn Thu Hà	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
538	23020533	Nguyễn Thị Thanh Hiền	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
539	23020534	Nguyễn Huy Hiệp	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.539.500		20.539.500	
540	23020535	Phạm Huy Hiếu	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
541	23020536	Trần Huy Hoàng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
542	23020537	Điền Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
543	23020538	Đinh Tiến Hùng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
544	23020539	Đặng Quốc Huy	ĐMKTKT	K68I-IS	0	22.158.000		22.158.000	
545	23020540	Nguyễn Anh Huy	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
546	23020541	Phạm Ngọc Huyền	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
547	23020542	Phạm Việt Hưng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
548	23020543	Trần Nhật Hưng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
549	23020544	Nguyễn Xuân Trường Khải	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
550	23020545	Nguyễn Tùng Lâm	ĐMKTKT	K68I-IS	0	36.185.000		36.185.000	
551	23020546	Vương Thùy Linh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
552	23020547	Nguyễn Đức Mạnh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
553	23020548	Phạm Hữu Mạnh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
554	23020549	Bùi Huyền Mi	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
555	23020550	Doãn Đoàn Đức Minh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
556	23020551	Giang Tuấn Minh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
557	23020553	Phạm Công Minh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
558	23020554	Trần Đình Quang Minh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
559	23020555	Nguyễn Thị Si My	ĐMKTKT	K68I-IS	-468.000	20.539.500		20.071.500	SV đóng kỳ trước
560	23020556	Bùi Mạnh Nam	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
561	23020557	Nguyễn Nhật Nam	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
562	23020559	Lưu Đạt Tuấn Nghĩa	ĐMKTKT	K68I-IS	0	22.158.000		22.158.000	
563	23020560	Trịnh Thanh Ngọc	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.539.500		20.539.500	
564	23020561	Nguyễn Khôi Nguyên	ĐMKTKT	K68I-IS	0	23.237.000		23.237.000	
565	23020562	Trần Phương Phương	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.539.500		20.539.500	
566	23020563	Lê Minh Quân	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
567	23020564	Trần Minh Quân	ĐMKTKT	K68I-IS	0	28.092.500		28.092.500	
568	23020565	Đặng Anh Quế	ĐMKTKT	K68I-IS	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
569	23020566	Lê Hoàng San	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
570	23020567	Lê Văn Tâm	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
571	23020568	Ngô Thị Tâm	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000	5.000	19.995.000	
572	23020569	Phạm Thanh Tú	ĐMKTKT	K68I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
573	23020570	Nguyễn Tự Anh Tuấn	ĐMKTKT	K68I-IS	0	23.776.500		23.776.500	
574	23020571	Nông Sơn Tùng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
575	23020572	Vũ Thanh Tùng	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
576	23020573	Nguyễn Phương Thảo	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
577	23020574	Ngô Đức Thịnh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
578	23020576	Vũ Tiến Tuấn Trung	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
579	23020577	Chu Anh Trường	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
580	23020579	Nguyễn Quang Vinh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
581	23020580	Phạm Quang Vinh	ĐMKTKT	K68I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
582	23021204	Đỗ Thành An	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
583	23021206	Hoàng Tuấn Anh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
584	23021208	Nguyễn Đức Nhật Anh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
585	23021210	Nguyễn Hoàng Anh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
586	23021212	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
587	23021214	Phạm Ngọc Tuấn Anh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
588	23021216	Trần Anh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
589	23021218	Nguyễn Việt Bách	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	26.474.000		26.474.000	
590	23021220	Nguyễn Tiến Bảo	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
591	23021222	Hà Trí Cường	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
592	23021224	Phạm Văn Chiến	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
593	23021226	Vũ Minh Duẩn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
594	23021228	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	26.474.000		26.474.000	
595	23021230	Lê Thanh Duy	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	27.553.000		27.553.000	
596	23021232	Trần Khánh Duy	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
597	23021234	Nguyễn Đức Dương	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
598	23021236	Nguyễn Tùng Dương	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
599	23021238	Vũ Đăng Dương	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	27.553.000		27.553.000	
600	23021240	Đỗ Trí Đạt	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
601	23021242	Trần Tuấn Đạt	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.776.500		23.776.500	
602	23021244	Vũ Thái Đô	ĐMKTKT	K68M-MT1	996.000	23.237.000		24.233.000	Nợ 1 phần K2/24-25
603	23021246	Lê Huy Thành Đồng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	28.632.000		28.632.000	
604	23021248	Lê Văn Đức	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
605	23021252	Nguyễn Trường Giang	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.776.500		23.776.500	
606	23021254	Đỗ Văn Hải	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
607	23021256	Lý Văn Hải	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.776.500		23.776.500	
608	23021258	Nguyen Minh Hang	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
609	23021260	Đoàn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
610	23021262	Nguyễn Trọng Minh Hiếu	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
611	23021264	Phạm Trung Hiếu	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
612	23021266	Nguyễn Trung Hòa	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
613	23021268	Khổng Trọng Hoàng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
614	23021270	Nguyễn Thái Hoàng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
615	23021272	Từ Dương Vũ Hoàng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
616	23021274	Nhâm Đình Hùng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
617	23021276	Lê Quang Huy	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	26.474.000		26.474.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
618	23021278	Phạm Lê Gia Huy	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	25.395.000		25.395.000	
619	23021280	Tạ Quang Huy	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	27.553.000		27.553.000	
620	23021282	Phạm Văn Hưng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.776.500		23.776.500	
621	23021284	Kiều Lan Hương	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	24.316.000		24.316.000	
622	23021286	Bùi Trọng Kiên	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
623	23021288	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	28.632.000		28.632.000	
624	23021290	Dương Ngọc Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
625	23021292	Nguyễn Duy Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT1	28.608.000	20.000.000		48.608.000	Nợ K2/24-25
626	23021294	Nguyễn Hoàng Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT1	-50.000	23.237.000		23.187.000	SV đóng kỳ trước
627	23021296	Phạm Văn Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	26.474.000		26.474.000	
628	23021298	Lê Hoàng Khoa	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
629	23021300	Đinh Đức Linh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
630	23021302	Phạm Trường Long	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
631	23021304	Đỗ Văn Lực	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	26.474.000		26.474.000	
632	23021306	Bùi Lê Tuấn Minh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
633	23021310	Phạm Hải Minh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	25.395.000		25.395.000	
634	23021312	Trần Quang Minh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
635	23021314	Bùi Huyền My	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
636	23021316	Đào Mạnh Ngọc	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
637	23021318	Trần Thiện Nhân	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
638	23021320	Mẫn Văn Nhật Phi	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
639	23021322	Nguyễn Văn Phú	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	27.013.500		27.013.500	
640	23021324	Phạm Huy Phú	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
641	23021328	Nguyễn Ngọc Như Quang	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
642	23021330	Đinh Vũ Quý	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
643	23021332	Đỗ Hoàng Sơn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
644	23021334	Hoàng Thái Sơn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
645	23021336	Nguyễn Thái Sơn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	25.395.000		25.395.000	
646	23021338	Nguyễn Đức Tạo	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	25.395.000		25.395.000	
647	23021340	Trương Hồng Tân	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
648	23021341	Trịnh Khắc Trung Tín	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	26.474.000		26.474.000	
649	23021342	Trần Minh Toàn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
650	23021344	Lê Anh Tú	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
651	23021345	Nguyễn Mậu Tú	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
652	23021346	Nguyễn Phạm Tuấn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
653	23021347	Phạm Văn Tuấn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
654	23021348	Đình Quang Tuấn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	26.474.000		26.474.000	
655	23021349	Nguyễn Lương Tuấn	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
656	23021350	Chu Quang Tùng	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
657	23021351	Nguyễn Hoàng Tuyển	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
658	23021352	Lê Hồng Thái	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
659	23021354	Thiều Đoàn Thái	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
660	23021356	Trịnh Xuân Thanh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
661	23021358	Nguyễn Quang Thọ	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
662	23021360	Lê Ngọc Thọ	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	20.000.000		20.000.000	
663	23021362	Nguyễn Trọng Thức	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
664	23021364	Lê Khánh Trình	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
665	23021366	Lại Thế Trung	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	20.000.000		20.000.000	
666	23021368	Trần Hùng Trường	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
667	23021370	Phạm Gia Vinh	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	23.237.000		23.237.000	
668	23021372	Văn Khắc Vũ	ĐMKTKT	K68M-MT1	0	27.553.000		27.553.000	
669	23021205	Nguyễn Văn An	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
670	23021207	Nghiêm Xuân Anh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
671	23021209	Nguyễn Đức Việt Anh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.776.500		23.776.500	
672	23021211	Nguyễn Hoàng Anh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.776.500		23.776.500	
673	23021213	Phạm Hùng Anh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	25.395.000		25.395.000	
674	23021215	Phùng Nam Anh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.776.500		23.776.500	
675	23021217	Trần Tiến Anh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
676	23021219	Lê Quốc Bảo	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
677	23021221	Nguyễn Quang Bình	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	25.395.000		25.395.000	
678	23021223	Nguyễn Tá Cường	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
679	23021225	Phạm Thành Danh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
680	23021227	Đỗ Văn Dũng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
681	23021229	Nguyễn Văn Dũng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
682	23021231	Nguyễn Hữu Tuấn Duy	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	27.553.000		27.553.000	
683	23021233	Bùi Hải Dương	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
684	23021235	Nguyễn Tiến Dương	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
685	23021237	Trần Tùng Dương	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
686	23021239	Phạm Việt Đan	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	31.869.000		31.869.000	
687	23021241	Nguyễn Đức Đạt	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
688	23021243	Nguyễn Vũ Đoàn	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	25.395.000		25.395.000	
689	23021245	Ngô Văn Đông	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
690	23021247	Lê Huy Đức	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
691	23021249	Nguyễn Đăng Đức	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
692	23021251	Nguyễn Ngọc Đức	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	25.395.000		25.395.000	
693	23021253	Đỗ Đức Hải	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.776.500		23.776.500	
694	23021255	Lê Văn Hải	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	25.395.000		25.395.000	
695	23021257	Trần Nam Hải	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
696	23021259	Nguyễn Trần Ngọc Hân	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	25.395.000		25.395.000	
697	23021261	Khổng Minh Hiếu	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
698	23021263	Phạm Minh Hiếu	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
699	23021265	Đặng Huy Hiệu	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
700	23021267	Vũ Ngọc Hoàn	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
701	23021269	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
702	23021271	Nguyễn Việt Hoàng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
703	23021273	Vũ Hữu Hoạt	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
704	23021275	Bùi Gia Huy	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
705	23021277	Nguyễn Quang Huy	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
706	23021279	Phan Đăng Huy	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
707	23021281	Bùi Xuân Hưng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
708	23021283	Phạm Việt Hưng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
709	23021285	Tạ Minh Hường	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
710	23021287	Nghiêm Xuân Kiên	ĐMKTKT	K68M-MT2	-39.000	23.237.000		23.198.000	SV đóng kỳ trước
711	23021289	Nguyễn Việt Khanh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
712	23021291	Lê Bá Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
713	23021293	Nguyễn Duy Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.776.500		23.776.500	
714	23021295	Phạm Quốc Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
715	23021297	Trương Quốc Khánh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
716	23021299	Lê Hải Lâm	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
717	23021301	Nguyễn Thành Long	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
718	23021303	Nguyễn Thành Lộc	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	28.632.000		28.632.000	
719	23021305	Đinh Đức Mạnh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
720	23021307	Đặng Nhật Minh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
721	23021311	Trần Nhật Minh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
722	23021313	Vũ Thế Minh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
723	23021315	Trịnh Quang Năng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	28.632.000		28.632.000	
724	23021317	Nguyễn Cao Nguyên	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
725	23021319	Trần Thị Hồng Nhung	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
726	23021321	Nguyễn Thế Phong	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
727	23021323	Nguyễn Việt Phú	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
728	23021325	Võ Đỗ Khánh Phú	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
729	23021327	Trần Duy Phúc	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	28.632.000		28.632.000	
730	23021329	Hoàng Anh Quân	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
731	23021331	Công Nghĩa Nam Sơn	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
732	23021333	Đỗ Hồng Sơn	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
733	23021335	Nguyễn Tuấn Sơn	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
734	23021337	Ngô Đức Tài	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
735	23021339	Nguyễn Xuân Tân	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
736	23021353	Nguyễn Văn Thái	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	26.474.000		26.474.000	
737	23021355	Nguyễn Hải Thanh	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
738	23021357	Phạm Công Thành	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	25.395.000		25.395.000	
739	23021359	Nguyễn Văn Thắng	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
740	23021361	Trần Việt Anh Thư	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
741	23021363	Phạm Thanh Triều	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
742	23021365	Bùi Đức Trung	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
743	23021367	Nguyễn Đình Trung	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
744	23021369	Đỗ Anh Việt	ĐMKTKT	K68M-MT2	0	23.237.000		23.237.000	
745	23021371	Hoàng Minh Vũ	ĐMKTKT	K68M-MT2	-72.000	30.790.000		30.718.000	SV đóng kỳ trước
746	24020908	Đặng Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
747	24020909	Đỗ Quốc Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	23.237.000		23.237.000	
748	24020910	Đoàn Đức Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
749	24020911	Lê Đức Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
750	24020913	Lê Xuân Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
751	24020914	Ngô Đức Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	10.760.000	20.000.000		30.760.000	Nợ kỳ hè 24-25
752	24020915	Nguyễn Huy Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
753	24020916	Nguyễn Nhật Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
754	24020917	Nguyễn Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
755	24020918	Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
756	24020920	Trần Văn Anh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
757	24020921	Nguyễn Thị Ngọc ánh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
758	24020922	Nguyễn Thế Bách	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
759	24020923	Trương Thiên Bảo	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
760	24020924	Nguyễn Chí Bình	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
761	24020925	Nguyễn Phú Bình	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
762	24020926	Lê Quyết Chiến	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
763	24020927	Đinh Quốc Công	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
764	24020928	Lê Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
765	24020929	Nguyễn Quốc Cường	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
766	24020930	Nguyễn Tiến Cường	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
767	24020931	Trần Đức Đàm	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
768	24020932	Nguyễn Huy Hải Đăng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
769	24020933	Trần Văn Đạo	ĐMKTKT	K69C-CE	0	22.158.000		22.158.000	
770	24020934	Đào Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
771	24020935	Hồ Văn Đạt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
772	24020936	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	22.158.000		22.158.000	
773	24020937	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
774	24020938	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
775	24020939	Phạm Thế Đạt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
776	24020940	Vũ Tuấn Đạt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
777	24020942	Dương Doãn Đông	ĐMKTKT	K69C-CE	0	24.316.000		24.316.000	
778	24020943	Đặng Tiến Đức	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
779	24020944	Đoàn Minh Đức	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
780	24020945	Nguyễn Anh Đức	ĐMKTKT	K69C-CE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)
781	24020946	Nguyễn Bá Đức	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
782	24020947	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69C-CE	20.000	20.000.000		20.020.000	Nợ 1 phần K2/24-25
783	24020948	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
784	24020949	Vũ Đăng Dương	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
785	24020950	Nguyễn Hoàng Duy	ĐMKTKT	K69C-CE	-1.414.350	20.000.000		18.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
786	24020951	Nguyễn Văn Duy	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
787	24020952	Phạm Quang Duy	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
788	24020953	Nguyễn Như Xuân Giao	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
789	24020954	Nguyễn Phú Giáp	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
790	24020955	Nguyễn Hoàng Hà	ĐMKTKT	K69C-CE	-5.000	20.000.000		19.995.000	SV đóng kỳ trước

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
791	24020956	Đỗ Minh Hải	ĐMKTKT	K69C-CE	0	24.316.000		24.316.000	
792	24020957	Dương Ngọc Hải	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
793	24020958	Nguyễn Minh Hải	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
794	24020959	Nguyễn Thanh Hải	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
795	24020960	Đặng Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
796	24020961	Lê Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
797	24020962	Nguyễn Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
798	24020963	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
799	24020965	Nguyễn Trọng Hiếu	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
800	24020966	Phạm Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
801	24020968	Trịnh Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
802	24020969	Dương Quang Hòa	ĐMKTKT	K69C-CE	-1.414.350			-1.414.350	
803	24020970	Lê Nhật Hoàng	ĐMKTKT	K69C-CE	3.213.650	20.000.000		23.213.650	Nợ kỳ hè 24-25
804	24020972	Nguyễn Việt Hoàng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
805	24020973	Nguyễn Việt Hoàng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
806	24020974	Uông Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
807	24020975	Viên Đình Hoàng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
808	24020976	Đào Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
809	24020977	Lê Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
810	24020978	Trần Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
811	24020979	Đại Quang Hưng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
812	24020980	Trần Tấn Hưng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
813	24020982	Nguyễn Quốc Huy	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
814	24020983	Nguyễn Tuấn Huy	ĐMKTKT	K69C-CE	-1.414.350	20.000.000		18.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
815	24020984	Nguyễn Văn Huy	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
816	24020985	Nguyễn Hữu Khải	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
817	24020986	Trần Văn Khang	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
818	24020988	Nguyễn Long Khánh	ĐMKTKT	K69C-CE	-1.414.350	20.000.000		18.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
819	24020989	Phùng Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	22.158.000		22.158.000	
820	24020990	Vũ Nam Khánh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
821	24020991	Đàm Công Khiển	ĐMKTKT	K69C-CE	3.228.000	20.000.000		23.228.000	Nợ kỳ hè 24-25
822	24020992	Bùi Mạnh Kiên	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
823	24020993	Lê Trung Kiên	ĐMKTKT	K69C-CE	0	22.158.000		22.158.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
824	24020994	Nguyễn Hữu Kiên	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
825	24020995	Nguyễn Trọng Kiên	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
826	24020996	Nông Hoàng Kiên	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
827	24020998	Phan Trung Kiên	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
828	24020999	Nguyễn Hữu Giang Lâm	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
829	24021000	Nguyễn Văn Lâm	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
830	24021001	Nguyễn Thị Thùy Linh	ĐMKTKT	K69C-CE	20.000.000	20.000.000		40.000.000	Nợ K2/24-25
831	24021002	An Văn Long	ĐMKTKT	K69C-CE	0	23.237.000		23.237.000	
832	24021003	Nguyễn Duy Long	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
833	24021004	Nguyễn Thành Long	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
834	24021005	Nguyễn Thành Long	ĐMKTKT	K69C-CE	4.304.000	23.237.000		27.541.000	Nợ kỳ hè 24-25
835	24021006	Nguyễn Thành Long	ĐMKTKT	K69C-CE	3.228.000	23.237.000		26.465.000	Nợ kỳ hè 24-25
836	24021007	Nguyễn Sỹ Lực	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
837	24021009	Nguyễn Hữu Ngọc Minh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
838	24021010	Đinh Lê Giang Nam	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
839	24021011	Nguyễn Đức Nam	ĐMKTKT	K69C-CE	-14.350	20.000.000		19.985.650	SV đóng kỳ trước
840	24021012	Phạm Văn Nam	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
841	24021013	Đoàn Ngọc Nghĩa	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
842	24021015	Vy Công Ngọc	ĐMKTKT	K69C-CE	0	23.237.000		23.237.000	
843	24021016	Lâm Phong	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
844	24021017	Trần Văn Phong	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
845	24021018	Bùi Quang Phú	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
846	24021019	Vũ Đỗ Đức Phúc	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
847	24021021	Nguyễn Trường Phương	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
848	24021022	Nguyễn Văn Quân	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
849	24021023	Trần Anh Quân	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
850	24021024	Lại Đức Quang	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
851	24021025	Nguyễn Ngọc Quang	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
852	24021026	Vũ Duy Quang	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
853	24021027	Nguyễn Hồng Sơn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
854	24021028	Vũ Hoàng Sơn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
855	24021029	Nguyễn Văn Thái	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
856	24021030	Phạm Minh Thái	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
857	24021033	Đào Duy Thành	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
858	24021034	Nguyễn Anh Thảo	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
859	24021035	Vương Mạnh Tiến	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
860	24021036	Bùi Đức Toàn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
861	24021037	Bùi Khắc Toàn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
862	24021038	Lưu Bá Trình	ĐMKTKT	K69C-CE	0	24.316.000		24.316.000	
863	24021039	Lê Đức Trọng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
864	24021040	Nguyễn Văn Trung	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
865	24021041	Đỗ Ngọc Trường	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
866	24021042	Đỗ Trọng Tuấn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
867	24021044	Đặng Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
868	24021045	Lê Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69C-CE	4.304.000	20.000.000		24.304.000	Nợ kỳ hè 24-25
869	24021046	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69C-CE	85.650	20.000.000		20.085.650	Nợ 1 phần K2/24-25
870	24021047	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
871	24021048	Trần Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
872	24021049	Vũ Quốc Tuấn	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
873	24021050	Hoàng Việt Tùng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	22.158.000		22.158.000	
874	24021052	Phạm Ngọc Tùng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
875	24021053	Vũ Quang Tùng	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
876	24021054	Nguyễn Hữu Việt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
877	24021055	Vũ Hoàng Việt	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
878	24021056	Hà Đăng Vũ	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
879	24021057	Lê Hoàng Vương	ĐMKTKT	K69C-CE	0	20.000.000		20.000.000	
880	24022152	Vũ Lưu Gia Khánh	ĐMKTKT	K69C-CE	0	25.395.000		25.395.000	
881	24020371	Bùi Văn An	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
882	24020372	Chu Văn An	ĐMKTKT	K69E-CE	4.304.000	20.000.000		24.304.000	Nợ kỳ hè 24-25 QĐ bổ sung 2036
883	24020373	Lã Trường An	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
884	24020374	Lê Thành An	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
885	24020375	Phạm Hà Nguyên An	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
886	24020376	Bùi Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
887	24020377	Bùi Thế Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	24.316.000		24.316.000	
888	24020378	Đỗ Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
889	24020379	Hoàng Kim Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
890	24020380	Hoàng Quốc Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
891	24020381	Lê Ngọc Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
892	24020382	Nguyễn Bảo Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
893	24020383	Nguyễn Đỗ Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
894	24020384	Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
895	24020385	Nguyễn Duy Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
896	24020386	Nguyễn Duy Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
897	24020387	Nguyễn Huy Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
898	24020388	Nguyễn Ngọc Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
899	24020389	Nguyễn Sỹ Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
900	24020391	Phạm Hải Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
901	24020392	Phạm Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
902	24020393	Phùng Thế Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
903	24020394	Trần Duy Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
904	24020395	Trần Quang Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
905	24020396	Trần Việt Anh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
906	24020397	Nguyễn Xuân Bắc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
907	24020398	Đỗ Gia Bách	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
908	24020399	Nguyễn Viết Bách	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
909	24020400	Phạm Đăng Bách	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
910	24020401	Nguyễn Gia Bảo	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
911	24020402	Nguyễn Gia Bảo	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
912	24020403	Trần Ngọc Bảo	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
913	24020404	Nguyễn Đức Bình	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
914	24020405	Nguyễn Đức Thanh Bình	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
915	24020406	Nguyễn Nam Bình	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
916	24020407	Phạm Long Bình	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
917	24020408	Trần Thái Bình	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
918	24020409	Nguyễn Trọng Cao	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
919	24020410	Nguyễn Minh Cát	ĐMKTKT	K69E-CE	0	22.158.000		22.158.000	
920	24020411	Lê Tài Bảo Châu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
921	24020412	Phan Văn Châu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
922	24020413	Ngô Thị Cẩm Chi	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
923	24020414	Nguy Phan Chiến	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
924	24020415	Nguyễn Minh Chiến	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
925	24020416	Trần Văn Chiến	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
926	24020417	Lưu Hồng Chúc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
927	24020418	Ngô Thành Chung	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
928	24020419	Bùi Văn Công	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
929	24020420	Phạm Ngọc Công	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
930	24020421	Đàm Anh Cường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
931	24020422	Đinh Tiến Cường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
932	24020423	Lê Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
933	24020424	Lê Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
934	24020425	Nguyễn Đình Cường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
935	24020426	Nguyễn Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	24.316.000		24.316.000	
936	24020427	Nguyễn Quốc Cường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
937	24020428	Lê Văn Đàm	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
938	24020429	Bùi Đình Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
939	24020430	Lưu Ngọc Đăng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
940	24020431	Nguyễn Hữu Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
941	24020432	Nguyễn Sỹ Nam Đăng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
942	24020433	Tô Vũ Phúc Đăng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
943	24020434	Đỗ Duy Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	25.395.000		25.395.000	
944	24020435	Lê Đăng Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
945	24020436	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
946	24020437	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
947	24020438	Nguyễn Văn Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
948	24020439	Phạm Xuân Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
949	24020440	Vũ An Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
950	24020441	Vũ Đỗ Đình Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
951	24020442	Vũ Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
952	24020443	Hoàng Khánh Diệp	ĐMKTKT	K69E-CE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)
953	24020444	Hồ Minh Đức	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
954	24020445	Hoàng Trí Đức	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
955	24020446	Nguyễn Bùi Hoàng Đức	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
956	24020447	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
957	24020448	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
958	24020449	Nguyễn Ngọc Đức	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
959	24020450	Đặng Minh Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
960	24020451	Đặng Tuấn Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
961	24020452	Nguyễn Đức Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
962	24020453	Nguyễn Hoàng Trung Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
963	24020454	Nguyễn Hữu Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
964	24020455	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
965	24020456	Nguyễn Tuấn Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
966	24020457	Phạm Quang Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
967	24020458	Trần Anh Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
968	24020459	Vương Xuân Dũng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
969	24020460	Lê ánh Dương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
970	24020461	Nguyễn Đức Dương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
971	24020462	Nguyễn Đức Dương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
972	24020463	Nguyễn Quang Dương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
973	24020464	Nguyễn Thùy Dương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
974	24020465	Nguyễn Tùng Dương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
975	24020466	Vương Chí Dương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
976	24020467	Hoàng Văn Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
977	24020468	Lê Bá Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
978	24020469	Nguyễn Đức Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
979	24020470	Nguyễn Hà Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
980	24020471	Nguyễn Lê Khánh Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
981	24020474	Trần Anh Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
982	24020475	Trần Lê Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
983	24020476	Trần Nam Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
984	24020477	Trần Thành Duy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
985	24020478	Đoàn Trường Giang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
986	24020479	Nguyễn Hương Giang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	24.316.000		24.316.000	
987	24020480	Nguyễn Trường Giang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
988	24020481	Phạm Trường Giang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	22.158.000		22.158.000	
989	24020482	Giàng Hải Hà	ĐMKTKT	K69E-CE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
990	24020483	Nghiêm Nguyễn Việt Hà	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
991	24020484	Giàng A Hải	ĐMKTKT	K69E-CE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
992	24020485	Giang Văn Hải	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
993	24020486	Lương Minh Hải	ĐMKTKT	K69E-CE	-180.000	7.091.000		6.911.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
994	24020487	Mai Quang Hải	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
995	24020488	Trịnh Quang Hải	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
996	24020489	Đỗ Thành Hậu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
997	24020490	Đỗ Việt Hiền	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
998	24020491	Tổng Đức Hiền	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
999	24020492	Kim Đình Hiệp	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1000	24020493	Bùi Đình Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1001	24020494	Bùi Mạnh Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1002	24020495	Đỗ Hữu Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1003	24020496	Đỗ Lê Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1004	24020497	Dương Nguyễn Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1005	24020498	Giáp Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1006	24020499	Hoàng Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1007	24020500	Khuất Mạnh Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1008	24020501	Nguyễn An Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1009	24020502	Nguyễn Trọng Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1010	24020503	Nguyễn Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1011	24020504	Nguyễn Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1012	24020505	Nguyễn Văn Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1013	24020506	Trần Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1014	24020507	Bùi Văn Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1015	24020508	Cao Việt Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1016	24020509	Dương Việt Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1017	24020510	Nguyễn Lê Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1018	24020511	Nguyễn Tuấn Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1019	24020512	Trần Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1020	24020513	Trần Nhật Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1021	24020514	Vũ Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1022	24020515	Vũ Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1023	24020516	Đông Quang Hồng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1024	24020518	Đỗ Việt Hùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1025	24020519	Lê Hoàng Phi Hùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1026	24020520	Lê Trần Tuấn Hùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1027	24020521	Nguyễn Tuấn Hùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1028	24020522	Nguyễn Việt Hùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1029	24020523	Phan Bùi Tiến Hùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1030	24020524	Trịnh Việt Hùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1031	24020525	Lều Mạnh Hưng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1032	24020526	Nguyễn Khánh Hưng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1033	24020527	Trần Duy Hưng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1034	24020528	Đặng Gia Huy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1035	24020529	Đặng Quang Huy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1036	24020530	Hà Đức Huy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1037	24020531	Nguyễn Đăng Huy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1038	24020532	Phạm Quang Huy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1039	24020533	Trần Quang Huy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1040	24020534	Vũ Gia Huy	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1041	24020535	Trần Quang Huynh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1042	24020536	Cao Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1043	24020537	Đinh Hoàng Khánh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1044	24020538	Hoàng Lê Gia Khánh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1045	24020539	Nguyễn Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1046	24020540	Nông Việt Khánh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
1047	24020541	Nguyễn Sỹ Khởi	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1048	24020542	Phan Tuấn Khương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1049	24020543	Đỗ Trung Kiên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1050	24020544	Nguyễn Duy Kiên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	24.316.000		24.316.000	
1051	24020545	Vũ Văn Kiên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1052	24020546	Ngo Tuấn Kiệt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1053	24020547	Nguyễn Anh Kiệt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1054	24020548	Nguyễn Trần Thế Kiệt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1055	24020549	Trần Tuấn Kiệt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1056	24020550	Đoàn Hồng Kông	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1057	24020551	Nguyễn Xuân Lâm	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
1058	24020552	Trần Văn Lâm	ĐMKTKT	K69E-CE	20.000.000	20.000.000		40.000.000	Nợ K2/24-25
1059	24020553	Lê Bá Liêm	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1060	24020554	Kiều Nhật Linh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1061	24020555	Nguyễn Khánh Linh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1062	24020556	Cao Văn Lộc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1063	24020557	Nguyễn Duy Lợi	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1064	24020558	Đặng Thành Long	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1065	24020559	Hoàng Công Bảo Long	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1066	24020560	Nguyễn Thành Long	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1067	24020561	Nguyễn Tiến Long	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1068	24020562	Trần Đức Long	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1069	24020563	Bùi Minh Lương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1070	24020564	Lê Duy Mạnh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1071	24020565	Nguyễn Bá Mạnh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1072	24020566	Nguyễn Văn Mạnh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
1073	24020567	Phan Văn Mạnh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1074	24020568	Đặng Đình Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1075	24020569	Hà Công Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1076	24020570	Lê Gia Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1077	24020571	Lê Xuân Đức Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1078	24020572	Nguyễn Đức Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1079	24020574	Nguyễn Duy Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
1080	24020575	Nguyễn Quang Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1081	24020576	Nguyễn Văn Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1082	24020577	Phạm Bá Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1083	24020578	Phạm Công Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1084	24020579	Phạm Ngọc Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1085	24020580	Trần Ngọc Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1086	24020581	Vũ Bình Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1087	24020582	Vũ Ngọc Minh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1088	24020584	Lê Thành Nam	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1089	24020585	Nguyễn Hoàng Nam	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1090	24020586	Phạm Đức Nam	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1091	24020587	Phạm Hoài Nam	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1092	24020588	Vũ Thành Nam	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1093	24020589	Trần Quốc Đại Nghĩa	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1094	24020590	Trịnh Xuân Ngọc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1095	24020592	Lý Trần Minh Nguyên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1096	24020593	Nguyễn Vũ Khôi Nguyên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1097	24020594	Phan Trung Nguyên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1098	24020595	Trần Thảo Nguyên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1099	24020596	Nguyễn Trọng Nhân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1100	24020597	Nguyễn Phương Nhi	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1101	24020598	Nguyễn Tuấn Ninh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1102	24020600	Đỗ Đình Phong	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1103	24020601	Lê Văn Phong	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1104	24020602	Nguyễn Khắc Lâm Phong	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1105	24020603	Phan Văn Phong	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1106	24020604	Lê Trọng Phú	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1107	24020605	Nguyễn Tiến Phú	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1108	24020606	Cao Đăng Trường Phúc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
1109	24020607	Hoàng Tuấn Phúc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1110	24020608	Lại Hoàng Phúc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1111	24020609	Nguyễn Hồ Phúc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1112	24020610	Lê Anh Phương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1113	24020611	Nguyễn Minh Phương	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1114	24020612	Bùi Đức Quân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1115	24020613	Đặng Văn Quân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1116	24020614	Hà Anh Quân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1117	24020615	Hà Minh Quân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1118	24020616	Nguyễn Quốc Quân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1119	24020617	Trần Minh Quân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1120	24020618	Nguyễn Duy Quang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1121	24020619	Nguyễn Gia Quang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1122	24020620	Nguyễn Hữu Quang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1123	24020622	Nguyễn Văn Quang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1124	24020623	Nguyễn Việt Quang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1125	24020624	Phạm Gia Quang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1126	24020625	Phan Đăng Quốc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1127	24020626	Vương Anh Quốc	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1128	24020627	Trần Thị Quyên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1129	24020628	Nguyễn Thanh Sang	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1130	24020629	Nguyễn Kim Sơn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1131	24020631	Nguyễn Thái Sơn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1132	24020632	Nguyễn Trọng Vân Sơn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1133	24020633	Vũ Quang Sơn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1134	24020634	Đỗ Thế Tài	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1135	24020635	Hoàng Anh Tài	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1136	24020636	Phan Văn Anh Tài	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1137	24020637	Đoàn Minh Tâm	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1138	24020638	Nguyễn Hiếu Tâm	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1139	24020639	Nguyễn Minh Tâm	ĐMKTKT	K69E-CE	0	23.237.000		23.237.000	
1140	24020640	Đào Đình Tân	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1141	24020641	Phạm Trọng Tấn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1142	24020642	Nguyễn Ngọc Thạch	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1143	24020643	Đình Văn Thái	ĐMKTKT	K69E-CE	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
1144	24020644	Nguyễn Huy Thái	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1145	24020645	Đặng Đình Thắng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1146	24020646	Hoàng Văn Thắng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1147	24020647	Nguyễn Ngọc Thắng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1148	24020648	Vũ Văn Thắng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	24.316.000		24.316.000	
1149	24020649	Đoàn Duy Thanh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1150	24020650	Lưu Quang Thành	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1151	24020651	Ngô Xuân Thành	ĐMKTKT	K69E-CE	0	22.158.000		22.158.000	
1152	24020652	Phan Đắc Trung Thành	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1153	24020653	Vũ Minh Thành	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1154	24020654	Lê Trọng Thi	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1155	24020655	Hoàng Đình Thọ	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1156	24020656	Đoàn Minh Thu	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1157	24020657	Trần Huy Thuận	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1158	24020658	Đỗ Phúc Thuận	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1159	24020659	Hoàng Ngọc Thuận	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1160	24020660	Phan Văn Thuận	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1161	24020661	Vũ Nguyên Thức	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1162	24020662	Bùi Xuân Tiến	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1163	24020664	Đặng Minh Tiệp	ĐMKTKT	K69E-CE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)
1164	24020665	Phạm Khánh Toàn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1165	24020666	Trần Văn Toàn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1166	24020667	Nguyễn Duy Trà	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1167	24020668	Lê Đình Triều	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1168	24020669	Nguyễn Hoàng Trung	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1169	24020670	Đỗ Đăng Trường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1170	24020671	Vũ Văn Trường	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1171	24020672	Nguyễn Đình Tứ	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1172	24020673	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1173	24020674	Quản Văn Tuấn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1174	24020675	Tổng Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1175	24020676	Trần Quốc Tuấn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1176	24020677	Bùi Doãn Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1177	24020678	Bùi Minh Tùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1178	24020679	Lê Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1179	24020680	Nguyễn Quang Tùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1180	24020681	Nguyễn Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1181	24020682	Tô Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1182	24020683	Đàm Đức Tuyên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1183	24020684	Dương Văn Tuyên	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1184	24020685	Phan Mẫu Tuyền	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1185	24020686	Nguyễn Hoàng Văn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1186	24020687	Nguyễn Viết Hoàng Văn	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1187	24020688	Nguyễn Phục Ván	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1188	24020689	Bùi Hoàng Việt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1189	24020690	Bùi Hoàng Việt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)
1190	24020691	Đinh Hoàng Việt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1191	24020692	Phạm Quốc Việt	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1192	24020693	Lê Quang Vinh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1193	24020694	Nguyễn Quang Vinh	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1194	24020695	Nguyễn Anh Vũ	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1195	24020696	Nguyễn Anh Vũ	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1196	24020697	Nguyễn Nguyên Vũ	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1197	24020698	Nguyễn Thị Như ý	ĐMKTKT	K69E-CE	0	20.000.000		20.000.000	
1198	24021681	Đinh Quốc An	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1199	24021682	Nguyễn Khánh An	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1200	24021683	Phạm Xuân An	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1201	24021684	Đinh Ngọc Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1202	24021685	Đỗ Quốc Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1203	24021686	Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1204	24021687	Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1205	24021688	Nguyễn Duy Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1206	24021689	Nguyễn Ngọc Thạch Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1207	24021690	Nguyễn Thị Vân Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1208	24021691	Nguyễn Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1209	24021692	Nguyễn Văn Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1210	24021693	Nguyễn Văn Tú Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1211	24021694	Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1212	24021695	Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1213	24021696	Phan Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1214	24021697	Chu Ngọc ánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1215	24021698	Lại Văn Bách	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1216	24021699	Bùi Thế Bảo	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1217	24021700	Phùng Quốc Bảo	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1218	24021701	Nguyễn Bính	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1219	24021702	Vũ Minh Cảnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1220	24021703	Đặng Tiểu Chân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1221	24021704	Phạm Bá Minh Châu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1222	24021705	Phạm Đức Chính	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1223	24021706	Hoàng Tiến Công	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1224	24021707	Phạm Vũ Công	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1225	24021708	Nguyễn Nam Cường	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1226	24021709	Nguyễn Việt Cường	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1227	24021710	Phạm Kiên Cường	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1228	24021711	Phạm Tiến Cường	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1229	24021712	Lê Văn Đại	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1230	24021713	Chu Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1231	24021714	Nguyễn Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1232	24021715	Phạm Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1233	24021716	Phạm Văn Đăng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1234	24021717	Vũ Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1235	24021718	Vương Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1236	24021719	Bùi Hồng Danh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1237	24021720	Trần Hiền Danh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1238	24021721	Ngô Thành Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1239	24021722	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1240	24021723	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1241	24021724	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1242	24021725	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1243	24021726	Phạm Trí Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1244	24021727	Trần Công Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1245	24021728	Trương Đức Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1246	24021729	Vũ Tuấn Đạt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1247	24021730	Đào Đức Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1248	24021731	Hoàng Văn Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1249	24021732	Lê Anh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1250	24021733	Lê Minh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	22.158.000	22.158.000	0	
1251	24021734	Lê Trần Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1252	24021735	Ngô Anh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1253	24021736	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1254	24021737	Nguyễn Tài Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1255	24021738	Niêm Minh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1256	24021739	Phạm Anh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1257	24021740	Phạm Minh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1258	24021741	Phạm Trung Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1259	24021742	Trần Hà Anh Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1260	24021743	Trịnh Đình Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1261	24021744	Võ Lê Đức	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1262	24021745	Bùi Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1263	24021746	Đặng Tất Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1264	24021747	Đào Ngô Anh Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1265	24021748	Đỗ Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1266	24021749	Hoàng Anh Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	8.000.000			8.000.000	SV tạm nghỉ để chữa bệnh từ T4-T12/25-QĐ 616; QĐ 707 SV phải đóng 20tr; QĐ điều chỉnh số 1448 SV hủy 12tr=> SV còn thiếu 8tr=> P.CTSV báo SV sẽ phải đóng khi tiếp tục học
1267	24021750	Mâu Việt Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1268	24021751	Nguyễn Đức Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1269	24021752	Nguyễn Quang Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1270	24021753	Nguyễn Việt Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1271	24021754	Phạm Đức Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1272	24021755	Tạ Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1273	24021756	Vũ Mạnh Dũng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1274	24021757	Đỗ Đại Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1275	24021758	Mai Nguyễn Nhật Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1276	24021759	Nguyễn Đăng Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1277	24021760	Nguyễn Hữu Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1278	24021761	Nguyễn Quý Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1279	24021762	Phan Ngọc Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1280	24021763	Phan Thái Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1281	24021764	Trần Nam Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1282	24021765	Trần Xuân Tùng Dương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1283	24021766	Đặng Tiến Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1284	24021767	Hoàng Đăng Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1285	24021768	Lã Văn Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1286	24021769	Nguyễn Đức Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1287	24021770	Ninh Đức Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1288	24021771	Trần Khương Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1289	24021772	Trương Tiến Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1290	24021773	Vũ Khánh Duy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1291	24021774	Nguyễn Hương Giang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1292	24021775	Nguyễn Trường Giang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1293	24021776	Bùi Ngọc Hà	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1294	24021777	Bùi Hoàng Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1295	24021778	Hoàng Văn Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1296	24021779	Kim Đình Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1297	24021780	Lê Minh Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1298	24021781	Nguyễn Công Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1299	24021782	Nguyễn Đình Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1300	24021783	Nguyễn Đức Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1301	24021784	Tạ Quang Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1302	24021785	Trần Thanh Hải	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1303	24021786	Lê Trung Hậu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1304	24021787	Đỗ Thuý Hiền	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1305	24021788	Nguyễn Tuấn Hiệp	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1306	24021789	Dương Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1307	24021790	Hồ Sĩ Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1308	24021791	Lê Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1309	24021792	Nguyễn Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1310	24021793	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1311	24021794	Thân Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	22.158.000		22.158.000	
1312	24021795	Vũ Bùi Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1313	24021796	Vũ Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1314	24021797	Vũ Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1315	24021798	Vũ Xuân Hiếu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1316	24021799	Doãn Việt Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1317	24021800	Nguyễn Công Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1318	24021801	Nguyễn Đức Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1319	24021802	Nguyễn Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1320	24021803	Nguyễn Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1321	24021804	Nguyễn Ngô Duy Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1322	24021805	Nguyễn Sỹ Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1323	24021806	Nguyễn Thế Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1324	24021807	Trần Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1325	24021808	Phạm Văn Hợp	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1326	24021809	Nguyễn Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1327	24021810	Nguyễn Xuân Hùng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1328	24021811	Phùng Duy Hùng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1329	24021812	Bùi Tuấn Hưng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1330	24021813	Đinh Gia Hưng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1331	24021814	Lê Phúc Hưng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1332	24021815	Nguyễn Xuân Tuấn Hưng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1333	24021816	Nguyễn Đình Hữu	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1334	24021817	Hồ Quang Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1335	24021818	Lê Doãn Đoàn Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1336	24021819	Lê Duy Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1337	24021820	Lê Quang Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1338	24021821	Lê Viết Đức Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1339	24021822	Nguyễn Gia Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1340	24021823	Nguyễn Gia Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1341	24021824	Nguyễn Hoàng Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1342	24021825	Nguyễn Phạm Nhật Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1343	24021826	Nguyễn Quốc Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1344	24021827	Nguyễn Trung Lâm Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1345	24021828	Nguyễn Xuân Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1346	24021829	Phạm Gia Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1347	24021830	Trần Thái Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1348	24021831	Trịnh Đức Huy	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1349	24021832	Triệu Thị Thanh Huyền	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1350	24021833	Hoàng Ngọc Khá	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1351	24021834	Lê Nam Khánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1352	24021835	Lê Văn Khánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1353	24021836	Nghiêm Duy Khánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1354	24021837	Nguyễn Nam Khánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1355	24021838	Phùng Nam Khánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1356	24021839	Trần Nam Khánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1357	24021840	Võ Nguyên Khánh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1358	24021841	Nguyễn Văn Khiêm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1359	24021842	Phạm Duy Tùng Khiêm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1360	24021843	Đỗ Đăng Khoa	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1361	24021844	Nguyễn Minh Khôi	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1362	24021845	Phan Trọng Khôi	ĐMKTKT	K69E-EC	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)
1363	24021846	Hoàng Duy Khương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1364	24021847	Cao Xuân Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1365	24021848	Hồ Xuân Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1366	24021849	Lê Chí Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
1367	24021850	Nguyễn Duy Trung Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1368	24021851	Nguyễn Trung Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1369	24021852	Nguyễn Văn Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1370	24021853	Phạm Trung Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1371	24021854	Vũ Trung Kiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1372	24021855	Bùi Anh Kiệt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1373	24021856	Đặng Bảo Lâm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1374	24021857	Đỗ Hoàng Thanh Lâm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1375	24021858	Đoàn Thanh Lâm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1376	24021859	Hoàng Khánh Lâm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1377	24021860	Thân Ngọc Hải Lâm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1378	24021861	Dương Quang Lịch	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1379	24021863	Mai Trần Phương Linh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1380	24021864	Mâu Văn Linh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1381	24021865	Nguyễn Hữu Hoàng Linh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1382	24021866	Nguyễn Nhật Linh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1383	24021867	Nguyễn Thị Ngọc Linh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1384	24021868	Nguyễn Văn Linh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1385	24021869	Nguyễn Văn Linh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1386	24021870	Vũ Đức Lộc	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1387	24021871	Ngô Gia Long	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1388	24021872	Nguyễn Hải Long	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1389	24021873	Nguyễn Trọng Long	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1390	24021874	Phạm Vũ Hoàng Long	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1391	24021875	Nguyễn Đức Lương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1392	24021876	Trần Cẩm Ly	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1393	24021877	Lê Tiến Mạnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1394	24021878	Nguyễn Đắc Mạnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1395	24021879	Nguyễn Phạm Tiến Mạnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1396	24021880	Phạm Đức Mạnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1397	24021881	Trương Văn Mạnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1398	24021882	Đặng Quang Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1399	24021883	Đinh Trần Nhật Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1400	24021884	Đỗ Quang Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1401	24021885	Mai Đức Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1402	24021886	Mai Quang Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1403	24021887	Nguyễn Bá Duy Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1404	24021888	Nguyễn Gia Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1405	24021889	Nguyễn Quang Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1406	24021890	Nguyễn Quang Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
1407	24021891	Phạm Cao Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1408	24021892	Phạm Tuấn Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1409	24021893	Phạm Xuân Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1410	24021894	Trần Quang Minh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1411	24021895	Phạm Thị Trà My	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1412	24021896	Bùi Gia Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1413	24021897	Cao Văn Thành Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1414	24021898	Dương Hồ Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1415	24021899	Lê Đặng Phương Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1416	24021900	Nguyễn Đình Hải Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1417	24021901	Nguyễn Quảng Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1418	24021902	Nguyễn Trung Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1419	24021903	Nguyễn Văn Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1420	24021904	Nguyễn Văn Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1421	24021905	Phạm Đình Phương Nam	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1422	24021907	Chu Văn Nghĩa	ĐMKTKT	K69E-EC	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)
1423	24021908	Trần Đại Nghĩa	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1424	24021909	Đỗ Đặng Nguyên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1425	24021910	Đỗ Quốc Chính Nguyên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1426	24021911	Vũ Bình Nguyên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1427	24021912	Bùi Trí Nguyễn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1428	24021913	Trần Thị Thanh Nhân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1429	24021914	Nguyễn Thiện Nhân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1430	24021915	Nguyễn Minh Nhật	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1431	24021916	Trần Hải Ninh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1432	24021917	Nguyễn Thị Kim Oanh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1433	24021918	Hoàng Mạnh Phát	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1434	24021919	Đỗ Thời Phong	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1435	24021920	Lê Khả Đan Phong	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1436	24021921	Man Văn Phong	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1437	24021922	Phạm Xuân Phong	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1438	24021923	Trần Tiến Phong	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1439	24021924	Trần Văn Phong	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1440	24021925	Vì Dương Phong	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1441	24021926	Hoàng Nguyên Phúc	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1442	24021927	Lương Trọng Phúc	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1443	24021928	Nguyễn Huy Phúc	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1444	24021929	Phạm Quang Phúc	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1445	24021930	Lê Minh Phương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1446	24021931	Nguyễn Thị Mai Phương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1447	24021932	Bùi Mạnh Quân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1448	24021933	Cảnh Nam Quân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1449	24021934	Nguyễn Anh Quân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	27.553.000		27.553.000	
1450	24021935	Nguyễn Phạm Minh Quân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1451	24021936	Phạm Minh Quân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1452	24021937	Trần Tiến Quân	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1453	24021938	Hoàng Nghĩa Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1454	24021939	Lê Anh Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1455	24021940	Nguyễn Đăng Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1456	24021941	Nguyễn Minh Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1457	24021942	Nguyễn Tiến Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	26.474.000		26.474.000	
1458	24021943	Nguyễn Văn Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1459	24021944	Phạm Đức Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1460	24021945	Phạm Ngọc Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1461	24021946	Vũ Duy Quang	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1462	24021947	Phạm Văn Quyến	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1463	24021948	Hà Mạnh Quyền	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1464	24021949	Đặng Trần Quyết	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1465	24021950	Tạ Thị Như Quỳnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1466	24021951	Lê Minh Sáng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1467	24021952	Hà Thiên Sơn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1468	24021953	Lê Minh Sơn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1469	24021954	Nguyễn Công Sơn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1470	24021955	Nguyễn Thái Sơn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1471	24021956	Nguyễn Trọng Sơn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1472	24021957	Phạm Hồng Sơn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1473	24021958	Phạm Văn Sơn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
1474	24021959	Trần Văn Tâm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1475	24021960	Bùi Công Thái	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1476	24021961	Tạ Minh Thái	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1477	24021962	Trần Quang Thái	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1478	24021963	Lưu Quốc Thắng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1479	24021964	Ngô Quang Thắng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1480	24021965	Nguyễn Ngọc Thắng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1481	24021966	Nguyễn Văn Thắng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1482	24021967	Tổng Văn Thắng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	24.316.000		24.316.000	
1483	24021968	Võ Thế Thắng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1484	24021969	Vũ Ngọc Thắng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1485	24021970	Nguyễn Tuấn Thanh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1486	24021971	Nguyễn Tuấn Thành	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1487	24021972	Phạm Hữu Nhật Thành	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1488	24021973	Trần Tuấn Thành	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1489	24021974	Đài Thu Thảo	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1490	24021975	Trần Văn Thế	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1491	24021976	Nguyễn Đức Thịnh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1492	24021977	Vương Thị Anh Thơ	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1493	24021978	Hứa Duy Thư	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1494	24021979	Phạm Công Thứ	ĐMKTKT	K69E-EC	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1495	24021980	Lê Đức Thuận	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1496	24021981	Phan Văn Thường	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1497	24021982	Trịnh Hoàng Tiến	ĐMKTKT	K69E-EC	0	23.237.000		23.237.000	
1498	24021983	Trương Minh Tiến	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1499	24021984	Vũ Văn Tiến	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1500	24021985	Phạm Như Tiên	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1501	24021986	Lê Văn Tới	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1502	24021987	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1503	24021988	Bùi Văn Trọng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1504	24021989	Lê Phú Trọng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1505	24021990	Hoàng Đức Trung	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1506	24021991	Nguyễn Đức Trung	ĐMKTKT	K69E-EC	0	22.158.000		22.158.000	
1507	24021992	Nguyễn Thành Trung	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1508	24021993	Phạm Thành Trung	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1509	24021994	Trần Khánh Trung	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1510	24021995	Nguyễn Anh Tú	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1511	24021996	Hoàng Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1512	24021997	Hoàng Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1513	24021998	Phạm Minh Tuấn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1514	24021999	Nguyễn Đoàn Tùng	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1515	24022000	Ngô Đức Văn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1516	24022001	Trần Anh Văn	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1517	24022003	Nguyễn Đức Minh Việt	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1518	24022004	Ngô Quang Vinh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1519	24022005	Trương Đức Vinh	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1520	24022007	Nguyễn Hoàng Minh Vũ	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1521	24022008	Nguyễn Trường Vũ	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1522	24022009	Trần Quang Anh Vũ	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1523	24022010	Lê Quốc Vương	ĐMKTKT	K69E-EC	0	20.000.000		20.000.000	
1524	24022847	Vũ Lê Bình An	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1525	24022848	Hoàng Văn Anh	ĐMKTKT	K69E-RE	-463.390	24.316.000		23.852.610	SV đóng kỳ trước
1526	24022849	Trần Quốc Bảo	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1527	24022850	Dương Đức Chí	ĐMKTKT	K69E-RE	0	24.316.000		24.316.000	
1528	24022851	Trần Quốc Đại	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1529	24022852	Hoàng Hải Đăng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1530	24022853	Hoàng Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1531	24022854	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1532	24022855	Phạm Thành Đạt	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1533	24022856	Vũ Tuấn Đạt	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1534	24022857	Lê Trung Đức	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1535	24022858	Trần Văn Đức	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1536	24022860	Nguyễn Lương Dũng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1537	24022861	Trần Việt Dũng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1538	24022862	Vũ Thanh Dương	ĐMKTKT	K69E-RE	20.000.000	20.000.000		40.000.000	Nợ K2/24-25
1539	24022863	Nguyễn Đình Khánh Duy	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1540	24022865	Đặng Thanh Hải	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1541	24022866	Phùng Trọng Hảo	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1542	24022868	Đoàn Đức Hiệp	ĐMKTKT	K69E-RE	0	24.316.000		24.316.000	
1543	24022869	Đỗ Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1544	24022871	Tào Hiếu	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1545	24022872	Vũ Xuân Hoàn	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1546	24022873	Hoàng Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1547	24022874	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1548	24022875	Trần Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1549	24022876	Nguyễn Tuấn Hùng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1550	24022877	Phạm Quốc Hưng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1551	24022878	Lê Quang Khải	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1552	24022879	Phạm Duy Khánh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1553	24022880	Hà Đức Khôi	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1554	24022881	Lưu Đình Khôi	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1555	24022882	Trần Thanh Lâm	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1556	24022883	Trần Đình Lộc	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1557	24022884	Lại Văn Lợi	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1558	24022885	Nguyễn Thành Long	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1559	24022886	Bùi Sỹ Lực	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1560	24022887	Dương Bảo Lưu	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1561	24022888	Bùi Duy Mạnh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1562	24022889	Đỗ Minh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1563	24022891	Trần Anh Minh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1564	24022892	Nguyễn Duy Nam	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1565	24022894	Nguyễn Văn Nam	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1566	24022895	Phạm Phương Nam	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1567	24022896	Lưu Trọng Nghĩa	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1568	24022897	Phạm Minh Nghĩa	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1569	24022898	Trần Hồng Như	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1570	24022899	Trịnh Thị Kim Oanh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1571	24022900	Hoàng Đình Anh Phi	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1572	24022901	Nguyễn Văn Phúc	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1573	24022902	Đỗ Tuấn Phương	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1574	24022903	Lạng Văn Quân	ĐMKTKT	K69E-RE	0	6.474.000		6.474.000	Miễn HP (ĐMKTKT)
1575	24022904	Ngô Minh Quân	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1576	24022905	Nguyễn Bá Quân	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1577	24022906	Trịnh Anh Quân	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1578	24022908	Nguyễn Xuân Sỹ	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1579	24022909	Nguyễn Văn Thắng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1580	24022910	Lê Xuân Thành	ĐMKTKT	K69E-RE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1581	24022911	Nguyễn Thanh Thế	ĐMKTKT	K69E-RE	0	24.316.000		24.316.000	
1582	24022912	Hoàng Hữu Thiên	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1583	24022913	Trần Danh Thiện	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1584	24022914	Bùi Đình Thọ	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1585	24022915	Bùi Hà Thu	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1586	24022916	Đặng Minh Tiệp	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1587	24022917	Nguyễn Thùy Trang	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1588	24022918	Phùng Huyền Trang	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1589	24022919	Phạm Thành Trung	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1590	24022920	Trần Văn Trung	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1591	24022921	Tường Thanh Tú	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1592	24022922	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1593	24022923	Nguyễn Hoàng Tuấn	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1594	24022924	Nguyễn Tiến Tuấn	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1595	24022925	Nguyễn Trung Minh Tuấn	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1596	24022926	Nguyễn Hữu Tùng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1597	24022927	Trần Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1598	24022928	Nguyễn Hữu Văn	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1599	24022929	Đào Hải Vinh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1600	24022930	Nguyễn Đức Quang Vinh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1601	24022931	Nguyễn Tiến Vinh	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1602	24022932	Nguyễn Văn Xuân	ĐMKTKT	K69E-RE	0	20.000.000		20.000.000	
1603	24022761	Nguyễn Thái An	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1604	24022762	Dương Hoàng Anh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1605	24022763	Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1606	24022764	Nguyễn Hoàng Anh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1607	24022765	Nguyễn Vũ Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1608	24022766	Vũ Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1609	24022767	Hoàng Gia Bảo	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1610	24022768	Nguyễn Ngọc Bảo	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1611	24022769	Phạm Gia Bảo	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1612	24022770	Nguyễn Hữu Hải Đăng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1613	24022771	Phạm Ngọc Hải Đăng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1614	24022772	Đặng Thế Đạt	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1615	24022773	Hoàng Tuấn Đạt	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1616	24022774	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1617	24022775	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1618	24022776	Trần Huy Doanh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1619	24022777	Hoàng Thái Đôn	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1620	24022778	Lê Thành Đức	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1621	24022779	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1622	24022780	Hòa Tùng Dương	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1623	24022781	Võ Hồng Duy	ĐMKTKT	K69I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
1624	24022782	Ngô Minh Giang	ĐMKTKT	K69I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
1625	24022784	Phạm Nguyễn Thu Giang	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1626	24022785	Đặng Văn Giáp	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1627	24022786	Lê Việt Hà	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1628	24022787	Nguyễn Hoàng Hải	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1629	24022788	Phạm Minh Hải	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1630	24022789	Hoàng Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1631	24022790	Phạm Đức Hiệu	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1632	24022791	Bùi Minh Hòa	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1633	24022792	Đỗ Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1634	24022793	Phạm Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
1635	24022794	Nguyễn Minh Hùng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1636	24022795	Phạm Thế Hùng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1637	24022796	Vũ Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1638	24022797	Phạm Gia Hưng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1639	24022798	Phan Văn Thái Hưng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1640	24022799	Dương Nguyễn Đức Huy	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1641	24022801	Ngô Gia Huy	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1642	24022802	Nguyễn Khắc Huy	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1643	24022803	Nguyễn Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1644	24022804	Vũ Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1645	24022805	Đỗ Anh Khoa	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1646	24022806	Trần Anh Khoa	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1647	24022807	Nguyễn Hữu Kiên	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1648	24022808	Cao Nguyễn Lâm	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1649	24022809	Bùi Ngọc Phương Linh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1650	24022810	Lương Hiền Long	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1651	24022811	Nguyễn Hoàng Long	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1652	24022812	Phạm Hoàng Long	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1653	24022813	Trần Hoàng Long	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1654	24022814	Phạm Sao Mai	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1655	24022815	Nguyễn Đăng Mạnh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1656	24022816	Nguyễn Công Minh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1657	24022817	Nguyễn Lê Nhật Minh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1658	24022818	Nguyễn Nhật Minh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1659	24022819	Nguyễn Tiến Nam	ĐMKTKT	K69I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
1660	24022820	Đỗ Khôi Nguyên	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1661	24022821	Nguyễn Thủy Nguyên	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1662	24022822	Nguyễn Minh Nhất	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1663	24022823	Nguyễn Tiên Phong	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1664	24022824	Hoàng Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1665	24022825	Nguyễn Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1666	24022826	Bùi Thanh Quang	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1667	24022827	Phan Huy Quang	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1668	24022828	Bùi Thanh Sơn	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1669	24022829	Trịnh Văn Sơn	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1670	24022830	Nguyễn Đình Tú Tài	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1671	24022832	Hoàng Công Thắng	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1672	24022833	Nguyễn Đức Thành	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1673	24022834	Phạm Đức Thịnh	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1674	24022835	Lê Minh Thông	ĐMKTKT	K69I-CN	0	23.237.000		23.237.000	
1675	24022836	Trịnh Tài Thu	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1676	24022837	Bùi Chí Tiến	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1677	24022838	Đỗ Hoàng Trung	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1678	24022839	Bùi Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CN	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
1679	24022840	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1680	24022841	Đào Tiến Tường	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1681	24022842	Trịnh Thị Vân	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1682	24022843	Nguyễn Hoàng Việt	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1683	24022844	Dương Minh Vũ	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1684	24022845	Hà Minh Vũ	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1685	24022846	Hoàng Nguyên Vũ	ĐMKTKT	K69I-CN	0	20.000.000		20.000.000	
1686	24021349	Đỗ Trần Thái An	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1687	24021350	Lã Thái An	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1688	24021351	Lê Quốc An	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1689	24021352	Nguyễn Hải An	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1690	24021353	Phạm Quốc An	ĐMKTKT	K69I-CS	0	23.237.000		23.237.000	
1691	24021354	Tạ Hoàng Ân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	23.237.000		23.237.000	
1692	24021355	Bùi Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1693	24021357	Đặng Công Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1694	24021358	Đặng Duy Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1695	24021359	Đặng Phương Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1696	24021360	Đinh Thị Tuyết Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1697	24021362	Đỗ Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1698	24021363	Đoàn Ngọc Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1699	24021364	Dương Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1700	24021365	Lê Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1701	24021366	Lê Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	22.158.000		22.158.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1702	24021368	Ngô Bùi Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1703	24021369	Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1704	24021370	Nguyễn Minh Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1705	24021372	Nguyễn Văn Hoàng Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1706	24021373	Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	22.158.000		22.158.000	
1707	24021374	Phạm Quốc Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	22.158.000		22.158.000	
1708	24021375	Tô Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1709	24021376	Trần Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1710	24021377	Trần Nguyễn Bảo Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1711	24021378	Trần Quốc Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1712	24021379	Trương Việt Anh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1713	24021380	Nguyễn Minh ánh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1714	24021381	Nguyễn Thiện Ba	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1715	24021382	Phạm Gia Bách	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1716	24021383	Đỗ Xuân Bằng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1717	24021384	Phan Doãn Thanh Bằng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1718	24021385	Nguyễn Hoàng Bảo	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1719	24021386	Nguyễn Văn Bảo	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1720	24021387	Trần Quốc Bảo	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1721	24021388	Khoa Đào Ngọc Bích	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1722	24021389	Đào Đình Bình	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1723	24021390	Lê Ngọc Hoàng Bình	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1724	24021391	Nguyễn Thanh Bình	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1725	24021392	Bùi Đình Cảnh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1726	24021393	Hà Hoàng Kim Chi	ĐMKTKT	K69I-CS	0	23.237.000		23.237.000	
1727	24021394	Nguyễn Văn Chiến	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1728	24021395	Trần Mạnh Chiến	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1729	24021396	Đặng Danh Công	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1730	24021397	Lê Hải Cường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1731	24021398	Nguyễn Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1732	24021399	Trần Tuấn Cường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1733	24021400	Nguyễn Trọng Đại	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1734	24021401	Bùi Hải Đăng	ĐMKTKT	K69I-CS	13.988.000	20.000.000		33.988.000	Nợ kỳ hè 24-25
1735	24021402	Nguyễn Công Danh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1736	24021403	Đỗ Đức Đạt	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1737	24021404	Nguyễn Khả Đạt	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1738	24021405	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1739	24021406	Trần Quý Đạt	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1740	24021407	Trần Đức Diên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1741	24021408	Lục Thị Diệp	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1742	24021409	Đào Văn Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1743	24021410	Đỗ Văn Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1744	24021411	Hoàng Minh Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1745	24021412	Hoàng Minh Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1746	24021413	Hứa Việt Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1747	24021414	Lại Tuấn Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1748	24021415	Nguyễn Mạnh Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1749	24021416	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1750	24021417	Nguyễn Tài Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1751	24021418	Phạm Minh Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1752	24021419	Trương Đình Đức	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1753	24021420	Bạch Công Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1754	24021421	Bùi Anh Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1755	24021422	Bùi Mạnh Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1756	24021423	Bùi Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
1757	24021424	Cù Mạnh Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1758	24021425	Đặng Quang Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1759	24021426	Đặng Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1760	24021427	Đỗ Trung Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1761	24021428	Lê Đình Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1762	24021429	Lê Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1763	24021430	Lưu Việt Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1764	24021432	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1765	24021433	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1766	24021434	Nguyễn Trung Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1767	24021435	Trần Anh Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1768	24021436	Triệu Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1769	24021437	Hoàng Văn Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1770	24021438	Lê Tùng Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1771	24021439	Lương Minh Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1772	24021440	Nguyễn Hoàng Thái Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1773	24021441	Nguyễn Thành Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1774	24021442	Nguyễn Tiến Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1775	24021443	Nguyễn Tùng Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1776	24021444	Quách Đại Dương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1777	24021445	Đỗ Lê Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1778	24021446	Hà Phú Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1779	24021447	Nguyễn Đức Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1780	24021448	Nguyễn Quang Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1781	24021449	Nguyễn Thanh Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1782	24021450	Nguyễn Tường Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1783	24021451	Nguyễn Xuân Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1784	24021452	Phạm Khánh Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1785	24021453	Phạm Văn Duy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1786	24021454	Doãn Minh Hải	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1787	24021455	Lại Quang Hải	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1788	24021457	Nguyễn Lý Việt Hải	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1789	24021458	Nguyễn Phạm Sơn Hải	ĐMKTKT	K69I-CS	0	23.237.000		23.237.000	
1790	24021459	Nguyễn Xuân Hải	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1791	24021460	Vũ Nam Hải	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1792	24021461	Tường Gia Hân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1793	24021462	Đinh Thị Hậu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1794	24021463	Ngô Xuân Hậu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1795	24021464	Lê Minh Hiền	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1796	24021465	Phạm Gia Hiền	ĐMKTKT	K69I-CS	-6.414.350	20.000.000		13.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
1797	24021466	Phạm Gia Hiền	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1798	24021467	Bành Văn Hiệp	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1799	24021468	Nguyễn Tiến Hiệp	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1800	24021469	Đặng Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1801	24021470	Đỗ Huy Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1802	24021471	Đỗ Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1803	24021472	Đỗ Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1804	24021473	Lê Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1805	24021474	Lê Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1806	24021475	Lê Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1807	24021476	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1808	24021477	Nguyễn Trần Hoàng Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1809	24021478	Nguyễn Văn Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1810	24021479	Phạm Xuân Hiếu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1811	24021481	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	ĐMKTKT	K69I-CS	0	23.237.000		23.237.000	
1812	24021482	Nguyễn Duy Hòa	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1813	24021483	Đỗ Việt Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1814	24021484	Hà Hải Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1815	24021485	Lã Việt Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
1816	24021486	Nguyễn Công Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1817	24021487	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1818	24021488	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1819	24021489	Nguyễn Mạnh Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1820	24021490	Trần Nguyễn Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1821	24021491	Trương Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1822	24021492	Vàng Đức Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	8.000.000	8.000.000	0	Xin thôi học, chờ QĐ
1823	24021493	Võ Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1824	24021494	Vũ Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1825	24021495	Nguyễn Quang Hồng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1826	24021496	Nguyễn Minh Hùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
1827	24021498	Nguyễn Văn Hùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1828	24021499	Phạm Đức Hùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	22.158.000		22.158.000	
1829	24021500	Đinh Phúc Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1830	24021501	Lê Khánh Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1831	24021502	Nguyễn Phan Việt Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	23.237.000		23.237.000	
1832	24021503	Nguyễn Quang Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1833	24021504	Ninh Ngọc Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1834	24021505	Tăng Khánh Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1835	24021506	Trần Duy Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	-50.000	20.000.000		19.950.000	SV đóng kỳ trước
1836	24021507	Trần Nhật Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1837	24021508	Vũ Gia Hưng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1838	24021509	Hoàng Thị Linh Hương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1839	24021510	Phạm Văn Hường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1840	24021511	Nguyễn Ngọc Hường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1841	24021512	Bùi Công Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1842	24021513	Bùi Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1843	24021514	Đào Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1844	24021515	Dương Quốc Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1845	24021516	Lê Nam Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1846	24021517	Mạc Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1847	24021518	Nguyễn Quang Nhật Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1848	24021519	Nguyễn Quốc Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1849	24021520	Phùng Nhật Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1850	24021521	Trương Đan Huy	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1851	24021522	Lê Thu Huyền	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1852	24021523	Nguyễn Thị Thu Huyền	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1853	24021524	Nguyễn Mạnh Kha	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1854	24021525	Nguyễn Quang Khải	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1855	24021526	Nguyễn Trường Khang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1856	24021527	Đỗ Nam Khánh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1857	24021529	Nguyễn Hồng Khánh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1858	24021530	Nguyễn Lê Nam Khánh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1859	24021531	Nguyễn Nam Khánh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1860	24021532	Nguyễn Đức Khiêm	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1861	24021533	Nguyễn Đức Khiêm	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1862	24021534	Nguyễn Minh Khiêm	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1863	24021535	Đỗ Hoàng Khoa	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1864	24021536	Nguyễn Minh Khuê	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1865	24021537	Trần Minh Khuê	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1866	24021538	Đinh Trung Kiên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1867	24021540	Ma Đình Kiên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1868	24021541	Nguyễn Mạnh Kiên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1869	24021543	Nguyễn Trung Kiên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1870	24021544	Lại Tùng Lâm	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1871	24021545	Lưu Tùng Lâm	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1872	24021546	Hoàng Trọng Nhật Linh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1873	24021547	Vũ Hải Linh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1874	24021548	Vũ Thuỳ Linh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1875	24021549	Doãn Duy Lợi	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1876	24021550	Đỗ Đức Long	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1877	24021551	Hứa Thành Long	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1878	24021552	Lê Thành Long	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1879	24021553	Lộc Trần Gia Long	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1880	24021554	Nghiêm Thành Long	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1881	24021555	Nguyễn Đức Long	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1882	24021557	Lê Đức Lưu	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1883	24021558	Ngô Thị Cẩm Ly	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1884	24021559	Cao Thế Mạnh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1885	24021560	Nguyễn Đức Mạnh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	22.158.000		22.158.000	
1886	24021561	Trần Đức Mạnh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1887	24021562	Bùi Quang Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1888	24021563	Cao Anh Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1889	24021564	Đinh Quang Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1890	24021565	Đoàn Anh Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1891	24021566	Ngô Nguyễn Nhật Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1892	24021567	Ngô Quang Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1893	24021568	Nguyễn Bá Hoàng Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1894	24021569	Nguyễn Bảo Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1895	24021570	Nguyễn Dương Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1896	24021571	Nguyễn Duy Đức Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1897	24021572	Nguyễn Huy Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1898	24021573	Nguyễn Nhật Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1899	24021574	Vũ Tuấn Minh	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1900	24021575	Nguyễn Thị Lê Na	ĐMKT KT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1901	24021576	Bùi Hùng Nam	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1902	24021577	Phạm Hải Nam	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1903	24021578	Phạm Hoài Nam	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1904	24021579	Phạm Hồng Nam	ĐMKT KT	K69I-CS	0	22.158.000		22.158.000	
1905	24021580	Quách Nhật Nam	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1906	24021581	Trần Hoài Nam	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1907	24021582	Vương Thành Nam	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1908	24021583	Đoàn Trọng Nghĩa	ĐMKT KT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1909	24021584	Phạm Minh Nghĩa	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1910	24021585	Bùi Đình Nguyên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1911	24021586	Nguyễn Hồng Thảo Nguyên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1912	24021587	Tạ Đình Nguyên	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1913	24021588	Ngô Hoàng Nhật	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1914	24021589	Trần Thị Hạnh Nhi	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1915	24021590	Hoàng Đức Nhuận	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1916	24021591	Nguyễn Việt Nhung	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1917	24021592	Hồ Sỹ Phát	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1918	24021593	Lê Ngọc Phong	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1919	24021594	Nguyễn Khánh Phong	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1920	24021595	Nguyễn Quốc Phong	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1921	24021596	Phạm Tuấn Phong	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1922	24021597	Lâm Việt Phúc	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1923	24021598	Nguyễn Công Phúc	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1924	24021599	Bạch Mai Phương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1925	24021600	Nguyễn Việt Phương	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1926	24021601	Bùi Thị Bích Phượng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1927	24021602	Đỗ Hồng Quân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1928	24021604	Lê Hồng Quân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1929	24021605	Nguyễn Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1930	24021606	Đặng Nhật Quang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1931	24021607	Nguyễn Đức Quang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1932	24021608	Nguyễn Tiến Quang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	28.632.000		28.632.000	
1933	24021609	Trần Đại Quang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1934	24021610	Trần Đức Quang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1935	24021611	Trịnh Thiên Quang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1936	24021612	Cao Khắc Phan Sang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1937	24021613	Nguyễn Anh Sơn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
1938	24021614	Nguyễn Minh Sơn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1939	24021615	Trần Cẩm Sơn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1940	24021616	Vũ Trí Sơn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1941	24021617	Nguyễn Quốc Sỹ	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1942	24021618	Phan Việt Tân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1943	24021619	Trần Mạnh Tân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1944	24021620	Nguyễn Phúc Tấn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1945	24021621	Hoàng Văn Thái	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1946	24021622	Nguyễn Đình Thắng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1947	24021623	Nguyễn Ngọc Thắng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1948	24021624	Nguyễn Đức Thanh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1949	24021625	Trần Quang Thanh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1950	24021626	Lê Tuấn Thành	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1951	24021627	Mai Hải Thành	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1952	24021628	Nguyễn Đình Trường Thành	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1953	24021629	Nguyễn Phúc Thành	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1954	24021630	Trần Đức Thành	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1955	24021631	Nguyễn Tuấn Thảo	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1956	24021632	Bùi Xuân Thi	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1957	24021633	Hoàng Thị Thi	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1958	24021634	Nguyễn Phúc Thịnh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1959	24021635	Bùi Quang Thọ	ĐMKTKT	K69I-CS	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
1960	24021636	Đỗ Văn Thu	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1961	24021637	Lê Trọng Thúc	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1962	24021638	Trần Duy Thường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1963	24021639	Khúc Minh Tiến	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1964	24021641	Nguyễn Văn Tiến	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1965	24021642	Trần Việt Toàn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1966	24021643	Trương Duy Toàn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1967	24021644	Nguyễn Thùy Trang	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1968	24021645	An Đức Minh Trí	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1969	24021646	Phạm Vinh Trí	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1970	24021647	Châu Nguyễn Tố Trinh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1971	24021648	Trần Minh Trúc	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1972	24021649	Phạm Văn Trung	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1973	24021650	Nguyễn Duy Trường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1974	24021651	Nguyễn Thế Trường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1975	24021652	Hoàng Phạm Anh Tú	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1976	24021653	Phạm Đình Tú	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1977	24021654	Đinh Quang Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1978	24021655	Đàm Minh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1979	24021656	Đào Minh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1980	24021657	Lê Đình Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1981	24021658	Nguyễn Đức Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1982	24021659	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
1983	24021660	Bùi Hoàng Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1984	24021661	Hoàng Lâm Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1985	24021663	Nguyễn Hữu Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1986	24021664	Nguyễn Khắc Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1987	24021665	Nguyễn Văn Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1988	24021666	Nguyễn Xuân Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1989	24021667	Phạm Kim Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1990	24021668	Phạm Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1991	24021669	Nguyễn Xuân Tường	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1992	24021670	Nguyễn Trần Quang Tuyền	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1993	24021672	Vũ Thị Hồng Vân	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1994	24021673	Nguyễn Gia Vĩ	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1995	24021675	Đặng Quang Vinh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1996	24021676	Đặng Thành Vinh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1997	24021677	Đào Trọng Vinh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1998	24021678	Lê Thái Vinh	ĐMKTKT	K69I-CS	0	20.000.000		20.000.000	
1999	24021679	Hoàng Long Vũ	ĐMKTKT	K69I-CS	0	24.316.000		24.316.000	
2000	24021680	La Minh Vũ	ĐMKTKT	K69I-CS	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
2001	24022598	Đỗ Trọng An	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2002	24022599	Lưu Thế An	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2003	24022600	Nguyễn Khánh An	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2004	24022601	Quách Thành An	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2005	24022602	Bùi Quang Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2006	24022603	Đặng Phan Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2007	24022604	Dương Thị Hồng Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	31.869.000		31.869.000	
2008	24022605	Dương Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	22.158.000		22.158.000	
2009	24022606	Khuong Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2010	24022607	Lê Hải Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2011	24022608	Nguyễn Quốc Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2012	24022610	Nguyễn Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2013	24022611	Trần Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2014	24022612	Vũ Thị Lâm Anh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2015	24022613	Chu Đức ánh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2016	24022614	Trương Thị Kim ánh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2017	24022615	Vũ Đình Bách	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2018	24022616	Nguyễn Hai Bảy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2019	24022617	Nguyễn Đình Thanh Bình	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2020	24022618	Vũ Ngọc Thiên Bình	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2021	24022619	Lê Khánh Chi	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2022	24022620	Nguyễn Thị Chung	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2023	24022621	Nguyễn Thế Công	ĐMKTKT	K69I-IS	0	27.553.000		27.553.000	
2024	24022622	Phạm Đức Cường	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2025	24022623	Trần Viết Cường	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2026	24022624	Đặng Trần Hải Đăng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2027	24022625	Nguyễn Hải Đăng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2028	24022626	Nguyễn Tuấn Đạt	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2029	24022627	Tạ Quang Đông	ĐMKTKT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2030	24022628	Nguyễn Minh Đức	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2031	24022629	Phạm Trung Đức	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2032	24022630	Lê Tuấn Dũng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2033	24022631	Lê Việt Dũng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2034	24022632	Lò Trí Dũng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2035	24022633	Nguyễn Lê Dũng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2036	24022634	Nguyễn Mạnh Dũng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2037	24022635	Nguyễn Tuấn Dũng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2038	24022636	Nguyễn Bình Dương	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2039	24022637	Đào Ngọc Duy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2040	24022638	Đình Quang Duy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2041	24022639	Đỗ Đức Duy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2042	24022640	Trần Quang Duy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2043	24022641	Hoàng Trường Giang	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2044	24022643	Nguyễn Trường Giang	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2045	24022644	Phan Thị Hương Giang	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2046	24022645	Nguyễn Bảo Hà	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2047	24022646	Nguyễn Hoàng Hải	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2048	24022647	Đỗ Mai Hằng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2049	24022648	Lê Bùi Đức Hạnh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2050	24022649	Nguyễn Thế Hệ	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2051	24022650	Đào Thúy Hiền	ĐMKTKT	K69I-IS	0	23.237.000		23.237.000	
2052	24022651	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2053	24022652	Trần Duy Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IS	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2054	24022653	Phạm Cao Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2055	24022654	Trịnh Xuân Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2056	24022655	Phùng Thị Kim Huệ	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2057	24022656	Dương Việt Hùng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2058	24022657	Hoàng Sỹ Hùng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2059	24022658	Hoàng Việt Hùng	ĐMKTKT	K69I-IS	-50.000	20.000.000		19.950.000	SV đóng kỳ trước
2060	24022659	Nguyễn Việt Hưng	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2061	24022660	Bùi Phan Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2062	24022661	Nguyễn Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2063	24022662	Nguyễn Thạc Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2064	24022663	Nguyễn Tiến Huy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2065	24022664	Nguyễn Văn Huy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2066	24022665	Nguyễn Vũ Đức Huy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2067	24022666	Vũ Lê Huy	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2068	24022669	Nguyễn Ngọc Khánh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2069	24022670	Nguyễn Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2070	24022671	Nguyễn Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2071	24022672	Trần Gia Khánh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2072	24022673	Hoàng Nguyên Tuấn Khôi	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2073	24022674	Phạm Trung Kiên	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2074	24022675	Nguyễn Khánh Kỳ	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2075	24022676	Nguyễn Phú Lâm	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2076	24022677	Đỗ Mai Liên	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2077	24022678	Đào Trọng Linh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2078	24022679	Mai Thị Thùy Linh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2079	24022680	Nguyễn Thùy Linh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2080	24022681	Nguyễn Trang Linh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2081	24022682	Nguyễn Việt Linh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2082	24022683	Phạm Việt Linh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2083	24022684	Nguyễn Đình Vinh Lộc	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2084	24022685	Lê Hoàng Long	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2085	24022686	Chu Văn Mai	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2086	24022687	Đinh Thị Huyền Mai	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2087	24022688	Nguyễn Thị Mai	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2088	24022689	Đỗ Khoa Ngọc Minh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2089	24022690	Lê Nguyễn Quang Minh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2090	24022691	Mai Tuấn Minh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2091	24022692	Phạm Tuấn Minh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2092	24022694	Vũ Quang Minh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2093	24022696	Lê Hoài Nam	ĐMKTKT	K69I-IS	0	23.237.000		23.237.000	
2094	24022697	Nguyễn Hải Nam	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2095	24022698	Phạm Tuấn Nam	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2096	24022699	Phan Thị Kim Ngân	ĐMKTKT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2097	24022700	Nguyễn Đăng Tuấn Nghĩa	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2098	24022701	Đỗ Minh Ngọc	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2099	24022702	Nguyễn Phương Nguyên	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2100	24022703	Phan Nguyễn Khánh Nguyên	ĐMKTKT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2101	24022704	Phạm Quang Nhật	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2102	24022705	Phan Yến Nhi	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2103	24022706	Đào Anh Phong	ĐMKTKT	K69I-IS	0	22.158.000		22.158.000	
2104	24022707	Nguyễn Đại Phú	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2105	24022708	Nguyễn Nhật Phú	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2106	24022709	Bùi Quý Phúc	ĐMKTKT	K69I-IS	0	22.158.000		22.158.000	
2107	24022710	Nguyễn Vũ Hồng Phúc	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2108	24022711	Bùi Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2109	24022712	Đàm Hồng Quân	ĐMKTKT	K69I-IS	0	3.237.000		3.237.000	Miễn HP (ĐMKTKT)
2110	24022713	Đào Bá Anh Quân	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2111	24022714	Nguyễn Đăng Quân	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2112	24022715	Nguyễn Thái Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2113	24022716	Trần Lê Quân	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2114	24022717	Lê Ngọc Quang	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2115	24022718	Nguyễn Minh Quang	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2116	24022719	Trần Ngọc Quang	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2117	24022720	Vũ Thế Quang	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2118	24022722	Bùi Công Quyền	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2119	24022723	Nguyễn Thị Nhật Quỳnh	ĐMKT KT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2120	24022724	Bùi Thái Sơn	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2121	24022726	Lê Đức Sơn	ĐMKT KT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2122	24022727	Lê Hà Sơn	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2123	24022728	Nguyễn Thái Sơn	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2124	24022729	Nguyễn Phúc Tâm	ĐMKT KT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2125	24022730	Phạm Duy Tân	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2126	24022731	Nguyễn Văn Thắng	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2127	24022732	Lại Toàn Thắng	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2128	24022734	Đỗ Quang Thành	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2129	24022735	Nguyễn Thị Phương Thảo	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2130	24022737	Bùi Thị Hà Thu	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2131	24022738	Đặng Anh Thư	ĐMKT KT	K69I-IS	0	23.237.000		23.237.000	
2132	24022739	Nguyễn Anh Thư	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2133	24022740	Nguyễn Minh Thư	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2134	24022741	Phạm Hoài Thương	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2135	24022742	Nguyễn Thị Bích Thủy	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2136	24022743	Lê Phương Thúy	ĐMKT KT	K69I-IS	0	23.237.000		23.237.000	
2137	24022744	Lê Thị Thùy Tiên	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2138	24022745	Đặng Trần Tiến	ĐMKT KT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2139	24022746	Hoàng Đức Toàn	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2140	24022748	Trần Hữu Minh Trí	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2141	24022749	Hoàng Minh Triết	ĐMKT KT	K69I-IS	0	24.316.000		24.316.000	
2142	24022750	Lê Quốc Triệu	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2143	24022751	Nguyễn Thành Trung	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2144	24022752	Lê Đình Tú	ĐMKT KT	K69I-IS	0	23.237.000		23.237.000	
2145	24022753	Hoàng Mạnh Tuấn	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2146	24022754	Hoàng Tạ Minh Tuấn	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2147	24022755	Nguyễn Hoàng Tùng	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2148	24022756	Trần Quang Tùng	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2149	24022757	Vũ Đức Tùng	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2150	24022758	Nguyễn Sỹ Việt	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2151	24022759	Đinh Hồng Vinh	ĐMKT KT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2152	24022760	Nguyễn Quang Vinh	ĐMKTKT	K69I-IS	0	20.000.000		20.000.000	
2153	24020002	Lê Viết An	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2154	24020003	Mai Quốc An	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2155	24020004	Nguyễn Lê An	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2156	24020005	Trần Việt An	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2157	24020006	Đỗ Hoàng Ân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2158	24020008	Hồ Sỹ Huy Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2159	24020009	Lê Hoàng Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2160	24020010	Lê Quốc Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2161	24020011	Lê Trí Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2162	24020012	Ngô Hoàng Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2163	24020013	Nguyễn An Quốc Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2164	24020014	Nguyễn Duy Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2165	24020015	Nguyễn Hải Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2166	24020016	Nguyễn Huyền Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2167	24020017	Nguyễn Nhật Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2168	24020018	Nguyễn Sái Duy Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2169	24020019	Nguyễn Thị Lan Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2170	24020020	Nguyễn Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2171	24020021	Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2172	24020023	Phạm Quang Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	-170.650	20.000.000		19.829.350	SV đóng kỳ trước
2173	24020024	Phan Huy Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2174	24020025	Tạ Duy Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2175	24020026	Trần Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2176	24020027	Trần Minh Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2177	24020028	Trần Thế Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2178	24020029	Trần Thế Đức Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2179	24020030	Trần Văn Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2180	24020031	Trần Xuân Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2181	24020032	Trịnh Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2182	24020033	Vũ Việt Anh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2183	24020034	Nguyễn Ngọc ánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2184	24020035	Lê Xuân Bắc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2185	24020036	Nguyễn Xuân Bắc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2186	24020037	Phạm Xuân Bắc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2187	24020038	Dương Quân Bảo	ĐMKTKT	K69I-IT	-6.414.350	20.000.000		13.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
2188	24020039	Trần Đức Bảo	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2189	24020040	Trần Việt Bảo	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2190	24020041	Hoàng Thanh Bình	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2191	24020042	Nguyễn Tất Bình	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2192	24020043	Phạm Phúc Bình	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2193	24020044	Nguyễn Hữu Cảnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2194	24020045	Vũ Thị Huyền Chang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2195	24020047	Trần Trung Chiến	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2196	24020048	Ngô Quốc Chính	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2197	24020049	Phạm ánh Chúc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2198	24020050	Đỗ Quốc Nguyên Chương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2199	24020051	Đặng Đình Cương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2200	24020052	Nguyễn Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2201	24020053	Phí Quốc Cường	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2202	24020054	Lê Đăng Ngô Đan	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2203	24020055	Bùi Nhật Đăng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2204	24020056	Nguyễn Danh Hải Đăng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2205	24020057	Trần Doãn Hải Đăng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2206	24020058	Nguyễn Hữu Danh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2207	24020059	Đặng Xuân Đào	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2208	24020060	Đỗ Hoàng Đạt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2209	24020061	Doãn Minh Đạt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2210	24020062	Nguyễn Hữu Thành Đạt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2211	24020063	Phạm Tất Đạt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2212	24020064	Phí Dương Đạt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2213	24020065	Trần Thành Đạt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2214	24020066	Mai Quang Diệp	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2215	24020067	Bùi Văn Đình	ĐMKTKT	K69I-IT	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
2216	24020068	Hoàng Văn Đình	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2217	24020069	Đỗ Đình Đô	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2218	24020070	Nguyễn Thành Đô	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2219	24020071	Nguyễn Đăng Doanh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2220	24020072	Nguyễn Đức Đông	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2221	24020073	Cao Anh Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2222	24020074	Đoàn Thế Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2223	24020075	Đoàn Văn Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2224	24020077	Hoàng Việt Anh Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	27.553.000		27.553.000	
2225	24020078	Mai Thành Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2226	24020079	Nguyễn Hoàng Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2227	24020080	Nguyễn Ngọc Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2228	24020081	Phan Văn Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2229	24020082	Vũ Gia Anh Đức	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2230	24020083	Đỗ Thị Dung	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2231	24020084	Hoàng Trung Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2232	24020085	Lưu Quang Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	25.395.000		25.395.000	
2233	24020086	Ngô Quang Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2234	24020087	Nguyễn Chí Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2235	24020088	Nguyễn Đình Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2236	24020089	Nguyễn Doãn Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2237	24020090	Nguyễn Đức Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2238	24020091	Nguyễn Hữu Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2239	24020092	Nguyễn Huy Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2240	24020093	Phạm Chí Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2241	24020094	Phạm Ngọc Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2242	24020095	Phạm Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2243	24020096	Trần Anh Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2244	24020097	Vũ Việt Dũng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2245	24020098	Nguyễn Đắc Được	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2246	24020099	Phạm Xuân Được	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2247	24020100	Đinh Văn Dương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2248	24020101	Lê Bá Tùng Dương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2249	24020102	Ngô Phú Quang Dương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2250	24020104	Nguyễn Hải Dương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2251	24020105	Nguyễn Mạnh Dương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2252	24020106	Nguyễn Tùng Dương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2253	24020107	Trần Thùy Dương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2254	24020108	Bùi Đức Duy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2255	24020109	Lê Hồng Tuấn Duy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2256	24020110	Nguyễn Khương Duy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2257	24020111	Viên Khương Duy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2258	24020112	Nguyễn Ngọc Trường Giang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2259	24020113	Nguyễn Trường Giang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2260	24020114	Nguyễn Thế Ngọc Hà	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2261	24020115	Nguyễn Thị Ngọc Hà	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2262	24020116	Trần Thị Nguyên Hà	ĐMKTKT	K69I-IT	-6.414.350	20.000.000		13.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
2263	24020117	Nguyễn Đức Hải	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2264	24020118	Phạm Ngọc Hải	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2265	24020119	Lê Duy Hào	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2266	24020120	Phạm Công Hậu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2267	24020121	Tổng Ngọc Hiền	ĐMKTKT	K69I-IT	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2268	24020122	Bùi Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2269	24020123	Đào Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2270	24020124	Kiều Đăng Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2271	24020125	Lê Bá Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2272	24020126	Lưu Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2273	24020127	Nguyễn Hữu Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2274	24020128	Nguyễn Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2275	24020129	Phạm Trần Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2276	24020130	Phan Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2277	24020131	Trần Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2278	24020132	Trần Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2279	24020133	Dương Văn Hiệu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2280	24020134	Nguyễn Duy Hiệu	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2281	24020135	Nguyễn Quốc Hoàn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2282	24020136	Bùi Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2283	24020137	Đào Vũ Đức Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2284	24020138	Đinh Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2285	24020139	Nguyễn Hồng Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2286	24020140	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2287	24020141	Trần Đức Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2288	24020142	Trương Quang Hoàng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2289	24020143	Đào Văn Huân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2290	24020144	Đỗ Tuấn Hùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2291	24020145	Nguyễn Minh Hùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2292	24020146	Nguyễn Phú Hùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2293	24020147	Phạm Thanh Hùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2294	24020149	Đỗ Đức Hưng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2295	24020150	Nguyễn Thế Hưng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2296	24020151	Nguyễn Trọng Hưng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2297	24020152	Phan Văn Phước Hưng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2298	24020153	Trần Nhật Hưng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2299	24020154	Trần Thiệu Hưng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2300	24020155	Bùi Thị Thanh Hường	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2301	24020156	Trần Thị Thanh Hường	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2302	24020157	Đinh Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2303	24020158	Lê Khắc Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	23.237.000		23.237.000	
2304	24020159	Lê Văn Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2305	24020160	Nguyễn Đình Công Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2306	24020161	Nguyễn Đức Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2307	24020162	Nguyễn Đức Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2308	24020163	Nguyễn Minh Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2309	24020164	Nguyễn Quang Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2310	24020165	Nguyễn Tuấn Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2311	24020166	Phạm Lê Huy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2312	24020167	Bùi Thế Khắc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2313	24020168	Dương Định Khang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2314	24020169	Nguyễn Trọng Khang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	26.474.000		26.474.000	
2315	24020171	Đặng Duy Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2316	24020172	Nguyễn Gia Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	23.237.000		23.237.000	
2317	24020173	Nguyễn Gia Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	-6.414.350	24.316.000		17.901.650	Dư HP tạm nộp nhập học
2318	24020174	Phạm Gia Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	23.237.000		23.237.000	
2319	24020175	Phạm Nam Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2320	24020176	Thiều Gia Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2321	24020177	Trần Nam Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2322	24020178	Trần Phúc Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2323	24020179	Vũ Huy Khánh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2324	24020180	Nguyễn Đức Khiêm	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2325	24020181	Dương Đăng Khoa	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2326	24020182	Trần Đăng Khoa	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2327	24020183	Dương Hải Khôi	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2328	24020184	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2329	24020185	Thân Đăng Khôi	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2330	24020186	Phạm Minh Khởi	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2331	24020187	Bùi Thế Trung Kiên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2332	24020188	Hoàng Đình Kiên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2333	24020189	Hoàng Trung Kiên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2334	24020191	Tạ Xuân Kiên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2335	24020192	Đỗ Đức Kiệt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2336	24020193	Trịnh Tiến Kiệt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2337	24020194	Hoàng Đức Lâm	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2338	24020195	Nguyễn Khắc Hải Lâm	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2339	24020196	Nguyễn Tuấn Lâm	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2340	24020197	Trần Đức Lâm	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2341	24020198	Nguyễn Đình Lăng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	22.158.000		22.158.000	
2342	24020199	Ngô Văn Liêm	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2343	24020201	Nguyễn Quang Linh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2344	24020202	Nguyễn Tuấn Linh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2345	24020203	Hà Hoàng Lộc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2346	24020204	Nguyễn Xuân Lộc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2347	24020205	Đào Mạnh Hải Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2348	24020206	Nguyễn Cao Bảo Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2349	24020207	Nguyễn Doãn Bảo Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2350	24020208	Nguyễn Hữu Hải Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2351	24020209	Nguyễn Lê Hoàng Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2352	24020210	Nguyễn Thành Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2353	24020211	Trần Bảo Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2354	24020212	Trần Nhật Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2355	24020213	Võ Trần Hoàng Long	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2356	24020214	Hoàng Xuân Lực	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2357	24020216	Phạm Ngọc Mai	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2358	24020217	Nguyễn Công Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2359	24020218	Nguyễn Đức Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2360	24020219	Nguyễn Đức Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2361	24020220	Nguyễn Tiến Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2362	24020221	Nguyễn Văn Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2363	24020222	Phạm Đức Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2364	24020223	Phan Duy Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2365	24020224	Trần Văn Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2366	24020225	Trương Công Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2367	24020226	Vũ Tiến Mạnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2368	24020227	Đặng Ngọc Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2369	24020229	Kiều Nhật Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2370	24020230	Lê Chí Hoàng Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2371	24020231	Lê Duy Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2372	24020232	Nguyễn Chí Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2373	24020233	Nguyễn Đức Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2374	24020234	Nguyễn Ngọc Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2375	24020235	Nguyễn Quang Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2376	24020236	Nguyễn Quang Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	31.869.000		31.869.000	
2377	24020238	Phạm Công Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	-6.414.350			-6.414.350	
2378	24020239	Phạm Quang Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2379	24020240	Phạm Tuấn Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2380	24020241	Vũ Đặng Đức Minh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2381	24020242	Phạm Thị Trà My	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2382	24020243	Lê Mậu Nam	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2383	24020245	Phạm Thành Nam	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2384	24020246	Trần Gia Hoàng Nam	ĐMKTKT	K69I-IT	0	22.158.000		22.158.000	
2385	24020247	Trần Hoài Nam	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2386	24020248	Trương Bá Hải Nam	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2387	24020249	Đặng Thị Hoàng Ngân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2388	24020250	Lâm Thủy Ngân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2389	24020251	Nguyễn Trung Nghĩa	ĐMKTKT	K69I-IT	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2390	24020253	Nguyễn Thị Phương Ngọc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2391	24020254	Nguyễn Ngọc Khôi Nguyên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2392	24020255	Trần Đạt Khôi Nguyên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2393	24020256	Nguyễn Lê Duy Nhân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2394	24020257	Nguyễn Thế Nhân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	28.632.000		28.632.000	
2395	24020258	Đỗ Minh Nhật	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2396	24020259	Nguyễn Minh Nhật	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2397	24020260	Trần Thị Uyển Nhi	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2398	24020261	Lê Thị Nhung	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2399	24020262	Nguyễn Oanh Oanh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2400	24020263	Cao Nguyễn Phat	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2401	24020264	Cao Đức Phát	ĐMKTKT	K69I-IT	0	22.158.000		22.158.000	
2402	24020265	Phạm Công Phát	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2403	24020266	Đinh Tuấn Phong	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2404	24020267	Hoàng Hải Phong	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2405	24020268	Nguyễn Chí Phong	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2406	24020269	Nguyễn Duy Phong	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2407	24020270	Nguyễn Hoàng Phong	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2408	24020271	Nguyễn Như Phong	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2409	24020272	Nguyễn Ngọc Phú	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2410	24020273	Đặng Minh Phúc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2411	24020274	Đinh Gia Phúc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2412	24020275	Lê Xuân Phúc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2413	24020276	Nguyễn Trọng Phúc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2414	24020277	Đặng Anh Phương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2415	24020279	Đặng Lê Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2416	24020280	Đặng Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2417	24020281	Lê Thuần Anh Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2418	24020282	Lê Trịnh Quốc Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2419	24020283	Lường Tú Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2420	24020284	Nguyễn Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2421	24020285	Trần Minh Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2422	24020286	Vũ Hoàng Quân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2423	24020287	Phạm Văn Vinh Quang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2424	24020288	Phương Năng Quang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2425	24020289	Đàm Thiên Quốc	ĐMKTKT	K69I-IT	0	23.237.000		23.237.000	
2426	24020290	Nguyễn Ngọc Quý	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2427	24020291	Hoàng Bá Quyền	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2428	24020292	Đỗ Minh Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2429	24020293	Đỗ Ngọc Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2430	24020294	Lê Bá Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2431	24020296	Nguyễn Hùng Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2432	24020297	Nguyễn Minh Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2433	24020298	Nguyễn Trường Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2434	24020299	Trần Nguyễn Thái Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2435	24020300	Vũ Anh Sơn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2436	24020301	Cao Thị Mai Sương	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2437	24020303	Võ Anh Tài	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2438	24020304	Nguyễn Văn Tấn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2439	24020305	Đào Quang Thái	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2440	24020306	Nguyễn Ngọc Thái	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2441	24020307	Hoàng Văn Thắng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2442	24020308	Vương Đình Thắng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2443	24020310	Triệu Tuấn Thành	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2444	24020311	Vũ Tuấn Thành	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2445	24020312	Trần Văn Thạo	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2446	24020313	Đình Đức Thịnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2447	24020314	Mạc Thế Thịnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2448	24020315	Phạm Đức Thịnh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2449	24020317	Cao Sỹ Thông	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2450	24020318	Trần Đình Thông	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2451	24020319	Thìn Thị Thúy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2452	24020320	Đình Văn Tiến	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2453	24020321	Nguyễn Văn Tiến	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2454	24020322	Nguyễn Việt Tiến	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2455	24020323	Nguyễn Xuân Tiến	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2456	24020324	Nguyễn Văn Toán	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2457	24020325	Đào Văn Toàn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2458	24020326	Hồ Đức Toàn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2459	24020327	Nguyễn Đức Toàn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2460	24020328	Trần Huyền Trang	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2461	24020329	Ngô Minh Triết	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2462	24020330	Nguyễn Thị Kiều Trinh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2463	24020331	Hoàng Minh Trọng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2464	24020332	Nguyễn Huy Trọng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2465	24020333	Nguyễn Tuấn Trọng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2466	24020334	Phạm Đức Trọng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2467	24020335	Nguyễn Đức Bảo Trung	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2468	24020336	Nguyễn Thành Trung	ĐMKTKT	K69I-IT	0	22.158.000		22.158.000	
2469	24020337	Nguyễn Thành Trung	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2470	24020338	Trần Quang Trường	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2471	24020339	Trịnh Xuân Trường	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2472	24020341	Hoàng Đường Anh Tú	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2473	24020342	Nguyễn Duy Tú	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2474	24020343	Nguyễn Minh Tú	ĐMKTKT	K69I-IT	0	22.158.000		22.158.000	
2475	24020344	Lê Đình Tuấn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2476	24020345	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2477	24020346	Nguyễn Minh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	23.237.000		23.237.000	
2478	24020347	Nguyễn Thiên Tuấn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2479	24020348	Võ Hoài Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2480	24020349	Vũ Đình Tuấn	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2481	24020350	Đặng Xuân Tùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2482	24020351	Hoàng Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2483	24020352	Nguyễn Huy Tùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2484	24020353	Nguyễn Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2485	24020354	Nguyễn Xuân Tùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2486	24020355	Phạm Hữu Tùng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2487	24020356	Nguyễn Văn Tuyên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2488	24020357	Hoàng Phương Uyên	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2489	24020358	Ngô Thị Thảo Vân	ĐMKTKT	K69I-IT	0	24.316.000		24.316.000	
2490	24020359	Hoàng Quốc Việt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2491	24020360	Lê Đức Việt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2492	24020361	Phạm Quốc Việt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2493	24020362	Trần Anh Việt	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2494	24020363	Lê Quang Vinh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2495	24020364	Nguyễn Hữu Vinh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2496	24020365	Nguyễn Văn Vinh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2497	24020366	Trần Đức Vinh	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2498	24020367	Đặng Nguyên Vũ	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2499	24020368	Nguyễn Lưu Vũ	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2500	24020369	Nguyễn Đắc Vượng	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2501	24020370	Phan Thị Hà Vy	ĐMKTKT	K69I-IT	0	20.000.000		20.000.000	
2502	24020830	Nguyễn Thanh An	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2503	24020831	Hoàng Quang Anh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2504	24020832	Lê Khắc Anh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2505	24020834	Nguyễn Khắc Phan Anh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2506	24020835	Nguyễn Tiến Anh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2507	24020836	Trần Thế Anh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2508	24020837	Vũ Thế Anh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2509	24020838	Nguyễn Xuân Bách	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2510	24020839	Nguyễn Quốc Bảo	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2511	24020840	Trần Văn Chuyên	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2512	24020841	Phạm Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2513	24020842	Nguyễn Hải Đăng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2514	24020843	Nguyễn Hải Đăng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2515	24020844	Mai Thành Đạt	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2516	24020845	Nguyễn Danh Đạt	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2517	24020846	Nguyễn Đình Đạt	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2518	24020847	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2519	24020848	Phùng Đình Đạt	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2520	24020849	Trần Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2521	24020850	Nguyễn Anh Đức	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2522	24020851	Phùng Lê Anh Đức	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2523	24020852	Trịnh Phúc Đức	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2524	24020853	Trương Việt Đức	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2525	24020854	Trần Mạnh Dũng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2526	24020855	Trần Ngọc Dương	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2527	24020856	Lê Hán Đức Duy	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2528	24020857	Nguyễn Văn Duy	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2529	24020858	Trần Bảo Duy	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2530	24020859	Bùi Văn Hải	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2531	24020860	Doãn Minh Hải	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2532	24020861	Nguyễn Đức Hải	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2533	24020862	Triệu Quang Hiệp	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2534	24020863	Nguyễn Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2535	24020864	Nguyễn Đức Hoàng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2536	24020865	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2537	24020866	Nguyễn Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2538	24020867	Trịnh Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2539	24020868	Hoàng Phi Hùng	ĐMKTKT	K69M-EM	3.228.000	20.000.000		23.228.000	Nợ kỳ hè 24-25 QĐ bổ sung 2036
2540	24020869	Lê Tuấn Hùng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2541	24020870	Nguyễn Phi Hùng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2542	24020871	Đặng Văn Huy	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2543	24020872	Nguyễn Tiến Huy	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2544	24020873	Vũ Gia Huy	ĐMKTKT	K69M-EM	-1.404.350	20.000.000		18.595.650	Dư HP tạm nộp nhập học
2545	24020874	Hà Gia Khánh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2546	24020875	Lê Trọng Khôi	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2547	24020876	Phạm Ngọc Khôi	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2548	24020877	Nguyễn Đức Kiên	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2549	24020878	Nguyễn Xuân Lộc	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2550	24020879	Trần Duy Long	ĐMKTKT	K69M-EM	18.585.650	20.000.000		38.585.650	Nợ 1 phần K2/24-25
2551	24020880	Nguyễn Bá Lực	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2552	24020881	Nguyễn Đức Minh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2553	24020882	Trần Nhật Minh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2554	24020883	Vũ Công Minh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2555	24020884	Trần Minh Mười	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2556	24020886	Phạm Văn Nam	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2557	24020887	Phan Anh Nhật	ĐMKTKT	K69M-EM	0	23.237.000		23.237.000	
2558	24020888	Vũ Đức Nhuận	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2559	24020889	Đinh Đức Phát	ĐMKTKT	K69M-EM	-14.350	20.000.000		19.985.650	SV đóng kỳ trước
2560	24020890	Nguyễn Khánh Phong	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2561	24020891	Nguyễn Hữu Quân	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2562	24020892	Nguyễn Minh Quân	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2563	24020893	Nguyễn Văn Quyết	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2564	24020894	Lê Thanh Sơn	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2565	24020895	Nguyễn Văn Sơn	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2566	24020896	Vũ Dương Sơn	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2567	24020897	Lê Bá Tân	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2568	24020898	Bùi Duy Thái	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2569	24020899	Nguyễn Hồng Thái	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2570	24020900	Nguyễn Minh Thành	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2571	24020901	Trịnh Tư Thành	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2572	24020902	Nguyễn Văn Thiện	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2573	24020903	Vũ Đình Tùng	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2574	24020904	Nguyễn Hữu Văn	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2575	24020905	Vũ Quốc Việt	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2576	24020906	Nguyễn Hữu Vinh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2577	24020907	Nguyễn Quang Vinh	ĐMKTKT	K69M-EM	0	20.000.000		20.000.000	
2578	24021059	Bùi Phú An	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2579	24021060	Đặng Văn An	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2580	24021061	Nguyễn Khắc Thuận An	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2581	24021062	Nguyễn Phú An	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2582	24021063	Nguyễn Duy Anh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2583	24021064	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2584	24021065	Nguyễn Trung Anh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2585	24021066	Phạm Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	24.316.000		24.316.000	
2586	24021067	Trần Đức Anh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2587	24021068	Trịnh Đức Anh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2588	24021070	Nguyễn Hoàng Bách	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2589	24021072	Trần Đình Gia Bảo	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2590	24021073	Trần Văn Báu	ĐMKTKT	K69M-MT	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
2591	24021074	Đỗ Tiến Bình	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2592	24021075	Nguyễn Huy Công	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2593	24021076	Nguyễn Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2594	24021077	Nguyễn Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2595	24021078	Nguyễn Việt Cường	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2596	24021079	Phạm Thế Cường	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2597	24021080	Trần Mạnh Cường	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2598	24021081	Hoàng Trọng Hải Đăng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2599	24021082	Đào Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2600	24021083	Nguyễn Gia Đạt	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2601	24021084	Trịnh Quốc Đạt	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2602	24021085	Nguyễn Đình Độ	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2603	24021086	Nguyễn Đình Đông	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2604	24021087	Bùi Gia Du	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2605	24021088	Lê Việt Đức	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2606	24021089	Nguyễn Hồng Đức	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2607	24021090	Nguyễn Hữu Đức	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2608	24021091	Nguyễn Nhân Đức	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2609	24021092	Tổng Minh Đức	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2610	24021093	Trần Anh Đức	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2611	24021095	Bùi Quang Dũng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2612	24021096	Đặng Thìn Dũng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2613	24021097	Nguyễn Văn Dương	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2614	24021098	Ninh ánh Dương	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2615	24021099	Hà Văn Duy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2616	24021100	Hoàng Văn Duy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2617	24021101	Nguyễn Đình Duy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2618	24021102	Tạ Đình Duy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2619	24021103	Nguyễn Khắc Giáp	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2620	24021104	Nguyễn Khắc Hải	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2621	24021105	Trần Minh Hải	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2622	24021106	Vũ Bá Hải	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2623	24021107	Trần Trọng Hiệp	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2624	24021108	Đinh Trần Hiếu	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2625	24021109	Đỗ Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2626	24021110	Hoàng Hiếu	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2627	24021111	Lê Công Hiếu	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2628	24021112	Nguyễn Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2629	24021113	Phạm Ngọc Hiếu	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2630	24021114	Đào Mạnh Quốc Hoàng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2631	24021115	Phạm Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2632	24021116	Võ Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2633	24021117	Đào Quang Hưng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2634	24021118	Đỗ Bá Hưng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2635	24021119	Lưu Ngọc Hưng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2636	24021120	Trần Tiến Hưng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2637	24021121	Lâm Quang Huy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	22.158.000		22.158.000	
2638	24021122	Lê Quang Huy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	24.316.000		24.316.000	
2639	24021123	Nguyễn Anh Quang Huy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2640	24021124	Nguyễn Công Huy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2641	24021125	Trần Đức Khải	ĐMKTKT	K69M-MT	0	24.316.000		24.316.000	
2642	24021126	Trần Trung Khải	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2643	24021127	Hoàng Đăng Khang	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2644	24021128	Nguyễn Ngọc Khang	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2645	24021129	Nguyễn Gia Khánh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	26.474.000		26.474.000	
2646	24021130	Nguyễn Gia Khánh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2647	24021131	Phạm Gia Khánh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2648	24021132	Lê Gia Khiêm	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2649	24021133	Hà Trọng Khoa	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2650	24021134	Trần Thái Khoa	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2651	24021135	Bùi Trung Kiên	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2652	24021136	Hoàng Đức Kiên	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2653	24021137	Kiều Trung Kiên	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2654	24021138	Nguyễn Đức Kiên	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2655	24021139	Phạm Trung Kiên	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2656	24021140	Trần Đình Anh Kiệt	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2657	24021141	Trần Trung Kiệt	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2658	24021142	Nguyễn Thiếu Kỳ	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2659	24021143	Kiều Thế Lâm	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2660	24021144	Lương Tùng Lâm	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2661	24021145	Phạm Khánh Lâm	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2662	24021146	Nguyễn Cao Hoàng Lân	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2663	24021147	Bùi Hoàng Đức Long	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2664	24021148	Nguyễn Hải Long	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2665	24021149	Phạm Thành Long	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2666	24021150	Lý Minh Lượng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2667	24021151	Bùi Đức Mạnh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2668	24021152	Lê Khắc Đức Mạnh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2669	24021153	Phùng Tiến Mạnh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2670	24021154	Bùi Hoàng Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2671	24021155	Đặng Nguyễn Duy Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2672	24021156	Hoàng Nhật Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2673	24021157	Kiều Nhật Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2674	24021158	Lê Công Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	26.474.000		26.474.000	
2675	24021159	Ngô Thành Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2676	24021161	Nguyễn Tấn Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2677	24021162	Phạm Bình Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2678	24021163	Phạm Duy Minh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2679	24021164	Đỗ Danh Nam	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2680	24021165	Ngô Hải Nam	ĐMKTKT	K69M-MT	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2681	24021166	Tổng Hoàng Nam	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2682	24021167	Nguyễn Văn Nghĩa	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2683	24021168	Phạm Thanh Nghĩa	ĐMKTKT	K69M-MT	0	2.158.000		2.158.000	Miễn HP (ĐMKTKT)
2684	24021169	Trương Hữu Nghĩa	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2685	24021170	Phan Minh Ngọc	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2686	24021171	Bùi An Nguyên	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2687	24021172	Phạm Phúc Nguyên	ĐMKTKT	K69M-MT	0	22.158.000		22.158.000	
2688	24021173	Lê Văn Nhật	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2689	24021174	Nguyễn Văn Nhị	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2690	24021175	Lê Thiện Phát	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2691	24021176	Nguyễn Đức Phong	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2692	24021177	Nguyễn Hữu Phong	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2693	24021178	Nguyễn Xuân Phong	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2694	24021179	Vũ Phong	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2695	24021180	Nghiêm Văn Phú	ĐMKTKT	K69M-MT	0	22.158.000		22.158.000	
2696	24021181	Nguyễn Ngọc Phú	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2697	24021182	Lê Hoàng Phương	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2698	24021183	Nguyễn Minh Quân	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2699	24021184	Phạm Hồng Quân	ĐMKTKT	K69M-MT	0	24.316.000		24.316.000	
2700	24021185	Phạm Minh Quân	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2701	24021186	Lê Nhật Quang	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2702	24021187	Nguyễn Minh Quang	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2703	24021188	Phạm Duy Quang	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2704	24021189	Phạm Chu Quốc	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2705	24021190	Nguyễn Đình Quý	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2706	24021191	Trương Đức Quý	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2707	24021192	Nguyễn Hồng Quyền	ĐMKTKT	K69M-MT	0	22.158.000		22.158.000	
2708	24021193	Hoàng Phước Sang	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2709	24021194	Bùi Hoàng Sơn	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2710	24021195	Bùi Thái Sơn	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2711	24021196	Đỗ Thái Sơn	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2712	24021197	Nguyễn Ngọc Sơn	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2713	24021198	Nguyễn Hồng Thái	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2714	24021199	Lê Xuân Thành	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2715	24021200	Nguyễn Đức Thảo	ĐMKTKT	K69M-MT	0	17.000.000		17.000.000	
2716	24021201	Nguyễn Thị Thúy	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2717	24021202	Nguyễn Hữu Tiến	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2718	24021203	Nguyễn Ngọc Trân	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2719	24021204	Dương Đức Trí	ĐMKTKT	K69M-MT	2.152.000	28.632.000		30.784.000	Nợ kỳ hè 24-25
2720	24021205	Hoàng Minh Trí	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2721	24021206	Trần Đức Trọng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
2722	24021207	Trần Văn Trọng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2723	24021208	Vũ Nguyễn Ngọc Trọng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2724	24021209	Vũ Thế Trục	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2725	24021211	Bùi Xuân Trường	ĐMKTKT	K69M-MT	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
2726	24021212	Phạm Văn Trường	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2727	24021213	Trương Minh Tú	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2728	24021214	Lê Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2729	24021215	Hà Sơn Tùng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2730	24021216	Lã Minh Tùng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2731	24021217	Nguyễn Trung Tùng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2732	24021218	Tạ Tuấn Tùng	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2733	24021219	Hạ Quốc Việt	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2734	24021220	Nguyễn Hoàng Việt	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2735	24021221	Phạm Quang Vinh	ĐMKTKT	K69M-MT	0	22.158.000		22.158.000	
2736	24021222	Nguyễn Tiến Vũ	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2737	24021223	Trần Quang Vũ	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2738	24021224	Phạm Văn Vự	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2739	24021225	Lê Quý Vương	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2740	24021226	Nguyễn Bá Vương	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2741	24021227	Phạm Trọng Vương	ĐMKTKT	K69M-MT	0	20.000.000		20.000.000	
2742	24022495	Hà Nguyên An	ĐMKTKT	K69P-EE	0	22.158.000		22.158.000	
2743	24022496	Lê Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	22.158.000		22.158.000	
2744	24022497	Nguyễn Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
2745	24022498	Nguyễn Việt Anh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2746	24022499	Trần Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2747	24022500	Nguyễn Thị Ngọc ánh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2748	24022502	Đỗ Gia Bảo	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2749	24022503	Nguyễn Minh Chiến	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2750	24022504	Lê Cao Chính	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2751	24022505	Nguyễn Văn Cường	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2752	24022506	Nguyễn Hải Đăng	ĐMKTKT	K69P-EE	4.304.000	24.316.000		28.620.000	Nợ kỳ hè 24-25
2753	24022507	Phan Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2754	24022508	Tạ Văn Đạt	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2755	24022509	Lê Doãn Đức	ĐMKTKT	K69P-EE	0	28.632.000		28.632.000	
2756	24022510	Phạm Anh Đức	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2757	24022511	Phan Huy Đức	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2758	24022512	Vũ Lê Anh Đức	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2759	24022513	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2760	24022514	Đỗ Minh Dương	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2761	24022515	Lê Quốc Duy	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2762	24022516	Vũ Tiến Duy	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2763	24022517	Lê Phạm Trường Giang	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2764	24022518	Vũ Trường Giang	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2765	24022519	Trần Đức Hà	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2766	24022521	Trần Đức Hân	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2767	24022522	Nguyễn Khắc Hạnh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2768	24022523	Bùi Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2769	24022524	Nguyễn Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2770	24022525	Nguyễn Duy Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2771	24022526	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2772	24022527	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2773	24022528	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2774	24022529	Nguyễn Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	24.316.000		24.316.000	
2775	24022530	Trần Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2776	24022531	Lê Hữu Hòa	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2777	24022532	Đặng Trần Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2778	24022533	Nguyễn Hữu Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2779	24022534	Trương Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2780	24022535	Nguyễn Nam Hùng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	24.316.000		24.316.000	
2781	24022536	Nguyễn Phi Hùng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2782	24022537	Phạm Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2783	24022538	Hoàng Phúc Hưng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2784	24022539	Nguyễn Thế Hưng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2785	24022540	Trương Quang Hưng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2786	24022541	Vũ Ngọc Hưng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2787	24022543	Hồ Gia Huy	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2788	24022544	Trần Minh Huy	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2789	24022545	Nguyễn Hoàng Khải	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2790	24022546	Lưu Văn Khang	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2791	24022547	Lê Nam Khánh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2792	24022548	Nguyễn Khắc Khánh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2793	24022549	Trần Gia Khánh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	24.316.000		24.316.000	
2794	24022550	Trần Đăng Khoa	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2795	24022551	Nguyễn Trung Kiên	ĐMKTKT	K69P-EE	4.304.000	20.000.000		24.304.000	Nợ kỳ hè 24-25
2796	24022552	Vũ Trung Kiên	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2797	24022553	Phạm Thanh Lịch	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2798	24022555	Phan Thế Linh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2799	24022556	Trương Tú Linh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2800	24022557	Dương Quang Lộc	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2801	24022558	Lê Thành Long	ĐMKTKT	K69P-EE	4.304.000	20.000.000		24.304.000	Nợ kỳ hè 24-25
2802	24022559	Nguyễn Thanh Long	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2803	24022560	Vũ Trần Vân Ly	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2804	24022561	Nguyễn Đức Mạnh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2805	24022562	Nguyễn Thông Minh	ĐMKTKT	K69P-EE	0	22.158.000		22.158.000	
2806	24022563	Đỗ Hà My	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2807	24022564	Lê Trung Nam	ĐMKTKT	K69P-EE	10.000	20.000.000		20.010.000	lẻ
2808	24022565	Nguyễn Trọng Nghĩa	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2809	24022566	Trần Trọng Nghĩa	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2810	24022567	Lý Thị Bích Ngọc	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2811	24022568	Nguyễn Thị Ngọc	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2812	24022569	Nguyễn Phúc Nguyên	ĐMKTKT	K69P-EE	6.400.000	20.000.000		26.400.000	Nợ kỳ hè 24-25
2813	24022570	Quan Minh Nhật	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2814	24022571	Nguyễn Minh Phi	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2815	24022572	Lê Hồng Phong	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2816	24022573	Nguyễn Hoàng Quân	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2817	24022574	Nguyễn Thế Quân	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2818	24022575	Trần Minh Quân	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2819	24022576	Cao Văn Quang	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2820	24022577	Ngô Nam Quốc	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2821	24022578	Phạm Tôm Sơn	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2822	24022579	Phùng Thế Tài	ĐMKTKT	K69P-EE	-14.350	24.316.000		24.301.650	SV đóng kỳ trước
2823	24022580	Thái Văn Tài	ĐMKTKT	K69P-EE	-4.000.000			-4.000.000	
2824	24022581	Phạm Minh Tân	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2825	24022583	Vũ Minh Tiến	ĐMKTKT	K69P-EE	2.813.650	20.000.000		22.813.650	Nợ kỳ hè 24-25
2826	24022584	Nguyễn Thị Trúc	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2827	24022585	Vũ Việt Trung	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2828	24022586	Nguyễn Ngọc Trường	ĐMKTKT	K69P-EE	6.456.000	20.000.000		26.456.000	Nợ kỳ hè 24-25
2829	24022587	Trịnh Tiến Trường	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2830	24022588	Đoàn Quốc Trường	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2831	24022589	Phùng Nghĩa Xuân Tú	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2832	24022590	Lê Đình Tùng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2833	24022592	Trần Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2834	24022593	Nguyễn Quốc Việt	ĐMKTKT	K69P-EE	-104.350	20.000.000		19.895.650	SV đóng kỳ trước
2835	24022594	Vũ Tiến Vọng	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2836	24022595	Mai Lưu Nguyên Vũ	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2837	24022596	Phạm Minh Vũ	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2838	24022597	Đoàn Văn Xuân	ĐMKTKT	K69P-EE	0	20.000.000		20.000.000	
2839	24023099	Nguyễn Bá Lê Duy	ĐMKTKT	K69P-EE	0	22.158.000		22.158.000	
2840	24020699	Lê Khoa An	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2841	24020700	Đỗ Duy Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2842	24020701	Lê Hoàng Nhật Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2843	24020702	Nguyễn Đức Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2844	24020703	Nguyễn Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2845	24020704	Phạm Xuân Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2846	24020705	Tạ Ngọc Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2847	24020706	Trần Đức Thế Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2848	24020707	Vũ Thị Ngọc Anh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2849	24020708	Trần Ngọc Bảo	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2850	24020710	Phạm Duy Chiến	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2851	24020711	Hà Minh Chính	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2852	24020712	Nguyễn Ngọc Cường	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2853	24020713	Tô Văn Cường	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2854	24020714	Hoàng Hải Đăng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2855	24020715	Vũ Minh Đăng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2856	24020716	Lưu Trí Bá Đạt	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2857	24020718	Nguyễn Duy Đạt	ĐMKTKT	K69P-EP	-85.414.350	20.000.000		-65.414.350	Đóng trước HP cho nhiều kỳ
2858	24020719	Nguyễn Duy Đạt	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2859	24020720	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2860	24020721	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2861	24020723	Vương Xuân Đoàn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2862	24020724	Lê Minh Đức	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2863	24020725	Phạm Trung Đức	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2864	24020726	Đỗ Lam Dung	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2865	24020727	Doãn Thị Hồng Dung	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2866	24020728	Đoàn Mạnh Dũng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2867	24020729	Nguyễn Đăng Dũng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2868	24020730	Nguyễn Thế Dũng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2869	24020731	Nông Đức Dũng	ĐMKTKT	K69P-EP	-74.350	2.775.000		2.700.650	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
2870	24020732	Vũ Ngọc Dũng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2871	24020733	Lê Tùng Dương	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2872	24020734	Tiên Hoàng Dương	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2873	24020735	Nguyễn Vũ Duy	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2874	24020736	Phạm Ngọc Khánh Duy	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2875	24020737	Nguyễn Huy Hà	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2876	24020738	Dương Phong Hải	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2877	24020739	Nguyễn Tiến Hân	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2878	24020740	Nguyễn Hoàng Hào	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2879	24020741	Lại Minh Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2880	24020742	Trần Mạnh Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2881	24020743	Trần Phan Trung Hiếu	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2882	24020744	Nguyễn Hữu Hiệu	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2883	24020745	Đào Duy Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2884	24020746	Lê Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)
2885	24020747	Nguyễn Duy Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2886	24020748	Nguyễn Minh Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2887	24020749	Phạm Huy Hoàng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2888	24020751	Lưu Quốc Hưng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2889	24020752	Lưu Tuấn Hưng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2890	24020753	Nguyễn Cảnh Hưng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2891	24020754	Phạm Tấn Hưng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2892	24020755	Cao Đức Huy	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2893	24020756	Đoàn Quang Huy	ĐMKTKT	K69P-EP	-14.350	20.000.000		19.985.650	SV đóng kỳ trước
2894	24020757	Nguyễn Đức Huy	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2895	24020758	Lê Hoàng Trí Khang	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2896	24020759	Nguyễn Duy Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2897	24020760	Phạm Văn Khánh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2898	24020761	Vũ Đồng Khánh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2899	24020762	Phạm Đăng Khoa	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2900	24020763	Nguyễn Việt Kiên	ĐMKTKT	K69P-EP	-14.350	20.000.000		19.985.650	SV đóng kỳ trước
2901	24020764	Phạm Đình Kiên	ĐMKTKT	K69P-EP	0	0		0	Miễn HP (ĐMKTKT)
2902	24020765	Nguyễn Nhật Lâm	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2903	24020766	Phạm Đình Hải Lâm	ĐMKTKT	K69P-EP	0	24.316.000		24.316.000	
2904	24020768	Phạm Thị Linh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2905	24020769	Nguyễn Hoàng Long	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2906	24020770	Trần Văn Long	ĐMKTKT	K69P-EP	-50.350	20.000.000		19.949.650	SV đóng kỳ trước
2907	24020773	Nguyễn Tiến Mạnh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2908	24020774	Nguyễn Đức Minh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2909	24020775	Nguyễn Nhật Minh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2910	24020776	Đỗ Thị Mỹ	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2911	24020777	Nguyễn Đăng Nam	ĐMKTKT	K69P-EP	0	24.316.000		24.316.000	
2912	24020778	Nguyễn Đình Nam	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2913	24020779	Nguyễn Hoàng Nam	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2914	24020780	Nguyễn Võ Thành Nam	ĐMKTKT	K69P-EP	0	22.158.000		22.158.000	
2915	24020782	Lưu Quang Ngọc	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2916	24020783	Vũ Thị Bích Ngọc	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2917	24020784	Nguyễn Văn Nhã	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2918	24020785	Ngô Tuấn Phi	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2919	24020786	Lê Xuân Phong	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2920	24020787	Phan Đình Phúc	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2921	24020788	Tạ Thị Phương	ĐMKTKT	K69P-EP	0	24.316.000		24.316.000	
2922	24020789	Hà Minh Quân	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2923	24020790	Nguyễn Đức Minh Quân	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2924	24020791	Nguyễn Minh Quân	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2925	24020792	Tô Anh Quân	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2926	24020793	Trịnh Vũ Quân	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2927	24020794	Trương Việt Quốc	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2928	24020795	Nguyễn Ngọc Quyền	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2929	24020796	Đỗ Đình Sơn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2930	24020797	Hoàng Trung Sơn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2931	24020798	Tạ Trần Thái Sơn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2932	24020799	Trần Anh Sơn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2933	24020800	Trần Ngọc Sơn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2934	24020801	Trần Ngọc Tâm	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2935	24020802	Phạm Thanh Tấn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2936	24020803	Lê Yên Thái	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2937	24020804	Trần Mạnh Thắng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2938	24020805	Trịnh Đình Thắng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2939	24020806	Phạm Ngọc Thành	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2940	24020807	Nguyễn Lâm Thao	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2941	24020808	Trần Đức Thịnh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2942	24020809	Trần Văn Thịnh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2943	24020810	Ngô Trọng Tín	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2944	24020811	Đỗ Minh Triết	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2945	24020812	Trịnh Xuân Trường	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2946	24020813	Bùi Duy Tú	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2947	24020814	Nguyễn Viết Tú	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2948	24020815	Trịnh Công Tuấn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2949	24020816	Nguyễn Anh Tuấn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2950	24020817	Nguyễn Ngọc Tuấn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2951	24020818	Nguyễn Quang Tuấn	ĐMKTKT	K69P-EP	0	23.237.000		23.237.000	
2952	24020819	Hồ Minh Tuệ	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2953	24020820	Đinh Ngọc Tùng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2954	24020821	Lương Thanh Tùng	ĐMKTKT	K69P-EP	-17.480	20.000.000		19.982.520	SV đóng kỳ trước
2955	24020822	Nguyễn Hải Tùng	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2956	24020823	Phạm Quang Tuyển	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2957	24020824	Nguyễn Phương Uyên	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2958	24020825	Phạm Vũ Quốc Việt	ĐMKTKT	K69P-EP	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
2959	24020826	Nguyễn Quang Vinh	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2960	24020827	Trương Văn Vũ	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2961	24020828	Lê Quốc Vương	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2962	24020829	Nguyễn ánh Vy	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2963	24023106	Nguyễn Tiến Vũ Hiệp	ĐMKTKT	K69P-EP	0	20.000.000		20.000.000	
2964	24021229	Bùi Hoàng Anh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2965	24021230	Bùi Tuấn Anh	ĐMKTKT	K69S-AE	-1.199.350	20.000.000		18.800.650	Dư HP tạm nộp nhập học
2966	24021231	Bùi Xuân Trường Anh	ĐMKTKT	K69S-AE	-414.350	20.000.000		19.585.650	SV đóng kỳ trước
2967	24021232	Nguyễn Ngọc Nhật Anh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2968	24021233	Phùng Đức Anh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2969	24021234	Trần Thị Nhật Anh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2970	24021235	Vũ Việt Anh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2971	24021236	Lê Thị Kim ánh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2972	24021237	Nguyễn Hữu Bảo	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2973	24021238	Trần Ngọc Bảo	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2974	24021239	Phan Văn Báu	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2975	24021240	Lê Quỳnh Chi	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2976	24021241	Nguyễn Ngọc Chiến	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
2977	24021242	Nguyễn Văn Chiến	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2978	24021243	Nguyễn Trọng Chuẩn	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2979	24021244	Nguyễn Trọng Chung	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2980	24021245	Bùi Văn Đại	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2981	24021247	Hoàng Minh Đạo	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2982	24021248	Nguyễn Thành Đạt	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2983	24021249	Nguyễn Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2984	24021250	Nguyễn Xuân Đạt	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2985	24021251	Phí Tiến Đạt	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2986	24021252	Tạ Hiền Đạt	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2987	24021253	Nguyễn Thế Đức	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2988	24021254	Trần Minh Đức	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2989	24021255	Đỗ Quốc Dũng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2990	24021256	Nguyễn Hữu Dũng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2991	24021257	Nguyễn Tiến Dũng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2992	24021258	Trần Trung Dũng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2993	24021259	Đàm Đại Dương	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2994	24021261	Nguyễn Thị Thái Dương	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2995	24021262	Phạm Tùng Dương	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2996	24021263	Vương Đình Dương	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2997	24021264	Đặng Thái Duy	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2998	24021265	Vương Đức Duy	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
2999	24021266	Đinh Hà Giang	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3000	24021267	Lưu Hương Giang	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3001	24021268	Trần Ngọc Hà	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3002	24021269	Nguyễn Thị Hằng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3003	24021270	Trần Đức Hiệp	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3004	24021271	Ngô Đức Hiếu	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3005	24021272	Nguyễn Đức Hoàn	ĐMKTKT	K69S-AE	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)
3006	24021273	Tạ Nguyễn Duy Hoàng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3007	24021274	Đoàn Khắc Huân	ĐMKTKT	K69S-AE	20.000.000	20.000.000		40.000.000	Nợ K2/24-25
3008	24021275	Phạm Đình Huân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3009	24021276	Vũ Thị Huệ	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3010	24021277	Hoàng Mạnh Hùng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
3011	24021278	Nguyễn Xuân Hưng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3012	24021279	Đào Đức Huy	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3013	24021280	Vũ Quang Huy	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3014	24021281	Trần Trọng Khang	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3015	24021282	Vũ Đình Nguyên Khang	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3016	24021284	Lê Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3017	24021285	Nguyễn Duy Khánh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3018	24021286	Phạm Duy Khánh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3019	24021287	Vũ Quốc Khánh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3020	24021288	Lê Trung Kiên	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3021	24021290	Nguyễn Đức Lãm	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3022	24021291	Giáp Thị Thùy Linh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3023	24021292	Trần Gia Long	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3024	24021293	Trần Đức Lương	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3025	24021294	Giang Hoàng Minh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3026	24021296	Mẫn Gia Minh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3027	24021297	Nguyễn Lưu Đức Minh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3028	24021298	Nguyễn Tường Minh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3029	24021299	Thân Cao Minh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3030	24021300	Trần Công Minh	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3031	24021301	Đỗ Hoàng Nam	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3032	24021302	Trịnh Trọng Nghĩa	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3033	24021303	Đặng Trần Nguyên	ĐMKTKT	K69S-AE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)
3034	24021304	Phạm Văn Nhật	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3035	24021305	Trịnh Long Nhật	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3036	24021306	Vũ Ngọc Phúc	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3037	24021308	Nguyễn Thị Minh Phương	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3038	24021309	Đặng Anh Quân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3039	24021310	Lê Minh Quân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3040	24021311	Nguyễn Anh Quân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3041	24021312	Nguyễn Anh Quân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3042	24021313	Nguyễn Mạnh Quân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3043	24021314	Phạm Minh Quân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3044	24021315	Trương Duy Quân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
3045	24021316	Hoàng Minh Quang	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3046	24021317	Lưu Minh Quang	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3047	24021318	Lê Xuân Sáng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3048	24021319	Nguyễn Khánh Sơn	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3049	24021321	Hoàng Anh Thái	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3050	24021322	Nguyễn Duy Thái	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3051	24021323	Đặng Tất Thành	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3052	24021324	Nguyễn Minh Thành	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3053	24021325	Nguyễn Văn Thành	ĐMKTKT	K69S-AE	0	22.158.000		22.158.000	
3054	24021326	Nguyễn Việt Thành	ĐMKTKT	K69S-AE	2.152.000	20.000.000		22.152.000	Nợ kỳ hè 24-25 QĐ bổ sung 2036
3055	24021327	Nguyễn Duy Thức	ĐMKTKT	K69S-AE	-1.414.350	20.000.000		18.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
3056	24021328	Vũ Hoài Thương	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3057	24021329	Đào Duy Tiến	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3058	24021330	Hồ Mạnh Tiến	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3059	24021331	Đặng Hữu Toàn	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3060	24021332	Trần Khánh Toàn	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000	4.000.000	16.000.000	
3061	24021333	Phạm ái Trân	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3062	24021334	Trương Quang Triết	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3063	24021335	Nguyễn Văn Trọng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3064	24021336	Đặng Quốc Trung	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3065	24021338	Nguyễn Đình Minh Tuấn	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3066	24021339	Nguyễn Văn Tuấn	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3067	24021340	Ninh Quang Tuệ	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3068	24021341	Đặng Xuân Tùng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3069	24021342	Nguyễn Hoàng Tùng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3070	24021343	Nguyễn Quang Tùng	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3071	24021344	Cao Thị Ngọc Uyên	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3072	24021345	Phan Văn Việt	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3073	24021346	Nguyễn Hoàng Vũ	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3074	24021347	Nguyễn Hoàng Vũ	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3075	24021348	Nguyễn Minh Vũ	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3076	24023103	Lương Hoàng Nam	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
3077	24023104	Nguyễn Huy Thái	ĐMKTKT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
3078	24023105	Trịnh Văn Vũ	ĐMKT KT	K69S-AE	0	20.000.000		20.000.000	
6382		CÁC CTĐT CHUẨN							
6383	17020607	Phạm Cơ Bình	Chuẩn	K62CNTT	0	1.016.000		1.016.000	
6384	19020896	Lê Đàm Hồng Đức	Chuẩn	K64C-CE	0	12.192.000		12.192.000	
6385	19020918	Đỗ Hoàng Hiệp	Chuẩn	K64C-CE	0	1.524.000		1.524.000	
6386	19020928	Trần Duy Hưng	Chuẩn	K64C-CE	5.572.000			5.572.000	Nợ K2/23-24
6387	19020989	Vũ Xuân Trường	Chuẩn	K64C-CE	2.810.000			2.810.000	Nợ K1/22-23
6388	19020541	Nguyễn Hoàng Hiệp	Chuẩn	K64E-CE1	4.500.000			4.500.000	Nợ K1/24-25
6389	19020586	Nguyễn Tiến Nghĩa	Chuẩn	K64E-CE1	6.766.000			6.766.000	Nợ K1/23-24
6390	19020611	Nguyễn Hoài Sơn	Chuẩn	K64E-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6391	19020632	Nguyễn Thiêm	Chuẩn	K64E-CE1	-32.000	5.080.000		5.048.000	SV đóng kỳ trước
6392	19020513	Nguyễn Văn Đại	Chuẩn	K64E-CE2	4.500.000			4.500.000	Nợ K2/24-25
6393	19020624	Trần Ngọc Thắng	Chuẩn	K64E-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6394	19020646	Bạch Văn Trung	Chuẩn	K64E-CE2	0	1.016.000		1.016.000	
6395	19020494	Trần Nam Anh	Chuẩn	K64E-RE	5.355.000			5.355.000	Nợ K1/22-23
6396	19020548	Phan Văn Hình	Chuẩn	K64E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6397	19020557	Phạm Quang Huy	Chuẩn	K64E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6398	19020583	Nguyễn Thành Nam	Chuẩn	K64E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6399	19021551	Nguyễn Đức Hải	Chuẩn	K64G-AT	2.700.000	10.668.000		13.368.000	Nợ kỳ hè 24-25
6400	19020072	Nguyễn Quang Minh	Chuẩn	K64I-CN	0	0		0	Giảm 50%HP (Chuẩn)
6401	19020237	Đỗ Mạnh Cường	Chuẩn	K64I-CN	0	5.080.000		5.080.000	
6402	19020299	Phạm Ngọc Hoàng	Chuẩn	K64I-CN	7.960.000	5.080.000		13.040.000	Nợ năm học 23-24
6403	19020302	Trần Ích Hoàng	Chuẩn	K64I-CN	4.500.000			4.500.000	Nợ K2/24-25
6404	19020313	Trần Văn Hùng	Chuẩn	K64I-CN	16.696.000			16.696.000	Nợ K1/22-23 và K1/23-24
6405	19020336	Phan Đăng Khoa	Chuẩn	K64I-CN	0	1.524.000		1.524.000	
6406	19020398	Bùi Quang Quân	Chuẩn	K64I-CN	8.460.000			8.460.000	Nợ K1/22-23
6407	19020085	Vũ Đức Thành	Chuẩn	K64I-IT1	6.368.000			6.368.000	Nợ K1/23-24
6408	19020361	Nguyễn Hữu Mạnh	Chuẩn	K64I-IT1	1.162.000			1.162.000	Nợ K2/22-23
6409	19020396	Nguyễn Văn Phương	Chuẩn	K64I-IT1	945.000			945.000	Kỳ hè 22-23
6410	19020174	Lê Văn Sơn	Chuẩn	K64I-IT20	11.250.000			11.250.000	Nợ K2/24-25
6411	19020478	Bùi Duy Tuấn	Chuẩn	K64I-IT20	2.786.000			2.786.000	Nợ K2/23-24
6412	19020163	Vì Tiến Đạt	Chuẩn	K64I-IT3	6.750.000			6.750.000	Nợ K2/24-25
6413	19020438	Đinh Văn Thái	Chuẩn	K64I-IT3	0	1.524.000		1.524.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6414	19020169	Triệu Minh Tiến	Chuẩn	K64I-IT4	0	6.604.000		6.604.000	
6415	19020399	Phan Anh Quân	Chuẩn	K64I-IT4	3.593.000			3.593.000	Kỳ hè 22-23, K1/23-24, K2/24-25
6416	19020225	Ngô Tiến Bình	Chuẩn	K64I-IT5	8.358.000			8.358.000	Nợ năm học 23-24
6417	19021629	Đỗ Minh Tiến	Chuẩn	K64M-AT	3.582.000			3.582.000	Nợ K2/23-24
6418	19021634	Phan Duy Tuấn	Chuẩn	K64M-AT	-1.600.000	9.652.000		8.052.000	Nộp thừa K2/24-25
6419	19020805	Nguyễn Văn Dương	Chuẩn	K64M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6420	19020818	Nguyễn Văn Hoàng	Chuẩn	K64M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6421	19020868	Mai Đăng Trường	Chuẩn	K64M-EM	3.150.000			3.150.000	Nợ K1/24-25
6422	19021143	Nguyễn Đình Anh	Chuẩn	K64S-AE	0	5.842.000		5.842.000	
6423	19021146	Nguyễn Quốc Anh	Chuẩn	K64S-AE	0	12.700.000		12.700.000	
6424	19021154	Nguyễn Tiến Dũng	Chuẩn	K64S-AE	1.800.000	2.032.000		3.832.000	Nợ kỳ hè 24-25
6425	19021160	Nguyễn Lê Đức Hoàng	Chuẩn	K64S-AE	0	3.556.000		3.556.000	
6426	19021163	Nguyễn Việt Hùng	Chuẩn	K64S-AE	0	5.080.000		5.080.000	
6427	19021164	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuẩn	K64S-AE	5.670.000			5.670.000	Nợ K1/22-23
6428	19021173	Nguyễn Trọng Minh	Chuẩn	K64S-AE	0	2.032.000		2.032.000	
6429	19021182	Dương Minh Quang	Chuẩn	K64S-AE	0	5.588.000		5.588.000	
6430	19021195	Bé Quốc Trung	Chuẩn	K64S-AE	0	2.032.000		2.032.000	
6431	20020972	Nguyễn Văn Dũng	Chuẩn	K65C-CE1	5.400.000	1.524.000		6.924.000	Nợ K2/24-25
6432	20020976	Vũ Xuân Dương	Chuẩn	K65C-CE1	2.225.000			2.225.000	Nợ K1/22-23
6433	20021016	Nguyễn Trọng Mạnh	Chuẩn	K65C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6434	20021048	Đỗ Minh Sang	Chuẩn	K65C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6435	20021054	Nguyễn Trọng Thái	Chuẩn	K65C-CE1	4.050.000	508.000		4.558.000	Nợ kỳ hè 24-25
6436	20021066	Cao Cự Toàn	Chuẩn	K65C-CE1	22.338.000	3.556.000		25.894.000	N/h 24-25
6437	20021070	Phạm Thành Trung	Chuẩn	K65C-CE1	0	12.192.000		12.192.000	
6438	20020961	Nguyễn Văn Ba	Chuẩn	K65C-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6439	20020965	Nguyễn Xuân Cung	Chuẩn	K65C-CE2	5.850.000			5.850.000	Nợ K1/24-25
6440	20020985	Dương Ngọc Giang	Chuẩn	K65C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6441	20020987	Nguyễn Đức Hải	Chuẩn	K65C-CE2	3.150.000	5.080.000		8.230.000	Nợ kỳ hè 24-25
6442	20021005	Nguyễn Việt Hưng	Chuẩn	K65C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6443	20021023	Võ Phương Nam	Chuẩn	K65C-CE2	1.350.000	9.144.000		10.494.000	Nợ kỳ hè 24-25
6444	20021063	Lê Văn Thương	Chuẩn	K65C-CE2	6.750.000			6.750.000	Nợ K2/24-25
6445	20020087	Trần Trọng Triều	Chuẩn	K65E-CE	0	1.524.000		1.524.000	
6446	20020169	Trần Quốc Hưng	Chuẩn	K65E-CE	0	6.096.000		6.096.000	
6447	20020347	Nguyễn Thành Nam	Chuẩn	K65E-CE	0	8.128.000		8.128.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6448	20020348	Lêo Tiến Thắng	Chuẩn	K65E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6449	20020658	Vũ Hoàng Hạnh	Chuẩn	K65E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6450	20020668	Lê Huy Hoàng	Chuẩn	K65E-CE	0	3.048.000		3.048.000	
6451	20020689	Đổng Văn Mạnh	Chuẩn	K65E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6452	20020699	Phạm Ngọc Nhất	Chuẩn	K65E-CE	0	3.048.000		3.048.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
6453	20020703	Chu Thanh Quang	Chuẩn	K65E-CE	0	2.032.000		2.032.000	
6454	20020729	Trần Quang Trung	Chuẩn	K65E-CE	0	6.604.000		6.604.000	
6455	20020738	Lê Quốc Uy	Chuẩn	K65E-CE	2.700.000	6.604.000		9.304.000	Nợ kỳ hè 24-25
6456	20020346	Dương Kim Long	Chuẩn	K65E-RE	0	5.588.000		5.588.000	
6457	20020650	Nguyễn Đình Đức	Chuẩn	K65E-RE	0	8.636.000		8.636.000	
6458	20020675	Lê Ngọc Khánh	Chuẩn	K65E-RE	0	2.032.000		2.032.000	
6459	20020714	Lưu Văn Tài	Chuẩn	K65E-RE	0	4.572.000		4.572.000	
6460	20020253	Lê Anh Đức	Chuẩn	K65G-AT	0	8.636.000		8.636.000	
6461	20020509	Nguyễn Đình Việt Anh	Chuẩn	K65G-AT	0	3.556.000		3.556.000	
6462	20020520	Nguyễn Thành Đạt	Chuẩn	K65G-AT	0	3.556.000		3.556.000	
6463	20020526	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	Chuẩn	K65G-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6464	20020530	Đinh Duy Hùng	Chuẩn	K65G-AT	22.000	7.112.000		7.134.000	Nợ lẻ
6465	20020531	Lê Gia Huy	Chuẩn	K65G-AT	1.800.000			1.800.000	Nợ kỳ hè 24-25
6466	20020534	Lê Duy Khánh	Chuẩn	K65G-AT	1.350.000			1.350.000	Nợ K2/24-25
6467	20020549	Võ Minh Nhật	Chuẩn	K65G-AT	4.500.000	12.700.000		17.200.000	Nợ kỳ hè 24-25
6468	20020552	Bùi Hồng Quân	Chuẩn	K65G-AT	0	2.032.000		2.032.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6469	20020563	Nguyễn Bá Trung	Chuẩn	K65G-AT	1.350.000			1.350.000	Nợ K2/24-25
6470	20020006	Đào Quang Thái Dương	Chuẩn	K65I-IT1	1.194.000			1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
6471	20020017	Phạm Xuân Huy	Chuẩn	K65I-IT1	852.000			852.000	Nợ K1/24-25
6472	20020034	Trương Minh Trí	Chuẩn	K65I-IT1	-3.556.000	3.556.000		0	Nộp trước
6473	20020042	Phạm Nhật Duy	Chuẩn	K65I-IT1	0	1.524.000		1.524.000	
6474	20020062	Trần Quý Nhất	Chuẩn	K65I-IT1	1.642.000			1.642.000	Nợ K2/22-23
6475	20020111	Lê Quang Kiên	Chuẩn	K65I-IT1	0	6.604.000		6.604.000	
6476	20020334	Trịnh Hoàng Anh	Chuẩn	K65I-IT1	0	13.208.000		13.208.000	
6477	20020342	Trần Văn Tư	Chuẩn	K65I-IT1	0	3.556.000		3.556.000	
6478	20020488	Nghiêm Sỹ Trung	Chuẩn	K65I-IT1	-340.200			-340.200	
6479	20020508	Tân Minh Xuân	Chuẩn	K65I-IT1	1.890.000			1.890.000	Nợ K1/22-23
6480	20020002	Nguyễn Văn Bằng	Chuẩn	K65I-IT15	0	1.524.000		1.524.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6481	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	Chuẩn	K65I-IT2	18.900.000	9.144.000		28.044.000	Nợ kỳ hè 24-25
6482	20020191	Lê Trí Dũng	Chuẩn	K65I-IT2	0	3.556.000		3.556.000	
6483	20020207	Ngô Thế Ngọc	Chuẩn	K65I-IT2	0	1.524.000		1.524.000	
6484	20020374	Đặng Ngọc Cường	Chuẩn	K65I-IT2	0	7.620.000		7.620.000	
6485	20020452	Phạm Gia Nghĩa	Chuẩn	K65I-IT2	8.358.000			8.358.000	Nợ K2/23-24
6486	20020199	Nguyễn Duy Khương	Chuẩn	K65I-IT20	0	12.192.000		12.192.000	
6487	20020268	Trần Quang Trung	Chuẩn	K65I-IT20	0	1.524.000		1.524.000	
6488	20020340	Hoàng Anh Thắng	Chuẩn	K65I-IT20	0	12.192.000		12.192.000	
6489	20020361	Trần Thế Anh	Chuẩn	K65I-IT20	0	3.556.000		3.556.000	
6490	20020365	Trần Xuân Bách	Chuẩn	K65I-IT20	0	508.000		508.000	
6491	20020419	Nguyễn Quốc Huy	Chuẩn	K65I-IT20	0	3.556.000		3.556.000	
6492	20020437	Hoàng Hải Lý	Chuẩn	K65I-IT20	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
6493	20020453	Đàm Thị Hồng Ngọc	Chuẩn	K65I-IT20	0	3.048.000		3.048.000	
6494	20020463	Nguyễn Xuân Quang	Chuẩn	K65I-IT20	0	4.064.000		4.064.000	
6495	20020475	Trần Xuân Thắng	Chuẩn	K65I-IT20	0	1.016.000		1.016.000	
6496	20020389	Nguyễn Quốc Đại	Chuẩn	K65I-IT3	0	6.604.000		6.604.000	
6497	20020430	Hoàng Ngọc Lan	Chuẩn	K65I-IT3	0	1.524.000		1.524.000	
6498	20020459	Đặng Thị Nhung	Chuẩn	K65I-IT3	0	1.524.000		1.524.000	
6499	20020486	Phạm Thị Kiều Trang	Chuẩn	K65I-IT3	1.800.000			1.800.000	Nợ kỳ hè 24-25
6500	20020487	Trịnh Văn Trắng	Chuẩn	K65I-IT3	0	1.524.000		1.524.000	
6501	20020315	Đinh Tuấn Kiệt	Chuẩn	K65M-AT	0	8.636.000		8.636.000	
6502	20020879	Phan Văn Dũng	Chuẩn	K65M-EM	796.000			796.000	Nợ K2/23-24
6503	20020905	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K65M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6504	20020911	Chu Trí Kiều	Chuẩn	K65M-EM	0	6.604.000		6.604.000	
6505	20020928	Bùi Đình Sự	Chuẩn	K65M-EM	796.000			796.000	Nợ K2/23-24
6506	20020950	Hán Long Vũ	Chuẩn	K65M-EM	0	12.192.000		12.192.000	
6507	20020770	Hoàng Việt Dương	Chuẩn	K65P-EE	0	1.016.000		1.016.000	
6508	20020774	Nguyễn Thế Đạt	Chuẩn	K65P-EE	0	2.032.000		2.032.000	
6509	20020775	Nguyễn Hải Đăng	Chuẩn	K65P-EE	0	3.048.000		3.048.000	
6510	20020781	Vũ Minh Đức	Chuẩn	K65P-EE	6.766.000			6.766.000	Nợ K2/23-24
6511	20020786	Nguyễn Mai Hiếu	Chuẩn	K65P-EE	0	12.192.000		12.192.000	
6512	20020792	Trần Minh Hoàng	Chuẩn	K65P-EE	0	4.572.000		4.572.000	
6513	20020805	Ngô Văn Khải	Chuẩn	K65P-EE	1.350.000	8.128.000		9.478.000	Nợ kỳ hè 24-25
6514	20020829	Nguyễn Năng Phúc	Chuẩn	K65P-EE	7.562.000			7.562.000	Nợ K1/23-24
6515	20020837	Thiều Quang Tấn	Chuẩn	K65P-EE	-450.000	6.604.000		6.154.000	SV đóng kỳ trước

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6516	20020843	Phạm Hoàng Thắng	Chuẩn	K65P-EE	0	2.032.000		2.032.000	
6517	20020827	Lương Minh Nhật	Chuẩn	K65P-EP	0	1.524.000		1.524.000	
6518	20021225	Phạm Khả Chiến	Chuẩn	K65S-AE	4.776.000			4.776.000	Nợ K1/22-23
6519	20021226	Nguyễn Đức Duy	Chuẩn	K65S-AE	6.300.000			6.300.000	Nợ K1/23-24
6520	20021237	Lê Hữu Huy	Chuẩn	K65S-AE	0	1.524.000		1.524.000	
6521	20021250	Diệp Sơn Nam	Chuẩn	K65S-AE	11.526.000			11.526.000	Nợ kỳ hè 24-25
6522	20021258	Võ Tá Phong	Chuẩn	K65S-AE	0	5.080.000		5.080.000	
6523	20021267	Hà Tiến Thành	Chuẩn	K65S-AE	0	15.240.000		15.240.000	
6524	20021269	Nguyễn Hữu Thiêm	Chuẩn	K65S-AE	0	5.080.000		5.080.000	
6525	20021279	Nguyễn Xuân Vũ	Chuẩn	K65S-AE	2.250.000	7.620.000		9.870.000	Nợ K2/24-25
6526	21020154	Nguyễn Ngọc Yến Trang	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6527	21021146	Đỗ Hoàng Anh	Chuẩn	K66C-CE1	0	9.652.000		9.652.000	
6528	21021148	Nguyễn Tiến Anh	Chuẩn	K66C-CE1	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
6529	21021152	Trần Trung Anh	Chuẩn	K66C-CE1	0	7.112.000		7.112.000	
6530	21021156	Nguyễn Minh Chiến	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6531	21021160	Nguyễn Thọ Quang Cường	Chuẩn	K66C-CE1	0	6.604.000		6.604.000	
6532	21021162	Lê Vũ Đức Dũng	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6533	21021164	Nguyễn Quý Dương	Chuẩn	K66C-CE1	0	11.684.000		11.684.000	
6534	21021168	Nguyễn Trường Đăng	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6535	21021170	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6536	21021174	Nguyễn Đức Giang	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6537	21021178	Đặng Hoàng Hiệp	Chuẩn	K66C-CE1	0	8.636.000		8.636.000	
6538	21021180	Nguyễn Xuân Hiệp	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6539	21021182	Đào Quốc Hiếu	Chuẩn	K66C-CE1	0	6.096.000		6.096.000	
6540	21021184	Lưu Văn Hiếu	Chuẩn	K66C-CE1	0	8.128.000		8.128.000	
6541	21021186	Phan Huy Hoàng	Chuẩn	K66C-CE1	0	14.224.000		14.224.000	
6542	21021188	Đặng Minh Huân	Chuẩn	K66C-CE1	1.800.000	6.096.000		7.896.000	Nợ kỳ hè 24-25
6543	21021192	Trần Mạnh Hùng	Chuẩn	K66C-CE1	0	6.096.000		6.096.000	
6544	21021194	Nguyễn Anh Huy	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6545	21021196	Trần Anh Huy	Chuẩn	K66C-CE1	0	9.652.000		9.652.000	
6546	21021198	Nguyễn Trọng Hưng	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6547	21021200	Nguyễn Thị Hương	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6548	21021204	Nguyễn Tiến Linh	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.588.000		5.588.000	
6549	21021206	Hà Duy Long	Chuẩn	K66C-CE1	0	7.620.000		7.620.000	
6550	21021208	Đinh Xuân Lộc	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6551	21021210	Nguyễn Tường Mạnh	Chuẩn	K66C-CE1	0	7.620.000		7.620.000	
6552	21021212	Đặng Đức Minh	Chuẩn	K66C-CE1	0	6.604.000		6.604.000	
6553	21021214	Trương Nhật Minh	Chuẩn	K66C-CE1	0	8.636.000		8.636.000	
6554	21021216	Phan Đăng Nam	Chuẩn	K66C-CE1	0	8.128.000		8.128.000	
6555	21021218	Phùng Xuân Nghĩa	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6556	21021222	Phạm Hoàng Phi	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6557	21021224	Nguyễn Hoàng Phúc	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.588.000		5.588.000	
6558	21021228	Hà Minh Quân	Chuẩn	K66C-CE1	0	14.224.000		14.224.000	
6559	21021230	Nguyễn Xuân Quý	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6560	21021232	Nguyễn Thế Sơn	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.588.000		5.588.000	
6561	21021234	Hoàng Văn Tâm	Chuẩn	K66C-CE1	0	6.604.000		6.604.000	
6562	21021236	Hồ Duy Thái	Chuẩn	K66C-CE1	0	6.096.000		6.096.000	
6563	21021238	Trần Xuân Thành	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6564	21021244	Nguyễn Ngọc Toàn	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6565	21021246	Nguyễn Hữu Trường	Chuẩn	K66C-CE1	0	5.080.000		5.080.000	
6566	21021254	Hoàng Long Vũ	Chuẩn	K66C-CE1	0	7.112.000		7.112.000	
6567	21021256	Nguyễn Văn Vũ	Chuẩn	K66C-CE1	0	6.096.000		6.096.000	
6568	21021147	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.588.000		5.588.000	
6569	21021149	Nguyễn Trung Tuấn Anh	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6570	21021151	Trần Thế Anh	Chuẩn	K66C-CE2	3.150.000	7.620.000		10.770.000	Nợ kỳ hè 24-25
6571	21021153	Vũ Trung Hiếu Anh	Chuẩn	K66C-CE2	0	8.636.000		8.636.000	
6572	21021155	Nguyễn Hồ Đức Bình	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.096.000		6.096.000	
6573	21021157	Đoàn Dung Cơ	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6574	21021159	Nguyễn Hữu Cường	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6575	21021161	Triệu Quốc Cường	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6576	21021163	Phạm Ngọc Duy	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6577	21021165	Bùi Văn Đại	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6578	21021167	Nguyễn Tiến Đạt	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6579	21021169	Mai Thanh Đức	Chuẩn	K66C-CE2	0	11.176.000		11.176.000	
6580	21021171	Nguyễn Nhật Đức	Chuẩn	K66C-CE2	0	7.112.000		7.112.000	
6581	21021173	Trần Việt Đức	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6582	21021175	Lê Hoàng Hà	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6583	21021177	Nguyễn Huy Hiền	Chuẩn	K66C-CE2	0	2.032.000		2.032.000	
6584	21021179	Nguyễn Văn Hiệp	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6585	21021181	Đỗ Minh Hiếu	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6586	21021187	Nguyễn Công Hợp	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6587	21021191	Phạm Đăng Hùng	Chuẩn	K66C-CE2	0	9.398.000		9.398.000	
6588	21021193	Khuất Quang Huy	Chuẩn	K66C-CE2	0	7.112.000		7.112.000	
6589	21021197	Trần Quang Huy	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6590	21021199	Nguyễn Xuân Hưng	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6591	21021201	Nguyễn Nam Khánh	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.588.000		5.588.000	
6592	21021203	Nguyễn Duy Linh	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.096.000		6.096.000	
6593	21021207	Trương Hải Long	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.588.000		5.588.000	
6594	21021209	Hoàng Đức Mạnh	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6595	21021211	Đào Trần Minh	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6596	21021213	Trịnh Quang Minh	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6597	21021215	Mai Phương Nam	Chuẩn	K66C-CE2	1.800.000	11.176.000		12.976.000	Nợ HP theo QĐ 1448 ngày 7/7/2025
6598	21021217	Tạ Hải Nam	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6599	21021221	Đỗ Minh Phấn	Chuẩn	K66C-CE2	0	762.000		762.000	
6600	21021223	Mai Hồng Phong	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6601	21021225	Nguyễn Văn Phúc	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6602	21021227	Đỗ Minh Quân	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6603	21021229	Nguyễn Duy Minh Quân	Chuẩn	K66C-CE2	6.698.000			6.698.000	Nợ K1/24-25
6604	21021235	Trần Đức Tân	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6605	21021237	Nguyễn Văn Thành	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6606	21021239	Đỗ Quang Thắng	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.096.000		6.096.000	
6607	21021241	Vũ Huy Thịnh	Chuẩn	K66C-CE2	1.350.000	12.192.000		13.542.000	Nợ kỳ hè 24-25
6608	21021243	Lê Khánh Toàn	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6609	21021245	Phạm Hữu Trung	Chuẩn	K66C-CE2	0	7.112.000		7.112.000	
6610	21021247	Lê Minh Tú	Chuẩn	K66C-CE2	0	9.652.000		9.652.000	
6611	21021249	Nguyễn Hoàng Việt	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6612	21021253	Vũ Thành Vinh	Chuẩn	K66C-CE2	0	6.604.000		6.604.000	
6613	21021255	Hoàng Phi Vũ	Chuẩn	K66C-CE2	0	5.080.000		5.080.000	
6614	21021257	Vàng A Vứ	Chuẩn	K66C-CE2	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
6615	21021670	Đoàn Minh Châu	Chuẩn	K66C-CE2	0	8.128.000		8.128.000	
6616	21020040	Nguyễn Hoài Nam	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6617	21020099	Phạm Tuấn Anh	Chuẩn	K66E-CE	0	9.652.000		9.652.000	
6618	21020101	Phạm Công Thắng	Chuẩn	K66E-CE	0	8.128.000		8.128.000	
6619	21020142	Bùi Vũ Duy Hùng	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6620	21020145	Phạm Tường Minh	Chuẩn	K66E-CE	0	6.604.000		6.604.000	
6621	21020148	Phan Văn Quyển	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6622	21020426	Nguyễn Duy Anh	Chuẩn	K66E-CE	0	5.588.000		5.588.000	
6623	21020432	Trương Vũ Hoàng Dương	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6624	21020433	Trần Trung Hiếu	Chuẩn	K66E-CE	0	7.112.000		7.112.000	
6625	21020434	Đinh Việt Hoàng	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6626	21020435	Nguyễn Văn Hoàng	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6627	21020437	Phạm Minh Hùng	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6628	21020438	Bùi Quang Huy	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6629	21020439	Lê Văn Huy	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6630	21020443	Trần Đức Hưng	Chuẩn	K66E-CE	2.700.000	1.524.000		4.224.000	Nợ K2/24-25
6631	21020451	Trương Hải Nam	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6632	21020452	Trần Hồng Quân	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6633	21020453	Lưu Thái Sơn	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6634	21020454	Nguyễn Việt Tài	Chuẩn	K66E-CE	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
6635	21020455	Lê Quốc Toàn	Chuẩn	K66E-CE	0	6.604.000		6.604.000	
6636	21020456	Nguyễn Đức Thành	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6637	21020459	Nguyễn Thế Việt	Chuẩn	K66E-CE	0	1.524.000		1.524.000	
6638	21020507	Hàn Ngọc Minh	Chuẩn	K66E-CE	0	3.048.000		3.048.000	
6639	21020508	Nguyễn Hữu Phước	Chuẩn	K66E-CE	0	11.176.000		11.176.000	
6640	21020558	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K66E-CE	0	14.224.000		14.224.000	
6641	21020889	Trần Quốc ánh	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6642	21020890	Trịnh Minh Chiến	Chuẩn	K66E-CE	0	6.604.000		6.604.000	
6643	21020895	Vũ Ngọc Duy	Chuẩn	K66E-CE	0	4.064.000		4.064.000	
6644	21020897	Nguyễn Quang Đạo	Chuẩn	K66E-CE	0	5.588.000		5.588.000	
6645	21020900	Bùi Anh Đức	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6646	21020902	Nguyễn Anh Đức	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6647	21020903	Nguyễn Đình Đức	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6648	21020910	Trịnh Trung Hiếu	Chuẩn	K66E-CE	0	4.572.000		4.572.000	
6649	21020911	Nguyễn Quang Hiệu	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6650	21020914	Lê Đình Huy	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6651	21020916	Trương Quang Huy	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6652	21020918	Nguyễn Trần Việt Hưng	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6653	21020921	Hoàng Trung Kiên	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6654	21020926	Nguyễn Hoàng Long	Chuẩn	K66E-CE	0	6.604.000		6.604.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6655	21020930	Đỗ Hoàng Nam	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6656	21020932	Lê Hoàng Ngọc	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6657	21020936	Bùi Bá Quyền	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6658	21020940	Nguyễn Hà Đức Thiện	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6659	21020941	Bùi Phong Thu	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6660	21020943	Nguyễn Thị Thúy	Chuẩn	K66E-CE	0	9.652.000		9.652.000	
6661	21020944	Lê Đức Toàn	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6662	21020946	Nguyễn Quốc Trung	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6663	21020947	Dư Hồng Tú	Chuẩn	K66E-CE	-5.080.000	5.080.000		0	Nộp trước
6664	21020948	Hoàng Huy Tuấn	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6665	21020951	Đỗ Quốc Việt	Chuẩn	K66E-CE	0	5.080.000		5.080.000	
6666	21021663	Hoàng Quang Huy	Chuẩn	K66E-CE	0	6.604.000		6.604.000	
6667	21021664	Lục Thành Lương	Chuẩn	K66E-CE	4.500.000	12.700.000		17.200.000	Nợ 1 phần kỳ hè 24-25
6668	21020135	Thân Ngọc Dũng	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6669	21020138	Đào Ngọc Đức	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6670	21020150	Nguyễn Đức Thiện	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6671	21020428	Nguyễn Trung Phúc Anh	Chuẩn	K66E-RE	0	6.604.000		6.604.000	
6672	21020431	Trần Tiến Dũng	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6673	21020445	Phạm Thị Mỹ Lệ	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6674	21020446	Nguyễn Khánh Linh	Chuẩn	K66E-RE	0	6.096.000		6.096.000	
6675	21020557	Nguyễn Quy Thành An	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6676	21020559	Nguyễn Gia Bảo	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6677	21020562	Nguyễn Hồ Khánh	Chuẩn	K66E-RE	0	8.128.000		8.128.000	
6678	21020563	Phí Văn Long	Chuẩn	K66E-RE	0	1.016.000		1.016.000	
6679	21020564	Nguyễn Minh Quang	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6680	21020566	Nguyễn Công Anh Tuấn	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6681	21020567	Đào Sơn Tùng	Chuẩn	K66E-RE	0	8.128.000		8.128.000	
6682	21020568	Nguyễn Tiến Thịnh	Chuẩn	K66E-RE	0	1.524.000		1.524.000	
6683	21020569	Hàn Nguyên Trường	Chuẩn	K66E-RE	0	8.636.000		8.636.000	
6684	21020891	Trần Đàm Mạnh Cường	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6685	21020912	Nguyễn Huy Hoàng	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6686	21020913	Nguyễn Đắc Học	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6687	21020915	Ngô Quang Huy	Chuẩn	K66E-RE	0	1.524.000		1.524.000	Miễn HP (Chuẩn)

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6688	21020917	Dương Bá Hưng	Chuẩn	K66E-RE	0	7.165.000		7.165.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
6689	21020919	Khuong Gia Khánh	Chuẩn	K66E-RE	0	8.128.000		8.128.000	
6690	21020928	Vũ Văn Lộc	Chuẩn	K66E-RE	0	5.080.000		5.080.000	
6691	21021662	Đình Quang Dự	Chuẩn	K66E-RE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6692	21020259	Hoàng Bùi Quế Anh	Chuẩn	K66G-AT	0	5.588.000		5.588.000	
6693	21020801	Hà Đức Anh	Chuẩn	K66G-AT	0	1.524.000		1.524.000	
6694	21020802	Trần Hoàng Anh	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6695	21020807	Bùi Thị Dung	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6696	21020808	Nguyễn Phạm Dũng	Chuẩn	K66G-AT	0	13.208.000		13.208.000	
6697	21020809	Nguyễn Đức Duy	Chuẩn	K66G-AT	0	11.684.000		11.684.000	
6698	21020810	Nguyễn Đức Duy	Chuẩn	K66G-AT	1.000.000	8.128.000		9.128.000	Nợ 1 phần K2/24-25
6699	21020811	Nguyễn Thị Duyên	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6700	21020813	Vũ Đức Đại	Chuẩn	K66G-AT	0	9.144.000		9.144.000	
6701	21020815	Đoàn Hải Đăng	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6702	21020816	Bùi Trần Duy Đông	Chuẩn	K66G-AT	1.900.000	5.080.000		6.980.000	Nợ 1 phần K2/24-25
6703	21020817	Nguyễn Vũ Phương Đông	Chuẩn	K66G-AT	1.350.000	9.652.000		11.002.000	Nợ kỳ hè 24-25
6704	21020818	Trần Bá Đức	Chuẩn	K66G-AT	0	9.652.000		9.652.000	
6705	21020821	Nguyễn Xuân Hòa	Chuẩn	K66G-AT	0	8.636.000		8.636.000	
6706	21020822	Chu Công Hoàn	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6707	21020823	Đỗ Thái Học	Chuẩn	K66G-AT	0	8.128.000		8.128.000	
6708	21020824	Nguyễn Khánh Huyền	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6709	21020826	Bùi Thiên Hương	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6710	21020829	Đặng Ngọc Khiêm	Chuẩn	K66G-AT	0	13.208.000		13.208.000	
6711	21020830	Chu Viết Kiên	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6712	21020831	Đậu Mạnh Kiên	Chuẩn	K66G-AT	8.550.000	6.604.000		15.154.000	Nợ K2/24-25
6713	21020832	Lê Duy Linh	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6714	21020833	Nguyễn Hữu Long	Chuẩn	K66G-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6715	21020835	Ngô Anh Minh	Chuẩn	K66G-AT	0	8.128.000		8.128.000	
6716	21020837	Đàm Vũ Nam	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6717	21020839	Nguyễn Đình Nam	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6718	21020840	Trịnh Hoài Nam	Chuẩn	K66G-AT	0	14.224.000		14.224.000	
6719	21020843	Cao Hà Phương	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6720	21020847	Nguyễn Lương Quý	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6721	21020848	Cao Hồng Sơn	Chuẩn	K66G-AT	0	8.128.000		8.128.000	
6722	21020849	Bùi Gia Tân	Chuẩn	K66G-AT	200.000	12.700.000		12.900.000	Nợ kỳ hè 24-25
6723	21020851	Phạm Đức Thành	Chuẩn	K66G-AT	0	10.668.000		10.668.000	
6724	21020852	Trần Đức Thắng	Chuẩn	K66G-AT	0	6.096.000		6.096.000	
6725	21020854	Vũ Văn Toàn	Chuẩn	K66G-AT	8.756.000	9.652.000		18.408.000	K2/23-24
6726	21020855	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6727	21020857	Đỗ Việt Trung	Chuẩn	K66G-AT	0	11.176.000		11.176.000	
6728	21020858	Đỗ Đình Trường	Chuẩn	K66G-AT	0	5.080.000		5.080.000	
6729	21020860	Nguyễn Quang Tùng	Chuẩn	K66G-AT	0	13.208.000		13.208.000	
6730	21020020	Đào Vũ Minh Khánh	Chuẩn	K66I-IT1	0	3.556.000		3.556.000	
6731	21020058	Trương Tuấn Dũng	Chuẩn	K66I-IT1	0	9.652.000		9.652.000	
6732	21020083	Phạm Khôi Nguyên	Chuẩn	K66I-IT1	0	3.048.000		3.048.000	
6733	21020127	Hà Công Nga	Chuẩn	K66I-IT1	0	3.556.000		3.556.000	
6734	21020301	Đào Ngọc Hải Đăng	Chuẩn	K66I-IT1	0	11.684.000		11.684.000	
6735	21020316	Nguyễn Thị Hiền	Chuẩn	K66I-IT1	1.350.000			1.350.000	Nợ K2/24-25
6736	21020325	Trịnh Huy Hoàng	Chuẩn	K66I-IT1	0	5.080.000		5.080.000	
6737	21020334	Nguyễn Việt Hưng	Chuẩn	K66I-IT1	0	10.160.000		10.160.000	
6738	21020346	Lê Hải Lâm	Chuẩn	K66I-IT1	0	1.524.000		1.524.000	
6739	21020377	Võ Hồng Phúc	Chuẩn	K66I-IT1	0	5.080.000		5.080.000	
6740	21020389	Nguyễn An Sơn	Chuẩn	K66I-IT1	0	3.048.000		3.048.000	
6741	21020542	Nguyễn Khắc Nam Huy	Chuẩn	K66I-IT1	0	3.556.000		3.556.000	
6742	21020766	Nguyễn Đồng Hưng	Chuẩn	K66I-IT1	0	11.684.000		11.684.000	
6743	21020770	Đặng Văn Khởi	Chuẩn	K66I-IT1	0	5.080.000		5.080.000	
6744	21021656	Bàn Văn Hiếu	Chuẩn	K66I-IT1	0	0		0	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6745	21021661	Hoàng Thanh Tùng	Chuẩn	K66I-IT1	0	9.144.000		9.144.000	
6746	21020003	Phạm Văn Bình	Chuẩn	K66I-IT15	0	1.524.000		1.524.000	
6747	21020010	Trần Thùy Dương	Chuẩn	K66I-IT15	0	5.080.000		5.080.000	
6748	21020014	Vương Trường Giang	Chuẩn	K66I-IT15	0	5.080.000		5.080.000	
6749	21020034	Hoàng Minh Thái	Chuẩn	K66I-IT15	-663.390			-663.390	
6750	21020054	Nguyễn Minh Chiến	Chuẩn	K66I-IT15	0	1.524.000		1.524.000	
6751	21020062	Lê Tuấn Đạt	Chuẩn	K66I-IT15	0	9.144.000		9.144.000	
6752	21020076	Hoàng Văn Huy	Chuẩn	K66I-IT15	0	4.572.000		4.572.000	
6753	21020077	Nguyễn Kim Quang Huy	Chuẩn	K66I-IT15	0	5.080.000		5.080.000	
6754	21020090	Phùng Quang Tiến	Chuẩn	K66I-IT15	0	3.048.000		3.048.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6755	21020359	Phạm Quang Minh	Chuẩn	K66I-IT15	0	5.080.000		5.080.000	
6756	21020394	Kiều Minh Tuấn	Chuẩn	K66I-IT15	0	6.604.000		6.604.000	
6757	21020012	Vũ Minh Điềm	Chuẩn	K66I-IT2	0	9.652.000		9.652.000	
6758	21020026	Trần Minh Sáng	Chuẩn	K66I-IT2	0	3.556.000		3.556.000	
6759	21020060	Cao Thị Thùy Dương	Chuẩn	K66I-IT2	0	4.572.000		4.572.000	
6760	21020081	Trần Thọ Mạnh	Chuẩn	K66I-IT2	0	3.556.000		3.556.000	
6761	21020264	Nguyễn Quang Vinh	Chuẩn	K66I-IT2	0	7.112.000		7.112.000	
6762	21020296	Phạm Văn Sơn Dương	Chuẩn	K66I-IT2	0	3.556.000		3.556.000	
6763	21020314	Nguyễn Hoàng Hào	Chuẩn	K66I-IT2	0	3.556.000		3.556.000	
6764	21020332	Trương Đức Huy	Chuẩn	K66I-IT2	0	9.652.000		9.652.000	
6765	21020366	Lê Vũ Minh Nghĩa	Chuẩn	K66I-IT2	0	3.556.000		3.556.000	
6766	21020414	Đặng Thị Thanh Trúc	Chuẩn	K66I-IT2	0	5.080.000		5.080.000	
6767	21020553	Hoàng Minh Quân	Chuẩn	K66I-IT2	0	3.556.000		3.556.000	
6768	21020556	Nguyễn Đức Tùng	Chuẩn	K66I-IT2	1.350.000	1.524.000		2.874.000	Nợ kỳ hè 24-25
6769	21020778	Dương Bình Minh	Chuẩn	K66I-IT2	0	8.128.000		8.128.000	
6770	21021657	Ma Công Hiệu	Chuẩn	K66I-IT2	0	0		0	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6771	21020021	Nguyễn Việt Anh Khoa	Chuẩn	K66I-IT20	0	3.556.000		3.556.000	
6772	21020056	Nguyễn Tấn Dũng	Chuẩn	K66I-IT20	3.600.000	4.572.000		8.172.000	Nợ kỳ hè 24-25
6773	21020080	Phạm Khánh Linh	Chuẩn	K66I-IT20	0	3.556.000		3.556.000	
6774	21020091	Trần Bá Toàn	Chuẩn	K66I-IT20	0	5.080.000		5.080.000	
6775	21020295	Đoàn Mạnh Dương	Chuẩn	K66I-IT20	0	3.048.000		3.048.000	
6776	21020298	Lê Viết Đạt	Chuẩn	K66I-IT20	0	4.572.000		4.572.000	
6777	21020311	Nguyễn Việt Hà	Chuẩn	K66I-IT20	0	508.000		508.000	
6778	21020423	Lê Tiến Vũ	Chuẩn	K66I-IT20	0	4.572.000		4.572.000	
6779	21020537	Lê Thanh Bình	Chuẩn	K66I-IT20	0	3.556.000		3.556.000	
6780	21021660	Lương Phùng Nhâm	Chuẩn	K66I-IT20	0	3.556.000		3.556.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6781	21020070	Nguyễn Xuân Hiếu	Chuẩn	K66I-IT3	0	11.684.000		11.684.000	
6782	21020085	Nguyễn Hải Phong	Chuẩn	K66I-IT3	0	6.604.000		6.604.000	
6783	21020088	Lê Khả Thái Sơn	Chuẩn	K66I-IT3	0	4.572.000		4.572.000	
6784	21020120	Mai Thanh Hải	Chuẩn	K66I-IT3	0	1.524.000		1.524.000	
6785	21020123	Nguyễn Tiến Hoàng	Chuẩn	K66I-IT3	0	508.000		508.000	
6786	21020297	Lê Minh Đạt	Chuẩn	K66I-IT3	0	3.556.000		3.556.000	
6787	21020370	Hoàng Văn Nguyên	Chuẩn	K66I-IT3	0	3.556.000		3.556.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6788	21020551	Đoàn Phúc Nguyên	Chuẩn	K66I-IT3	0	508.000		508.000	
6789	21020771	Quan Trung Kiên	Chuẩn	K66I-IT3	0	1.524.000		1.524.000	
6790	21020795	Đinh Đức Thuận	Chuẩn	K66I-IT3	0	3.556.000		3.556.000	
6791	21021658	Hà Duy Khánh	Chuẩn	K66I-IT3	0	3.048.000		3.048.000	
6792	21020115	Hoàng Khải	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6793	21020260	Phạm Huy Anh	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6794	21020265	Phạm Khắc Hiếu	Chuẩn	K66M-AT	0	10.160.000		10.160.000	
6795	21020479	Nguyễn Việt Anh	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6796	21020480	Phạm Thế Anh	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6797	21020481	Nguyễn Công Bình	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6798	21020482	Kiều Đức Dũng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6799	21020483	Nguyễn Tiến Dũng	Chuẩn	K66M-AT	0	7.620.000		7.620.000	
6800	21020484	Nguyễn Tuấn Dũng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6801	21020485	Vương Tiến Dũng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6802	21020486	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6803	21020487	Phạm Minh Đức	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6804	21020488	Phạm Vũ Hải	Chuẩn	K66M-AT	3.150.000	1.524.000		4.674.000	Nợ kỳ hè 24-25
6805	21020489	Lê Việt Hoàng	Chuẩn	K66M-AT	0	8.128.000		8.128.000	
6806	21020490	Nguyễn Văn Huy	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6807	21020491	Đoàn Tất Khởi	Chuẩn	K66M-AT	0	8.128.000		8.128.000	
6808	21020492	Phạm Hoàng Lâm	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6809	21020493	Nguyễn Phương Nam	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6810	21020494	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6811	21020495	Hoàng Văn Nguyên	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6812	21020496	Phạm Như Nguyên	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6813	21020497	Nguyễn Thị Thu Phương	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6814	21020498	Nguyễn Hoàng Quân	Chuẩn	K66M-AT	0	9.652.000		9.652.000	
6815	21020499	Đào Nam Sơn	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6816	21020500	Chu Anh Tuấn	Chuẩn	K66M-AT	0	8.128.000		8.128.000	
6817	21020501	Lại Văn Thắng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6818	21020502	Trần Đức Thịnh	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6819	21020503	Nguyễn Trung Thực	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6820	21020504	Trần Văn Việt	Chuẩn	K66M-AT	0	8.636.000		8.636.000	
6821	21020533	Nguyễn Lâm Thái	Chuẩn	K66M-AT	0	10.160.000		10.160.000	
6822	21020712	Nguyễn Hữu An	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6823	21020714	Nguyễn Văn Hào	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6824	21020715	Nguyễn Kim Huy	Chuẩn	K66M-AT	0	9.652.000		9.652.000	
6825	21020798	Đinh Anh Tùng	Chuẩn	K66M-AT	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6826	21020861	Phạm Thành Công	Chuẩn	K66M-AT	0	8.128.000		8.128.000	
6827	21020862	Cao Tiến Dũng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6828	21020863	Hoàng Khánh Dương	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6829	21020864	Nguyễn Thái Dương	Chuẩn	K66M-AT	0	7.620.000		7.620.000	
6830	21020865	Đỗ Văn Hào	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6831	21020866	Vi Văn Hòa	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6832	21020868	Phạm Hoàng Long	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6833	21020869	Lạc Thị Thùy Ngân	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6834	21020870	Lê Ngọc Nhạc	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6835	21020871	Nguyễn Vũ Quang	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6836	21020872	Nguyễn Duy Quốc	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6837	21020873	Vũ Văn Quyết	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6838	21020874	Lê Hồng Sáng	Chuẩn	K66M-AT	0	8.636.000		8.636.000	
6839	21020875	Vũ Đức Thành	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6840	21020876	Nguyễn Hữu Thắng	Chuẩn	K66M-AT	0	8.636.000		8.636.000	
6841	21020877	Nguyễn Trọng Thịnh	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6842	21020878	Phùng Văn Tĩnh	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6843	21020879	Nguyễn Văn Tráng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6844	21020880	Hà Diệu Trúc	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6845	21020881	Vũ Xuân Trường	Chuẩn	K66M-AT	0	7.112.000		7.112.000	
6846	21020882	Lê Văn Anh Tuấn	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6847	21020883	Cao Xuân Tùng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6848	21020884	Vương Thanh Tùng	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6849	21020885	Nguyễn Long Vũ	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6850	21021674	Bùi Quang Huy	Chuẩn	K66M-AT	0	6.604.000		6.604.000	
6851	21021675	Phạm Anh Quân	Chuẩn	K66M-AT	0	9.144.000		9.144.000	
6852	21020153	Trần Trung Mạnh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6853	21020575	Doãn Thị Minh Châu	Chuẩn	K66M-EM	0	11.684.000		11.684.000	
6854	21020720	Nguyễn Mạnh Chính	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6855	21020721	Cao Ngô Hoàng Dũng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6856	21020722	Nguyễn Anh Tùng	Chuẩn	K66M-EM	0	6.604.000		6.604.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6857	21021068	Bùi Đình An	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6858	21021069	Lê Văn Anh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6859	21021070	Nguyễn Phúc Gia Anh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6860	21021072	Chu Văn Bảo	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6861	21021074	Phạm Xuân Bắc	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6862	21021075	Nguyễn Đăng Cường	Chuẩn	K66M-EM	0	6.604.000		6.604.000	
6863	21021076	Nguyễn Công Doanh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6864	21021077	Lê Tuấn Dũng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6865	21021078	Phí Ngọc Đại	Chuẩn	K66M-EM	0	6.604.000		6.604.000	
6866	21021079	Nguyễn Hồng Đạt	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6867	21021080	Vũ Thành Đạt	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6868	21021081	Nguyễn Mạnh Điệp	Chuẩn	K66M-EM	0	10.160.000		10.160.000	
6869	21021082	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6870	21021083	Nguyễn Trung Đức	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6871	21021084	Đỗ Tiến Hải	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6872	21021085	Lê Dương Hào	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6873	21021086	Phạm Minh Hiền	Chuẩn	K66M-EM	0	5.588.000		5.588.000	
6874	21021087	Lê Trung Hiếu	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6875	21021088	Nguyễn Đức Hiếu	Chuẩn	K66M-EM	0	5.588.000		5.588.000	
6876	21021089	Vũ Trung Hiếu	Chuẩn	K66M-EM	0	6.096.000		6.096.000	
6877	21021090	Vũ Văn Hiếu	Chuẩn	K66M-EM	0	5.588.000		5.588.000	
6878	21021091	Vũ Đình Hoan	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6879	21021092	Nguyễn Xuân Minh Hoàng	Chuẩn	K66M-EM	-80.000	5.080.000		5.000.000	SV đóng kỳ trước
6880	21021093	Đào Phi Hùng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6881	21021094	Lê Bá Hoàng Hùng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6882	21021095	Nguyễn Quốc Hưng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6883	21021096	Phạm Quang Khải	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6884	21021097	Nguyễn Đăng Khoa	Chuẩn	K66M-EM	-18.390	7.112.000		7.093.610	SV đóng kỳ trước
6885	21021098	Phạm Đăng Khoa	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6886	21021099	Nguyễn Xuân Kỳ	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6887	21021100	Ngô Tùng Lâm	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6888	21021101	Nguyễn Tùng Lâm	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6889	21021102	Quách Tiến Lâm	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6890	21021103	Trần Thành Long	Chuẩn	K66M-EM	3.150.000	3.048.000		6.198.000	Nợ kỳ hè 24-25
6891	21021104	Lê Anh Lợi	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6892	21021105	Nguyễn Văn Mạnh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6893	21021106	Vũ Đức Mạnh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6894	21021107	Trần Hữu Nam	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6895	21021108	Đỗ Như Nghiệp	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6896	21021109	Trần Văn Ngọc	Chuẩn	K66M-EM	0	9.144.000		9.144.000	
6897	21021110	Đậu Hồng Phong	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6898	21021111	Phạm Bá Phong	Chuẩn	K66M-EM	0	9.144.000		9.144.000	
6899	21021113	Hoàng Minh Đăng Quang	Chuẩn	K66M-EM	0	5.588.000		5.588.000	
6900	21021114	Phạm Minh Quang	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6901	21021115	Đào Anh Quân	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6902	21021116	Phan Minh Quân	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6903	21021117	Trần Hồng Quân	Chuẩn	K66M-EM	0	6.604.000		6.604.000	
6904	21021118	Đậu Thái Sơn	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6905	21021119	Trần Thái Sơn	Chuẩn	K66M-EM	0	8.128.000		8.128.000	
6906	21021120	Dương Đức Tài	Chuẩn	K66M-EM	0	5.588.000		5.588.000	
6907	21021121	Trần Hữu Thái	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6908	21021122	Đỗ Tiến Thành	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6909	21021123	Lê Đức Thành	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6910	21021124	Ngô Đình Thành	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6911	21021125	Nguyễn Quang Thắng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6912	21021126	Trần Quyết Thắng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.588.000		5.588.000	
6913	21021127	Vũ Đức Thiện	Chuẩn	K66M-EM	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
6914	21021128	Ngô Tiến Thịnh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6915	21021129	Nguyễn Văn Tiến	Chuẩn	K66M-EM	0	6.096.000		6.096.000	
6916	21021130	Nguyễn Văn Tráng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6917	21021131	Lương Quang Trung	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6918	21021132	Phạm Đình Trung	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6919	21021133	Trương Hoàng Tú	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6920	21021134	Nguyễn Quốc Tuấn	Chuẩn	K66M-EM	0	7.112.000		7.112.000	
6921	21021135	Trần Đình Tuấn	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6922	21021136	Trương Hoàng Tuấn	Chuẩn	K66M-EM	1.350.000	5.588.000		6.938.000	Nợ kỳ hè 24-25
6923	21021137	Cao Văn Tùng	Chuẩn	K66M-EM	0	7.112.000		7.112.000	
6924	21021138	Lê Nguyễn Tùng	Chuẩn	K66M-EM	0	10.160.000		10.160.000	
6925	21021140	Trần Đình Tùng	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6926	21021141	Lê Thế Việt	Chuẩn	K66M-EM	0	5.588.000		5.588.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6927	21021142	Vũ Trí Vinh	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6928	21021143	Vũ Quang Vũ	Chuẩn	K66M-EM	0	11.176.000		11.176.000	
6929	21021144	Trần Văn Vương	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6930	21021145	Lê Hùng Vỹ	Chuẩn	K66M-EM	0	5.080.000		5.080.000	
6931	21021669	Bùi Minh Hoàng	Chuẩn	K66M-EM	0	8.636.000		8.636.000	
6932	21020572	Lê Quang Kiên	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6933	21020719	Nguyễn Phong Hào	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6934	21020956	Vi Hoàng Anh	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6935	21020963	Bùi Hữu Duân	Chuẩn	K66P-EE	0	6.096.000		6.096.000	
6936	21020970	Đặng Tuấn Đạt	Chuẩn	K66P-EE	0	6.604.000		6.604.000	
6937	21020971	Vũ Quang Đạt	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6938	21020977	Trần Đông Đức	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6939	21020979	Ngô Việt Hà	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6940	21020980	Nguyễn Cảnh Hà	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6941	21020986	Phạm Thanh Hoan	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6942	21020988	Phạm Minh Hoàn	Chuẩn	K66P-EE	0	7.620.000		7.620.000	
6943	21020989	Phan Đức Hùng	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6944	21020991	Nguyễn Nhân Hưởng	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6945	21020996	Phạm Tuấn Kiên	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6946	21020997	Phạm Đăng Quang Lễ	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6947	21020999	Hoàng Bảo Long	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6948	21021003	Bùi Thành Lương	Chuẩn	K66P-EE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6949	21021006	Nguyễn Đăng Mạnh	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6950	21021011	Nguyễn Xuân Mỹ	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6951	21021012	Nguyễn Hồ Hải Nam	Chuẩn	K66P-EE	0	9.144.000		9.144.000	
6952	21021013	Nguyễn Đức Nguyên	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6953	21021014	Bùi Thanh Phong	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6954	21021020	Nguyễn Đình Quang	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6955	21021021	Nguyễn Đoàn Tùng Quân	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6956	21021023	Tô Anh Quân	Chuẩn	K66P-EE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
6957	21021026	Phạm Trọng Sáng	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6958	21021028	Mai Tiến Sỹ	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6959	21021029	Nguyễn Văn Sỹ	Chuẩn	K66P-EE	-38.000	5.588.000		5.550.000	SV đóng kỳ trước

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6960	21021031	Nguyễn Minh Thái	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6961	21021037	Nguyễn Tuấn Thành	Chuẩn	K66P-EE	0	6.096.000		6.096.000	
6962	21021039	Vũ Thị Thương Thảo	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6963	21021040	Ngô Văn Thắng	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6964	21021043	Lê Việt Thọ	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6965	21021045	Đào Văn Tiến	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6966	21021048	Phạm Phú Trọng	Chuẩn	K66P-EE	0	6.096.000		6.096.000	
6967	21021049	Bùi Quang Trung	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6968	21021050	Đoàn Đức Trung	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6969	21021051	Nguyễn Đỗ Quốc Trường	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6970	21021052	Bùi Quốc Trường	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6971	21021053	Nguyễn Đình Anh Tú	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6972	21021054	Phí Ngọc Tuấn	Chuẩn	K66P-EE	0	6.604.000		6.604.000	
6973	21021057	Nguyễn Hợp Bảo Tùng	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6974	21021058	Nguyễn Xuân Tùng	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6975	21021059	Bùi Hoàng Văn	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6976	21021060	Vũ Bá Văn	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6977	21021061	Hàn Triết Viên	Chuẩn	K66P-EE	0	5.588.000		5.588.000	
6978	21021063	Đặng Hữu Vinh	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6979	21021065	Trịnh Trọng Vinh	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6980	21021067	Vũ Xuân Huy	Chuẩn	K66P-EE	0	5.080.000		5.080.000	
6981	21021676	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K66P-EE	0	9.144.000		9.144.000	
6982	21020955	Doãn Tuấn Anh	Chuẩn	K66P-EP	0	2.032.000		2.032.000	
6983	21020969	Dương Nguyên Đạt	Chuẩn	K66P-EP	0	1.016.000		1.016.000	
6984	21020973	Nguyễn Minh Điệp	Chuẩn	K66P-EP	0	4.572.000		4.572.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
6985	21020975	Dương Hoàng Đức	Chuẩn	K66P-EP	0	1.524.000		1.524.000	
6986	21020982	Nguyễn Công Hậu	Chuẩn	K66P-EP	0	3.048.000		3.048.000	
6987	21020985	Nguyễn Trọng Hiếu	Chuẩn	K66P-EP	0	1.524.000		1.524.000	
6988	21020998	Phạm Duy Linh	Chuẩn	K66P-EP	0	1.016.000		1.016.000	
6989	21021007	Nguyễn Văn Mạnh	Chuẩn	K66P-EP	0	508.000		508.000	
6990	21021022	Phạm Minh Quân	Chuẩn	K66P-EP	0	6.604.000		6.604.000	
6991	21020598	Phạm Việt Anh	Chuẩn	K66S-AE	0	8.636.000		8.636.000	
6992	21020601	Phạm Minh Quang	Chuẩn	K66S-AE	0	8.128.000		8.128.000	
6993	21020724	Nguyễn Trung Dũng	Chuẩn	K66S-AE	0	3.556.000		3.556.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
6994	21020725	Đỗ Quang Huy	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
6995	21021396	Lương Thành An	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
6996	21021397	Dương Kỳ Anh	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
6997	21021398	Đinh Quốc Anh	Chuẩn	K66S-AE	0	5.080.000		5.080.000	
6998	21021400	Trần Văn Cao	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
6999	21021401	Phùng Tuấn Cường	Chuẩn	K66S-AE	0	8.636.000		8.636.000	
7000	21021403	Lương Trí Dũng	Chuẩn	K66S-AE	0	8.636.000		8.636.000	
7001	21021404	Lâm Thanh Duy	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7002	21021405	Nguyễn Sỹ Duy	Chuẩn	K66S-AE	0	8.636.000		8.636.000	
7003	21021406	Nguyễn Phúc Dương	Chuẩn	K66S-AE	0	11.684.000		11.684.000	
7004	21021407	Phạm Thái Dương	Chuẩn	K66S-AE	0	11.176.000		11.176.000	
7005	21021408	Nguyễn Tiến Đạt	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7006	21021409	Trần Đức Đạt	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7007	21021410	Trần Quốc Đạt	Chuẩn	K66S-AE	0	7.112.000		7.112.000	
7008	21021411	Ninh Hải Đăng	Chuẩn	K66S-AE	0	8.128.000		8.128.000	
7009	21021413	Vũ Việt Đức	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7010	21021414	Nguyễn Trường Giang	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7011	21021416	Đỗ Minh Hiếu	Chuẩn	K66S-AE	0	10.668.000		10.668.000	
7012	21021417	Trần Chí Hoàng	Chuẩn	K66S-AE	0	10.160.000		10.160.000	
7013	21021418	Lê Tuấn Hùng	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7014	21021419	Nguyễn Bá Phi Hùng	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7015	21021420	Nguyễn Trọng Khánh Huy	Chuẩn	K66S-AE	0	8.128.000		8.128.000	
7016	21021421	Phạm Quang Huy	Chuẩn	K66S-AE	0	5.080.000		5.080.000	
7017	21021423	Đỗ Hải Long	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7018	21021424	Lê Đức Lương	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7019	21021425	Vũ Đức Lương	Chuẩn	K66S-AE	0	8.128.000		8.128.000	
7020	21021427	Nguyễn Công Minh	Chuẩn	K66S-AE	0	12.700.000		12.700.000	
7021	21021428	Nguyễn Trung Nam	Chuẩn	K66S-AE	0	9.652.000		9.652.000	
7022	21021429	Phạm Thị Kim Ngân	Chuẩn	K66S-AE	0	8.128.000		8.128.000	
7023	21021431	Nguyễn Đăng Quang	Chuẩn	K66S-AE	0	10.160.000		10.160.000	
7024	21021434	Vũ Xuân Quân	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7025	21021435	Phùng Thắng Quyết	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7026	21021436	Nguyễn Tư Sơn	Chuẩn	K66S-AE	0	8.636.000		8.636.000	
7027	21021437	Phạm Văn Sơn	Chuẩn	K66S-AE	0	8.636.000		8.636.000	
7028	21021438	Vũ Phan Nhật Thành	Chuẩn	K66S-AE	0	3.048.000		3.048.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7029	21021439	Nguyễn Ngọc Hương Thảo	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7030	21021441	Lê Toàn Thắng	Chuẩn	K66S-AE	0	8.128.000		8.128.000	
7031	21021445	Nguyễn Hữu Trường	Chuẩn	K66S-AE	0	10.160.000		10.160.000	
7032	21021446	Bùi Anh Tú	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7033	21021447	Trần Anh Tú	Chuẩn	K66S-AE	0	9.652.000		9.652.000	
7034	21021449	Lê Anh Tuấn	Chuẩn	K66S-AE	0	6.604.000		6.604.000	
7035	21021451	Phạm Thành Việt	Chuẩn	K66S-AE	0	9.144.000		9.144.000	
7036	22022502	Nguyễn Hoàng Vũ	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.896.000		4.896.000	
7037	22022504	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7038	22022509	Nguyễn Trường Huy	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7039	22022513	Trần Hùng Đức	Chuẩn	K67A-AI1	0	2.448.000		2.448.000	
7040	22022514	Vũ Đức Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.080.000		4.080.000	
7041	22022517	Bùi Tiến Sâm	Chuẩn	K67A-AI1	0	816.000		816.000	
7042	22022519	Quản Xuân Sơn	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	
7043	22022520	Phạm Long Nhật	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)
7044	22022523	Trần Văn Dy	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.896.000		4.896.000	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7045	22022524	Phùng Đình Thuận	Chuẩn	K67A-AI1	9.945.000			9.945.000	Nợ K2/24-25
7046	22022532	Trần Kim Thành	Chuẩn	K67A-AI1	0	10.608.000		10.608.000	
7047	22022534	Nguyễn Phan Hiền	Chuẩn	K67A-AI1	0	11.424.000		11.424.000	
7048	22022536	Trịnh Minh Hiếu	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7049	22022538	Tổng Duy Tân	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	
7050	22022541	Nguyễn Tiến Trung	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7051	22022547	Nguyễn Phú Lộc	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7052	22022551	Bùi Ngọc Khánh	Chuẩn	K67A-AI1	0	9.792.000		9.792.000	
7053	22022553	Nguyễn Quốc Tuấn	Chuẩn	K67A-AI1	0	7.344.000		7.344.000	
7054	22022559	Bùi Duy Quảng	Chuẩn	K67A-AI1	2.295.000	7.344.000		9.639.000	Nợ kỳ hè 24-25
7055	22022561	Đỗ Quang Dũng	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7056	22022562	Cao Tuấn Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	
7057	22022563	Lê Hoàng Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	10.608.000		10.608.000	
7058	22022565	Nguyễn Công Huynh	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.080.000		4.080.000	
7059	22022568	Phó Viết Tiến Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	13.872.000		13.872.000	
7060	22022571	Nguyễn Văn Trường	Chuẩn	K67A-AI1	0	7.344.000		7.344.000	
7061	22022572	Bùi Trọng Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	6.528.000		6.528.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7062	22022573	Đỗ Xuân Cảnh	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7063	22022576	Lê Trung Hiếu	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.896.000		4.896.000	
7064	22022581	Nguyễn Đức Thành	Chuẩn	K67A-AI1	0	9.792.000		9.792.000	
7065	22022582	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7066	22022583	Nguyễn Huy Hoàng Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	17.136.000		17.136.000	
7067	22022584	Nguyễn Huy Hoàng	Chuẩn	K67A-AI1	0	10.608.000		10.608.000	
7068	22022586	Nguyễn Duy Hậu	Chuẩn	K67A-AI1	0	6.528.000		6.528.000	
7069	22022588	Ngô Xuân Mạnh	Chuẩn	K67A-AI1	400.000	4.896.000		5.296.000	Nợ 1 phần kỳ hè 24-25
7070	22022593	Nguyễn Phương Đông	Chuẩn	K67A-AI1	0	13.056.000		13.056.000	
7071	22022595	Nguyễn Văn Hải	Chuẩn	K67A-AI1	1.530.000			1.530.000	Nợ K2/24-25
7072	22022596	Nguyễn Văn Thân	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.896.000		4.896.000	
7073	22022597	Trịnh Đắc Phú	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7074	22022599	Đỗ Hải Hà	Chuẩn	K67A-AI1	0	12.240.000		12.240.000	
7075	22022601	Cao Đặng Quốc Vương	Chuẩn	K67A-AI1	0	7.344.000		7.344.000	
7076	22022605	Nguyễn Duy Minh Lâm	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	
7077	22022608	Nguyễn Đức Tước	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	
7078	22022609	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	
7079	22022611	Hoàng Bùi Tuấn Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.896.000		4.896.000	
7080	22022613	Nguyễn Bảo Sơn	Chuẩn	K67A-AI1	0	2.448.000		2.448.000	
7081	22022618	Phạm Thành Nam	Chuẩn	K67A-AI1	0	2.448.000		2.448.000	
7082	22022625	Phạm Anh Quân	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	
7083	22022626	Hồ Hà Ngọc Nhất	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)
7084	22022627	Lê Thành Đạt	Chuẩn	K67A-AI1	0	12.240.000		12.240.000	
7085	22022629	Hồ Cảnh Quyền	Chuẩn	K67A-AI1	0	7.344.000		7.344.000	
7086	22022633	Trần Kim Dũng	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7087	22022634	Phạm Chiến	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7088	22022638	Dương Thị Thu Thảo	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7089	22022639	Trần Đức Hùng	Chuẩn	K67A-AI1	0	9.792.000		9.792.000	
7090	22022640	Nguyễn Lâm Tùng Bách	Chuẩn	K67A-AI1	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7091	22022641	Hồ Lê Dương	Chuẩn	K67A-AI1	2.295.000	8.976.000		11.271.000	Nợ kỳ hè 24-25
7092	22022642	Lê Tuấn Anh	Chuẩn	K67A-AI1	0	7.344.000		7.344.000	
7093	22022644	Nguyễn Tiến Dũng	Chuẩn	K67A-AI1	0	8.160.000		8.160.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7094	22022646	Trần Hồng Đăng	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7095	22022647	Bùi Thế Long	Chuẩn	K67A-AI1	0	3.264.000		3.264.000	
7096	22022651	Bàn Hoàng Sơn	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7097	22022652	Ngô Đức Hùng	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7098	22022654	Triệu Vũ Hoàn	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7099	22022657	Lê Văn Đức	Chuẩn	K67A-AI1	0	2.448.000		2.448.000	
7100	22022658	Nguyễn Tiến Khôi	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7101	22022659	Dương Phương Hiếu	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.896.000		4.896.000	
7102	22022660	Lý Quốc An	Chuẩn	K67A-AI1	0	12.240.000		12.240.000	
7103	22022662	Hoàng Đình Hưng	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7104	22022667	Bùi Thế Huy	Chuẩn	K67A-AI1	0	5.712.000		5.712.000	
7105	22022670	Cao Xuân Nguyên	Chuẩn	K67A-AI1	0	4.080.000		4.080.000	
7106	22022674	Hồ Tú Minh	Chuẩn	K67A-AI1	0	20.400.000		20.400.000	
7107	22022500	Nguyễn Quý Đăng	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7108	22022505	Chu Hữu Đăng Trường	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7109	22022518	Quách Đắc Chính	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7110	22022525	Trần An Thắng	Chuẩn	K67A-AI2	0	7.344.000		7.344.000	
7111	22022526	Nguyễn Trần Hải Ninh	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7112	22022527	Phan Văn Hiếu	Chuẩn	K67A-AI2	0	3.264.000		3.264.000	
7113	22022528	Lê Anh Tiến	Chuẩn	K67A-AI2	0	15.504.000		15.504.000	
7114	22022529	Bùi Quang Vinh	Chuẩn	K67A-AI2	0	8.160.000		8.160.000	
7115	22022531	Đình Duy Bách	Chuẩn	K67A-AI2	0	7.344.000		7.344.000	
7116	22022533	Nguyễn Đức Minh	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7117	22022535	Lê Hữu Đức	Chuẩn	K67A-AI2	0	12.240.000		12.240.000	
7118	22022537	Đỗ Minh Nhật	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7119	22022539	Nguyễn Bảo Sơn	Chuẩn	K67A-AI2	0	16.320.000		16.320.000	
7120	22022542	Nguyễn Minh Hường	Chuẩn	K67A-AI2	0	10.608.000		10.608.000	
7121	22022544	Lê Nguyên Vũ	Chuẩn	K67A-AI2	0	12.240.000		12.240.000	
7122	22022545	Nguyễn Trọng Huy	Chuẩn	K67A-AI2	0	13.872.000		13.872.000	
7123	22022546	Tạ Nguyên Dũng	Chuẩn	K67A-AI2	0	3.264.000		3.264.000	
7124	22022548	Hoàng Đăng Khoa	Chuẩn	K67A-AI2	0	7.344.000		7.344.000	
7125	22022549	Khổng Ngọc Anh	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7126	22022552	Trần Đức Đăng Khôi	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)
7127	22022554	Nguyễn Gia Lộc	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.896.000		4.896.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7128	22022555	Vũ Minh Đăng	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.896.000		4.896.000	
7129	22022556	Vũ Minh Khải	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.896.000		4.896.000	
7130	22022557	Đỗ Tiến Dũng	Chuẩn	K67A-AI2	0	13.056.000		13.056.000	
7131	22022558	Nguyễn Xuân Trình	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7132	22022560	Phạm Khắc Tiệp	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)
7133	22022564	Phạm Văn Trường	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7134	22022566	Nguyễn Kim Hoàng Anh	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7135	22022567	Hồ Minh Hoàng	Chuẩn	K67A-AI2	0	12.240.000		12.240.000	
7136	22022569	Trần Nam Anh	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7137	22022570	Lê Hữu Phúc	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7138	22022574	Bùi Văn Khải	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7139	22022575	Bùi Duy Hải	Chuẩn	K67A-AI2	0	10.608.000		10.608.000	
7140	22022577	Đỗ Ngọc Anh	Chuẩn	K67A-AI2	0	19.584.000		19.584.000	
7141	22022578	Chu Thân Nhất	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7142	22022580	Vũ Đình Thọ	Chuẩn	K67A-AI2	0	6.528.000		6.528.000	
7143	22022585	Vũ Việt Hùng	Chuẩn	K67A-AI2	0	18.768.000		18.768.000	
7144	22022587	Vũ Minh Đức	Chuẩn	K67A-AI2	0	8.976.000		8.976.000	
7145	22022589	Đào Duy Hưng	Chuẩn	K67A-AI2	0	13.872.000		13.872.000	
7146	22022590	Ngô Huy Hoàn	Chuẩn	K67A-AI2	0	9.792.000		9.792.000	
7147	22022591	Nguyễn Xuân Hiệp	Chuẩn	K67A-AI2	0	8.160.000		8.160.000	
7148	22022594	Trần Tiến Nam	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7149	22022600	Nguyễn Hải Nam	Chuẩn	K67A-AI2	0	6.120.000		6.120.000	
7150	22022603	Nguyễn Trọng Khánh	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7151	22022604	Phạm Thành Long	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.896.000		4.896.000	
7152	22022607	Phạm Công Đức	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7153	22022610	Vũ Minh Hiếu	Chuẩn	K67A-AI2	0	9.792.000		9.792.000	
7154	22022612	Chu Huỳnh Đức	Chuẩn	K67A-AI2	0	8.160.000		8.160.000	
7155	22022614	Phạm Đăng Phong	Chuẩn	K67A-AI2	0	6.528.000		6.528.000	
7156	22022615	Đinh Văn Sinh	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.896.000		4.896.000	
7157	22022616	Vương Ngọc Quân	Chuẩn	K67A-AI2	0	6.528.000		6.528.000	
7158	22022620	Vũ Thành Đạt	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7159	22022621	Hà Kim Dương	Chuẩn	K67A-AI2	0	8.160.000		8.160.000	
7160	22022622	Lê Tuấn Anh	Chuẩn	K67A-AI2	0	19.584.000		19.584.000	
7161	22022623	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuẩn	K67A-AI2	0	14.280.000		14.280.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7162	22022624	Nguyễn Tuấn Thành	Chuẩn	K67A-AI2	0	11.424.000		11.424.000	
7163	22022628	Vũ Đình Quang Huy	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7164	22022630	Nguyễn Công Thành	Chuẩn	K67A-AI2	0	7.344.000		7.344.000	
7165	22022631	Thái Thị Thùy Linh	Chuẩn	K67A-AI2	0	17.136.000		17.136.000	
7166	22022632	Nguyễn Viết Vũ	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7167	22022635	Nguyễn Tông Quân	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7168	22022649	Nguyễn Thế An	Chuẩn	K67A-AI2	0	17.136.000		17.136.000	
7169	22022650	Bùi Việt Anh	Chuẩn	K67A-AI2	0	3.264.000		3.264.000	
7170	22022655	Nguyễn Đức Huy	Chuẩn	K67A-AI2	0	9.792.000		9.792.000	
7171	22022661	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K67A-AI2	0	13.872.000		13.872.000	
7172	22022663	Hoàng Việt Tùng	Chuẩn	K67A-AI2	0	6.528.000		6.528.000	
7173	22022664	Đàm Văn Hiền	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.448.000		2.448.000	
7174	22022665	Nguyễn Quang Trung	Chuẩn	K67A-AI2	0	12.240.000		12.240.000	
7175	22022668	Hoàng Ngọc Hào	Chuẩn	K67A-AI2	0	4.896.000		4.896.000	
7176	22022669	Trần Phạm Hoàng	Chuẩn	K67A-AI2	0	5.712.000		5.712.000	
7177	22022671	Trần Quốc Sáng	Chuẩn	K67A-AI2	0	9.792.000		9.792.000	
7178	22022672	Thái Nguyễn Hoàng Bách	Chuẩn	K67A-AI2	0	13.056.000		13.056.000	
7179	22022673	Long Hoàng Vinh	Chuẩn	K67A-AI2	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7180	22025100	Phạm Huy Hoà	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.509.000		11.509.000	
7181	22025102	Nguyễn Xuân Thành	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.863.000		12.863.000	
7182	22025104	Nguyễn Hữu Hiệp	Chuẩn	K67C-CE1	0	10.832.000		10.832.000	
7183	22025109	Hoàng Nhật Nam	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.509.000		11.509.000	
7184	22025111	Nguyễn Việt Hùng	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.863.000		12.863.000	
7185	22025112	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Chuẩn	K67C-CE1	0	16.266.000		16.266.000	
7186	22025113	Long Thị Cẩm Nhung	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.186.000		12.186.000	
7187	22025119	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.509.000		11.509.000	
7188	22025120	Đào Duy Thái	Chuẩn	K67C-CE1	4.831.000	12.186.000		17.017.000	Nợ kỳ hè 24-25
7189	22025123	Bùi Tuấn Anh	Chuẩn	K67C-CE1	4.815.000	14.096.000		18.911.000	Nợ kỳ hè 24-25
7190	22025125	Đặng Tuấn Phong	Chuẩn	K67C-CE1	0	16.266.000		16.266.000	
7191	22025127	Đỗ Thúy Ngân	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.509.000		11.509.000	
7192	22025129	Nguyễn Đắc Hùng	Chuẩn	K67C-CE1	0	17.082.000		17.082.000	
7193	22025130	Lê Tuấn Anh	Chuẩn	K67C-CE1	6.653.000			6.653.000	Nợ kỳ hè 24-25
7194	22025132	Ngô Huy Hoàng	Chuẩn	K67C-CE1	6.623.000	15.849.000		22.472.000	Nợ kỳ hè 24-25
7195	22025137	Lê Trung Kiên	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.388.000		11.388.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7196	22025138	Nguyễn Kim Việt Anh	Chuẩn	K67C-CE1	0	13.141.000		13.141.000	
7197	22025140	Đỗ Trần Hợp	Chuẩn	K67C-CE1	0	13.818.000		13.818.000	
7198	22025141	Nguyễn Thành Vinh	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.186.000		12.186.000	
7199	22025143	Nguyễn Hiệu Minh	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.186.000		12.186.000	
7200	22025145	Tạ Tiến Long	Chuẩn	K67C-CE1	0	13.957.000		13.957.000	
7201	22025146	Phạm Quang Khải	Chuẩn	K67C-CE1	0	13.540.000		13.540.000	
7202	22025148	Phan Ngọc Sơn	Chuẩn	K67C-CE1	0	15.311.000		15.311.000	
7203	22025151	Phạm Văn Thông	Chuẩn	K67C-CE1	14.635.000	23.489.000		38.124.000	Nợ kỳ hè 24-25
7204	22025154	Nguyễn Phương Đông	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.509.000		11.509.000	
7205	22025159	Tăng Văn Cảnh	Chuẩn	K67C-CE1	0	16.266.000		16.266.000	
7206	22025160	Nguyễn Văn Toàn	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.863.000		12.863.000	
7207	22025162	Ngô Thúy An	Chuẩn	K67C-CE1	1.268.000	13.540.000		14.808.000	Nợ kỳ hè 24-25
7208	22025164	Đàm Văn Thường	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.186.000		12.186.000	
7209	22025167	Nguyễn Hữu Long	Chuẩn	K67C-CE1	0	14.217.000		14.217.000	
7210	22025171	Lê Văn Tùng	Chuẩn	K67C-CE1	8.153.000	12.621.000		20.774.000	Nợ kỳ hè 24-25
7211	22025173	Hoàng Văn Đạt	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.863.000		12.863.000	
7212	22025175	Nguyễn Văn Đạo	Chuẩn	K67C-CE1	6.623.000	12.186.000		18.809.000	Nợ kỳ hè 24-25
7213	22025176	Hoàng Hữu Thịnh	Chuẩn	K67C-CE1	0	18.853.000		18.853.000	
7214	22025182	Ngô Đăng Khoa	Chuẩn	K67C-CE1	0	14.217.000		14.217.000	
7215	22025184	Vũ Mai Dũng	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.186.000		12.186.000	
7216	22025192	Đinh Tuấn Anh	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.863.000		12.863.000	
7217	22025197	Mạc Anh Tuấn	Chuẩn	K67C-CE1	0	14.809.000		14.809.000	
7218	22025199	Lê Mạnh Tiến	Chuẩn	K67C-CE1	6.623.000	13.818.000		20.441.000	Nợ kỳ hè 24-25
7219	22025201	Vũ Đức Trung	Chuẩn	K67C-CE1	0	9.478.000		9.478.000	
7220	22025203	Phạm Bảo Ngọc	Chuẩn	K67C-CE1	6.623.000	12.603.000		19.226.000	Nợ kỳ hè 24-25
7221	22025205	Phạm Ngọc Tiến	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.186.000		12.186.000	
7222	22025210	Lê Văn Long	Chuẩn	K67C-CE1	0	12.186.000		12.186.000	
7223	22025212	Nguyễn Thế Quang	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.509.000		11.509.000	
7224	22025214	Phạm Thị Yên	Chuẩn	K67C-CE1	0	11.509.000		11.509.000	
7225	22025103	Dương Thành Huy	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7226	22025105	Nguyễn Việt Tinh	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.863.000		12.863.000	
7227	22025107	Phùng Mạnh Công	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7228	22025108	Phùng Văn Trọng	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.186.000		12.186.000	
7229	22025110	Lê Duy Thắng	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.863.000		12.863.000	
7230	22025114	Trần Minh Quang	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.186.000		12.186.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7231	22025115	Nguyễn Nhật Tân	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7232	22025121	Nguyễn Duy Thái	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.495.000		14.495.000	
7233	22025122	Lê Thanh Phan	Chuẩn	K67C-CE2	0	13.957.000		13.957.000	
7234	22025124	Mai Công Đoàn	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.863.000		12.863.000	
7235	22025126	Chu Quốc Hùng	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7236	22025128	Hồ Tiến Thịnh	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7237	22025131	Nguyễn Quang Tiến	Chuẩn	K67C-CE2	0	13.540.000		13.540.000	
7238	22025133	Nguyễn Tùng Lâm	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.217.000		14.217.000	
7239	22025134	Hoàng Việt Dũng	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7240	22025135	Phạm Văn Đức	Chuẩn	K67C-CE2	0	13.818.000		13.818.000	
7241	22025136	Nguyễn Thanh Bình	Chuẩn	K67C-CE2	0	15.988.000		15.988.000	
7242	22025144	Đặng Nguyễn Việt Anh	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.634.000		14.634.000	
7243	22025147	Phạm Công Toàn	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.186.000		12.186.000	
7244	22025149	Lê Quý Dương	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7245	22025150	Hoàng Văn Đạt	Chuẩn	K67C-CE2	0	13.141.000		13.141.000	
7246	22025152	Đỗ Thế Anh	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.186.000		12.186.000	
7247	22025153	Phạm Quang Anh	Chuẩn	K67C-CE2	10.144.000			10.144.000	Nợ K2/24-25
7248	22025155	Phạm Cao Minh	Chuẩn	K67C-CE2	3.683.000	14.495.000		18.178.000	Nợ 1 phần kỳ hè 24-25
7249	22025156	Trần Duy Thuần	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.464.000		12.464.000	
7250	22025157	Lê Mạnh Duy	Chuẩn	K67C-CE2	1.268.000	12.186.000		13.454.000	Nợ kỳ hè 24-25
7251	22025163	Phạm Quang Vinh	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7252	22025166	Nguyễn Bá Tước	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.495.000		14.495.000	
7253	22025169	Phan Mậu Khánh	Chuẩn	K67C-CE2	0	13.818.000		13.818.000	
7254	22025170	Lê Văn Luân	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.186.000		12.186.000	
7255	22025172	Lê Thị Thu Phương	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7256	22025174	Nguyễn Sỹ Hùng	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.495.000		14.495.000	
7257	22025179	Nguyễn Văn Nguyên	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7258	22025181	Nguyễn Xuân Trường	Chuẩn	K67C-CE2	0	10.832.000		10.832.000	
7259	22025186	Nguyễn Đức Long	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.186.000		12.186.000	
7260	22025188	Trần Đức Linh	Chuẩn	K67C-CE2	0	13.818.000		13.818.000	
7261	22025189	Vương Trung Kiên	Chuẩn	K67C-CE2	11.412.000	12.863.000		24.275.000	Nợ K2/24-25
7262	22025190	Lê Minh Hoàng	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.217.000		14.217.000	
7263	22025191	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.634.000		14.634.000	
7264	22025193	Nguyễn Việt Dũng	Chuẩn	K67C-CE2	0	15.988.000		15.988.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7265	22025194	Trương Anh Tú	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.217.000		14.217.000	
7266	22025200	Nguyễn Quang Tuấn	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.863.000		12.863.000	
7267	22025204	Nguyễn Tiến Thành	Chuẩn	K67C-CE2	0	11.509.000		11.509.000	
7268	22025206	Phạm Tuấn Đạt	Chuẩn	K67C-CE2	0	12.186.000		12.186.000	
7269	22025207	Nguyễn Bình An	Chuẩn	K67C-CE2	0	14.217.000		14.217.000	
7270	22025208	Hoàng Văn Ngọc	Chuẩn	K67C-CE2	-377.000	13.141.000		12.764.000	SV đóng kỳ trước
7271	22025209	Trịnh Hoàng Nam	Chuẩn	K67C-CE2	0	15.311.000		15.311.000	
7272	22022100	Phạm Văn Nam	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7273	22022101	Trần Xuân Lộc	Chuẩn	K67E-CE1	0	14.688.000		14.688.000	
7274	22022102	Vũ Đình Vương	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7275	22022104	Nghiêm Đình Dương	Chuẩn	K67E-CE1	0	17.952.000		17.952.000	
7276	22022105	Nguyễn Mạnh Dũng	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7277	22022106	Vũ Thế Quân	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.056.000		13.056.000	
7278	22022108	Nguyễn Long Vũ	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7279	22022109	Nguyễn Quang Minh	Chuẩn	K67E-CE1	0	18.768.000		18.768.000	
7280	22022111	Vũ Hải Triều	Chuẩn	K67E-CE1	0	5.712.000		5.712.000	
7281	22022112	Phạm Ngọc Khánh	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7282	22022115	Lê Phạm Hải Nam	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7283	22022117	Nguyễn Phong Tấn	Chuẩn	K67E-CE1	0	14.688.000		14.688.000	
7284	22022121	Đỗ An Duy	Chuẩn	K67E-CE1	0	14.688.000		14.688.000	
7285	22022122	Đoàn Hải Dương	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7286	22022123	Trần Quốc Toàn	Chuẩn	K67E-CE1	0	15.504.000		15.504.000	
7287	22022124	Nguyễn Huy Toàn	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7288	22022127	Lê Văn Tuệ	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7289	22022128	Lê Văn Hưng	Chuẩn	K67E-CE1	0	17.952.000		17.952.000	
7290	22022133	Nguyễn Năng Dương	Chuẩn	K67E-CE1	0	14.688.000		14.688.000	
7291	22022134	Nguyễn Phú Trọng	Chuẩn	K67E-CE1	0	9.792.000		9.792.000	
7292	22022136	Lương Quốc Hùng	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7293	22022137	Nguyễn Việt Hải	Chuẩn	K67E-CE1	0	17.136.000		17.136.000	
7294	22022138	Nguyễn Quốc An	Chuẩn	K67E-CE1	0	2.448.000		2.448.000	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7295	22022141	Nông Minh Khánh	Chuẩn	K67E-CE1	0	18.768.000		18.768.000	
7296	22022142	Giang Văn Huy	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7297	22022143	Trần Duy Khánh	Chuẩn	K67E-CE1	0	14.688.000		14.688.000	
7298	22022144	Nguyễn Đức Long	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7299	22022146	Hoàng Ngọc Minh	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7300	22022147	Nguyễn Tuấn Quang	Chuẩn	K67E-CE1	0	14.688.000		14.688.000	
7301	22022150	Nguyễn Xuân Huy	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7302	22022151	Nguyễn Đăng Giáp	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7303	22022152	Nguyễn Hữu Thắng	Chuẩn	K67E-CE1	0	18.768.000		18.768.000	
7304	22022155	Phạm Văn Phan	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7305	22022162	Nguyễn Văn Bình	Chuẩn	K67E-CE1	0	14.688.000		14.688.000	
7306	22022164	Lê Quốc Việt	Chuẩn	K67E-CE1	0	10.608.000		10.608.000	
7307	22022165	Nguyễn Hoàng Nam	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7308	22022168	Nguyễn Tuấn Anh	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.872.000		13.872.000	
7309	22022171	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K67E-CE1	0	11.424.000		11.424.000	
7310	22022173	Nguyễn Trọng Hoàng	Chuẩn	K67E-CE1	0	13.056.000		13.056.000	
7311	22022176	Cao Lê Phụng	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7312	22022181	Lê Vũ Đức Hiếu	Chuẩn	K67E-CE1	0	17.952.000		17.952.000	
7313	22022184	Nguyễn Thùy Linh	Chuẩn	K67E-CE1	0	15.504.000		15.504.000	
7314	22022186	Vũ Quang Duy	Chuẩn	K67E-CE1	0	15.504.000		15.504.000	
7315	22022187	Lê Thị Hồng Hoa	Chuẩn	K67E-CE1	0	17.952.000		17.952.000	
7316	22022189	Trần Đức Anh	Chuẩn	K67E-CE1	0	15.504.000		15.504.000	
7317	22022191	Lê Mai Việt Hoàng	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7318	22022194	Lê Doãn Tuấn	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7319	22022198	Nguyễn Thành Đạt	Chuẩn	K67E-CE1	-290.000	14.688.000		14.398.000	SV đóng kỳ trước
7320	22022200	Võ Văn Cường	Chuẩn	K67E-CE1	0	17.136.000		17.136.000	
7321	22022201	Phan Đình Danh	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7322	22022202	Nguyễn Tuấn Khải	Chuẩn	K67E-CE1	0	18.768.000		18.768.000	
7323	22022204	Nguyễn Văn Phong	Chuẩn	K67E-CE1	0	12.240.000		12.240.000	
7324	22022206	Hoàng Anh Dũng	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7325	22022210	Hưng Minh Tuấn	Chuẩn	K67E-CE1	0	15.504.000		15.504.000	
7326	22022211	Đào Đình Hưng	Chuẩn	K67E-CE1	0	11.424.000		11.424.000	
7327	22022214	Trần Duy Thúc	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7328	22022216	Lê Anh Đức	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7329	22022217	Dương Minh Kiên	Chuẩn	K67E-CE1	0	16.320.000		16.320.000	
7330	22022103	Ngô Đức Hiếu	Chuẩn	K67E-CE2	0	15.504.000		15.504.000	
7331	22022107	Vũ Minh Hoàng Tùng	Chuẩn	K67E-CE2	0	12.240.000		12.240.000	
7332	22022110	Nguyễn Đức Triệu	Chuẩn	K67E-CE2	0	12.240.000		12.240.000	
7333	22022113	Nguyễn Tiến Dũng	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7334	22022114	Vũ Anh Tuấn	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7335	22022116	Đường Văn Long	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7336	22022118	Phạm Văn Duy	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7337	22022119	Trịnh Minh Khanh	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7338	22022120	Tô Hồng Khánh	Chuẩn	K67E-CE2	0	22.032.000		22.032.000	
7339	22022125	Trần Ngọc Tú	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.136.000		17.136.000	
7340	22022126	Lê Anh Huy	Chuẩn	K67E-CE2	0	15.504.000		15.504.000	
7341	22022129	Vương Hoàng Quý	Chuẩn	K67E-CE2	10.710.000			10.710.000	Nợ K2/24-25
7342	22022130	Bùi Việt Hoàng	Chuẩn	K67E-CE2	6.120.000	10.935.000		17.055.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7343	22022131	Lao Văn Hùng	Chuẩn	K67E-CE2	0	11.751.000		11.751.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7344	22022132	Quách Ngọc Quang	Chuẩn	K67E-CE2	0	16.320.000		16.320.000	
7345	22022135	Doãn Đức Minh	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7346	22022139	Nguyễn Mạnh Phúc Lộc	Chuẩn	K67E-CE2	0	14.688.000		14.688.000	
7347	22022140	Nguyễn Hoàng Phương	Chuẩn	K67E-CE2	0	4.896.000		4.896.000	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7348	22022145	Tạ Đình Kiên	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7349	22022148	Nguyễn Quang Duy	Chuẩn	K67E-CE2	0	16.320.000		16.320.000	
7350	22022149	Nguyễn Đức Dũng	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.136.000		17.136.000	
7351	22022153	Đỗ Thành Hưng	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7352	22022154	Phạm Ngọc Đô	Chuẩn	K67E-CE2	0	15.504.000		15.504.000	
7353	22022156	Dương Minh Vương	Chuẩn	K67E-CE2	0	11.424.000		11.424.000	
7354	22022157	Đặng Minh Dương	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.136.000		17.136.000	
7355	22022158	Nguyễn Văn Diện	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7356	22022159	Bùi Minh Huy	Chuẩn	K67E-CE2	0	16.320.000		16.320.000	
7357	22022160	Nguyễn Tuấn Phong	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7358	22022161	Nguyễn Trọng Nam	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.056.000		13.056.000	
7359	22022163	Đỗ Nhất Anh	Chuẩn	K67E-CE2	0	16.320.000		16.320.000	
7360	22022166	Nguyễn Thị Kiều Trang	Chuẩn	K67E-CE2	0	14.688.000		14.688.000	
7361	22022167	Đoàn Đức Mạnh	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7362	22022169	Phạm Quốc Huy	Chuẩn	K67E-CE2	0	14.688.000		14.688.000	
7363	22022170	Phạm Anh Tuấn	Chuẩn	K67E-CE2	0	11.424.000		11.424.000	
7364	22022172	Đào Văn Đạt	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7365	22022174	Phạm Gia Khánh	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7366	22022175	Nguyễn Quốc Toàn	Chuẩn	K67E-CE2	0	15.504.000		15.504.000	
7367	22022177	Lê Hoàng Trung	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.952.000		17.952.000	
7368	22022178	Nguyễn Minh Phúc	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.136.000		17.136.000	
7369	22022179	Lưu Công Hải	Chuẩn	K67E-CE2	0	12.240.000		12.240.000	
7370	22022182	Phạm Hữu Hoàng	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.136.000		17.136.000	
7371	22022183	Nguyễn Quốc Cường	Chuẩn	K67E-CE2	0	16.320.000		16.320.000	
7372	22022185	Vũ Minh Chiến	Chuẩn	K67E-CE2	0	15.504.000		15.504.000	
7373	22022188	Cao Song Toàn	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.136.000		17.136.000	
7374	22022190	Trần Đức Việt Anh	Chuẩn	K67E-CE2	0	19.584.000		19.584.000	
7375	22022192	Lê Thành Nam	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.952.000		17.952.000	
7376	22022193	Đặng Hoàng Nam	Chuẩn	K67E-CE2	0	14.688.000		14.688.000	
7377	22022195	Nguyễn Đức Việt	Chuẩn	K67E-CE2	-1.530.000	11.424.000		9.894.000	Nộp thừa kỳ hè 24-25
7378	22022196	Nguyễn Hữu Trọng Anh	Chuẩn	K67E-CE2	0	12.240.000		12.240.000	
7379	22022197	Lâm Chiêu Phan	Chuẩn	K67E-CE2	0	14.688.000		14.688.000	
7380	22022199	Nguyễn Tất Thắng	Chuẩn	K67E-CE2	0	12.240.000		12.240.000	
7381	22022203	Lê Trương Nguyễn Hoàng	Chuẩn	K67E-CE2	0	16.320.000		16.320.000	
7382	22022207	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K67E-CE2	0	12.240.000		12.240.000	
7383	22022208	Dương Trung Hiếu	Chuẩn	K67E-CE2	0	13.872.000		13.872.000	
7384	22022212	Nguyễn Thành Lâm	Chuẩn	K67E-CE2	0	12.240.000		12.240.000	
7385	22022213	Trần Duy Hưng	Chuẩn	K67E-CE2	0	16.320.000		16.320.000	
7386	22022215	Lê Thế Minh	Chuẩn	K67E-CE2	0	17.136.000		17.136.000	
7387	22023160	Trần Hoàng Thắng	Chuẩn	K67E-RE	0	17.136.000		17.136.000	
7388	22023506	Trần Thanh Tuấn	Chuẩn	K67E-RE	0	16.320.000		16.320.000	
7389	22027500	Tô Vũ Khôi Nguyên	Chuẩn	K67E-RE	0	8.160.000		8.160.000	
7390	22027501	Nguyễn Mạnh Cường	Chuẩn	K67E-RE	0	14.688.000		14.688.000	
7391	22027502	Nguyễn Tuấn Cảnh	Chuẩn	K67E-RE	0	10.608.000		10.608.000	
7392	22027503	Nguyễn Đức Khánh Huyền	Chuẩn	K67E-RE	0	17.952.000		17.952.000	
7393	22027504	Vương Ngọc Đạt	Chuẩn	K67E-RE	0	10.608.000		10.608.000	
7394	22027505	Nguyễn Văn Bằng	Chuẩn	K67E-RE	0	13.872.000		13.872.000	
7395	22027506	Lý Văn Lộc	Chuẩn	K67E-RE	0	18.768.000		18.768.000	
7396	22027507	Khúc Khải Hoàn	Chuẩn	K67E-RE	0	17.136.000		17.136.000	
7397	22027508	Phạm Đặng Quang Hải	Chuẩn	K67E-RE	2.295.000	17.136.000		19.431.000	Nợ kỳ hè 24-25
7398	22027509	Nguyễn Đào Đức Thắng	Chuẩn	K67E-RE	0	13.872.000		13.872.000	
7399	22027511	Nguyễn Đình Cảnh Kỳ	Chuẩn	K67E-RE	0	8.976.000		8.976.000	
7400	22027512	Bùi Quang Dương	Chuẩn	K67E-RE	0	17.952.000		17.952.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7401	22027513	Phàn Quý Đường	Chuẩn	K67E-RE	0	12.240.000		12.240.000	
7402	22027514	Nguyễn Tuấn Anh	Chuẩn	K67E-RE	0	11.424.000		11.424.000	
7403	22027515	Vũ Thị Thu Trang	Chuẩn	K67E-RE	0	13.872.000		13.872.000	
7404	22027516	Nguyễn Thành Trung	Chuẩn	K67E-RE	0	8.160.000		8.160.000	
7405	22027517	Đặng Quốc Toàn	Chuẩn	K67E-RE	0	17.136.000		17.136.000	
7406	22027518	Vũ Đình Đức	Chuẩn	K67E-RE	0	17.952.000		17.952.000	
7407	22027519	Hoàng Việt Anh	Chuẩn	K67E-RE	0	14.688.000		14.688.000	
7408	22027520	Nguyễn Đức Giang	Chuẩn	K67E-RE	0	16.320.000		16.320.000	
7409	22027521	Mai Quốc Hiếu	Chuẩn	K67E-RE	0	15.504.000		15.504.000	
7410	22027522	Đinh Mạnh Quân	Chuẩn	K67E-RE	0	12.240.000		12.240.000	
7411	22027523	Nguyễn Văn Nam	Chuẩn	K67E-RE	0	10.608.000		10.608.000	
7412	22027524	Lê Công Phú	Chuẩn	K67E-RE	0	18.768.000		18.768.000	
7413	22027525	Nguyễn Đức Thắng	Chuẩn	K67E-RE	0	14.688.000		14.688.000	
7414	22027526	Lê Hoàng Thanh Phương	Chuẩn	K67E-RE	0	15.504.000		15.504.000	
7415	22027527	Vũ Đức Hiếu	Chuẩn	K67E-RE	0	12.240.000		12.240.000	
7416	22027528	Trương Ngọc Anh	Chuẩn	K67E-RE	0	13.056.000		13.056.000	
7417	22027529	Dương Vũ Việt Thắng	Chuẩn	K67E-RE	0	14.688.000		14.688.000	
7418	22027530	Hoàng Kim Trường	Chuẩn	K67E-RE	0	10.608.000		10.608.000	
7419	22027531	Trần Thái Thịnh	Chuẩn	K67E-RE	0	10.608.000		10.608.000	
7420	22027532	Phạm Trung Anh	Chuẩn	K67E-RE	0	11.424.000		11.424.000	
7421	22027534	Nguyễn Hữu Huy	Chuẩn	K67E-RE	0	13.056.000		13.056.000	
7422	22027535	Nguyễn Quang Sáng	Chuẩn	K67E-RE	0	13.872.000		13.872.000	
7423	22027536	Nguyễn Mạnh Tường	Chuẩn	K67E-RE	0	17.136.000		17.136.000	
7424	22027537	Nguyễn Bảo Long	Chuẩn	K67E-RE	0	10.608.000		10.608.000	
7425	22027538	Lê Thanh Sơn	Chuẩn	K67E-RE	0	12.240.000		12.240.000	
7426	22027539	Phạm Văn Bách	Chuẩn	K67E-RE	0	15.504.000		15.504.000	
7427	22027540	Nguyễn Kiều Đức Phú	Chuẩn	K67E-RE	0	13.872.000		13.872.000	
7428	22027541	Nguyễn Văn Diễn	Chuẩn	K67E-RE	0	13.872.000		13.872.000	
7429	22027542	Đỗ Mạnh Đoàn	Chuẩn	K67E-RE	0	9.792.000		9.792.000	
7430	22027543	Trần Thái Bình	Chuẩn	K67E-RE	0	14.688.000		14.688.000	
7431	22027544	Nguyễn Thanh Đức	Chuẩn	K67E-RE	0	12.240.000		12.240.000	
7432	22027545	Nguyễn Huy Thắng	Chuẩn	K67E-RE	0	15.504.000		15.504.000	
7433	22027546	Nguyễn Bảo Long	Chuẩn	K67E-RE	0	13.056.000		13.056.000	
7434	22027548	Đinh Mạnh Tuyên	Chuẩn	K67E-RE	0	15.504.000		15.504.000	
7435	22027549	Hoàng Văn Cường	Chuẩn	K67E-RE	0	12.240.000		12.240.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7436	22027550	Trần Đình Cảnh	Chuẩn	K67E-RE	0	8.976.000		8.976.000	
7437	22027551	Đào Duy Hưng	Chuẩn	K67E-RE	0	13.056.000		13.056.000	
7438	22027552	Nguyễn Anh Vũ	Chuẩn	K67E-RE	0	14.688.000		14.688.000	
7439	22027553	Lâm Việt Anh	Chuẩn	K67E-RE	0	8.160.000		8.160.000	
7440	22020100	Trần Đức Hiệu	Chuẩn	K67G-AT	0	13.080.000		13.080.000	
7441	22020101	Nguyễn Hải Long	Chuẩn	K67G-AT	0	9.810.000		9.810.000	
7442	22020102	Nguyễn Đan Trường	Chuẩn	K67G-AT	0	11.990.000		11.990.000	
7443	22020103	Vũ Việt Hùng	Chuẩn	K67G-AT	0	10.894.000		10.894.000	
7444	22020104	Trần Ngọc Minh	Chuẩn	K67G-AT	0	9.265.000		9.265.000	
7445	22020107	Nguyễn Ngọc Tinh	Chuẩn	K67G-AT	0	13.619.000		13.619.000	
7446	22020109	Nguyễn Việt Hưng	Chuẩn	K67G-AT	0	11.439.000		11.439.000	
7447	22020111	Nguyễn Anh Kiệt	Chuẩn	K67G-AT	13.515.000			13.515.000	Nợ K2/24-25
7448	22020112	Chu Mạnh Tùng	Chuẩn	K67G-AT	0	11.445.000		11.445.000	
7449	22020113	Đỗ Minh Thu	Chuẩn	K67G-AT	0	11.445.000		11.445.000	
7450	22020114	Nguyễn Phú Sáng	Chuẩn	K67G-AT	1.530.000	11.445.000		12.975.000	Nợ kỳ hè 24-25
7451	22020115	Nguyễn Sơn Tùng	Chuẩn	K67G-AT	0	11.990.000		11.990.000	
7452	22020116	Nguyễn Văn Dư	Chuẩn	K67G-AT	1.530.000	12.252.000		13.782.000	Nợ kỳ hè 24-25
7453	22020117	Phạm Thị Thu Hoài	Chuẩn	K67G-AT	0	11.445.000		11.445.000	
7454	22020118	Đinh Thị Hồng Nhung	Chuẩn	K67G-AT	0	14.715.000		14.715.000	
7455	22020119	Nguyễn Thị Vân	Chuẩn	K67G-AT	0	13.893.000		13.893.000	
7456	22020121	Lê Thị Khánh Huyền	Chuẩn	K67G-AT	0	10.900.000		10.900.000	
7457	22020122	Lê Thanh Tinh	Chuẩn	K67G-AT	0	14.715.000		14.715.000	
7458	22020123	Trần Thị Hằng	Chuẩn	K67G-AT	0	11.990.000		11.990.000	
7459	22020124	Đinh Thị Thùy Trang	Chuẩn	K67G-AT	0	9.810.000		9.810.000	
7460	22020126	Hoàng Mạnh Lộc	Chuẩn	K67G-AT	255.000	9.265.000		9.520.000	Nợ kỳ hè 24-25
7461	22020131	Hoàng Ngọc Yên	Chuẩn	K67G-AT	0	17.973.000		17.973.000	
7462	22020132	Phạm Quang Vũ	Chuẩn	K67G-AT	0	9.265.000		9.265.000	
7463	22020133	Nguyễn Văn Quyết	Chuẩn	K67G-AT	0	9.265.000		9.265.000	
7464	22020134	Phạm Văn Hùng	Chuẩn	K67G-AT	0	12.258.000		12.258.000	
7465	22020135	Nguyễn Thị Thảo	Chuẩn	K67G-AT	0	11.445.000		11.445.000	
7466	22020137	Nguyễn Thị Huyền	Chuẩn	K67G-AT	0	9.265.000		9.265.000	
7467	22020138	Vũ Danh Thái	Chuẩn	K67G-AT	0	6.528.000		6.528.000	Miễn HP (Chuẩn mức 3)
7468	22021104	Trần Tuấn Bình	Chuẩn	K67I-IT1	0	15.504.000		15.504.000	
7469	22021111	Trần Vũ Đức Huy	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.872.000		13.872.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7470	22021115	Đào Lê Bảo Minh	Chuẩn	K67I-IT1	0	11.424.000		11.424.000	
7471	22021127	Phạm Xuân Trung	Chuẩn	K67I-IT1	0	6.528.000		6.528.000	
7472	22021128	Phạm Thanh Tùng	Chuẩn	K67I-IT1	0	11.424.000		11.424.000	
7473	22021134	Đặng Thanh Quang	Chuẩn	K67I-IT1	0	9.792.000		9.792.000	
7474	22021141	Nguyễn Đình Nguyên	Chuẩn	K67I-IT1	0	17.136.000		17.136.000	
7475	22021143	Nguyễn Văn Thịnh	Chuẩn	K67I-IT1	0	8.160.000		8.160.000	
7476	22021147	Đoàn Văn Giáp	Chuẩn	K67I-IT1	0	11.424.000		11.424.000	
7477	22021148	Trần Đức Lương	Chuẩn	K67I-IT1	0	10.608.000		10.608.000	
7478	22021149	Vì Văn Quân	Chuẩn	K67I-IT1	0	8.976.000		8.976.000	
7479	22021150	Nguyễn Đức Thành	Chuẩn	K67I-IT1	0	11.424.000		11.424.000	
7480	22021154	Nguyễn Hữu Thắng	Chuẩn	K67I-IT1	0	20.400.000		20.400.000	
7481	22021156	Lương Thế Quyền	Chuẩn	K67I-IT1	0	17.136.000		17.136.000	
7482	22021163	Bùi Văn Hòa	Chuẩn	K67I-IT1	0	7.344.000		7.344.000	
7483	22021167	Đinh Thị Phương Thanh	Chuẩn	K67I-IT1	0	18.768.000		18.768.000	
7484	22021168	Nguyễn Việt An	Chuẩn	K67I-IT1	0	9.792.000		9.792.000	
7485	22021169	Nguyễn Ngọc Hiệp	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.872.000		13.872.000	
7486	22021170	Hoàng Ngọc Hưng	Chuẩn	K67I-IT1	0	17.952.000		17.952.000	
7487	22021172	Tô Hữu Bằng	Chuẩn	K67I-IT1	-663.390	8.976.000		8.312.610	Nộp thừa K2/24-25
7488	22021173	Đinh Đức Tài	Chuẩn	K67I-IT1	0	10.608.000		10.608.000	
7489	22021176	Lê Hoàng Vũ	Chuẩn	K67I-IT1	0	8.160.000		8.160.000	
7490	22021178	Hoàng Công Hữu	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.872.000		13.872.000	
7491	22021184	Nguyễn Sinh Hùng	Chuẩn	K67I-IT1	0	8.976.000		8.976.000	
7492	22021186	Nguyễn Đức Huy	Chuẩn	K67I-IT1	0	11.424.000		11.424.000	
7493	22021188	Nguyễn Hà Vương Ngọc	Chuẩn	K67I-IT1	0	17.952.000		17.952.000	
7494	22021190	Trần Anh Tú	Chuẩn	K67I-IT1	0	16.320.000		16.320.000	
7495	22021194	Nguyễn Văn Sớm	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.872.000		13.872.000	
7496	22021195	Bằng Văn Chiến	Chuẩn	K67I-IT1	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7497	22021197	Lê Tiến Thực	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.056.000		13.056.000	
7498	22021198	Trần Văn Quang	Chuẩn	K67I-IT1	0	15.504.000		15.504.000	
7499	22021201	Bùi Đức Duy	Chuẩn	K67I-IT1	0	18.768.000		18.768.000	
7500	22021203	Nguyễn Tiến Dũng	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.872.000		13.872.000	
7501	22021204	Trịnh Quốc Khánh	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.872.000		13.872.000	
7502	22021205	Nguyễn Đình Trường	Chuẩn	K67I-IT1	0	21.216.000		21.216.000	
7503	22021206	Nguyễn Đức Anh Tuấn	Chuẩn	K67I-IT1	0	19.584.000		19.584.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7504	22021208	Trần Hậu Nam	Chuẩn	K67I-IT1	0	6.528.000		6.528.000	
7505	22021209	Lê Quang Thắng	Chuẩn	K67I-IT1	0	8.976.000		8.976.000	
7506	22021210	Hoàng Đức Bách	Chuẩn	K67I-IT1	0	11.424.000		11.424.000	
7507	22021211	Nguyễn Việt Cường	Chuẩn	K67I-IT1	0	8.160.000		8.160.000	
7508	22021212	Lê Vũ Việt Anh	Chuẩn	K67I-IT1	0	15.504.000		15.504.000	
7509	22021213	Đặng Việt Thành	Chuẩn	K67I-IT1	0	14.688.000		14.688.000	
7510	22021214	Triệu Minh Nhật	Chuẩn	K67I-IT1	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7511	22021215	Lương Mạnh Linh	Chuẩn	K67I-IT1	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7512	22021216	Hoàng Lê Kim Long	Chuẩn	K67I-IT1	0	17.952.000		17.952.000	
7513	22021217	Lý Hồng Đức	Chuẩn	K67I-IT1	0	11.424.000		11.424.000	
7514	22021218	Dương Minh Hoàng	Chuẩn	K67I-IT1	0	13.872.000		13.872.000	
7515	22021220	Phạm Hồng Phúc	Chuẩn	K67I-IT1	0	2.448.000		2.448.000	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7516	22021222	Lê Bá Quang Minh	Chuẩn	K67I-IT1	0	6.528.000		6.528.000	
7517	22021225	Bùi Tùng Lâm	Chuẩn	K67I-IT1	0	24.480.000		24.480.000	
7518	22021226	Quách Việt Anh	Chuẩn	K67I-IT1	0	5.712.000		5.712.000	
7519	22021101	Nguyễn Bằng Anh	Chuẩn	K67I-IT15	0	16.320.000		16.320.000	
7520	22021102	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K67I-IT15	0	4.896.000		4.896.000	
7521	22021106	Nguyễn Minh Hiền	Chuẩn	K67I-IT15	0	9.792.000		9.792.000	
7522	22021108	Vũ Huy Hoàng	Chuẩn	K67I-IT15	0	10.608.000		10.608.000	
7523	22021109	Nguyễn Đức Hùng	Chuẩn	K67I-IT15	0	9.792.000		9.792.000	
7524	22021113	Nguyễn Đức Kiên	Chuẩn	K67I-IT15	0	12.240.000		12.240.000	
7525	22021116	Vũ Văn Minh	Chuẩn	K67I-IT15	0	12.240.000		12.240.000	
7526	22021117	Nguyễn Tân Nguyên	Chuẩn	K67I-IT15	0	8.160.000		8.160.000	
7527	22021120	Nguyễn Văn Quang	Chuẩn	K67I-IT15	0	20.400.000		20.400.000	
7528	22021121	Nguyễn Đăng Quân	Chuẩn	K67I-IT15	0	12.240.000		12.240.000	
7529	22021122	Nguyễn Hồng Quân	Chuẩn	K67I-IT15	0	13.056.000		13.056.000	
7530	22021123	Nguyễn Chí Thanh	Chuẩn	K67I-IT15	0	7.344.000		7.344.000	
7531	22021124	Lưu Huy Thành	Chuẩn	K67I-IT15	0	16.320.000		16.320.000	
7532	22021125	La Nguyễn Thị Trâm	Chuẩn	K67I-IT15	0	15.504.000		15.504.000	
7533	22021126	Đặng Nguyễn Duy Trúc	Chuẩn	K67I-IT15	0	16.320.000		16.320.000	
7534	22021152	Lôi Đình Nhất	Chuẩn	K67I-IT15	0	13.872.000		13.872.000	
7535	22021155	Bùi Đức Đăng	Chuẩn	K67I-IT15	0	17.136.000		17.136.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7536	22021159	Nguyễn Văn Sáng	Chuẩn	K67I-IT15	0	13.872.000		13.872.000	
7537	22021161	Vũ Văn Hậu	Chuẩn	K67I-IT15	0	11.424.000		11.424.000	
7538	22021166	Nguyễn Quang Ninh	Chuẩn	K67I-IT15	-300.000	5.712.000		5.412.000	SV đóng kỳ trước
7539	22021100	Nguyễn Bá Hoàng Anh	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.056.000		13.056.000	
7540	22021110	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K67I-IT2	0	14.688.000		14.688.000	
7541	22021114	Nguyễn Văn Lợi	Chuẩn	K67I-IT2	0	6.528.000		6.528.000	
7542	22021119	Mẫn Thị Bích Phương	Chuẩn	K67I-IT2	0	6.528.000		6.528.000	
7543	22021129	Hoàng Quốc Việt	Chuẩn	K67I-IT2	0	8.976.000		8.976.000	
7544	22021131	Ngô Thành Minh	Chuẩn	K67I-IT2	0	8.976.000		8.976.000	
7545	22021132	Bùi Nguyễn Công Bằng	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.872.000		13.872.000	
7546	22021133	Nguyễn Hùng Dũng	Chuẩn	K67I-IT2	0	2.448.000		2.448.000	
7547	22021135	Nguyễn Thị Hoài Thu	Chuẩn	K67I-IT2	0	12.240.000		12.240.000	
7548	22021138	Nguyễn Hữu Phú	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.056.000		13.056.000	
7549	22021140	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.872.000		13.872.000	
7550	22021142	Mễ Quang Huy	Chuẩn	K67I-IT2	0	9.792.000		9.792.000	
7551	22021144	Tiên Minh Hòa	Chuẩn	K67I-IT2	0	2.448.000		2.448.000	
7552	22021145	Đào Đức Anh	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.056.000		13.056.000	
7553	22021146	Lương Ngọc Tuấn	Chuẩn	K67I-IT2	0	9.792.000		9.792.000	
7554	22021151	Hoàng Đức Mạnh	Chuẩn	K67I-IT2	0	7.344.000		7.344.000	
7555	22021153	Đặng Minh Quân	Chuẩn	K67I-IT2	0	10.608.000		10.608.000	
7556	22021157	Trần Thanh Thảo	Chuẩn	K67I-IT2	0	16.320.000		16.320.000	
7557	22021158	Nguyễn Khánh Linh	Chuẩn	K67I-IT2	0	9.792.000		9.792.000	
7558	22021160	Nguyễn Việt Hưng	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.872.000		13.872.000	
7559	22021162	Nguyễn Việt Anh	Chuẩn	K67I-IT2	0	6.528.000		6.528.000	
7560	22021164	Nguyễn Đức Thiện	Chuẩn	K67I-IT2	0	16.320.000		16.320.000	
7561	22021165	Trần Anh Đức	Chuẩn	K67I-IT2	0	8.976.000		8.976.000	
7562	22021174	Nguyễn Thế Vinh	Chuẩn	K67I-IT2	0	22.848.000		22.848.000	
7563	22021175	Nguyễn Đức Bảo Thắng	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.056.000		13.056.000	
7564	22021177	Trần Lê Quý Đăng	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.872.000		13.872.000	
7565	22021179	Vy Anh Dũng	Chuẩn	K67I-IT2	0	22.032.000		22.032.000	
7566	22021180	Trần Văn Công	Chuẩn	K67I-IT2	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7567	22021182	Lương Văn Kết	Chuẩn	K67I-IT2	0	4.080.000		4.080.000	Miễn HP (Chuẩn mức 1)

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7568	22021183	Bùi Đỗ Khôi Nguyên	Chuẩn	K67I-IT2	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7569	22021185	Lê Thái Sơn	Chuẩn	K67I-IT2	0	12.240.000		12.240.000	
7570	22021187	Lường Thị Hào	Chuẩn	K67I-IT2	0	5.223.000		5.223.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7571	22021189	Đinh Hoàng Nam	Chuẩn	K67I-IT2	0	16.320.000		16.320.000	
7572	22021191	Nguyễn Xuân Khải	Chuẩn	K67I-IT2	0	8.976.000		8.976.000	
7573	22021192	Nguyễn Ngọc Tùng	Chuẩn	K67I-IT2	0	8.976.000		8.976.000	
7574	22021193	Diệp Xuân Linh	Chuẩn	K67I-IT2	0	11.424.000		11.424.000	
7575	22021196	Đỗ Trọng Bình	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.872.000		13.872.000	
7576	22021199	Phạm Minh Quý	Chuẩn	K67I-IT2	0	12.240.000		12.240.000	
7577	22021200	Phạm Đức Hoàng	Chuẩn	K67I-IT2	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7578	22021202	Vũ Văn Huy	Chuẩn	K67I-IT2	0	17.136.000		17.136.000	
7579	22021207	Nguyễn Thị Cát Tường	Chuẩn	K67I-IT2	0	7.344.000		7.344.000	
7580	22021219	Hoàng Thiên Trường	Chuẩn	K67I-IT2	0	13.872.000		13.872.000	
7581	22021221	Nguyễn Kiên Trung	Chuẩn	K67I-IT2	0	816.000		816.000	
7582	22021224	Mai Hoàng Bách	Chuẩn	K67I-IT2	0	20.400.000		20.400.000	
7583	22026502	Nguyễn Khánh Huyền	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7584	22026503	Thân Việt Anh	Chuẩn	K67I-IT20	-30.000	5.712.000		5.682.000	SV đóng kỳ trước
7585	22026505	Tạ Duy Thuyền	Chuẩn	K67I-IT20	0	5.712.000		5.712.000	
7586	22026506	Đoàn Trung Hiếu	Chuẩn	K67I-IT20	0	12.240.000		12.240.000	
7587	22026507	Mai Tiến Mạnh	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7588	22026508	Khuất Bảo Nguyên	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7589	22026509	Nguyễn Hữu Thái	Chuẩn	K67I-IT20	0	19.584.000		19.584.000	
7590	22026510	Nguyễn Quang Vũ	Chuẩn	K67I-IT20	0	11.424.000		11.424.000	
7591	22026511	Phạm Đức Toàn	Chuẩn	K67I-IT20	0	11.424.000		11.424.000	
7592	22026512	Đỗ Thu Trang	Chuẩn	K67I-IT20	0	10.608.000		10.608.000	
7593	22026513	Trần Trung Hiếu	Chuẩn	K67I-IT20	0	8.976.000		8.976.000	
7594	22026514	Nguyễn Thu Trang	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7595	22026515	Ngô Quốc An	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7596	22026516	Trần Bảo Ngọc	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7597	22026518	Nguyễn Việt Sơn	Chuẩn	K67I-IT20	0	14.688.000		14.688.000	
7598	22026519	Vương Phương Thảo	Chuẩn	K67I-IT20	0	10.608.000		10.608.000	
7599	22026520	Phạm Anh Quân	Chuẩn	K67I-IT20	0	10.608.000		10.608.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7600	22026521	Nguyễn Tuấn Ngọc	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7601	22026522	Nguyễn Thành Đạt	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7602	22026523	Đặng Tiến Dũng	Chuẩn	K67I-IT20	0	10.608.000		10.608.000	
7603	22026525	Trương Minh Đức	Chuẩn	K67I-IT20	0	12.240.000		12.240.000	
7604	22026526	Võ Quang Sáng	Chuẩn	K67I-IT20	0	2.448.000		2.448.000	
7605	22026528	Đỗ Hoài Nam	Chuẩn	K67I-IT20	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7606	22026529	Tổng Việt Tùng	Chuẩn	K67I-IT20	0	9.303.000		9.303.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7607	22026530	Phùng Xuân Đạt	Chuẩn	K67I-IT20	0	8.160.000		8.160.000	
7608	22026531	Lê Trọng Khánh	Chuẩn	K67I-IT20	0	10.608.000		10.608.000	
7609	22026532	Nguyễn Hữu Cứ	Chuẩn	K67I-IT20	0	2.448.000		2.448.000	
7610	22026533	Nguyễn Thái Dương	Chuẩn	K67I-IT20	0	2.448.000		2.448.000	
7611	22026534	Nguyễn Hoàng Điệp	Chuẩn	K67I-IT20	0	8.160.000		8.160.000	
7612	22026535	Nguyễn Quốc Vương	Chuẩn	K67I-IT20	0	7.344.000		7.344.000	
7613	22026536	Trương Đức Quang	Chuẩn	K67I-IT20	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7614	22026537	Đường Gia Bằng	Chuẩn	K67I-IT20	0	11.424.000		11.424.000	
7615	22026538	Nông Xuân Bảo	Chuẩn	K67I-IT20	0	8.976.000		8.976.000	
7616	22026539	Ngô Phương Hà	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7617	22026540	Nguyễn Quang Cường	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7618	22026541	Đinh Xuân Trường	Chuẩn	K67I-IT20	0	5.712.000		5.712.000	
7619	22026542	Nguyễn Xuân Bách	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7620	22026543	Vũ Đức Tấn	Chuẩn	K67I-IT20	0	9.792.000		9.792.000	
7621	22026544	Trần Tiến Anh	Chuẩn	K67I-IT20	0	7.344.000		7.344.000	
7622	22026545	Vũ Đức Thắng	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7623	22026546	Phạm Quốc Anh	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7624	22026547	Trần Duy Toàn	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7625	22026548	Đào Giang An	Chuẩn	K67I-IT20	0	5.712.000		5.712.000	
7626	22026549	Kiều Văn Tùng	Chuẩn	K67I-IT20	0	12.240.000		12.240.000	
7627	22026550	Trần Đình Tuấn	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7628	22026551	Đỗ Hữu Hoàng Tùng	Chuẩn	K67I-IT20	0	7.344.000		7.344.000	
7629	22026552	Nguyễn Văn Quân	Chuẩn	K67I-IT20	0	6.528.000		6.528.000	
7630	22026553	Nguyễn Tuấn Anh	Chuẩn	K67I-IT20	0	13.464.000		13.464.000	
7631	22026554	Quảng Thế Anh	Chuẩn	K67I-IT20	0	7.344.000		7.344.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7632	22026555	Lê Công Hoàng	Chuẩn	K67I-IT20	0	8.160.000		8.160.000	
7633	22026556	Nguyễn Việt Quang	Chuẩn	K67I-IT20	0	12.240.000		12.240.000	
7634	22026557	Trần Minh Tuấn	Chuẩn	K67I-IT20	0	7.344.000		7.344.000	
7635	22026558	Cao Văn Anh	Chuẩn	K67I-IT20	0	9.792.000		9.792.000	
7636	22026559	Nguyễn Thúy Quỳnh	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7637	22026560	Bùi Tuấn Anh	Chuẩn	K67I-IT20	0	10.608.000		10.608.000	
7638	22026562	Nguyễn Công Khải	Chuẩn	K67I-IT20	0	10.608.000		10.608.000	
7639	22026563	Lê Thị Hà Phương	Chuẩn	K67I-IT20	0	5.712.000		5.712.000	
7640	22026564	Trần Linh Chi	Chuẩn	K67I-IT20	0	8.976.000		8.976.000	
7641	22026565	Nguyễn Đăng Doanh	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7642	22026566	Nguyễn Hương Giang	Chuẩn	K67I-IT20	0	4.896.000		4.896.000	
7643	22026567	Trần Mạnh Duy	Chuẩn	K67I-IT20	0	2.448.000		2.448.000	
7644	22021500	Nguyễn Việt Tiến	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7645	22021501	Phạm Quốc Công	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7646	22021502	Đỗ Hoàng Giang	Chuẩn	K67M-AT	0	10.608.000		10.608.000	
7647	22021503	Lê Công Việt Anh	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7648	22021504	Nguyễn Bình Minh	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7649	22021505	Dương Văn Nam	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7650	22021506	Nguyễn Duy Minh	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7651	22021507	Vũ Trọng Mạnh	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7652	22021508	Bùi Tuấn Hưng	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7653	22021509	Nguyễn Trọng Tiến	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7654	22021510	Nguyễn Thành Đạt	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7655	22021511	Nguyễn Văn Quân	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7656	22021512	Nguyễn Mạnh Kiên	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7657	22021513	Nguyễn Đức Hoàng Việt	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7658	22021514	Nguyễn Tiến Mạnh	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7659	22021515	Nguyễn Đình Phong	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7660	22021516	Đỗ Văn Nghĩa	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7661	22021517	Đào Quang Tiến	Chuẩn	K67M-AT	0	15.504.000		15.504.000	
7662	22021518	Long Quang Khải	Chuẩn	K67M-AT	0	15.504.000		15.504.000	
7663	22021519	Lê Hoàng Anh Lượng	Chuẩn	K67M-AT	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7664	22021520	Kiều Văn Liêm	Chuẩn	K67M-AT	0	15.504.000		15.504.000	
7665	22021521	Hồ Sỹ Hưng	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7666	22021522	Nguyễn Tiến Thành	Chuẩn	K67M-AT	0	816.000		816.000	
7667	22021523	Phan Minh Quang	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7668	22021524	Hoàng Thái Sơn	Chuẩn	K67M-AT	0	4.407.000		4.407.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7669	22021525	Trần Quang Dũng	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7670	22021526	Ngô Quang Minh	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7671	22021527	Phạm Quang Huy	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7672	22021528	Nguyễn Đỗ Quốc Bảo	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7673	22021529	Phan Nhật Anh	Chuẩn	K67M-AT	0	13.872.000		13.872.000	
7674	22021530	Nguyễn Văn Duy	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7675	22021531	Trần Chí Trường	Chuẩn	K67M-AT	0	11.424.000		11.424.000	
7676	22021532	Triệu Quang Đông	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7677	22021533	Tạ Đình Giáp	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7678	22021534	Nguyễn Việt Anh	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7679	22021535	Nguyễn Bá Năng	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7680	22021536	Trần Đức Mạnh	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7681	22021537	Phạm Hoàng Long	Chuẩn	K67M-AT	0	9.792.000		9.792.000	
7682	22021538	Lê Phương Đông	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7683	22021539	Nguyễn Đình Hiếu	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7684	22021540	Dương Hoàng Hải	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7685	22021541	Bùi Thiên Vương	Chuẩn	K67M-AT	0	13.464.000		13.464.000	
7686	22021542	Bùi Quang Thắng	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7687	22021543	Nguyễn Hữu Hiệp	Chuẩn	K67M-AT	-30.000	13.056.000		13.026.000	SV đóng kỳ trước
7688	22021544	Bùi Công Liêm	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7689	22021545	Phí Anh Nhân	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7690	22021546	Nguyễn Thái Bảo	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7691	22021547	Đỗ Tiến Thành	Chuẩn	K67M-AT	-680.400	0		-680.400	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7692	22021548	Nguyễn Tuấn Anh	Chuẩn	K67M-AT	0	8.976.000		8.976.000	
7693	22021549	Cao Văn Mạnh	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7694	22021550	Đào Đức Lương	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7695	22021551	Đào Phương Nam	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7696	22021552	Trần Minh Quang	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7697	22021553	Phạm Khánh Duy	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7698	22021554	Nguyễn Minh Quang	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7699	22021555	Nguyễn Công Thành	Chuẩn	K67M-AT	0	6.257.000		6.257.000	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)
7700	22021556	Nguyễn Văn Đại	Chuẩn	K67M-AT	0	18.768.000		18.768.000	
7701	22021557	Quách Đức Mạnh	Chuẩn	K67M-AT	0	9.792.000		9.792.000	
7702	22021558	Phạm Quốc Huy	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7703	22021559	Phạm Xuân Thắng	Chuẩn	K67M-AT	0	16.320.000		16.320.000	
7704	22021560	Hoàng Văn Tiến	Chuẩn	K67M-AT	0	13.872.000		13.872.000	
7705	22021561	Phạm Minh Đồng	Chuẩn	K67M-AT	3.060.000	14.688.000		17.748.000	Nợ kỳ hè 24-25
7706	22021563	Nguyễn Văn Dương	Chuẩn	K67M-AT	-55.000	14.688.000		14.633.000	SV đóng kỳ trước
7707	22021564	Hà Đại Dương	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7708	22021565	Trương Xuân Du	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7709	22021566	Lê Thiêm Giang	Chuẩn	K67M-AT	0	2.448.000		2.448.000	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7710	22021567	Lê Văn Giáp	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7711	22021568	Nguyễn Nhật Duy	Chuẩn	K67M-AT	0	15.504.000		15.504.000	
7712	22021569	Vương Hoàng Chiến	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7713	22021570	Nguyễn Quang Minh	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7714	22021571	Dương Hoàng Quân	Chuẩn	K67M-AT	0	10.608.000		10.608.000	
7715	22021572	Nguyễn Hữu Công	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7716	22021573	Nguyễn Phùng Việt Anh	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7717	22021574	Nguyễn Như Tâm	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7718	22021575	Nguyễn Minh Khoa	Chuẩn	K67M-AT	0	11.424.000		11.424.000	
7719	22021576	Lê Văn Chiến	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7720	22021577	Lê Văn Thành Long	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7721	22021578	Bùi Nhật Huy	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7722	22021579	Trần Khoa An	Chuẩn	K67M-AT	0	9.792.000		9.792.000	
7723	22021580	Bạch Hải Lộc	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7724	22021581	Lại Trung Nghĩa	Chuẩn	K67M-AT	0	12.240.000		12.240.000	
7725	22021582	Hoàng Minh Đức	Chuẩn	K67M-AT	0	13.872.000		13.872.000	
7726	22021583	Vũ Trung Hiếu	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7727	22021584	Phạm Duy Phong	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7728	22021585	Bùi Trọng Bảo Long	Chuẩn	K67M-AT	0	15.504.000		15.504.000	
7729	22021586	Lê Ngọc Đức	Chuẩn	K67M-AT	0	6.257.000		6.257.000	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)
7730	22021587	Lê Đức Cảnh	Chuẩn	K67M-AT	0	18.768.000		18.768.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7731	22021588	Bùi Anh Tuấn	Chuẩn	K67M-AT	0	14.688.000		14.688.000	
7732	22021589	Nguyễn Hưng Nguyên	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7733	22021590	Hoàng Thái Sơn	Chuẩn	K67M-AT	0	13.056.000		13.056.000	
7734	22024101	Phạm Ngọc Yên	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7735	22024102	Vi Ngọc Trí	Chuẩn	K67M-EM	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7736	22024103	Phạm Duy Mạnh	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7737	22024104	Lê Bá Trường	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7738	22024105	Kiều Thế Vinh	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7739	22024106	Lưu Văn Biên	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7740	22024107	Nguyễn Tuấn Kiệt	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7741	22024109	Trần Tiến Phong	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7742	22024110	Hoàng Thế Hải	Chuẩn	K67M-EM	2.295.000	17.952.000		20.247.000	Nợ kỳ hè 24-25
7743	22024111	Dương Văn Thiệp	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7744	22024112	Đào Xuân Thành	Chuẩn	K67M-EM	0	17.952.000		17.952.000	
7745	22024113	Nguyễn Xuân Thành	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7746	22024114	Bùi Văn Hồng	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7747	22024115	Vũ Văn Khôi	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7748	22024116	Phạm Văn Quân	Chuẩn	K67M-EM	0	19.584.000		19.584.000	
7749	22024117	Dương Văn Chương	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7750	22024118	Phạm Văn Chung	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7751	22024119	Chu Văn Hưng	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7752	22024120	Lê Thành Đạt	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7753	22024121	Nguyễn Mạnh Tuấn	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7754	22024122	Lê Văn Công	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7755	22024123	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7756	22024125	Đỗ Hải Lâm	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7757	22024127	Nguyễn Đức Hùng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7758	22024128	Phạm Duy Lộc	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7759	22024129	Nguyễn Trung Kiên	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7760	22024130	Trần Quang Vinh	Chuẩn	K67M-EM	-75.000	14.688.000		14.613.000	SV đóng kỳ trước
7761	22024131	Đỗ Đức Đô	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7762	22024132	Phạm Tiến Vượng	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7763	22024133	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7764	22024134	Bùi Quốc Huy	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7765	22024135	Phạm Tiến Đạt	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7766	22024136	Lưu Xuân Khánh	Chuẩn	K67M-EM	0	17.952.000		17.952.000	
7767	22024137	Đỗ Thế Dũng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7768	22024138	Phạm Việt Anh	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7769	22024140	Nguyễn Thế Anh	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7770	22024141	Nguyễn Văn Minh	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7771	22024142	Hoàng Việt Hùng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7772	22024143	Phạm Hoàng Quân	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7773	22024144	Phạm Anh Tùng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7774	22024145	Phan Hiếu Phong	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7775	22024146	Phạm Quốc Trung	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7776	22024147	Phạm Tấn Phát	Chuẩn	K67M-EM	0	17.952.000		17.952.000	
7777	22024148	Lê Minh Khang	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7778	22024149	Nguyễn Bá Thi	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7779	22024150	Mai Tiến Dũng	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7780	22024151	Nguyễn Việt Quyết	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7781	22024152	Phạm Tuấn Thi	Chuẩn	K67M-EM	0	17.952.000		17.952.000	
7782	22024153	Hoàng Đức Anh	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7783	22024154	Đào Vũ Đông	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7784	22024155	Vũ Đức Duy	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7785	22024156	Vũ Xuân Trọng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7786	22024157	Dương Huy Hùng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7787	22024158	Hoàng Văn Hiệp	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7788	22024159	Nguyễn Hữu Phi	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7789	22024160	Nguyễn Đình Vinh	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7790	22024161	Lường Minh Tuấn	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7791	22024162	Nguyễn Quốc Trung	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7792	22024163	Hoàng Quốc Khánh	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7793	22024164	Lê Hoàng Lân	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7794	22024165	Lê Hồng Sơn	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7795	22024167	Hoàng Phước Đạt	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7796	22024168	Tạ Hữu Huy	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7797	22024172	Nguyễn Thế Sơn	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7798	22024173	Nguyễn Văn Hoàng	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7799	22024174	Nguyễn Nghĩa Tùng Dương	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7800	22024175	Nguyễn Hữu Đạt	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7801	22024176	Trần Xuân Bắc	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7802	22024177	Trần Văn Hùng	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7803	22024178	Nguyễn Trần Quang Huy	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7804	22024179	Vũ Trung Hiếu	Chuẩn	K67M-EM	0	19.584.000		19.584.000	
7805	22024180	Nguyễn Việt Đức	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7806	22024181	Đỗ Hoàng Hiệp	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7807	22024182	Nguyễn Vũ Dũng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.952.000		17.952.000	
7808	22024183	Đỗ Anh Quân	Chuẩn	K67M-EM	0	17.952.000		17.952.000	
7809	22024184	Nguyễn Văn Nguyên	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7810	22024185	Nguyễn Như Hùng	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7811	22024186	Nguyễn Văn Hiếu	Chuẩn	K67M-EM	0	15.504.000		15.504.000	
7812	22024187	Phạm Đức Trung	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7813	22024188	Phạm Thanh Tùng	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7814	22024189	Đào Quang Hiệu	Chuẩn	K67M-EM	0	13.872.000		13.872.000	
7815	22024190	Nguyễn Việt Hùng	Chuẩn	K67M-EM	0	17.136.000		17.136.000	
7816	22024191	Mai Thanh Huân	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7817	22024192	Bùi Đức Lâm	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7818	22024193	Nguyễn Thái Gia Bảo	Chuẩn	K67M-EM	0	16.320.000		16.320.000	
7819	22024195	Nguyễn Kim Quang Huy	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7820	22024196	Phạm Thế Vinh	Chuẩn	K67M-EM	0	14.688.000		14.688.000	
7821	22023500	Đoàn Minh Quân	Chuẩn	K67P-EE	0	15.504.000		15.504.000	
7822	22023501	Trần Quang Vinh	Chuẩn	K67P-EE	0	12.240.000		12.240.000	
7823	22023502	Tạ Khắc Thắng	Chuẩn	K67P-EE	0	15.504.000		15.504.000	
7824	22023504	Nguyễn Văn Ban	Chuẩn	K67P-EE	0	15.504.000		15.504.000	
7825	22023505	Phạm Tiến Đạt	Chuẩn	K67P-EE	0	13.056.000		13.056.000	
7826	22023507	Bùi Văn An	Chuẩn	K67P-EE	0	13.872.000		13.872.000	
7827	22023508	Vũ Đức Hiếu	Chuẩn	K67P-EE	0	12.240.000		12.240.000	
7828	22023509	Lê Thị Thùy Linh	Chuẩn	K67P-EE	0	16.320.000		16.320.000	
7829	22023510	Trần Gia Bách	Chuẩn	K67P-EE	0	14.688.000		14.688.000	
7830	22023513	Trương Công Thiện	Chuẩn	K67P-EE	0	17.136.000		17.136.000	
7831	22023515	Phan Duy Báu	Chuẩn	K67P-EE	0	14.688.000		14.688.000	
7832	22023516	Nguyễn Thế Minh Tuấn	Chuẩn	K67P-EE	22.210.000	13.056.000		35.266.000	K2/24-25
7833	22023100	Nguyễn Mạnh Trung	Chuẩn	K67P-EP	0	21.216.000		21.216.000	
7834	22023101	Nguyễn Doãn Thân	Chuẩn	K67P-EP	0	18.768.000		18.768.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7835	22023102	Hoàng Bùi Huy	Chuẩn	K67P-EP	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7836	22023103	Tạ Việt Hùng	Chuẩn	K67P-EP	0	22.032.000		22.032.000	
7837	22023104	Nguyễn Nhật Minh	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7838	22023106	Nguyễn Công Tùng	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7839	22023107	Đinh Đức Duy	Chuẩn	K67P-EP	0	18.768.000		18.768.000	
7840	22023108	Ngô Quốc Đạt	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7841	22023109	Nguyễn Việt Anh	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7842	22023110	Nguyễn Phú Đức	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7843	22023111	Kiều Xuân Phong	Chuẩn	K67P-EP	0	22.032.000		22.032.000	
7844	22023112	Nguyễn Ngọc Huyền	Chuẩn	K67P-EP	0	13.872.000		13.872.000	
7845	22023113	Hoàng Quốc Việt	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7846	22023114	Lê Văn Phong	Chuẩn	K67P-EP	0	17.952.000		17.952.000	
7847	22023115	Đinh Hoài Nam	Chuẩn	K67P-EP	0	17.952.000		17.952.000	
7848	22023116	Lê Hoàng Phúc	Chuẩn	K67P-EP	0	12.240.000		12.240.000	
7849	22023117	Phùng Phương Nam	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7850	22023118	Nguyễn Hồng Sơn	Chuẩn	K67P-EP	0	19.584.000		19.584.000	
7851	22023119	Đỗ Tiến Mạnh	Chuẩn	K67P-EP	0	20.400.000		20.400.000	
7852	22023120	Nguyễn Văn Tiến	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7853	22023121	Trương Ngọc Thản	Chuẩn	K67P-EP	0	17.952.000		17.952.000	
7854	22023122	Nguyễn Thanh An	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7855	22023123	Nguyễn Đình Vũ	Chuẩn	K67P-EP	0	15.504.000		15.504.000	
7856	22023125	Nguyễn Thế Cường	Chuẩn	K67P-EP	0	17.136.000		17.136.000	
7857	22023126	Đỗ Chung Chiến	Chuẩn	K67P-EP	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7858	22023127	Vũ Thái Học	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7859	22023128	Lê Huy Cương	Chuẩn	K67P-EP	3.060.000	13.056.000		16.116.000	Nợ kỳ hè 24-25
7860	22023129	Nguyễn Văn Việt	Chuẩn	K67P-EP	0	13.872.000		13.872.000	
7861	22023130	Tăng Hoàng Tuấn	Chuẩn	K67P-EP	19.125.000			19.125.000	Nợ K1/24-25 và GDQP
7862	22023132	Nhữ Đình Khánh	Chuẩn	K67P-EP	0	19.584.000		19.584.000	
7863	22023134	Nguyễn Hải Long	Chuẩn	K67P-EP	0	13.056.000		13.056.000	
7864	22023136	Phạm Tuấn Lộc	Chuẩn	K67P-EP	0	18.768.000		18.768.000	
7865	22023137	Hoàng Quang Vinh	Chuẩn	K67P-EP	0	13.872.000		13.872.000	
7866	22023139	Trần Quang Hưng	Chuẩn	K67P-EP	0	21.216.000		21.216.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7867	22023140	Phạm Nguyễn Trọng Khiêm	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7868	22023141	Đặng Ngọc Thương	Chuẩn	K67P-EP	0	22.848.000		22.848.000	
7869	22023142	Lưu Văn An	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7870	22023143	Dương Thanh Hoan	Chuẩn	K67P-EP	0	18.768.000		18.768.000	
7871	22023144	Trần Đức Trung	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7872	22023145	Nguyễn Đức Long	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7873	22023146	Vũ Trung Huy	Chuẩn	K67P-EP	0	20.400.000		20.400.000	
7874	22023148	Trần Ngọc Hiếu	Chuẩn	K67P-EP	0	15.504.000		15.504.000	
7875	22023150	Trần Văn Diễn	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7876	22023151	Trần Tuấn Anh	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7877	22023152	Vũ Văn Ngọc	Chuẩn	K67P-EP	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn mức 1)
7878	22023154	Đinh Nam Anh	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7879	22023156	Nguyễn Hoàng Giang	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7880	22023157	Lê Đức Độ	Chuẩn	K67P-EP	0	18.768.000		18.768.000	
7881	22023158	Nguyễn Văn Hưng	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7882	22023159	Trịnh Thị Nhật An	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7883	22023161	Võ Đình Quân	Chuẩn	K67P-EP	0	20.400.000		20.400.000	
7884	22023162	Hoàng Văn Bảo	Chuẩn	K67P-EP	0	19.584.000		19.584.000	
7885	22023163	Nguyễn Quốc Hưng	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7886	22023164	Đào Duy Đạt	Chuẩn	K67P-EP	0	13.872.000		13.872.000	
7887	22023165	Sầm Nguyên Vũ	Chuẩn	K67P-EP	0	13.872.000		13.872.000	
7888	22023166	Nguyễn Đăng Sỹ	Chuẩn	K67P-EP	0	12.240.000		12.240.000	
7889	22023167	Trần Hữu Thắng	Chuẩn	K67P-EP	0	13.056.000		13.056.000	
7890	22023168	Nguyễn Hải Đăng	Chuẩn	K67P-EP	0	12.240.000		12.240.000	
7891	22023169	Phan Thanh Bình	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7892	22023170	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Chuẩn	K67P-EP	0	12.240.000		12.240.000	
7893	22023171	Bùi Tiến Mạnh	Chuẩn	K67P-EP	0	14.688.000		14.688.000	
7894	22023172	Nguyễn Đức Duy	Chuẩn	K67P-EP	0	13.872.000		13.872.000	
7895	22023173	Nguyễn Văn Sơn	Chuẩn	K67P-EP	0	20.400.000		20.400.000	
7896	22023174	Nguyễn Lê Trung Hải	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7897	22023176	Đinh Hồng Dương Huy	Chuẩn	K67P-EP	0	18.768.000		18.768.000	
7898	22023177	Hoàng Như Phương	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7899	22023178	Nguyễn Huy Công	Chuẩn	K67P-EP	0	15.504.000		15.504.000	
7900	22023179	Nguyễn Đàm San	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7901	22023180	Đỗ Quang Huy	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7902	22023181	Trương Thanh Bình	Chuẩn	K67P-EP	0	16.320.000		16.320.000	
7903	22023182	Nguyễn Tuấn Dương	Chuẩn	K67P-EP	5.530.000	17.952.000		23.482.000	Nợ 1 phần K2/24-25
7904	22023184	Lê Thế Vũ	Chuẩn	K67P-EP	0	19.584.000		19.584.000	
7905	22023185	Dương Đình Vương	Chuẩn	K67P-EP	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)
7906	22023187	Trương Tiến Quốc	Chuẩn	K67P-EP	0	12.240.000		12.240.000	
7907	22027100	Nguyễn Thị Kim Chi	Chuẩn	K67S-AE	0	12.186.000		12.186.000	
7908	22027102	Phạm Anh Kiệt	Chuẩn	K67S-AE	0	14.634.000		14.634.000	
7909	22027103	Nguyễn Thế Trị	Chuẩn	K67S-AE	0	9.774.000		9.774.000	
7910	22027105	Lê Đình Hùng	Chuẩn	K67S-AE	0	15.051.000		15.051.000	
7911	22027106	Bùi Tuấn Anh	Chuẩn	K67S-AE	0	13.836.000		13.836.000	
7912	22027107	Phạm Hải Đức	Chuẩn	K67S-AE	0	12.603.000		12.603.000	
7913	22027108	Dương Quang Minh	Chuẩn	K67S-AE	0	15.311.000		15.311.000	
7914	22027109	Trần Đình Vinh	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7915	22027110	Khuất Việt Anh	Chuẩn	K67S-AE	0	14.894.000		14.894.000	
7916	22027111	Đỗ Văn Đại	Chuẩn	K67S-AE	0	8.124.000		8.124.000	
7917	22027112	Nguyễn Tuệ Minh	Chuẩn	K67S-AE	0	10.868.000		10.868.000	
7918	22027114	Bùi Đức Mạnh	Chuẩn	K67S-AE	0	5.223.000		5.223.000	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 2)
7919	22027115	Nguyễn Văn Lâm	Chuẩn	K67S-AE	0	19.131.000		19.131.000	
7920	22027116	Nguyễn Văn Việt	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7921	22027117	Dương Vũ Hoàn	Chuẩn	K67S-AE	0	12.464.000		12.464.000	
7922	22027118	Lê Thị Minh	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7923	22027119	Lê Quang Hậu	Chuẩn	K67S-AE	0	10.608.000		10.608.000	
7924	22027120	Nguyễn Đình Tiến	Chuẩn	K67S-AE	0	13.280.000		13.280.000	
7925	22027121	Phạm Xuân Bắc	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7926	22027122	Đỗ Trần Tuấn Minh	Chuẩn	K67S-AE	0	12.186.000		12.186.000	
7927	22027123	Nguyễn Ngọc Hải	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7928	22027124	Nguyễn Hữu Chí	Chuẩn	K67S-AE	0	13.280.000		13.280.000	
7929	22027125	Trần Thanh Tùng	Chuẩn	K67S-AE	0	12.863.000		12.863.000	
7930	22027126	Vũ Quang Minh	Chuẩn	K67S-AE	0	15.450.000		15.450.000	
7931	22027128	Nguyễn Viết Thành	Chuẩn	K67S-AE	0	14.235.000		14.235.000	
7932	22027129	Bùi Việt Anh	Chuẩn	K67S-AE	0	8.801.000		8.801.000	
7933	22027130	Nguyễn Khôi	Chuẩn	K67S-AE	0	13.818.000		13.818.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7934	22027131	Nguyễn Xuân Thơi	Chuẩn	K67S-AE	0	15.450.000		15.450.000	
7935	22027132	Lê Quốc Tuấn	Chuẩn	K67S-AE	0	16.822.000		16.822.000	
7936	22027133	Hoàng Văn Quyền	Chuẩn	K67S-AE	0	14.096.000		14.096.000	
7937	22027134	Cao Minh Hiếu	Chuẩn	K67S-AE	0	20.606.000		20.606.000	
7938	22027135	Lại Việt Dũng	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7939	22027136	Vũ Văn Thắng	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7940	22027137	Trần Duy Khánh	Chuẩn	K67S-AE	0	12.464.000		12.464.000	
7941	22027138	Trần Thị Phương Thảo	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7942	22027142	Nguyễn Tiến Đạt	Chuẩn	K67S-AE	0	16.248.000		16.248.000	
7943	22027143	Phạm Lê Ngọc Phi	Chuẩn	K67S-AE	0	17.499.000		17.499.000	
7944	22027144	Trần Đình Trường	Chuẩn	K67S-AE	2.493.000	6.111.000		8.604.000	Nợ kỳ hè 24-25
7945	22027145	Nguyễn Huy Hoàng	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7946	22027146	Trần Văn Minh Khoa	Chuẩn	K67S-AE	0	14.096.000		14.096.000	
7947	22027147	Nguyễn Hà Thanh	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7948	22027149	Bùi Tiến Dũng	Chuẩn	K67S-AE	0	12.603.000		12.603.000	
7949	22027150	Vũ Kỳ Phương	Chuẩn	K67S-AE	0	13.280.000		13.280.000	
7950	22027151	Nguyễn Hữu Thắng	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7951	22027152	Lê Đức Anh	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7952	22027154	Đỗ Nguyễn Nhật Quang	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7953	22027155	Lê Hoàng Hà	Chuẩn	K67S-AE	0	12.603.000		12.603.000	
7954	22027156	Nguyễn Việt Trung	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7955	22027157	Nguyễn Hữu Mạnh Tuấn	Chuẩn	K67S-AE	0	12.863.000		12.863.000	
7956	22027158	Hồ Tiến Đạt	Chuẩn	K67S-AE	0	11.509.000		11.509.000	
7957	22027159	Nguyễn Trung Hiếu	Chuẩn	K67S-AE	0	16.248.000		16.248.000	
7958	22027160	Nguyễn Gia Bình	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7959	22027161	Nguyễn Bảo Khánh	Chuẩn	K67S-AE	-1.902.000	0		-1.902.000	Miễn HP (Chuẩn mức 2)
7960	22027162	Nguyễn Huy Tùng	Chuẩn	K67S-AE	0	13.280.000		13.280.000	
7961	22027163	Kiều Mai Anh	Chuẩn	K67S-AE	0	12.186.000		12.186.000	
7962	22027164	Nguyễn Thu Trang	Chuẩn	K67S-AE	0	11.787.000		11.787.000	
7963	22027165	Nguyễn Thị Ngọc	Chuẩn	K67S-AE	0	14.096.000		14.096.000	
7964	22027167	Ngô Xuân Tú	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7965	22027168	Bùi Trọng Phan	Chuẩn	K67S-AE	0	15.571.000		15.571.000	
7966	22027169	Hà Gia Khánh	Chuẩn	K67S-AE	-2.295.000	12.863.000		10.568.000	Nộp thừa kỳ hè 24-25
7967	22027170	Nguyễn Doãn Minh	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
7968	22027171	Lê Xuân Lâm	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7969	22027173	Dương Anh Tuấn	Chuẩn	K67S-AE	0	14.096.000		14.096.000	
7970	22027175	Lê Thị Minh Tâm	Chuẩn	K67S-AE	0	11.509.000		11.509.000	
7971	22027176	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Chuẩn	K67S-AE	0	10.832.000		10.832.000	
7972	22027178	Lê Quốc Đạt	Chuẩn	K67S-AE	0	1.632.000		1.632.000	Miễn HP (Chuẩn mức 2)
7973	22027179	Vương Thị Ngọc Huyền	Chuẩn	K67S-AE	0	10.155.000		10.155.000	
7974	22027180	Trần Mạnh Đức	Chuẩn	K67S-AE	1.902.000	16.248.000		18.150.000	Nợ 1 phần K2/24-25
7975	22027181	Lê Trung Hồng Quân	Chuẩn	K67S-AE	1.902.000	16.925.000		18.827.000	Nợ 1 phần K2/24-25
7976	22027182	Phạm Hồng Quân	Chuẩn	K67S-AE	1.902.000	16.248.000		18.150.000	Nợ 1 phần K2/24-25
7977	23020323	Nguyễn Trường An	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
7978	23020325	Đỗ Hoàng Anh	Chuẩn	K68A-AI1	0	29.012.000		29.012.000	
7979	23020327	Lê Hồng Anh	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
7980	23020329	Nguyễn Vũ Quang Anh	Chuẩn	K68A-AI1	-3.213.000	0		-3.213.000	Miễn HP (Chuẩn)
7981	23020333	Trịnh Tuấn Ngọc Bảo	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7982	23020335	Nguyễn Duy Hải Bằng	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7983	23020337	Nguyễn Thế Cường	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7984	23020339	Phan Trần Mạnh Cường	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7985	23020341	Vũ Bảo Chinh	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
7986	23020343	Đỗ Việt Dũng	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
7987	23020345	Phạm Tiến Dũng	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.462.000		17.462.000	
7988	23020347	Đặng Đức Duy	Chuẩn	K68A-AI1	0	6.468.000		6.468.000	Miễn HP (Chuẩn)
7989	23020349	Hoàng Văn Dương	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7990	23020351	Vũ Nguyên Đan	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7991	23020353	Tô Tiến Đạt	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7992	23020357	Hoàng Ngọc Diệp	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7993	23020359	Trịnh Hoàng Đức	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7994	23020363	Vi Minh Hiền	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7995	23020365	Lê Vũ Hiếu	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7996	23020367	Phạm Trung Hiếu	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
7997	23020371	Hoàng Mạnh Hùng	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
7998	23020373	Phạm Quốc Hùng	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
7999	23020375	Hà Xuân Huy	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8000	23020377	Nguyễn Gia Huy	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8001	23020379	Nguyễn Văn Huy	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8002	23020381	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
8003	23020383	Nguyễn Anh Kiệt	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
8004	23020385	Nguyễn Gia Khánh	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8005	23020387	Trần Quốc Khánh	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8006	23020391	Phạm Bảo Lăng	Chuẩn	K68A-AI1	0	21.620.000		21.620.000	
8007	23020393	Muộn Quốc Khánh Linh	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
8008	23020395	Nguyễn Văn Linh	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8009	23020397	Tạ Giang Thùy Loan	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8010	23020399	Nguyễn Thị Minh Ly	Chuẩn	K68A-AI1	0	19.772.000		19.772.000	
8011	23020401	Vũ Đức Minh	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8012	23020403	Hoàng Ngọc Nam	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8013	23020405	Nguyễn Hữu Hoàng Nam	Chuẩn	K68A-AI1	0	21.620.000		21.620.000	
8014	23020407	Đặng Minh Nguyệt	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8015	23020409	Đào Tự Phát	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8016	23020411	Cao Minh Quang	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8017	23020413	Phạm Nhật Quang	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8018	23020415	Bùi Minh Quân	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8019	23020417	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8020	23020419	Phan Mạnh Quân	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8021	23020421	Hoàng Minh Quyền	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8022	23020423	Hoàng Sơn	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.462.000		17.462.000	
8023	23020425	Phạm Hải Tiến	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8024	23020427	Vũ Văn Tới	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8025	23020429	Phạm Minh Tú	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8026	23020431	Chu Thanh Tùng	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8027	23020433	Mai Phan Anh Tùng	Chuẩn	K68A-AI1	0	20.696.000		20.696.000	
8028	23020435	Vũ Thanh Tùng	Chuẩn	K68A-AI1	0	29.012.000		29.012.000	
8029	23020437	Tạ Nguyên Thành	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8030	23020439	Nguyễn Năng Thịnh	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8031	23020441	Nguyễn Công Trình	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8032	23020443	Phan Quang Trường	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8033	23020445	Nguyễn Công Vinh	Chuẩn	K68A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
8034	23020324	Chu Thị Phương Anh	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8035	23020326	Lâm Đức Anh	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8036	23020330	Phạm Hà Anh	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8037	23020332	Trần Xuân Bảo	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8038	23020334	Nguyễn Quý Bắc	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8039	23020336	Kiều Quốc Công	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8040	23020338	Nguyễn Công Cường	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8041	23020342	Bùi Thanh Dân	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8042	23020344	Ngô Quang Dũng	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8043	23020346	Phan Hoàng Dũng	Chuẩn	K68A-AI2	0	21.620.000		21.620.000	
8044	23020348	Nguyễn Văn Duy	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8045	23020350	Nguyễn Đăng Dương	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8046	23020352	Hoàng Tiến Đạt	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8047	23020354	Tôn Thành Đạt	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8048	23020356	Bùi Hải Đăng	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8049	23020358	Lê Thiện Đức	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.462.000		17.462.000	
8050	23020360	Trương Trọng Đức	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8051	23020362	Dương Lý Khánh Hạ	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8052	23020364	Phan Tuấn Hiệp	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8053	23020366	Nguyễn Trung Hiếu	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8054	23020368	Nguyễn Duy Hoàng	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8055	23020370	Đông Mạnh Hùng	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8056	23020374	Đoàn Quang Huy	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8057	23020376	Nguyễn Đức Huy	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8058	23020378	Nguyễn Trần Huy	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.462.000		17.462.000	
8059	23020380	Vũ Đức Huy	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8060	23020382	Ngô Nguyễn Khải Hưng	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8061	23020384	Nguyễn Đình Khải	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8062	23020386	Trần Khắc Phúc Khánh	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8063	23020388	Nguyễn Thế Khôi	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8064	23020390	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8065	23020392	Lưu Quang Linh	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8066	23020394	Ngô Đình Linh	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8067	23020396	Tạ Quang Linh	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8068	23020398	Nông Phi Long	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8069	23020404	Kiều Đức Nam	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8070	23020406	Nguyễn Phương Nam	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.462.000		17.462.000	
8071	23020408	Ngô Đình Minh Nhật	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8072	23020410	Nguyễn Trọng Hồng Phúc	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8073	23020412	Nguyễn Bá Quang	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8074	23020414	Võ Duy Quang	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8075	23020416	Đàm Lê Minh Quân	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8076	23020418	Phạm Quân	Chuẩn	K68A-AI2	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
8077	23020422	Nguyễn Đình Quyền	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8078	23020424	Vũ Minh Sơn	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8079	23020426	Hoàng Sỹ Toàn	Chuẩn	K68A-AI2	0	22.544.000		22.544.000	
8080	23020428	Nguyễn Hoàng Tú	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8081	23020432	Mai Minh Tùng	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8082	23020434	Nguyễn Khánh Tùng	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8083	23020438	Trần Doãn Thắng	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8084	23020440	Lường Minh Trí	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8085	23020442	Phạm Thế Trung	Chuẩn	K68A-AI2	0	17.000.000		17.000.000	
8086	23020444	Nguyễn Văn Việt	Chuẩn	K68A-AI2	0	19.772.000		19.772.000	
8087	23020446	Hoàng Minh Vũ	Chuẩn	K68A-AI2	0	22.544.000		22.544.000	
8088	23021053	Đào Minh An	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8089	23021056	Ngô Thái An	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8090	23021059	Đinh Hoàng Anh	Chuẩn	K68C-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8091	23021062	Vũ Đức Anh	Chuẩn	K68C-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8092	23021065	Đặng Quốc Bảo	Chuẩn	K68C-CE1	0	21.620.000		21.620.000	
8093	23021068	Đỗ Thanh Bình	Chuẩn	K68C-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8094	23021071	Nguyễn Trung Công	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8095	23021074	Lê Văn Cường	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8096	23021077	Nguyễn Cao Cường	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8097	23021080	Vũ Hồng Cường	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8098	23021083	Cao Ngọc Danh	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8099	23021086	Hà Trần Anh Dũng	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8100	23021089	Trần Văn Dũng	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8101	23021092	Trần Khánh Duy	Chuẩn	K68C-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8102	23021095	Văn Tiến Dương	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8103	23021098	Nguyễn Tiến Đạt	Chuẩn	K68C-CE1	0	20.696.000		20.696.000	
8104	23021101	Lê Trung Đức	Chuẩn	K68C-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8105	23021107	Đồng Văn Hải	Chuẩn	K68C-CE1	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8106	23021110	Nguyễn Đức Hậu	Chuẩn	K68C-CE1	-3.318.900			-3.318.900	
8107	23021113	Luyện Văn Hiếu	Chuẩn	K68C-CE1	0	19.772.000		19.772.000	
8108	23021116	Vũ Xuân Hiếu	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8109	23021122	Hoàng Văn Hùng	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8110	23021125	Trần Mạnh Hùng	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8111	23021128	Nguyễn Tuấn Hưng	Chuẩn	K68C-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8112	23021134	Đình Nguyễn Tùng Khánh	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8113	23021137	Nguyễn Trường Lâm	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8114	23021140	Trần Hải Linh	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8115	23021143	Phí Đức Long	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8116	23021158	Nguyễn Thế Nam	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8117	23021161	Hoàng Hải Ninh	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8118	23021167	Đặng Nhật Quang	Chuẩn	K68C-CE1	17.738.000	17.000.000		34.738.000	Nợ K2/24-25
8119	23021170	Lương Văn Quân	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8120	23021173	Nguyễn Phú Sang	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8121	23021176	Nguyễn Đức Tâm	Chuẩn	K68C-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8122	23021182	Ngô Minh Toàn	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8123	23021185	Trịnh Khánh Toàn	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8124	23021188	Nguyễn Thanh Tùng	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8125	23021191	Nguyễn Ngô Thành	Chuẩn	K68C-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8126	23021203	Lê Hữu Vũ	Chuẩn	K68C-CE1	0	19.772.000		19.772.000	
8127	23021054	Đào Minh An	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8128	23021057	Bùi Quang Anh	Chuẩn	K68C-CE2	0	19.772.000		19.772.000	
8129	23021060	Nguyễn Hoàng Anh	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8130	23021063	Vũ Đình Bách	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8131	23021066	Đàm Xuân Bắc	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8132	23021069	Nguyễn Thanh Bình	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8133	23021075	Lê Việt Cường	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8134	23021078	Nguyễn Mạnh Cường	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8135	23021081	Khuong Minh Chiến	Chuẩn	K68C-CE2	6.808.000	17.000.000		23.808.000	GDQP
8136	23021084	Nguyễn Quang Diệu	Chuẩn	K68C-CE2	0	22.544.000		22.544.000	
8137	23021087	Nguyễn Lưu Anh Dũng	Chuẩn	K68C-CE2	6.098.520	19.772.000		25.870.520	Nợ K2/24-25
8138	23021090	Bùi Quang Duy	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8139	23021093	Nguyễn Thị Minh Duyên	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8140	23021096	Nguyễn Hoàng Đạt	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8141	23021105	Trần Hoàng Giang	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8142	23021108	Nguyễn Minh Hải	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8143	23021111	Nguyễn Hoàng Hiệp	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8144	23021114	Lương Trung Hiếu	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8145	23021117	Trần Thị Hoa	Chuẩn	K68C-CE2	2.607.000	17.000.000		19.607.000	Nợ kỳ hè 24-25
8146	23021120	Đinh Văn Hội	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8147	23021129	Hà Hoàng Anh Kiệt	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.462.000		17.462.000	
8148	23021132	Phạm Tuấn Khanh	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8149	23021135	Đỗ Nguyễn Quốc Khánh	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8150	23021138	Phạm Tùng Lâm	Chuẩn	K68C-CE2	0	20.696.000		20.696.000	
8151	23021141	Chu Thành Long	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8152	23021144	Dương Văn Lộc	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8153	23021147	Nguyễn Văn Mạnh	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8154	23021150	Mai Văn Minh	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8155	23021153	Tô Thành Minh	Chuẩn	K68C-CE2	0	19.310.000		19.310.000	
8156	23021156	Đào Văn Nam	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8157	23021159	Nguyễn Xuân Nam	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.462.000		17.462.000	
8158	23021162	Đỗ Văn Nghĩa	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8159	23021165	Lê Tuấn Phong	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8160	23021171	Nguyễn Trương Trung Quân	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8161	23021174	Đặng Thái Sơn	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8162	23021177	Nguyễn Minh Tâm	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8163	23021180	Nguyễn Xuân Tiến	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8164	23021183	Phạm Công Toàn	Chuẩn	K68C-CE2	6.083.000	18.848.000		24.931.000	Nợ kỳ hè 24-25
8165	23021186	Hoàng Quốc Toàn	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8166	23021192	Hà Minh Thắng	Chuẩn	K68C-CE2	0	22.544.000		22.544.000	
8167	23021195	Nguyễn Đình Thông	Chuẩn	K68C-CE2	0	20.696.000		20.696.000	
8168	23021198	Nguyễn Đắc Thực	Chuẩn	K68C-CE2	0	17.462.000		17.462.000	
8169	23021201	Nguyễn Văn Trường	Chuẩn	K68C-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8170	23021055	Lưu Quốc An	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8171	23021058	Đặng Việt Anh	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8172	23021061	Nguyễn Thế Anh	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8173	23021064	Đào Duy Bảo	Chuẩn	K68C-CE3	0	21.620.000		21.620.000	
8174	23021070	Nguyễn Xuân Cẩn	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8175	23021076	Nguyễn Anh Cường	Chuẩn	K68C-CE3	0	20.696.000		20.696.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8176	23021079	Tô Duy Cường	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8177	23021085	Đinh Hoàng Dũng	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8178	23021088	Nguyễn Xuân Dũng	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8179	23021091	Phạm Đức Duy	Chuẩn	K68C-CE3	0	18.848.000		18.848.000	
8180	23021094	Đào Nhật Dương	Chuẩn	K68C-CE3	0	18.848.000		18.848.000	
8181	23021097	Nguyễn Phong Đạt	Chuẩn	K68C-CE3	0	18.848.000		18.848.000	
8182	23021100	Cù Anh Đức	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8183	23021103	Vũ Anh Đức	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8184	23021106	Đào Việt Hà	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8185	23021109	Dương Nhật Hào	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8186	23021112	Hà Chí Hiếu	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8187	23021115	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K68C-CE3	0	19.772.000		19.772.000	
8188	23021121	Đinh Thị Huế	Chuẩn	K68C-CE3	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8189	23021124	Quảng Mạnh Hùng	Chuẩn	K68C-CE3	0	18.848.000		18.848.000	
8190	23021127	Phan Đăng Huy	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8191	23021130	Nguyễn Xuân Kiệt	Chuẩn	K68C-CE3	0	18.848.000		18.848.000	
8192	23021133	Dương Quốc Khánh	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8193	23021136	Trần Duy Khánh	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8194	23021139	Nguyễn Huyền Linh	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8195	23021142	Nguyễn Thế Long	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8196	23021145	Phạm Đình Lợi	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8197	23021151	Nguyễn Bách Vũ Minh	Chuẩn	K68C-CE3	-2.808.300			-2.808.300	
8198	23021154	Trần Nhật Minh	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8199	23021157	Đỗ Trọng Nam	Chuẩn	K68C-CE3	0	18.848.000		18.848.000	
8200	23021160	Sái Hải Nam	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8201	23021163	Vũ Trọng Nghĩa	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8202	23021166	Nguyễn Trường Phước	Chuẩn	K68C-CE3	53.450	18.848.000		18.901.450	Nợ 1 phần K2/24-25
8203	23021169	Hoàng Anh Quân	Chuẩn	K68C-CE3	0	18.848.000		18.848.000	
8204	23021172	Vũ Phạm Anh Quân	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8205	23021175	Nguyễn Duy Sơn	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8206	23021178	Nguyễn Thủy Tiên	Chuẩn	K68C-CE3	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (chuẩn)
8207	23021181	Lê Doãn Khánh Toàn	Chuẩn	K68C-CE3	0	19.772.000		19.772.000	
8208	23021184	Từ Minh Toàn	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8209	23021187	Nguyễn Hoàng Tùng	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8210	23021190	Nguyễn Trần Thiện Thái	Chuẩn	K68C-CE3	6.952.000	18.848.000		25.800.000	Nợ kỳ hè 24-25
8211	23021193	Phạm Khánh Toàn Thắng	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8212	23021196	Bùi Như Thuận	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8213	23021199	Trần Khắc Trọng	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8214	23021202	Nguyễn Cao Hoàng Việt	Chuẩn	K68C-CE3	0	17.000.000		17.000.000	
8215	23020781	Nguyễn Quang Anh	Chuẩn	K68E-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8216	23020783	Đỗ Hoàng Gia Bảo	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8217	23020785	Nguyễn Thanh Bình	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8218	23020787	Nguyễn Thị Phương Chi	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8219	23020789	Trần Minh Chiến	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8220	23020791	Nguyễn Đức Duân	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8221	23020793	Nguyễn Anh Dũng	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8222	23020795	Bùi Đăng Dương	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8223	23020797	Phan Đăng Dương	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8224	23020799	Phạm Tiến Đạt	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8225	23020801	Lê Hải Đăng	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8226	23020803	Trịnh Văn Giang	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8227	23020805	Nguyễn Văn Hà	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8228	23020807	Ngô Văn Hiệp	Chuẩn	K68E-CE1	0	19.772.000		19.772.000	
8229	23020809	Nguyễn Trung Hiếu	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8230	23020811	Phùng Minh Hiếu	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8231	23020813	Lê Thanh Hoàng	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8232	23020815	Nguyễn Việt Hoàng	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8233	23020817	Võ Việt Hoàng	Chuẩn	K68E-CE1	0	5.547.000		5.547.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8234	23020819	Phan Xuân Hôn	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8235	23020821	Lê Công Kiên	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8236	23020823	Hà Huy Anh Kiệt	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8237	23020825	Phạm Dương Khanh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8238	23020827	Nguyễn Quang Bảo Khánh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.462.000		17.462.000	
8239	23020829	Nguyễn Văn Khoa	Chuẩn	K68E-CE1	0	20.696.000		20.696.000	
8240	23020831	Nguyễn Tuấn Linh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8241	23020833	Phạm Thị Thùy Linh	Chuẩn	K68E-CE1	0	20.696.000		20.696.000	
8242	23020835	Lê Thanh Long	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8243	23020837	Lê Ngô Đức Mạnh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8244	23020839	Nguyễn Xuân Mạnh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8245	23020841	Nguyễn Đức Minh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8246	23020843	Trần Nhật Minh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8247	23020845	Hoàng Nhật Nam	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8248	23020847	Phạm Thành Nam	Chuẩn	K68E-CE1	0	21.620.000		21.620.000	
8249	23020849	Lê Thị Linh Nga	Chuẩn	K68E-CE1	0	3.237.000		3.237.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8250	23020851	Đỗ Thị Minh Ngọc	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8251	23020853	Nguyễn Văn Nhân	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8252	23020855	Nguyễn Thế Phong	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8253	23020857	Trần Minh Phúc	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8254	23020859	Trần Văn Phường	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8255	23020861	Phùng Văn Quang	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8256	23020863	Đặng Bá Quân	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8257	23020867	Trịnh Quang Sáng	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8258	23020869	Phạm Trung Sỹ	Chuẩn	K68E-CE1	0	18.848.000		18.848.000	
8259	23020871	Phùng Khắc Tâm	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8260	23020873	Vũ Văn Tiến	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8261	23020875	Đinh Kiều Công Tuấn	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8262	23020877	Hoàng Nghĩa Tuấn	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.462.000		17.462.000	
8263	23020879	Vũ Chí Anh Tuấn	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8264	23020881	Phạm Ngọc Tùng	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8265	23020883	Bùi Xuân Thanh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8266	23020885	Nguyễn Tất Thành	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8267	23020887	Nguyễn Thế Thiện	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8268	23020889	Nguyễn Minh Thịnh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.462.000		17.462.000	
8269	23020893	Nguyễn Minh Trọng	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8270	23020895	Nguyễn Công Trường	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8271	23020897	Cao Quang Vĩnh	Chuẩn	K68E-CE1	0	17.000.000		17.000.000	
8272	23020780	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8273	23020782	Vũ Đức Anh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8274	23020784	Nguyễn Quang Bảo	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8275	23020786	Nguyễn Đình Cường	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8276	23020788	Hoàng Hải Chiến	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8277	23020790	Nguyễn Văn Dân	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8278	23020792	Bùi Tiến Dũng	Chuẩn	K68E-CE2	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
8279	23020794	Nguyễn Mạnh Duy	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8280	23020796	Đỗ Tùng Dương	Chuẩn	K68E-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8281	23020798	Phùng Khắc Dương	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8282	23020800	Trịnh Đình Đạt	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8283	23020802	Nguyễn Trường Giang	Chuẩn	K68E-CE2	0	19.772.000		19.772.000	
8284	23020804	Trương Hoàng Giang	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8285	23020806	Hoàng Viết Hiệp	Chuẩn	K68E-CE2	0	19.772.000		19.772.000	
8286	23020808	Nguyễn Đình Hiếu	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8287	23020810	Phạm Đức Hiếu	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8288	23020812	Đoàn Quang Hoàn	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8289	23020814	Mai Huy Hoàng	Chuẩn	K68E-CE2	0	21.620.000		21.620.000	
8290	23020816	Trần Huy Hoàng	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8291	23020818	Vũ Huy Hoàng	Chuẩn	K68E-CE2	0	18.848.000		18.848.000	
8292	23020820	Hoàng Minh Hưng	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.462.000		17.462.000	
8293	23020822	Trần Văn Kiên	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8294	23020824	Đỗ Tuấn Khanh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8295	23020826	Mai Gia Khánh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8296	23020828	Phạm Ngọc Khánh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8297	23020830	Trần Thế Khôi	Chuẩn	K68E-CE2	0	20.696.000		20.696.000	
8298	23020832	Nguyễn Việt Linh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8299	23020834	Đinh Thành Long	Chuẩn	K68E-CE2	-35.932.610	17.000.000		-18.932.610	Đóng trước HP n/h 25-26
8300	23020836	Hoàng Đức Mạnh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.462.000		17.462.000	
8301	23020838	Nguyễn Văn Mạnh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8302	23020840	Tạ Đức Mạnh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8303	23020842	Nguyễn Quang Minh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8304	23020844	Vũ Ngọc Trường Minh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8305	23020848	Phan Đình Phương Nam	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8306	23020850	Đặng Trọng Nghĩa	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8307	23020852	Lê Nguyễn	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8308	23020854	Chu Hồng Phong	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8309	23020856	Vũ Hải Phong	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8310	23020858	Hà Thu Phương	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8311	23020860	Nguyễn Minh Quang	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8312	23020862	Bùi Đức Quân	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8313	23020864	Trần Văn Trung Quân	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8314	23020866	Lê Minh Quyền	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.462.000		17.462.000	
8315	23020868	Nguyễn Thế Hoàng Sơn	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8316	23020870	Phan Thành Tài	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8317	23020872	Nguyễn Trọng Tấn	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8318	23020874	Vũ Hàn Tín	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8319	23020876	Đoàn Mạnh Tuấn	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8320	23020878	Quách Thanh Tuấn	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8321	23020880	Nguyễn Thanh Tùng	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8322	23020882	Đỗ Đặng Tuyên	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8323	23020884	Nguyễn Hải Thanh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8324	23020886	Nguyễn Tiến Thành	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8325	23020888	Lưu Tiến Thịnh	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8326	23020890	Trịnh Thị Huyền Trang	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8327	23020892	Nguyễn Đức Trọng	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8328	23020894	Mã Thành Trung	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8329	23020896	Lương Hữu Việt	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.000.000		17.000.000	
8330	23020898	Lê Hoàng Vũ	Chuẩn	K68E-CE2	0	17.462.000		17.462.000	
8331	23020718	Bùi Trường An	Chuẩn	K68E-RE	0	18.848.000		18.848.000	
8332	23020719	Đỗ Việt Anh	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8333	23020721	Nguyễn Quang Anh	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8334	23020722	Phạm Việt Anh	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8335	23020723	Lê Anh Tuấn Bằng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8336	23020724	Phạm Thị Bích	Chuẩn	K68E-RE	0	21.620.000		21.620.000	
8337	23020725	Hoa Mạnh Cường	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8338	23020727	Tô Văn Chúc	Chuẩn	K68E-RE	0	18.848.000		18.848.000	
8339	23020728	Bùi Mạnh Dũng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8340	23020729	Kiều Minh Dũng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8341	23020730	Thân Thế Trí Dũng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8342	23020731	Nguyễn Đức Duy	Chuẩn	K68E-RE	0	24.854.000		24.854.000	
8343	23020732	Nguyễn Tùng Dương	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8344	23020733	Văn Thư Đạt	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8345	23020734	Ngô Thiện Đức	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8346	23020735	Phạm Thành Đông	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8347	23020736	Lê Mạnh Đức	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8348	23020738	Phan Hoàng Đức	Chuẩn	K68E-RE	0	18.848.000		18.848.000	
8349	23020739	Lê Minh Hải	Chuẩn	K68E-RE	0	23.468.000		23.468.000	
8350	23020740	Đinh Văn Hào	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8351	23020741	Mai Đức Hiền	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8352	23020742	Vũ Văn Hiệp	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8353	23020743	Nguyễn Huy Hoàng	Chuẩn	K68E-RE	0	22.544.000		22.544.000	
8354	23020744	Dương Văn Hùng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8355	23020745	Lăng Văn Huy	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8356	23020746	Uông Gia Huy	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8357	23020747	Trần Lưu Hưng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8358	23020748	Lục Văn Khoa	Chuẩn	K68E-RE	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (chuẩn)
8359	23020749	Nguyễn Văn Linh	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8360	23020750	Phạm Đức Long	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8361	23020751	Dương Quang Minh	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8362	23020752	Lưu Gia Minh	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8363	23020753	Dương Thị Kim Ngân	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8364	23020754	Lê Trọng Nghĩa	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8365	23020755	Nguyễn Minh Nghĩa	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8366	23020756	Đinh Văn Phúc	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8367	23020757	Lê Hồng Quang	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8368	23020758	Bùi Anh Quân	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8369	23020759	Nguyễn Tất Quân	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8370	23020760	Nguyễn Trọng Quân	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8371	23020761	Nguyễn Văn Quân	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8372	23020762	Lương Nguyễn Việt Sang	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8373	23020763	Trần Ngọc Sáng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8374	23020764	Vũ Ngọc Sơn	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8375	23020765	Hoàng Minh Tâm	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8376	23020766	Nguyễn Văn Tổng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8377	23020767	Nguyễn Quang Tuấn	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	
8378	23020768	Triệu Bùi Minh Tuấn	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8379	23020769	Mạc Văn Tùng	Chuẩn	K68E-RE	0	21.620.000		21.620.000	
8380	23020770	Trần Sơn Tùng	Chuẩn	K68E-RE	0	19.772.000		19.772.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8381	23020772	Nguyễn Trần Thu Thảo	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8382	23020773	Trần Việt Thắng	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8383	23020774	Nguyễn Hoàng Thiện	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8384	23020776	Mai Đức Trí	Chuẩn	K68E-RE	0	17.000.000		17.000.000	
8385	23020777	Hoàng Xuân Trường	Chuẩn	K68E-RE	248.000	17.000.000		17.248.000	Nợ 1 phần K2/24-25
8386	23020778	Lê Minh Tuấn Vũ	Chuẩn	K68E-RE	0	21.620.000		21.620.000	
8387	23020178	Vũ Ngọc An	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8388	23020180	Nguyễn Đức Thế Anh	Chuẩn	K68G-AT	8.690.000	21.620.000		30.310.000	Nợ kỳ hè 24-25
8389	23020181	Nguyễn Tuấn Anh	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8390	23020185	Nguyễn Thị Kim Cúc	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8391	23020186	Cao Văn Dĩnh	Chuẩn	K68G-AT	0	19.772.000		19.772.000	
8392	23020187	Đỗ Đức Dũng	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8393	23020188	Nguyễn Hồng Dương	Chuẩn	K68G-AT	0	19.310.000		19.310.000	
8394	23020189	Nguyễn Huy Dương	Chuẩn	K68G-AT	0	20.696.000		20.696.000	
8395	23020190	Nguyễn Quang Đại	Chuẩn	K68G-AT	0	20.696.000		20.696.000	
8396	23020191	Nguyễn Tiến Đạt	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8397	23020194	Nguyễn Xuân Đức	Chuẩn	K68G-AT	0	20.696.000		20.696.000	
8398	23020195	Hoàng Trường Giang	Chuẩn	K68G-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8399	23020196	Ngô Trường Giang	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8400	23020198	Phạm Ngân Hà	Chuẩn	K68G-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8401	23020199	Chu Đức Hải	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8402	23020200	Mai Trần Hiếu	Chuẩn	K68G-AT	-12.016.600			-12.016.600	
8403	23020203	Nguyễn Xuân Hưng	Chuẩn	K68G-AT	-4.340.100			-4.340.100	
8404	23020206	Phạm Hoàng Lực	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8405	23020207	Lê Đỗ Công Minh	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8406	23020208	Phạm Nhật Minh	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8407	23020209	Phạm Việt Hoàng Nam	Chuẩn	K68G-AT	0	23.468.000		23.468.000	
8408	23020210	Lê Thị Nga	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8409	23020212	Nguyễn Quốc Phương	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8410	23020213	Phạm Thị Thu Phương	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8411	23020214	Trần Thị Phương	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8412	23020216	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8413	23020217	Tạ Minh Quân	Chuẩn	K68G-AT	0	20.696.000		20.696.000	
8414	23020218	Phạm Công Quý	Chuẩn	K68G-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8415	23020219	Nguyễn Yến Quỳnh	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8416	23020221	Phạm Ngọc Kỳ Sơn	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8417	23020222	Vũ Anh Tài	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8418	23020223	Vũ Anh Tú	Chuẩn	K68G-AT	0	20.696.000		20.696.000	
8419	23020224	Nguyễn Hoàng Tùng	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8420	23020225	Chu Hữu Tươi	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8421	23020226	Đỗ Danh Thái	Chuẩn	K68G-AT	0	19.772.000		19.772.000	
8422	23020228	Phạm Văn Hoàng Thiên	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8423	23020229	Phan Sơn Thịnh	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8424	23020231	Nguyễn Anh Thư	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8425	23020232	Lại Huyền Thương	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8426	23020233	Tăng Tuấn Việt	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8427	23020234	Lê Hoàng Vũ	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8428	23020235	Lê Trường Xuân	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8429	23020236	Nguyễn Thị Băng Yên	Chuẩn	K68G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8430	23020001	Nguyễn Hải An	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8431	23020004	Lê Đức Hoàng Anh	Chuẩn	K68I-IT1	0	20.696.000		20.696.000	
8432	23020007	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.462.000		17.462.000	
8433	23020010	Phạm Tuấn Anh	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8434	23020013	Lê Tuấn Cảnh	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8435	23020016	Nguyễn Mạnh Cường	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8436	23020019	Nguyễn Văn Cường	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8437	23020022	Đào Năng Dịu	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8438	23020025	Mai Tiến Dũng	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.462.000		17.462.000	
8439	23020028	Nguyễn Xuân Dũng	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8440	23020031	Vũ Xuân Dũng	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8441	23020034	Nguyễn Nho Dương	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8442	23020037	Lê Minh Đạt	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8443	23020040	Trần Thành Đạt	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8444	23020043	Trần Quang Đình	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8445	23020046	Hoàng Hữu Đức	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8446	23020049	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8447	23020055	Nguyễn Minh Hải	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8448	23020058	Trương Văn Hải	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8449	23020061	Trần Trung Hậu	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8450	23020064	Vũ Minh Hiến	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8451	23020067	Nguyễn Như Hiếu	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8452	23020070	Phạm Trung Hiếu	Chuẩn	K68I-IT1	0	23.468.000		23.468.000	
8453	23020073	Trần Hữu Huy Hoàng	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.462.000		17.462.000	
8454	23020079	Bùi An Huy	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8455	23020082	Nguyễn Quốc Huy	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8456	23020085	Đỗ Trung Kiên	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8457	23020088	Phạm Nam Khánh	Chuẩn	K68I-IT1	0	20.696.000		20.696.000	
8458	23020094	Tôn Thiện Khỏe	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8459	23020100	Lê Đình Nhật Linh	Chuẩn	K68I-IT1	0	20.696.000		20.696.000	
8460	23020103	Nguyễn Bảo Long	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8461	23020109	Vũ Văn Mạnh	Chuẩn	K68I-IT1	0	19.772.000		19.772.000	
8462	23020112	Hoàng Lê Minh	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8463	23020115	Nguyễn Ngọc Minh	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8464	23020118	Phạm Văn Minh	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8465	23020121	Nguyễn Hoài Nam	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8466	23020124	Lê Tuấn Nghĩa	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8467	23020127	Dương Hoài Nguyên	Chuẩn	K68I-IT1	0	19.772.000		19.772.000	
8468	23020130	Hoàng Ngọc Nhi	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8469	23020133	Hoàng Văn Phú	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8470	23020136	Nguyễn Minh Quang	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8471	23020139	Hoàng Trung Quân	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8472	23020142	Vũ Minh Quân	Chuẩn	K68I-IT1	0	19.772.000		19.772.000	
8473	23020145	Trần Đình Phước Sơn	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8474	23020148	Nguyễn Chi Tú	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8475	23020151	Đoàn Văn Tuyền	Chuẩn	K68I-IT1	0	19.772.000		19.772.000	
8476	23020154	Lê Kim Thành	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8477	23020157	Trần Thị Phương Thảo	Chuẩn	K68I-IT1	0	22.544.000		22.544.000	
8478	23020160	Phạm Đức Thiện	Chuẩn	K68I-IT1	-4.969.500	0		-4.969.500	Miễn HP (Chuẩn)
8479	23020163	Phan Bá Thọ	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8480	23020166	Lưu Trung Trực	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8481	23020169	Lê Hoàng Việt	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8482	23020172	Phạm Tuấn Việt	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8483	23020175	Lương Thành Vinh	Chuẩn	K68I-IT1	0	17.000.000		17.000.000	
8484	23020002	Nguyễn Văn An	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8485	23020005	Lê Quốc Anh	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8486	23020008	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8487	23020011	Trần Tuấn Anh	Chuẩn	K68I-IT2	0	18.848.000		18.848.000	
8488	23020014	Hà Vũ Công	Chuẩn	K68I-IT2	0	22.544.000		22.544.000	
8489	23020017	Nguyễn Phú Cường	Chuẩn	K68I-IT2	0	6.471.000		6.471.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8490	23020020	Đinh Văn Quốc Chương	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8491	23020023	Trần Đăng Duật	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8492	23020026	Nguyễn Mạnh Dũng	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8493	23020029	Phạm Hùng Dũng	Chuẩn	K68I-IT2	0	20.696.000		20.696.000	
8494	23020032	Mai Đức Duy	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8495	23020035	Trịnh Bình Dương	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8496	23020038	Nguyễn Đình Đạt	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8497	23020041	Đoàn Đình Đăng	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8498	23020044	Lê Duy Đông	Chuẩn	K68I-IT2	0	20.696.000		20.696.000	
8499	23020047	Lê Minh Đức	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8500	23020053	Nguyễn Trường Giang	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8501	23020056	Nguyễn Minh Hải	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8502	23020059	Võ Văn Hải	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.462.000		17.462.000	
8503	23020062	Nguyễn Đức Hiền	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8504	23020065	Bùi Trung Hiếu	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8505	23020068	Nguyễn Phúc Hiếu	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8506	23020071	Trịnh Xuân Hóa	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.462.000		17.462.000	
8507	23020074	Bùi Thái Học	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8508	23020077	Nguyễn Phi Hùng	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.462.000		17.462.000	
8509	23020080	Đinh Viết Huy	Chuẩn	K68I-IT2	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8510	23020083	Nguyễn Thị Huyền	Chuẩn	K68I-IT2	0	20.696.000		20.696.000	
8511	23020086	Nguyễn Trung Kiên	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8512	23020089	Phan Duy Khánh	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8513	23020092	Lê Văn Khoa	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8514	23020095	Nguyễn Duy Lâm	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8515	23020098	Lê Bảo Lân	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8516	23020101	Nguyễn Ngọc Linh	Chuẩn	K68I-IT2	-43.000	17.000.000		16.957.000	SV đóng kỳ trước
8517	23020104	Nguyễn Thành Long	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8518	23020107	Nguyễn Sỹ Mạnh	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8519	23020110	Dương Đình Minh	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8520	23020116	Nguyễn Quốc Minh	Chuẩn	K68I-IT2	0	19.772.000		19.772.000	
8521	23020119	Trần Văn Minh	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8522	23020122	Phùng Hải Nam	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8523	23020125	Nguyễn Đỗ Trọng Nghĩa	Chuẩn	K68I-IT2	0	20.696.000		20.696.000	
8524	23020128	Bùi Đức Nhật	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8525	23020131	Nguyễn Ngọc Phát	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8526	23020134	Phan Thanh Phú	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8527	23020137	Nguyễn Việt Quang	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8528	23020140	Lương Duy Quân	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8529	23020143	Trần Văn Quyết	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8530	23020146	Đặng Anh Tôn	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8531	23020149	Lê Minh Tuấn	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8532	23020152	Cao Trần Hà Thái	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8533	23020155	Trần Quang Thành	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8534	23020158	Đỗ Đức Thắng	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8535	23020161	Quách Đức Thiện	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8536	23020164	Phạm Minh Thông	Chuẩn	K68I-IT2	0	7.397.000		7.397.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
8537	23020167	Nguyễn Văn Trường	Chuẩn	K68I-IT2	0	20.696.000		20.696.000	
8538	23020170	Nguyễn Hoàng Việt	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8539	23020173	Phan Văn Việt	Chuẩn	K68I-IT2	0	17.000.000		17.000.000	
8540	23020650	Nguyễn Công Quang Anh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8541	23020651	Nguyễn Dương Minh Anh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8542	23020652	Nguyễn Thế Anh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8543	23020653	Hoàng Gia Bảo	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8544	23020654	Phạm Gia Doanh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8545	23020655	Nguyễn Đức Dũng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8546	23020656	Nguyễn Đức Duy	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8547	23020657	Nguyễn Trọng Đạt	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8548	23020658	Khuất Văn Đăng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8549	23020659	Lê Trí Đăng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8550	23020660	Nguyễn Văn Hoàng Hải	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8551	23020661	Hồ Thúy Hằng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8552	23020662	Nguyễn Thúy Hằng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8553	23020663	Đỗ Việt Hiếu	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8554	23020664	Nguyễn Trung Hiếu	Chuẩn	K68I-IT20	0	26.240.000		26.240.000	
8555	23020665	Phan Xuân Hiếu	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8556	23020666	Đào Huy Hoàng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8557	23020667	Nguyễn Văn Hoàng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8558	23020668	Thái Việt Hoàng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8559	23020669	Lê Mạnh Hùng	Chuẩn	K68I-IT20	0	19.772.000		19.772.000	
8560	23020670	Phạm Thế Hùng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8561	23020671	Đặng Quang Huy	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8562	23020672	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8563	23020673	Nguyễn Sinh Huy	Chuẩn	K68I-IT20	0	22.544.000		22.544.000	
8564	23020674	Đỗ Tuấn Hưng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8565	23020675	Đặng Đình Khang	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8566	23020676	Nguyễn Tuấn Khang	Chuẩn	K68I-IT20	0	22.544.000		22.544.000	
8567	23020677	Tạ Duy Khánh	Chuẩn	K68I-IT20	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8568	23020678	Phạm Tùng Lâm	Chuẩn	K68I-IT20	0	20.696.000		20.696.000	
8569	23020679	Đỗ Chí Long	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8570	23020681	Nguyễn Đức Lưu	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8571	23020682	Châu Khánh Ly	Chuẩn	K68I-IT20	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
8572	23020683	Lê Đức Minh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8573	23020684	Nguyễn Thành Minh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8574	23020686	Nhữ Ngọc Minh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8575	23020687	Huỳnh Lê Nghĩa	Chuẩn	K68I-IT20	0	27.164.000		27.164.000	
8576	23020688	Nguyễn Trung Nghĩa	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8577	23020689	Đỗ Thị Bích Ngọc	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8578	23020690	Lê Thị Thế Ngọc	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8579	23020691	Nguyễn Đức Nguyên	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8580	23020692	Trần Thế Pháp	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8581	23020694	Nguyễn Đức Phong	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8582	23020695	Lê Thị Tú Phương	Chuẩn	K68I-IT20	0	18.848.000		18.848.000	
8583	23020696	Chu Anh Quốc	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8584	23020697	Tân Văn Quyền	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.462.000		17.462.000	
8585	23020698	Nguyễn Văn Quỳnh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8586	23020699	Trần Hoàng Sơn	Chuẩn	K68I-IT20	0	19.772.000		19.772.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8587	23020700	Lê Đức Anh Tài	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8588	23020701	Nguyễn Ngọc Tài	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8589	23020702	Lê Duy Khánh Toàn	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.462.000		17.462.000	
8590	23020703	Lê Chí Anh Tuấn	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8591	23020704	Phạm Anh Tuấn	Chuẩn	K68I-IT20	0	19.772.000		19.772.000	
8592	23020705	Lù Minh Tường	Chuẩn	K68I-IT20	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8593	23020706	Bùi Trung Thanh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8594	23020707	Nguyễn Văn Thắng	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8595	23020708	Hoàng Duy Thịnh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.462.000		17.462.000	
8596	23020709	Nguyễn Xuân Thịnh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8597	23020710	Trịnh Ngọc Thống	Chuẩn	K68I-IT20	0	18.848.000		18.848.000	
8598	23020711	Đinh Huyền Trang	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8599	23020712	Dương Thái Trân	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8600	23020713	Mai Tấn Trung	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8601	23020714	Nguyễn Đình Văn	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8602	23020715	Lương Thế Vinh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8603	23020716	Nguyễn Xuân Vinh	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8604	23020717	Trần Thuận Vy	Chuẩn	K68I-IT20	0	17.000.000		17.000.000	
8605	23020003	Phan Tất An	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8606	23020006	Mai Khả Anh	Chuẩn	K68I-IT3	0	462.000		462.000	Miễn HP (Chuẩn)
8607	23020009	Nguyễn Phi Anh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8608	23020012	Hoàng Quốc Bảo	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8609	23020015	Nguyễn Văn Cử	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8610	23020018	Nguyễn Thạc Cường	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8611	23020021	Nguyễn Ngọc Dinh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8612	23020024	Bùi Hùng Dũng	Chuẩn	K68I-IT3	0	19.772.000		19.772.000	
8613	23020030	Phùng Tiến Dũng	Chuẩn	K68I-IT3	0	19.772.000		19.772.000	
8614	23020033	Trương Quang Duy	Chuẩn	K68I-IT3	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
8615	23020036	Nguyễn Văn Đại	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8616	23020039	Nguyễn Đức Đạt	Chuẩn	K68I-IT3	0	19.772.000		19.772.000	
8617	23020042	Vũ Hải Đăng	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8618	23020045	Đỗ Trung Đức	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8619	23020048	Lê Phan Trí Đức	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8620	23020051	Nguyễn Hà Giang	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8621	23020054	Trần Thị Hà Giang	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.462.000		17.462.000	
8622	23020057	Nguyễn Thanh Hải	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8623	23020060	Nguyễn Anh Hào	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8624	23020063	Nguyễn Trung Hiền	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.462.000		17.462.000	
8625	23020066	Đặng Vũ Minh Hiếu	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8626	23020069	Nguyễn Trọng Hiếu	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8627	23020075	Hà Mạnh Hùng	Chuẩn	K68I-IT3	0	19.772.000		19.772.000	
8628	23020078	Nguyễn Tường Hùng	Chuẩn	K68I-IT3	0	19.772.000		19.772.000	
8629	23020081	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K68I-IT3	0	19.772.000		19.772.000	
8630	23020084	Phạm Quang Hưng	Chuẩn	K68I-IT3	-172.000	17.000.000		16.828.000	SV đóng kỳ trước
8631	23020087	Trần Trung Kiên	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8632	23020090	Trần Phương Khánh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8633	23020093	Nguyễn Đăng Khoa	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8634	23020096	Nguyễn Tùng Lâm	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8635	23020099	Nguyễn Viết Thành Lân	Chuẩn	K68I-IT3	0	22.544.000		22.544.000	
8636	23020102	Hán Vũ Long	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8637	23020105	Vũ Quốc Long	Chuẩn	K68I-IT3	0	20.696.000		20.696.000	
8638	23020108	Phí Đình Mạnh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8639	23020111	Hoàng Lê Minh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8640	23020114	Nguyễn Lê Minh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8641	23020117	Nguyễn Văn Minh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8642	23020120	Đỗ Đình Nam	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8643	23020123	Nguyễn Dương Việt Nga	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8644	23020129	Đoàn Long Nhật	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8645	23020132	Dương Mạnh Phong	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8646	23020135	Đầu Hồng Quang	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8647	23020138	Dương Minh Quân	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8648	23020141	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8649	23020144	Lê Minh Sơn	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.462.000		17.462.000	
8650	23020147	Nguyễn Anh Tú	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8651	23020150	Lưu Quang Tùng	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8652	23020153	Nguyễn Phú Thái	Chuẩn	K68I-IT3	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
8653	23020156	Đào Xuân Thao	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8654	23020159	Lương Vũ Thế	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8655	23020162	Trần Huy Thịnh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8656	23020165	Lê Trọng Thực	Chuẩn	K68I-IT3	0	18.848.000		18.848.000	
8657	23020168	Trần Thị Thanh Vân	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8658	23020171	Nguyễn Khánh Việt	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.000.000		17.000.000	
8659	23020174	Hoàng Thành Vinh	Chuẩn	K68I-IT3	0	17.462.000		17.462.000	
8660	23020177	Nguyễn Hoàng Vũ	Chuẩn	K68I-IT3	0	21.620.000		21.620.000	
8661	23020237	Nguyễn Trường An	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8662	23020238	Đào Việt Anh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8663	23020239	Lê Đức Anh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8664	23020241	Trần Thế Anh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8665	23020242	Nguyễn Hoàng Bách	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8666	23020243	Đỗ Gia Bảo	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8667	23020244	Nguyễn Đình Gia Bảo	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8668	23020245	Nguyễn Xuân Bảo	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8669	23020246	Nguyễn Thế Bằng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8670	23020247	Đoàn Trọng Bình	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8671	23020248	Trần Thế Công	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8672	23020249	Nguyễn Khắc Cường	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8673	23020250	Lê Hữu Chiến	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8674	23020251	Lê Văn Chiến	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8675	23020252	Nguyễn Mạnh Dũng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8676	23020253	Đặng Ngọc Dương	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8677	23020254	Lê Đức Dương	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8678	23020255	Nguyễn Đình Tùng Dương	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8679	23020256	Đỗ Đăng Đại	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8680	23020257	Vũ Như Đại	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8681	23020258	Lê Quốc Đạt	Chuẩn	K68M-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8682	23020259	Nguyễn Kim Thành Đạt	Chuẩn	K68M-AT	0	22.544.000		22.544.000	
8683	23020260	Đào Minh Đăng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8684	23020261	Kiều Anh Đức	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8685	23020262	Lê Huỳnh Đức	Chuẩn	K68M-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8686	23020263	Trần Minh Đức	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8687	23020264	Vũ Trường Giang	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8688	23020265	Nguyễn Minh Hải	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8689	23020266	Phạm Đình Nam Hải	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8690	23020267	Trần Trung Hải	Chuẩn	K68M-AT	0	21.620.000		21.620.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8691	23020268	Bùi Lương Hiếu	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8692	23020269	Đặng Trung Hiếu	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8693	23020270	Đỗ Tất Hiếu	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8694	23020271	Nguyễn Khắc Hiếu	Chuẩn	K68M-AT	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
8695	23020272	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8696	23020273	Ngô Khánh Hòa	Chuẩn	K68M-AT	0	19.772.000		19.772.000	
8697	23020274	La Văn Hoàng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8698	23020275	Lê Minh Hoàng	Chuẩn	K68M-AT	0	19.772.000		19.772.000	
8699	23020276	Hoàng Văn Học	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8700	23020277	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8701	23020278	Nguyễn Quang Huy	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8702	23020279	Nguyễn Tuấn Hưng	Chuẩn	K68M-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8703	23020280	Nguyễn Văn Hưng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8704	23020281	Trần Trung Kiên	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8705	23020283	Nguyễn Thái Lâm	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8706	23020284	Nguyễn Đặng Lâm	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8707	23020285	Phạm Văn Lập	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8708	23020286	Nguyễn Quang Linh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8709	23020287	Kiều Doãn Lượng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8710	23020288	Lê Quốc Mạnh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8711	23020289	Nguyễn Duy Mạnh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8712	23020290	Đào Quang Minh	Chuẩn	K68M-AT	0	20.696.000		20.696.000	
8713	23020291	Hà Đức Minh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8714	23020292	Hoàng Danh Minh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8715	23020293	Lê Ngọc Nam	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8716	23020294	Nguyễn Hải Nam	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8717	23020295	Nguyễn Thành Nam	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8718	23020296	Nguyễn Văn Nam	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8719	23020297	Quách Văn Nam	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8720	23020298	Chữ Hiệp Nghĩa	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8721	23020299	Nguyễn Thị Yến Nhi	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8722	23020300	Nguyễn Văn Phan	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8723	23020301	Nguyễn Đoàn Thuận Phong	Chuẩn	K68M-AT	0	20.234.000		20.234.000	
8724	23020302	Nguyễn Văn Phúc	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8725	23020303	Nguyễn Phùng Phước	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8726	23020304	Trần Hoàng Phương	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8727	23020305	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8728	23020306	Nguyễn Văn Quyến	Chuẩn	K68M-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8729	23020307	Nguyễn Văn Tiến	Chuẩn	K68M-AT	0	18.848.000		18.848.000	
8730	23020308	Lê Khánh Toàn	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8731	23020310	Nguyễn Mạnh Toàn	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8732	23020311	Đặng Văn Tuấn	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8733	23020312	Nguyễn Phương Tuấn	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8734	23020313	Vũ Thanh Tùng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8735	23020314	Vương Thanh Tùng	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8736	23020315	Nguyễn Hữu Tuyển	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8737	23020317	Lương Bảo Trung	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8738	23020318	Ngô Ngọc Trung	Chuẩn	K68M-AT	0	22.544.000		22.544.000	
8739	23020319	Nguyễn Gia Vĩnh	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8740	23020320	Nguyễn Anh Vũ	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8741	23020321	Nguyễn Gia Vũ	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8742	23020322	Nguyễn Hoàng Vũ	Chuẩn	K68M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
8743	23020982	Hồ Sỹ An	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8744	23020983	Nguyễn Đắc Phúc An	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8745	23020984	Nguyễn Trường An	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8746	23020985	Bùi Thế Anh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8747	23020986	Kiều Việt Anh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8748	23020987	Khúc Ngọc Anh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8749	23020989	Ngô Duy Anh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8750	23020990	Nguyễn Đức Anh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8751	23020991	Trần Tuấn Anh	Chuẩn	K68M-EM	0	18.848.000		18.848.000	
8752	23020992	Bùi Nguyễn Gia Bảo	Chuẩn	K68M-EM	0	18.848.000		18.848.000	
8753	23020993	Lương Xuân Bắc	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8754	23020994	Nguyễn Văn Bằng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8755	23020995	Mai Thành Công	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8756	23020996	Trần Cao Cường	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8757	23020997	Vũ Mạnh Chiến	Chuẩn	K68M-EM	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
8758	23020998	Lê Minh Dũng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8759	23020999	Nguyễn Mạnh Dũng	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8760	23021001	Trương Ngọc Quốc Duy	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	
8761	23021002	Đới Sỹ Quang Dương	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	
8762	23021003	Lê Hải Dương	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8763	23021004	Phạm Khánh Đạt	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8764	23021005	Phạm Sỹ Đạt	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8765	23021006	Vương Tiến Đạt	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8766	23021007	Hà Minh Đức	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8767	23021008	Lê Minh Đức	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8768	23021009	Bạch Văn Hiếu	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8769	23021010	Nguyễn Bá Hiếu	Chuẩn	K68M-EM	0	2.772.000		2.772.000	Miễn HP (Chuẩn)
8770	23021011	Lê Minh Hoàng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8771	23021013	Đồng Minh Hùng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8772	23021014	Nguyễn Hoàng Hùng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8773	23021015	Nguyễn Hữu Hùng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8774	23021016	Nguyễn Quang Hùng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8775	23021017	Nguyễn Việt Hùng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8776	23021018	Đào Mạnh Huy	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8777	23021019	Nguyễn Trần Quang Huy	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8778	23021020	Nguyễn Văn Hưng	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	
8779	23021021	Trần Trung Kiên	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8780	23021022	Phạm Đình Khánh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8781	23021023	Trần Ngọc Quốc Khánh	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	
8782	23021024	Lê Anh Khoa	Chuẩn	K68M-EM	0	17.462.000		17.462.000	
8783	23021025	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Chuẩn	K68M-EM	0	19.310.000		19.310.000	
8784	23021026	Đàm Đức Mạnh	Chuẩn	K68M-EM	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
8785	23021027	Lê Đức Mạnh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8786	23021028	Đào Văn Minh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8787	23021029	Nguyễn Văn Minh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8788	23021030	Nguyễn Minh Nam	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8789	23021031	Trần Phương Nam	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8790	23021032	Phạm Đình Khôi Nguyên	Chuẩn	K68M-EM	0	5.544.000		5.544.000	Miễn HP (Chuẩn)
8791	23021033	Nông Quốc Phú	Chuẩn	K68M-EM	0	18.848.000		18.848.000	
8792	23021034	Nguyễn Hoàng Phúc	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8793	23021035	Nguyễn Đình Phước	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8794	23021036	Bùi Xuân Sơn	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8795	23021037	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8796	23021038	Bùi Đức Tâm	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	
8797	23021039	Nguyễn Văn Tiến	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8798	23021040	Vũ Huy Tiến	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8799	23021041	Nguyễn Trung Tuấn	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	
8800	23021042	Trịnh Đức Tuấn	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8801	23021043	Đỗ Ngọc Tuyền	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8802	23021044	Ngô Minh Thắng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8803	23021045	Nguyễn Mạnh Thắng	Chuẩn	K68M-EM	0	17.462.000		17.462.000	
8804	23021046	Bùi Nguyên Trinh	Chuẩn	K68M-EM	0	19.310.000		19.310.000	
8805	23021047	Phạm Chính Trọng	Chuẩn	K68M-EM	0	20.696.000		20.696.000	
8806	23021048	Phạm Đức Trọng	Chuẩn	K68M-EM	0	19.772.000		19.772.000	
8807	23021049	Chu Quốc Trung	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8808	23021050	Nguyễn Thành Trường	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8809	23021052	Hồ Hữu Vinh	Chuẩn	K68M-EM	0	17.000.000		17.000.000	
8810	23020447	Đàm Hải Anh	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8811	23020449	Phạm Việt Anh	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8812	23020451	Nguyễn Việt Bình	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8813	23020452	Trần Gia Bình	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8814	23020453	Lê Dương Việt Cường	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8815	23020454	Hà Tiến Dũng	Chuẩn	K68P-EE	0	18.848.000		18.848.000	
8816	23020455	Lê Tiến Dũng	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8817	23020456	Phạm Hoàng Dũng	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8818	23020457	Ngô Xuân Đàm	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8819	23020459	Nguyễn Thành Đạt	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8820	23020460	Nguyễn Thành Đạt	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8821	23020461	Nguyễn Thành Đạt	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8822	23020462	Phạm Công Đoàn	Chuẩn	K68P-EE	-33.000			-33.000	
8823	23020463	Nguyễn Xuân Hoàng Hà	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8824	23020464	Bùi Thế Hiếu	Chuẩn	K68P-EE	-500	17.000.000		16.999.500	SV đóng kỳ trước
8825	23020465	Trần Đức Hòa	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8826	23020466	Nguyễn Duy Hoàng	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8827	23020467	Phạm Huy Hoàng	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8828	23020468	Trần Khánh Hoàng	Chuẩn	K68P-EE	0	18.848.000		18.848.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8829	23020469	Đoàn Quang Huy	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8830	23020470	Nguyễn Công Huy	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8831	23020471	Nguyễn Văn Huy	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8832	23020472	Phan Văn Huy	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8833	23020473	Phạm Anh Hưng	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8834	23020475	Đinh Trung Kiên	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8835	23020476	Dương Thùy Linh	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8836	23020477	Bùi Đức Long	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8837	23020478	Nguyễn Hải Long	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8838	23020480	Hoàng Hữu Ngọc Minh	Chuẩn	K68P-EE	0	20.696.000		20.696.000	
8839	23020481	Nguyễn Bình Minh	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8840	23020482	Nguyễn Mậu Hoàng Minh	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8841	23020483	Đồng Thị Kim Ngân	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8842	23020484	Dương Tuấn Phong	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8843	23020485	Nguyễn Trọng Phúc	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8844	23020486	Quách Minh Quân	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8845	23020487	Nguyễn Ngọc Sơn	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8846	23020488	Trương Thế Tài	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8847	23020489	Trịnh Nhật Tân	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8848	23020490	Vũ Mạnh Tiến	Chuẩn	K68P-EE	0	18.848.000		18.848.000	
8849	23020491	Đỗ Văn Toàn	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8850	23020492	Đặng Anh Tuấn	Chuẩn	K68P-EE	0	20.696.000		20.696.000	
8851	23020493	Ngô Văn Thanh Tuấn	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8852	23020494	Nguyễn Huy Tuấn	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8853	23020495	Phạm Anh Tuấn	Chuẩn	K68P-EE	0	19.772.000		19.772.000	
8854	23020496	Trần Đình Tuấn	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8855	23020497	Cao Vũ Xuân Thái	Chuẩn	K68P-EE	0	20.696.000		20.696.000	
8856	23020498	Hoàng Viêt Thái	Chuẩn	K68P-EE	0	20.696.000		20.696.000	
8857	23020499	Lê Duy Thái	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8858	23020500	Trần Bá Thành	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8859	23020501	Đặng Duy Thịnh	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8860	23020503	Nguyễn Phúc Vinh	Chuẩn	K68P-EE	0	19.772.000		19.772.000	
8861	23020504	Trương Huy Vinh	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8862	23020505	Phạm Huy Hoàng Vũ	Chuẩn	K68P-EE	0	17.000.000		17.000.000	
8863	23020506	Trần Nho Long Vũ	Chuẩn	K68P-EE	0	24.392.000		24.392.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8864	23020899	Bùi Đức Anh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8865	23020900	Nguyễn Duy Đức Anh	Chuẩn	K68P-EP	0	20.696.000		20.696.000	
8866	23020901	Phạm Tuấn Anh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8867	23020902	Phạm Thế Anh	Chuẩn	K68P-EP	-6.800.000	17.000.000		10.200.000	Nộp trước 2 tháng K1/25-26
8868	23020903	Trần Thế Anh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8869	23020904	Thân Thị ánh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8870	23020905	Đặng Xuân Bách	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8871	23020906	Nguyễn Duy Bách	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8872	23020908	Nguyễn Mạnh Cường	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8873	23020909	Trần Văn Cường	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8874	23020910	Nguyễn Sỹ Danh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8875	23020911	Hà Tiến Doanh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8876	23020912	Đỗ Minh Dũng	Chuẩn	K68P-EP	0	20.696.000		20.696.000	
8877	23020913	Hà Mạnh Dũng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8878	23020914	Lê Doãn Dũng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8879	23020915	Nguyễn Chí Dũng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8880	23020916	Nguyễn Quang Dũng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8881	23020917	Phạm Đăng Duy	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8882	23020918	Trần Đức Duy	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8883	23020919	Đặng Tùng Dương	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8884	23020920	Nguyễn Đức Dương	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8885	23020921	Dương Văn Đạt	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8886	23020923	Nguyễn Như Đức	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8887	23020924	Võ Huy Đức	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8888	23020925	Phạm Trường Giang	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8889	23020926	Nguyễn Anh Hào	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8890	23020927	Hà Thị Thu Hằng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8891	23020928	Trần Minh Hiệp	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8892	23020929	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K68P-EP	0	20.696.000		20.696.000	
8893	23020930	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K68P-EP	0	18.848.000		18.848.000	
8894	23020931	Nguyễn Ngọc Hiếu	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8895	23020932	Nguyễn Trung Hiếu	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8896	23020933	Nguyễn Văn Hòa	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8897	23020934	Lê Nguyễn Việt Hoàng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8898	23020935	Trần Thiên Hoàng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8899	23020936	Trần Danh Hùng	Chuẩn	K68P-EP	0	20.696.000		20.696.000	
8900	23020937	Đặng Minh Huy	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8901	23020938	Lê Quang Huy	Chuẩn	K68P-EP	0	18.848.000		18.848.000	
8902	23020939	Nguyễn Việt Huynh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8903	23020940	Nguyễn Thế Huỳnh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8904	23020941	Ngô Gia Kiên	Chuẩn	K68P-EP	0	17.462.000		17.462.000	
8905	23020942	Nguyễn Văn Khải	Chuẩn	K68P-EP	15.115.480	18.848.000		33.963.480	K2/24-25
8906	23020943	Đinh Duy Khánh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8907	23020944	Ngô Nhật Khánh	Chuẩn	K68P-EP	0	20.234.000		20.234.000	
8908	23020945	Bùi Duy Lâm	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8909	23020946	Bùi Thanh Lâm	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8910	23020947	Nguyễn Thanh Lâm	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8911	23020948	Phạm Ngọc Lâm	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8912	23020949	Đinh Thị Ngọc Linh	Chuẩn	K68P-EP	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
8913	23020950	Ngô Hồ Bảo Long	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8914	23020951	Bùi Đức Mạnh	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8915	23020952	Nguyễn Văn Mạnh	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8916	23020953	Bùi Lê Minh	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8917	23020954	Nguyễn Hoài Nam	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8918	23020955	Nguyễn Thành Nam	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8919	23020956	Nguyễn Sinh Ngàn	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8920	23020957	Phạm Tấn Phát	Chuẩn	K68P-EP	0	17.462.000		17.462.000	
8921	23020958	Đặng Huỳnh Phúc	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8922	23020959	Nguyễn Minh Phúc	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8923	23020960	Ngô Thu Phương	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8924	23020961	Nguyễn Duy Phương	Chuẩn	K68P-EP	0	17.462.000		17.462.000	
8925	23020962	Đỗ Văn Quang	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8926	23020963	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8927	23020964	Bùi Thái Sơn	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8928	23020966	Lương Công Sơn	Chuẩn	K68P-EP	0	18.848.000		18.848.000	
8929	23020967	Đỗ Đắc Tài	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8930	23020968	Chu Văn Tiến	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8931	23020969	Phạm Việt Tiến	Chuẩn	K68P-EP	0	20.696.000		20.696.000	
8932	23020970	Dương Văn Tuấn	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8933	23020972	Vũ Thế Tùng	Chuẩn	K68P-EP	0	17.462.000		17.462.000	
8934	23020973	Nguyễn Văn Tường	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8935	23020974	Nguyễn Công Thành	Chuẩn	K68P-EP	0	17.462.000		17.462.000	
8936	23020975	Nguyễn Xuân Thiết	Chuẩn	K68P-EP	0	23.468.000		23.468.000	
8937	23020976	Dương Phương Thùy	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8938	23020977	Phạm Thị Thu Thùy	Chuẩn	K68P-EP	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
8939	23020979	Trần Văn Thương	Chuẩn	K68P-EP	0	17.000.000		17.000.000	
8940	23020980	Trần Gia Trung	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8941	23020981	Đỗ Quang Vinh	Chuẩn	K68P-EP	0	19.772.000		19.772.000	
8942	23021373	Nguyễn Đức An	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8943	23021374	Bùi Nam Anh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8944	23021375	Đào Duy Anh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8945	23021376	Hoàng Chung Anh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8946	23021377	Nguyễn Đình Anh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8947	23021378	Nguyễn Tuấn Anh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8948	23021379	Nguyễn Văn Anh	Chuẩn	K68S-AE	0	21.620.000		21.620.000	
8949	23021382	Bùi Quốc ấn	Chuẩn	K68S-AE	0	22.544.000		22.544.000	
8950	23021383	Nguyễn Việt Bách	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8951	23021384	Dương Quốc Cảnh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8952	23021385	Bùi Mạnh Dũng	Chuẩn	K68S-AE	3.476.000	10.164.000		13.640.000	Miễn HP (Chuẩn)
8953	23021386	Nguyễn Đức Dũng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8954	23021387	Nguyễn Quang Dũng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8955	23021389	Vũ Tiến Dũng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8956	23021390	Nguyễn Quang Duy	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8957	23021391	Đặng Trường Dương	Chuẩn	K68S-AE	0	23.468.000		23.468.000	
8958	23021392	Đỗ Lê Thái Dương	Chuẩn	K68S-AE	0	20.696.000		20.696.000	
8959	23021393	Lê Ngọc Dương	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8960	23021394	Nguyễn Quốc Đại	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8961	23021395	Hồ Lê Tuấn Đạt	Chuẩn	K68S-AE	0	20.696.000		20.696.000	
8962	23021396	Nguyễn Tiến Đạt	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8963	23021397	Phạm Tiến Đạt	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8964	23021398	Trương Tiến Đạt	Chuẩn	K68S-AE	0	20.696.000		20.696.000	
8965	23021399	Lê Anh Đức	Chuẩn	K68S-AE	0	22.544.000		22.544.000	
8966	23021400	Tạ Minh Đức	Chuẩn	K68S-AE	0	20.696.000		20.696.000	
8967	23021401	Trần Huy Đức	Chuẩn	K68S-AE	0	21.158.000		21.158.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
8968	23021402	Lê Thị Khánh Hạ	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8969	23021403	Nguyễn Đăng Hiền	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8970	23021404	Hoàng Đình Hai Hiệu	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8971	23021405	Vũ Quý Hòa	Chuẩn	K68S-AE	0	17.462.000		17.462.000	
8972	23021406	Lê Nguyên Hoàng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8973	23021408	Vũ Đình Huy	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8974	23021409	Nguyễn Cao Thị Huyền	Chuẩn	K68S-AE	0	19.772.000		19.772.000	
8975	23021410	Đỗ Tuấn Hưng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8976	23021411	Nguyễn Văn Hưng	Chuẩn	K68S-AE	0	23.468.000		23.468.000	
8977	23021412	Võ Ngọc Tuấn Kiệt	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8978	23021413	Đào Việt Khánh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8979	23021414	Phạm Thị Linh	Chuẩn	K68S-AE	0	20.696.000		20.696.000	
8980	23021415	Trần Quang Linh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8981	23021416	Đình Ngọc Long	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8982	23021417	Vương Đình Bảo Long	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8983	23021418	Trần Bá Lực	Chuẩn	K68S-AE	0	17.462.000		17.462.000	
8984	23021419	Nguyễn Văn Lương	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8985	23021422	Trần Tuấn Minh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8986	23021424	Trịnh Ngọc Nga	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8987	23021425	Trần Trọng Nghĩa	Chuẩn	K68S-AE	6.083.000	17.000.000		23.083.000	Nợ kỳ hè 24-25
8988	23021426	Bùi Minh Phong	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8989	23021427	Nguyễn Xuân Phong	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8990	23021428	Phạm Công Quốc Phong	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8991	23021429	Trịnh Hoàng Phong	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8992	23021430	Trương Gia Phong	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8993	23021431	Lê Hồng Phúc	Chuẩn	K68S-AE	0	25.316.000		25.316.000	
8994	23021433	Phạm Duy Phương	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8995	23021434	Trần Việt Quang	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8996	23021436	Nguyễn Đăng Sáng	Chuẩn	K68S-AE	0	19.772.000		19.772.000	
8997	23021437	Kim Ngọc Sơn	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8998	23021438	Lê Nguyễn Nam Sơn	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
8999	23021439	Phùng Duy Tân	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9000	23021440	Đặng Nguyễn Anh Tú	Chuẩn	K68S-AE	0	19.772.000		19.772.000	
9001	23021441	Tổng Trần Anh Tuấn	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9002	23021442	Đàm Văn Tuệ	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9003	23021443	Nguyễn Thanh Tùng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9004	23021445	Phạm Sỹ Thái	Chuẩn	K68S-AE	0	19.772.000		19.772.000	
9005	23021447	Vũ Thành Thắng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9006	23021448	Nguyễn Hữu Thắng	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9007	23021449	Lê Mạnh Thiện	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9008	23021450	Trần Thu Thủy	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9009	23021451	Mai Hà Trang	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9010	23021453	Dương Công Trúc	Chuẩn	K68S-AE	0	19.772.000		19.772.000	
9011	23021454	Trần Hiếu Văn	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9012	23021455	Nguyễn Thị Hạnh Vi	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9013	23021456	Nguyễn Bá Trần Viện	Chuẩn	K68S-AE	-99.999	21.620.000		21.520.001	SV đóng kỳ trước
9014	23021457	Hoàng Quốc Việt	Chuẩn	K68S-AE	0	20.696.000		20.696.000	
9015	23021458	Nguyễn Thành Vinh	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9016	23021938	Hoàng Văn Hà	Chuẩn	K68S-AE	0	17.000.000		17.000.000	
9017	23021939	Lê Đức Hứa	Chuẩn	K68S-AE	0	17.462.000		17.462.000	
9018	23021940	Bàng Đức Quyết	Chuẩn	K68S-AE	6.083.000	20.696.000		26.779.000	Nợ kỳ hè 24-25
9019	24022246	Nguyễn Bá An	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9020	24022247	Nguyễn Ngọc Bình An	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9021	24022248	Hoàng Hải Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9022	24022249	Hoàng Tuấn Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9023	24022250	Lê Đức Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9024	24022252	Lê Hoàng Thảo Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9025	24022253	Lê Văn Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9026	24022254	Nguyễn Công Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9027	24022255	Nguyễn Hồng Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9028	24022256	Nguyễn Thị Lan Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9029	24022258	Tổng Đức Hồng Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9030	24022259	Trần Quốc Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9031	24022260	Vũ Hải Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9032	24022261	Vũ Thế Anh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9033	24022262	Nguyễn Xuân Bách	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9034	24022264	Nguyễn Đức Vũ Bảo	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9035	24022265	Nguyễn Phúc Gia Bảo	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9036	24022266	Nguyễn Xuân Bảo	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9037	24022267	Phạm Gia Bảo	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9038	24022270	Lê Hồng Phương Chi	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9039	24022271	Lê Minh Chiến	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9040	24022272	Nguyễn Hoàng Công	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9041	24022273	Nguyễn Thị Thu Cúc	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9042	24022274	Đinh Mạnh Cường	Chuẩn	K69A-AI	0	20.696.000		20.696.000	
9043	24022276	Lê Mạnh Cường	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9044	24022277	Lê Ngọc Minh Cường	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9045	24022278	Tạ Mạnh Cường	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9046	24022279	Vũ Việt Cường	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9047	24022280	Hoàng Ngọc Đăng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9048	24022282	Nguyễn Hải Đăng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9049	24022283	Nguyễn Quý Hải Đăng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9050	24022285	Nguyễn Danh Đạt	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9051	24022286	Nguyễn Trọng Đạt	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9052	24022287	Trần Khánh Đạt	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9053	24022288	Trần Tiến Đạt	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9054	24022289	Đồng Minh Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9055	24022290	Dương Hoàng Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9056	24022291	Lê Minh Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9057	24022292	Lê Minh Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9058	24022293	Lê Trung Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9059	24022294	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9060	24022295	Nguyễn Việt Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9061	24022296	Phạm Lê Việt Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9062	24022297	Phan Anh Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9063	24022298	Trịnh Minh Đức	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9064	24022300	Hà Đức Dũng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9065	24022301	Nguyễn Tiến Dũng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9066	24022302	Nguyễn Trung Đức Dũng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9067	24022303	Vũ Hoàng Dũng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9068	24022304	Lê Đỗ Tùng Dương	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9069	24022306	Nguyễn Tùng Dương	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9070	24022307	Phạm Thái Dương	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9071	24022308	Trần Hữu Dương	Chuẩn	K69A-AI	0	18.848.000		18.848.000	
9072	24022309	Trần Tùng Dương	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9073	24022310	Lê Tuấn Duy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9074	24022311	Ngô Đức Duy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9075	24022312	Nguyễn Bảo Duy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9076	24022313	Nguyễn Sơn Duy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9077	24022314	Trần Bùi Hà Giang	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9078	24022315	Chu Việt Hà	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9079	24022316	Đỗ Thị Ngọc Hà	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9080	24022317	Nguyễn Việt Hà	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9081	24022318	Trịnh Tuấn Hải	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9082	24022319	Nguyễn Cảnh Hào	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9083	24022320	Võ Văn Hậu	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9084	24022321	Nguyễn Thị Hiền	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9085	24022322	Nguyễn Bá Hiền	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9086	24022323	Nguyễn Thế Hiền	Chuẩn	K69A-AI	0	20.696.000		20.696.000	
9087	24022324	Bùi Hữu Hiệp	Chuẩn	K69A-AI	-14.350			-14.350	
9088	24022325	Ngô Trọng Hiệp	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9089	24022326	Hoàng Mạnh Hiếu	Chuẩn	K69A-AI	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
9090	24022327	Lê Huy Hiếu	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9091	24022328	Lê Nho Minh Hiếu	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9092	24022329	Nguyễn Đắc Trung Hiếu	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9093	24022330	Trần Trung Hiếu	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9094	24022331	Văn Đức Hiếu	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9095	24022332	Cao Huy Hòa	Chuẩn	K69A-AI	0	18.848.000		18.848.000	
9096	24022333	Nguyễn Hữu Hòa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9097	24022334	Nguyễn Tiến Hoan	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9098	24022335	Đinh ích Minh Hoàng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9099	24022336	Hoàng Huy Hoàng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9100	24022337	Lương Quang Hoàng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9101	24022338	Nguyễn Huy Hoàng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9102	24022339	Nguyễn Minh Hoàng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9103	24022340	Trần Duy Hoàng	Chuẩn	K69A-AI	-3.418.350	0		-3.418.350	Miễn HP (Chuẩn)
9104	24022341	Trương Huy Hoàng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9105	24022342	Đỗ Đức Hùng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9106	24022343	Hoàng Quốc Hùng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9107	24022344	Nguyễn Viết Hùng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9108	24022345	Bùi Quang Hưng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9109	24022346	Đỗ Duy Hưng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9110	24022347	Dương Việt Hưng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9111	24022348	Hà Huy Hưng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9112	24022349	Nguyễn Duy Hưng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9113	24022350	Phạm Thế Hưng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9114	24022352	Nguyễn Tiến Hưởng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9115	24022353	Đào Việt Huy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9116	24022354	Doanh Quang Huy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9117	24022355	Khổng Quang Huy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9118	24022356	Nguyễn Minh Huy	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9119	24022357	Phạm Gia Hồ Huy	Chuẩn	K69A-AI	0	19.772.000		19.772.000	
9120	24022358	Trần Đỗ Khải	Chuẩn	K69A-AI	0	20.696.000		20.696.000	
9121	24022359	Hoàng Tuấn Khanh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9122	24022360	Doãn Nam Khánh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9123	24022361	Nguyễn Duy Khánh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9124	24022362	Nguyễn Quốc Khánh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9125	24022363	Nguyễn Tiến Ngọc Khánh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9126	24022364	Tạ Duy Khánh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9127	24022365	Đào Minh Khoa	Chuẩn	K69A-AI	0	20.696.000		20.696.000	
9128	24022366	Hà Anh Khoa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9129	24022367	Lê Anh Khoa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9130	24022368	Nguyễn Minh Khoa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9131	24022369	Phạm Đăng Khoa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9132	24022370	Phùng Hữu Khoa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9133	24022371	Hoàng Công Khôi	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9134	24022372	Nguyễn Đăng Khôi	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9135	24022373	Nguyễn Công Kiên	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9136	24022374	Nguyễn Trung Kiên	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9137	24022375	Trần Trung Kiên	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9138	24022376	Trần Tuấn Kiệt	Chuẩn	K69A-AI	-14.350	17.000.000		16.985.650	SV đóng kỳ trước
9139	24022377	Lê Thanh Lâm	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9140	24022378	Nguyễn Thành Lâm	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9141	24022379	Phạm Thanh Lâm	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9142	24022380	Phạm Tùng Lâm	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9143	24022381	Bùi Quang Lê	Chuẩn	K69A-AI	-24.000	17.000.000		16.976.000	SV đóng kỳ trước
9144	24022383	Lê Quyền Linh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9145	24022384	Lê Thị Khánh Linh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9146	24022385	Phạm Thị Khánh Linh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9147	24022386	Trương ái Linh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9148	24022387	Vũ Hoàng Diệu Linh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9149	24022388	Nguyễn Xuân Lộc	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9150	24022389	Đỗ Hoàng Long	Chuẩn	K69A-AI	0	18.848.000		18.848.000	
9151	24022390	Hoa Văn Long	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9152	24022391	Nguyễn Đức Long	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9153	24022392	Đặng Duy Mạnh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9154	24022393	Đoàn Quang Mạnh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9155	24022394	Nguyễn Đức Mạnh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9156	24022395	Nguyễn Tiến Mạnh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9157	24022396	Bùi Công Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9158	24022397	Đặng Quang Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
9159	24022398	Đình Quang Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9160	24022399	Đỗ Hoàng Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9161	24022400	Dương Đức Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9162	24022401	Dương Quang Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	20.696.000		20.696.000	
9163	24022402	Lê Công Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9164	24022403	Nguyễn Đoàn Nhật Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9165	24022404	Nguyễn Đức Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	19.772.000		19.772.000	
9166	24022405	Nguyễn Đức Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9167	24022406	Nguyễn Nhật Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9168	24022407	Nguyễn Tân Hoàng Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9169	24022408	Nguyễn Thị Nhật Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9170	24022409	Phạm Quang Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9171	24022410	Phạm Quang Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9172	24022411	Phạm Văn Minh	Chuẩn	K69A-AI	-64.350	17.000.000		16.935.650	SV đóng kỳ trước
9173	24022413	Trịnh Bình Minh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9174	24022414	Nguyễn Hải Nam	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9175	24022415	Phạm Bá Nam	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9176	24022416	Phạm Vũ Nam	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9177	24022417	Lê Tiến Nghĩa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9178	24022418	Vũ Tuấn Nghĩa	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9179	24022419	Quách Lê Hồng Ngọc	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9180	24022420	Dương Trọng Nguyên	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9181	24022421	Trần Hoàng Nguyên	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9182	24022422	Nguyễn Thiện Nhân	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9183	24022423	Đặng Minh Nhật	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9184	24022424	Nguyễn Gia Phát	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9185	24022425	Vũ Đức Phong	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9186	24022426	Lê Việt Phú	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9187	24022427	Nguyễn Đình Phú	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9188	24022430	Nguyễn Tiến Phương	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9189	24022431	Nguyễn Việt Phương	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9190	24022432	Đỗ Mạnh Quân	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9191	24022433	Lê Hoàng Quân	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9192	24022434	Nguyễn Minh Quân	Chuẩn	K69A-AI	0	20.696.000		20.696.000	
9193	24022435	Trần Đức Quang	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9194	24022436	Vũ Đình Quý	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9195	24022437	Nguyễn Sỹ Quyền	Chuẩn	K69A-AI	0	19.772.000		19.772.000	
9196	24022438	Vũ Ngọc Quyền	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9197	24022439	Lê Văn Sang	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9198	24022440	Nguyễn Quang Sang	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9199	24022441	Lưu Uyên Sơn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9200	24022442	Nguyễn Hà Sơn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9201	24022443	Nguyễn Lê Nam Sơn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9202	24022444	Nguyễn Phúc Sơn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9203	24022445	Nguyễn Sỹ Trường Sơn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9204	24022446	Vũ Ngọc Sơn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9205	24022447	Lưu Xuân Tân	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9206	24022449	Phạm Danh Thái	Chuẩn	K69A-AI	0	19.772.000		19.772.000	
9207	24022450	Tổng Quang Thái	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9208	24022451	Trần Quang Thái	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9209	24022452	Đỗ Duy Thành	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9210	24022453	Lê Tiến Thành	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9211	24022454	Lê Việt Thành	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9212	24022455	Phạm Công Thành	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9213	24022456	Trương Văn Thành	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9214	24022457	Hà Ngọc Thiện	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9215	24022458	Đỗ Khắc Phúc Thịnh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9216	24022459	Trần Đức Thịnh	Chuẩn	K69A-AI	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
9217	24022460	Trần Đức Thịnh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9218	24022461	Phạm Văn Vương Thuận	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9219	24022462	Nguyễn Huyền Thương	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9220	24022463	Đàm Quang Tiến	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9221	24022464	Phạm Quang Tiến	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9222	24022465	Trần Trung Tín	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9223	24022466	Lê Toàn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9224	24022467	Phạm Sỹ Toàn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9225	24022468	Tạ Văn Toàn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9226	24022469	Trịnh Kế Toàn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9227	24022470	Nguyễn Thị Hiền Trang	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9228	24022471	Trần Bình Trọng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9229	24022472	Đỗ Thành Trung	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9230	24022473	Nguyễn Đức Trung	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9231	24022474	Nguyễn Quốc Trung	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9232	24022475	Nguyễn Văn Trung	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9233	24022476	Phạm Thành Trung	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9234	24022477	Trần Đức Trung	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9235	24022478	Đinh Văn Trường	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9236	24022479	Nguyễn Quang Trường	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9237	24022480	Nguyễn Thiên Trường	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9238	24022481	Nguyễn Tất Tú	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9239	24022482	Nguyễn Anh Tuấn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9240	24022483	Trần Anh Tuấn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9241	24022484	Trần Anh Tuấn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9242	24022485	Trần Công Tuấn	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9243	24022486	Trần Đoàn Minh Tuệ	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9244	24022487	Nguyễn Văn Tùng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9245	24022488	Phạm Nguyễn Xuân Tùng	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9246	24022489	Đào Văn Việt	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9247	24022490	Nguyễn Quang Vinh	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9248	24022491	Đào Gia Thế Vũ	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9249	24022492	Nguyễn Anh Vũ	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9250	24022493	Nguyễn Văn Vũ	Chuẩn	K69A-AI	0	19.772.000		19.772.000	
9251	24022494	Trần Hoàng Vũ	Chuẩn	K69A-AI	0	17.000.000		17.000.000	
9252	24022245	Bùi Tuấn An	Chuẩn	K69A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
9253	24022251	Lê Đức Anh	Chuẩn	K69A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
9254	24022257	Nguyễn Xuân Anh	Chuẩn	K69A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
9255	24022263	Đào Duy Thái Bảo	Chuẩn	K69A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
9256	24022269	Nguyễn Đức Bình	Chuẩn	K69A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
9257	24022275	Đỗ Kiên Cường	Chuẩn	K69A-AI1	0	18.848.000		18.848.000	
9258	24022281	Nguyễn Hải Đăng	Chuẩn	K69A-AI1	0	20.696.000		20.696.000	
9259	24022299	Bùi Tiến Dũng	Chuẩn	K69A-AI1	0	17.000.000		17.000.000	
9260	24022934	Bùi Quỳnh Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9261	24022935	Cao Thị Phương Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9262	24022936	Đỗ Văn Tùng Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9263	24022937	Giang Thị Thuỳ Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9264	24022938	Hoàng Lan Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9265	24022939	Nguyễn Hải Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9266	24022940	Nguyễn Phương Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9267	24022941	Nguyễn Thị Lan Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	22.544.000		22.544.000	
9268	24022942	Nguyễn Vi Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9269	24022943	Phạm Thị Ngọc Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9270	24022944	Trương Ngọc Anh	Chuẩn	K69C-ID	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
9271	24022947	Đặng Đức Bảo	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9272	24022948	Nguyễn Thái Bảo	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9273	24022949	Trần Gia Bảo	Chuẩn	K69C-ID	0	18.848.000		18.848.000	
9274	24022950	Nguyễn Thị Thanh Bình	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9275	24022951	Trịnh Thị Thanh Bình	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9276	24022952	Vũ Nhật Công	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9277	24022953	Nguyễn Thị Cúc	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9278	24022954	Hoàng Quốc Cường	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9279	24022955	Nguyễn Tăng Đàm	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9280	24022956	Nguyễn Hồng Đăng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9281	24022957	Trần Hải Đăng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9282	24022958	Nguyễn Văn Đạo	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9283	24022959	Bùi Thành Đạt	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9284	24022960	Hoàng Kim Đạt	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9285	24022961	Nguyễn Quốc Đạt	Chuẩn	K69C-ID	0	19.772.000		19.772.000	
9286	24022962	Vũ Quốc Đạt	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9287	24022963	Vương Trí Đạt	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9288	24022964	Phạm Văn Độ	Chuẩn	K69C-ID	-28.700	17.000.000		16.971.300	SV đóng kỳ trước
9289	24022965	Đào Xuân Đức	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9290	24022966	Nguyễn Anh Đức	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9291	24022967	Nguyễn Anh Đức	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9292	24022968	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9293	24022969	Trần Thị Dung	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9294	24022970	Đinh Tiến Dũng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9295	24022971	Lại Việt Dũng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9296	24022972	Nguyễn Ngọc Dũng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9297	24022973	Đỗ Đăng Dương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9298	24022974	Hoàng ánh Dương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9299	24022975	Nguyễn Thùy Dương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9300	24022976	Vũ Xuân Dương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9301	24022977	Hoàng Đức Duy	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9302	24022978	Nguyễn Văn Duy	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9303	24022979	Trần Đức Duy	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9304	24022980	Cao Thùy Giang	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9305	24022981	Nguyễn Phạm Sơn Hà	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9306	24022982	Nguyễn Bùi Việt Hải	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9307	24022983	Tạ Bảo Hân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9308	24022984	Trần Tiểu Hân Hân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9309	24022985	Trần Song Hào	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9310	24022986	Đinh Văn Hiến	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9311	24022987	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9312	24022988	Đào Trung Hiếu	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9313	24022989	Hồ Trung Hiếu	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9314	24022990	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9315	24022991	Phạm Minh Hiếu	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9316	24022992	Trần Việt Hiếu	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9317	24022993	Đỗ Thị Hoài	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9318	24022994	Nguyễn Văn Hoan	Chuẩn	K69C-ID	0	19.772.000		19.772.000	
9319	24022995	Dương Ngọc Hoàn	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9320	24022996	Lưu Việt Hoàng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9321	24022997	Nguyễn Huy Hoàng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9322	24022998	Nguyễn Quốc Lê Hoàng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9323	24022999	Bùi Việt Hùng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9324	24023000	Hoàng Đăng Hùng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9325	24023001	Nguyễn Đình Hùng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9326	24023002	Nguyễn Duy Hưng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9327	24023003	Bùi Xuân Huy	Chuẩn	K69C-ID	-26.000	17.000.000		16.974.000	SV đóng kỳ trước
9328	24023004	Đỗ Thanh Huy	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9329	24023005	Nguyễn Đức Huy	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9330	24023006	Trần Quang Huy	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9331	24023007	Bùi Thanh Huyền	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9332	24023008	Giáp Vũ Diệu Huyền	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9333	24023009	Trần Quang Khải	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9334	24023010	Phan Vũ An Khang	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9335	24023011	Lê Nam Khánh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9336	24023012	Ngô Duy Khánh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9337	24023013	Nguyễn Ngọc Khánh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9338	24023014	Trần Gia Bảo Khánh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9339	24023015	Nguyễn Hữu Kiên	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9340	24023016	Phạm Sỹ Kiên	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9341	24023017	Quách Trung Kiên	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9342	24023018	Nguyễn Tuấn Kiệt	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9343	24023019	Trần Tùng Lâm	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9344	24023020	Nguyễn Nhật Linh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9345	24023021	Nguyễn Thị Khánh Linh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9346	24023022	Phạm Kiều Linh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9347	24023023	Vũ Đoàn Thảo Linh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9348	24023024	Nguyễn Minh Long	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9349	24023025	Trần Khánh Long	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9350	24023026	Trần Văn Lương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9351	24023027	Nguyễn Thị Phương Mai	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9352	24023028	Nguyễn Thị Xuân Mai	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9353	24023030	Nguyễn Đồng Mạnh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9354	24023031	Nguyễn Văn Mạnh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9355	24023032	Lê Nhật Minh	Chuẩn	K69C-ID	0	19.772.000		19.772.000	
9356	24023033	Nguyễn ánh Bình Minh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9357	24023034	Nguyễn Đình Nhật Minh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9358	24023035	Vũ Đình Minh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9359	24023036	Bùi Đặng Mỹ	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9360	24023037	Đặng Thành Nam	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9361	24023038	Lê Hoàng Nam	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9362	24023039	Nguyễn Thành Nam	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9363	24023040	Trịnh Đắc Nam	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9364	24023041	Nguyễn Thảo Ngân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9365	24023042	Nguyễn Hoàng Nghĩa	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9366	24023043	Nguyễn Hữu Nghĩa	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9367	24023044	Bùi Thị Hoài Ngọc	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9368	24023046	Nguyễn Thế Ngọc	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9369	24023047	Hạ Lương Nguyên	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9370	24023048	Khuất Bá Nguyên	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9371	24023049	Phạm Minh Nguyên	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9372	24023050	Hàn Minh Phát	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9373	24023051	Nguyễn Đình Phước	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9374	24023052	Trần Tiến Phước	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9375	24023053	Cần Thị Mai Phương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9376	24023054	Lại Thị Minh Phương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9377	24023055	Nguyễn Phúc Phương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9378	24023056	Nguyễn Xuân Phương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9379	24023057	Trần Quốc Phương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9380	24023058	Phan Văn Quân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9381	24023059	Trịnh Hồng Quân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9382	24023060	Bùi Nhật Quang	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9383	24023061	Hứa Đoàn Hương Quỳnh	Chuẩn	K69C-ID	0	19.772.000		19.772.000	
9384	24023062	Phan Nho Sinh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9385	24023064	Nguyễn Mạnh Tân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9386	24023066	Nguyễn Văn Thành	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9387	24023067	Trần Quốc Thành	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9388	24023068	Nguyễn Phương Thảo	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9389	24023069	Phùng Thanh Thảo	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9390	24023070	Nguy Thị Ngọc Thu	Chuẩn	K69C-ID	-6.894.350	0		-6.894.350	Miễn HP (Chuẩn)
9391	24023071	Tôn Anh Thư	Chuẩn	K69C-ID	0	19.772.000		19.772.000	
9392	24023072	Nguyễn Mai Phương Thúy	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9393	24023074	Đặng Thị Minh Trâm	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9394	24023075	Dương Bảo Trâm	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9395	24023076	Nguyễn Đặng Bảo Trân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9396	24023077	Nguyễn Hà Trang	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9397	24023078	Nguyễn Thị Thùy Trang	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9398	24023079	Trần Thùy Trang	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9399	24023080	Nguyễn Thế Trung	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9400	24023081	Phạm Quang Trường	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9401	24023082	Vũ Thị Cẩm Tú	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9402	24023083	Nguyễn Sỹ Tuấn	Chuẩn	K69C-ID	0	20.696.000		20.696.000	
9403	24023084	Phạm Tuấn	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9404	24023085	Đỗ Minh Tuấn	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9405	24023086	Nguyễn Đức Tùng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9406	24023087	Nguyễn Sơn Tùng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9407	24023088	Trần Đức Tùng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9408	24023089	Phạm Phú Tuyên	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9409	24023090	Dương Thị Khánh Vân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9410	24023091	Phạm Thanh Vân	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9411	24023092	Nguyễn Thị Anh Vi	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9412	24023093	Trần Quốc Việt	Chuẩn	K69C-ID	-3.400.000			-3.400.000	
9413	24023094	Nguyễn Thành Vinh	Chuẩn	K69C-ID	0	7.397.000		7.397.000	Giảm 50%HP (Chuẩn)
9414	24023095	Nguyễn Thành Vinh	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9415	24023096	Đình Trần Anh Vũ	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9416	24023097	Vũ Tuấn Vương	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9417	24023098	Đoàn Đình Vượng	Chuẩn	K69C-ID	0	17.000.000		17.000.000	
9418	24022011	Nguyễn Đức Bình An	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9419	24022012	Ngô Ngọc Anh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9420	24022013	Nguyễn Hà Tú Anh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9421	24022014	Nguyễn Thị Ngọc ánh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9422	24022016	Mẫn Thị Hải Bằng	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9423	24022017	Trần Nguyễn Kiều Chinh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9424	24022018	Nguyễn Xuân Công	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9425	24022019	Đào Thành Đạt	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9426	24022022	Dương Văn Duẩn	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9427	24022023	Nguyễn Đình Đức	Chuẩn	K69G-AT	-5.204.351	17.000.000		11.795.649	Dư HP tạm nộp nhập học
9428	24022024	Nguyễn Xuân Đức	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9429	24022025	Phạm Minh Đức	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9430	24022026	Nguyễn Việt Dũng	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9431	24022027	Bùi Tùng Dương	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9432	24022028	Nguyễn Thùy Dương	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9433	24022029	Nguyễn Thành Giang	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9434	24022030	Nguyễn Thị Phương Hậu	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9435	24022032	Vũ Minh Hiếu	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9436	24022036	Trần Tân Hùng	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9437	24022037	Trần Mạnh Hưng	Chuẩn	K69G-AT	-5.414.350	17.000.000		11.585.650	Dư HP tạm nộp nhập học
9438	24022038	Hà Đức Huy	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9439	24022039	Vũ Đăng Huy	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9440	24022040	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9441	24022041	Trần Thu Huyền	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9442	24022043	Nguyễn Sỹ Lộc	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9443	24022044	Trịnh Duy Lộc	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9444	24022045	Phạm Minh Lý	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9445	24022046	Bùi Quang Minh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9446	24022047	Vũ Quang Minh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9447	24022049	Trịnh Hoàng Phát	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9448	24022052	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9449	24022054	Trịnh Bá Sơn	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9450	24022055	Lê Xuân Tâm	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9451	24022056	Nguyễn Văn Thạch	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9452	24022057	Trần Anh Thắng	Chuẩn	K69G-AT	-6.594.350			-6.594.350	
9453	24022058	Hoàng Ngọc Thành	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9454	24022059	Mai Văn Thành	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9455	24022060	Nguyễn Thị Thảo	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9456	24022063	Nguyễn Minh Tiến	Chuẩn	K69G-AT	10.585.650	17.000.000		27.585.650	K2/24-25
9457	24022064	Bùi Ngọc Toàn	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9458	24022066	Nguyễn Thị Huyền Trang	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9459	24022067	Nguyễn Thành Trung	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9460	24022068	Trần Quang Tú	Chuẩn	K69G-AT	-4.904.350	17.000.000		12.095.650	Dư HP tạm nộp nhập học
9461	24022069	Nguyễn Anh Tuấn	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9462	24022070	Nguyễn Thế Tuyên	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9463	24022072	Nguyễn Trung Việt	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9464	24022073	Nguyễn Quang Vinh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9465	24022074	Nguyễn Thế Vinh	Chuẩn	K69G-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9466	24022075	Bùi Lộc Thái Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9467	24022076	Lê Gia Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9468	24022077	Nguyễn Đức Hoàng Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9469	24022078	Nguyễn Quốc Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9470	24022079	Nguyễn Trọng Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9471	24022080	Nguyễn Xuân Anh	Chuẩn	K69M-AT	-50.000	17.000.000		16.950.000	SV đóng kỳ trước
9472	24022081	Phạm Nguyễn Quang Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9473	24022082	Phùng Thế Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9474	24022083	Vũ Việt Anh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9475	24022084	Vũ Duy Bắc	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9476	24022085	Ngô Xuân Bách	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9477	24022086	Nguyễn Lương Bằng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9478	24022087	Hà Ngọc Bảo	Chuẩn	K69M-AT	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
9479	24022088	Trần Quốc Bảo	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9480	24022089	Nguyễn Văn Bình	Chuẩn	K69M-AT	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (Chuẩn)
9481	24022090	Vũ Văn Chinh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9482	24022091	Dương Văn Hải Đăng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9483	24022092	Lê Hải Đăng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9484	24022093	Hoàng Quốc Đạt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9485	24022094	Nguyễn Đình Tiến Đạt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9486	24022095	Trần Đình Đạt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9487	24022096	Nguyễn Văn Đồi	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9488	24022097	Đỗ Anh Đức	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9489	24022098	Dương Minh Đức	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9490	24022099	Lê Anh Đức	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9491	24022100	Nguyễn Minh Đức	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9492	24022101	Trần Lê An Đức	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9493	24022102	Trần Minh Đức	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9494	24022103	Lê Trọng Tuấn Dũng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9495	24022104	Ngô Kim Nhật Dũng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9496	24022105	Nguyễn Quang Dũng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9497	24022106	Thái Quốc Dũng	Chuẩn	K69M-AT	0	20.696.000		20.696.000	
9498	24022107	Trần Việt Dũng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9499	24022108	Lê Minh Dương	Chuẩn	K69M-AT	0	19.772.000		19.772.000	
9500	24022109	Mai Thế Dương	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9501	24022110	Đỗ Đình Khánh Duy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9502	24022111	Lê Vũ Duy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9503	24022112	Lê Văn Giang	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9504	24022113	Nguyễn Văn Giang	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9505	24022114	Hà Huy Giáp	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9506	24022115	Bùi Minh Hải	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9507	24022116	Nguyễn Minh Hải	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9508	24022117	Đỗ Mạnh Hiền	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9509	24022118	Nguyễn Đức Hiệp	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9510	24022119	Nguyễn Hoàng Hiệp	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9511	24022120	Phan Bá Duy Hiệp	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9512	24022121	Đặng Đình Hiếu	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9513	24022122	Nguyễn Đình Hiếu	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9514	24022123	Nguyễn Minh Hiếu	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9515	24022124	Nguyễn Văn Hiếu	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9516	24022125	Vũ Mạnh Hòa	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9517	24022126	Nguyễn Đức Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9518	24022127	Nguyễn Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9519	24022128	Nguyễn Lưu Phong Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9520	24022129	Nguyễn Mậu Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9521	24022130	Nguyễn Minh Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9522	24022131	Nguyễn Nhật Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9523	24022132	Nguyễn Trắc Minh Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9524	24022133	Võ Lê Hoàng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9525	24022134	Đào Mạnh Hùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9526	24022135	Đỗ Văn Hùng	Chuẩn	K69M-AT	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)
9527	24022136	Hoàng Phi Hùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9528	24022137	Nguyễn Tuấn Hùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9529	24022138	Nguyễn Đức Hưng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9530	24022139	Trần Gia Hưng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9531	24022140	Vũ Lưu Hương	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9532	24022141	Đỗ Quang Huy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9533	24022142	Đoàn Quang Huy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9534	24022143	Lê Quang Huy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9535	24022144	Lê Quang Huy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9536	24022145	Phí Trung Huy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9537	24022146	Vũ Đức Huy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9538	24022147	Vũ Duy Huỳnh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9539	24022148	Lê Đăng Khải	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9540	24022149	Doãn Nam Khánh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9541	24022150	Nguyễn Hữu Khánh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9542	24022151	Trần Duy Khánh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9543	24022153	Nguyễn Danh Khoa	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9544	24022154	Vũ Bảo Khuê	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9545	24022155	Nguyễn Hữu Kiên	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9546	24022156	Vũ Ngọc Kiên	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9547	24022157	Nguyễn Thế Lâm	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9548	24022158	Phạm Tiến Lâm	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9549	24022159	Nguyễn Hoàng Lâm	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9550	24022160	Phạm Tiến Lộc	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9551	24022161	Trần Viết Lộc	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9552	24022162	Vũ Đình Long	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9553	24022163	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9554	24022164	Phạm Thế Mạnh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9555	24022165	Bùi Quang Minh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9556	24022167	Nguyễn Đức Minh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9557	24022168	Nguyễn Gia Minh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9558	24022169	Trần Thái Anh Minh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9559	24022170	Vũ Hải Minh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9560	24022171	Bùi Văn Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9561	24022172	Đặng Tuấn Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9562	24022173	Lê Hải Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9563	24022174	Lê Xuân Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9564	24022175	Nguyễn Hữu Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9565	24022176	Nguyễn Trần Thành Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9566	24022177	Nguyễn Văn Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9567	24022178	Phạm Nguyễn Hải Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9568	24022179	Phan Trường Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9569	24022180	Vũ Thái Nam	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9570	24022181	Phạm Thị Quỳnh Nga	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9571	24022182	Vũ Tá Duy Nghĩa	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9572	24022183	Vũ Viết Nghĩa	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9573	24022184	Hoàng Khôi Ngôi	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9574	24022185	Đặng Đình Tiến Nguyên	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9575	24022186	Phạm Hoàng Nguyên	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9576	24022187	Trần Kim Trung Nguyên	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9577	24022188	Đinh Hữu Ninh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9578	24022189	Trần Đức Phong	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9579	24022190	Nguyễn Bá Phú	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9580	24022191	Lê Duy Phúc	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9581	24022192	Vũ Hồng Phúc	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9582	24022193	Lãnh Hữu Phước	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9583	24022194	Hoàng Anh Quân	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9584	24022196	Phí Anh Quân	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9585	24022197	Lê Đăng Quang	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9586	24022198	Phan Văn Quang	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9587	24022199	Vũ Ngọc Quang	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9588	24022200	Nguyễn Tự Quyết	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9589	24022201	Lô Thị Diệu Sơn	Chuẩn	K69M-AT	0	0		0	Miễn HP (Chuẩn)

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9590	24022202	Nguyễn Thế Duy Tân	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9591	24022203	Nguyễn Phạm Ngọc Thái	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9592	24022204	Lưu Quang Thắng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9593	24022205	Nguyễn Đức Thắng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9594	24022206	Vũ Xuân Thắng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9595	24022207	Nguyễn Viết Thành	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9596	24022208	Kim Hà Thu	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9597	24022209	Hoàng Đình Thuận	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9598	24022210	Nguyễn Đức Thuận	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9599	24022211	Phạm Thị Minh Thuận	Chuẩn	K69M-AT	0	19.772.000		19.772.000	
9600	24022212	Nguyễn Trọng Thức	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9601	24022213	Mai Xuân Thủy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9602	24022214	Trần Trọng Thủy	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9603	24022215	Bùi Công Tiến	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9604	24022216	Đặng Mạnh Toàn	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9605	24022217	Nguyễn Đức Toàn	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9606	24022218	Nguyễn Kiều Trang	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9607	24022220	Trương Hải Triều	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9608	24022221	Lê Khánh Trình	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9609	24022222	Ngô Thế Trường	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9610	24022223	Nguyễn Ngọc Trường	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9611	24022224	Nguyễn Công Tú	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9612	24022225	Nguyễn Văn Tú	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9613	24022226	Phạm Đức Tú	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9614	24022227	Trần Quốc Anh Tú	Chuẩn	K69M-AT	0	18.848.000		18.848.000	
9615	24022228	Phạm Anh Tuấn	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9616	24022229	Võ Anh Tuấn	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9617	24022230	Đỗ Duy Tùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9618	24022231	Nguyễn Khắc Tùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9619	24022232	Nguyễn Thanh Tùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9620	24022233	Phùng Sơn Tùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9621	24022234	Trần Thanh Tùng	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9622	24022235	Bùi Quốc Việt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9623	24022236	Chu Thiên Việt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9624	24022237	Hoàng Quốc Việt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
9625	24022238	Nghiêm Quốc Việt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9626	24022240	Vũ Công Việt	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9627	24022241	Nguyễn Hồng Vinh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9628	24022242	Phạm Quang Vinh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9629	24022243	Trần Quang Vinh	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9630	24022244	Trần Như Vũ	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9631	24023101	Nguyễn Đức Anh Tuấn	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
9632	24023102	Trần Vũ Nhật	Chuẩn	K69M-AT	0	17.000.000		17.000.000	
10442		CÁC CTĐT CLC THEO TT23							
10443	20021080	Nguyễn Tiến An	Bằng kép	Bằng kép	0	8.976.000		8.976.000	
10444	19021406	Trần Tuấn Anh	CLC TT23	K64E-EC1	16.000.000			16.000.000	Nợ K1/24-25
10445	19020104	Nguyễn Ngọc Khang	CLC TT23	K64I-CS1	0	3.600.000		3.600.000	
10446	19021250	Phạm Quý Dương	CLC TT23	K64I-CS2	2.400.000			2.400.000	Nợ kỳ hè 23-24
10447	19021373	Phí Trần Toàn	CLC TT23	K64I-CS4	3.200.000			3.200.000	Nợ kỳ hè 23-24
10448	19021291	Dương Việt Hùng	CLC TT23	K64I-IS	25.500.000			25.500.000	Nợ K2/22-23
10449	19021302	Hồ Quang Huy	CLC TT23	K64I-IS	8.000.000			8.000.000	Nợ K1/24-25
10450	19021093	Lâm Văn Phương	CLC TT23	K64M-MT1	4.000.000			4.000.000	Nợ kỳ hè 24-25
10451	19021030	Bùi Đức Duy	CLC TT23	K64M-MT2	-1.280.000			-1.280.000	
10452	19021070	Nguyễn Trung Kiên	CLC TT23	K64M-MT2	16.097.640			16.097.640	Nợ K2/22-23
10453	19021078	Cao Đức Mạnh	CLC TT23	K64M-MT2	-20.000			-20.000	
10454	19021095	Trịnh Hồng Quân	CLC TT23	K64M-MT2	0	2.400.000		2.400.000	
10455	20020252	Bùi Thành Vinh	CLC TT23	K65E-EC1	0	2.400.000		2.400.000	
10456	20021541	Trần Văn Huy	CLC TT23	K65E-EC1	100.000	8.000.000		8.100.000	Nợ lẻ
10457	20021519	Nguyễn Minh Đức	CLC TT23	K65E-EC2	0	8.000.000		8.000.000	
10458	20021555	Nguyễn Như Minh	CLC TT23	K65E-EC2	0	8.000.000		8.000.000	
10459	20021559	Đoàn Tuấn Nghĩa	CLC TT23	K65E-EC2	0	5.600.000		5.600.000	
10460	20021580	Nguyễn Minh Tâm	CLC TT23	K65E-EC2	0	10.400.000		10.400.000	
10461	20021587	Nguyễn Như Tình	CLC TT23	K65E-EC2	0	7.200.000		7.200.000	
10462	20021591	Nguyễn Quang Trung	CLC TT23	K65E-EC2	0	11.200.000		11.200.000	
10463	20020325	Phan Anh Quân	CLC TT23	K65I-CN	0	5.600.000		5.600.000	
10464	20020326	Bùi Quốc Việt	CLC TT23	K65I-CN	0	5.600.000		5.600.000	
10465	20021311	Lê Quốc Cường	CLC TT23	K65I-CN	0	2.400.000		2.400.000	
10466	20021342	Nguyễn Ngọc Hải	CLC TT23	K65I-CN	0	8.000.000		8.000.000	
10467	20021376	Nguyễn Công Khoa	CLC TT23	K65I-CN	0	8.800.000		8.800.000	
10468	20021379	Nguyễn Duy Kiên	CLC TT23	K65I-CN	0	3.200.000		3.200.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10469	20021436	Vũ Việt Thành	CLC TT23	K65I-CN	0	8.000.000		8.000.000	
10470	20021430	Nông Ngọc Sơn	CLC TT23	K65I-CN	-11.760.000	10.400.000		-1.360.000	Giảm 70%HP (TT23)
10471	20020139	Đỗ Việt Hưng	CLC TT23	K65I-CS1	0	2.400.000		2.400.000	
10472	20020152	Đoàn Minh Quân	CLC TT23	K65I-CS1	0	10.400.000		10.400.000	
10473	20020277	Nguyễn Hà An	CLC TT23	K65I-CS1	0	4.000.000		4.000.000	
10474	20020283	Nguyễn Đức Cường	CLC TT23	K65I-CS1	0	3.200.000		3.200.000	
10475	20020299	Nguyễn Danh Minh	CLC TT23	K65I-CS1	0	8.000.000		8.000.000	
10476	20020306	Lê Nhật Quang	CLC TT23	K65I-CS1	0	5.600.000		5.600.000	
10477	20020308	Vũ Minh Quang	CLC TT23	K65I-CS1	0	8.000.000	8.000.000	0	
10478	20021295	Trần Đức Anh	CLC TT23	K65I-CS1	0	8.000.000		8.000.000	
10479	20021428	Bùi Minh Sơn	CLC TT23	K65I-CS1	0	8.000.000		8.000.000	
10480	20020155	Ngô Văn Minh Thắng	CLC TT23	K65I-CS2	0	5.600.000		5.600.000	
10481	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	CLC TT23	K65I-CS3	13.600.000			13.600.000	Nợ K2/24-25
10482	20020356	Lê Hoàng Đại Dương	CLC TT23	K65I-CS3	0	5.600.000		5.600.000	
10483	20021302	Tạ Thành Bảo	CLC TT23	K65I-CS3	0	3.200.000		3.200.000	
10484	20021296	Trần Đức Anh	CLC TT23	K65I-IS	2.400.000			2.400.000	Nợ K2/24-25
10485	20021325	Hà Hoàng Tiến Đạt	CLC TT23	K65I-IS	0	3.200.000		3.200.000	
10486	20021335	Đặng Minh Đức	CLC TT23	K65I-IS	8.000.000	7.200.000		15.200.000	Nợ K2/24-25
10487	20021360	Nguyễn Bùi Việt Hoàng	CLC TT23	K65I-IS	0	8.000.000		8.000.000	
10488	20021402	Lê Trung Nghĩa	CLC TT23	K65I-IS	0	3.200.000		3.200.000	
10489	20021403	Lê Thị Mỹ Ngọc	CLC TT23	K65I-IS	0	17.600.000		17.600.000	
10490	20021437	Đỗ Chiến Thắng	CLC TT23	K65I-IS	0	8.000.000		8.000.000	
10491	20021451	Bùi Anh Toàn	CLC TT23	K65I-IS	0	2.400.000		2.400.000	
10492	20021089	Hoàng Thanh Bình	CLC TT23	K65M-MT1	0	1.600.000		1.600.000	
10493	20021125	Vũ Văn Hiệp	CLC TT23	K65M-MT1	2.800.000	6.400.000		9.200.000	Nợ K2/24-25
10494	20021106	Nguyễn Quý Dương	CLC TT23	K65M-MT2	0	3.200.000		3.200.000	
10495	20021113	Nguyễn Hữu Hải Đăng	CLC TT23	K65M-MT2	0	1.600.000		1.600.000	
10496	20021152	Đào Nguyễn Hải Linh	CLC TT23	K65M-MT2	17.500.000			17.500.000	Nợ K2/23-24
10497	20021174	Bùi Tá Phong	CLC TT23	K65M-MT2	3.000.000	7.200.000		10.200.000	Nợ 1 phần K2/24-25
10498	20020243	Ngô Ngọc Quang	CLC TT23	K65M-MT3	0	3.200.000		3.200.000	
10499	20020244	Trần Đức Thắng	CLC TT23	K65M-MT3	0	9.600.000		9.600.000	
10500	20021116	Đặng Tiến Đông	CLC TT23	K65M-MT3	3.200.000			3.200.000	Nợ kỳ hè 24-25
10501	20021169	Bùi Trọng Đức Nghĩa	CLC TT23	K65M-MT3	1.600.000	2.400.000		4.000.000	Nợ kỳ hè 24-25
10502	21020675	Bùi Đỗ Nhật Nam Anh	CLC TT23	K66E-EC1	0	2.400.000		2.400.000	
10503	21020677	Nguyễn Đức Anh	CLC TT23	K66E-EC1	0	4.800.000		4.800.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10504	21020695	Nguyễn Đình Lâm	CLC TT23	K66E-EC1	0	12.800.000		12.800.000	
10505	21020697	Nguyễn Công Minh	CLC TT23	K66E-EC1	0	8.000.000		8.000.000	
10506	21020711	Trương Quang Vinh	CLC TT23	K66E-EC1	0	8.000.000		8.000.000	
10507	21021573	Nguyễn Tùng Dương	CLC TT23	K66E-EC1	0	8.000.000		8.000.000	
10508	21021586	Nguyễn Xương Hiếu	CLC TT23	K66E-EC1	2.400.000	4.800.000		7.200.000	Nợ kỳ hè 24-25
10509	21021591	Nguyễn Minh Hoàng	CLC TT23	K66E-EC1	-740	1.600.000		1.599.260	
10510	21021614	La Nhật Minh	CLC TT23	K66E-EC1	0	8.000.000		8.000.000	
10511	21021626	Nguyễn Minh Phúc	CLC TT23	K66E-EC1	8.000.000	10.400.000		18.400.000	Nợ kỳ hè 24-25
10512	21021620	Lê Trọng Nghĩa	CLC TT23	K66E-EC1	0	0		0	Miễn HP (TT23)
10513	21020532	Nguyễn Minh Quang Hiếu	CLC TT23	K66E-EC2	0	2.400.000		2.400.000	
10514	21020676	Đỗ Duy Anh	CLC TT23	K66E-EC2	0	8.000.000		8.000.000	
10515	21020684	Đỗ Minh Hiếu	CLC TT23	K66E-EC2	-8.920	8.000.000		7.991.080	SV đóng kỳ trước
10516	21020688	Đỗ Huy	CLC TT23	K66E-EC2	0	10.400.000		10.400.000	
10517	21020702	Lê Minh Quân	CLC TT23	K66E-EC2	0	8.800.000		8.800.000	
10518	21020707	Dương Đình Thắng	CLC TT23	K66E-EC2	0	8.000.000		8.000.000	
10519	21020732	Ngô Quang Minh	CLC TT23	K66E-EC2	0	8.000.000		8.000.000	
10520	21021558	Nguyễn Thế Anh	CLC TT23	K66E-EC2	0	2.400.000		2.400.000	
10521	21021562	Đỗ Đức Bảo	CLC TT23	K66E-EC2	-2.400.000	8.000.000		5.600.000	Dư HP theo QĐ 1019
10522	21021570	Lê Phương Duy	CLC TT23	K66E-EC2	0	8.000.000		8.000.000	
10523	21021595	Hoàng Đức Huy	CLC TT23	K66E-EC2	0	12.000.000		12.000.000	
10524	21021600	Lương Quốc Khánh	CLC TT23	K66E-EC2	0	4.800.000		4.800.000	
10525	21021604	Vũ Đức Kiên	CLC TT23	K66E-EC2	0	10.400.000		10.400.000	
10526	21021608	Nguyễn Đức Thành Long	CLC TT23	K66E-EC2	0	7.200.000		7.200.000	
10527	21021615	Lê Tấn Minh	CLC TT23	K66E-EC2	-2.400.000	2.400.000		0	Nộp trước
10528	21021627	Hồ Duy Phương	CLC TT23	K66E-EC2	0	4.800.000		4.800.000	
10529	21021649	Dương Nguyễn Gia Vinh	CLC TT23	K66E-EC2	0	2.400.000		2.400.000	
10530	21021580	Phạm Thu Hằng	CLC TT23	K66E-EC2	0	15.025.000		15.025.000	Giảm 50%HP (TT23)
10531	21020159	Phan Quốc An	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10532	21020174	Lê Ngọc Minh Châu	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10533	21020182	Nguyễn Hoàng Tùng Dương	CLC TT23	K66I-CN	0	22.300.000		22.300.000	
10534	21020201	Trần Phương Hoa	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10535	21020212	Nguyễn Tùng Lâm	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10536	21020222	Nguyễn Đức Nam	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10537	21020225	Đinh Văn Khôi Nguyên	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10538	21020236	Lê Danh Sơn	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10539	21020239	Phạm Văn Thạch	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10540	21020240	Đỗ Minh Thái	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10541	21020465	Phạm Việt Hoàng	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10542	21020468	Nguyễn Hồng Linh	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10543	21020469	Nguyễn Đức Lộc	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10544	21020471	Trần Quang Minh	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10545	21020514	Nguyễn Mạnh Đức	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10546	21020525	Bùi Trần Hải Nam	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10547	21020528	Phạm Đàm Quân	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10548	21020613	Phạm Đức Dũng	CLC TT23	K66I-CN	-2.400.000	17.500.000		15.100.000	Dư HP theo QĐ 1019
10549	21020614	Phạm Hoàng Dũng	CLC TT23	K66I-CN	-2.400.000	17.500.000		15.100.000	Dư HP theo QĐ 1019
10550	21020627	Nguyễn Trung Hiếu	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10551	21020660	Nguyễn Công Tuấn Phương	CLC TT23	K66I-CN	0	21.500.000		21.500.000	
10552	21021454	Ngô Quý Bảo	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10553	21021461	Nguyễn Văn Doanh	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10554	21021464	Hồ Xuân Dũng	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10555	21021472	Nguyễn Văn Dương	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10556	21021498	Trịnh Xuân Hoàng	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10557	21021500	Nguyễn Tiến Huân	CLC TT23	K66I-CN	3.200.000	25.500.000		28.700.000	P.ĐT báo đã được hủy môn
10558	21021506	Lương Sỹ Khánh	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10559	21021509	Nguyễn Khắc Kiên	CLC TT23	K66I-CN	0	27.900.000		27.900.000	
10560	21021511	Phạm Trung Kiên	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10561	21021517	Hoàng Tuấn Minh	CLC TT23	K66I-CN	0	25.500.000		25.500.000	
10562	21021539	Nguyễn Phúc Sơn	CLC TT23	K66I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10563	21021541	Lê Tiến Thành	CLC TT23	K66I-CN	0	33.500.000		33.500.000	
10564	21021505	Nguyễn Việt Hùng	CLC TT23	K66I-CN	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (TT23)
10565	21020244	Trần Hữu Thành	CLC TT23	K66I-CS1	0	9.600.000		9.600.000	
10566	21020245	Lại Đức Thắng	CLC TT23	K66I-CS1	0	8.000.000		8.000.000	
10567	21020475	Lê Ngọc Nhật Tân	CLC TT23	K66I-CS1	0	11.200.000		11.200.000	
10568	21020519	Bùi Đức Huy	CLC TT23	K66I-CS1	0	800.000		800.000	
10569	21020521	Nguyễn Việt Khánh	CLC TT23	K66I-CS1	0	2.400.000		2.400.000	
10570	21020604	Lê Huy Tuấn Anh	CLC TT23	K66I-CS1	0	2.400.000		2.400.000	
10571	21020616	Đỗ ánh Dương	CLC TT23	K66I-CS1	0	20.700.000		20.700.000	
10572	21020628	Doãn Minh Hoàng	CLC TT23	K66I-CS1	0	2.400.000		2.400.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10573	21020636	Đinh Trung Kiên	CLC TT23	K66I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10574	21020640	Đoàn Bùi Nhật Khánh	CLC TT23	K66I-CS1	0	8.000.000		8.000.000	
10575	21020642	Lê Văn Khoa	CLC TT23	K66I-CS1	0	8.000.000		8.000.000	
10576	21021468	Nguyễn Khánh Duy	CLC TT23	K66I-CS1	27.100.000			27.100.000	Nợ K2/24-25
10577	21021486	Vũ Trường Giang	CLC TT23	K66I-CS1	2.400.000	2.400.000		4.800.000	Nợ 1 phần K2/24-25
10578	21021531	Lê Thế Quang	CLC TT23	K66I-CS1	0	4.800.000		4.800.000	
10579	21021536	Trần Minh Quân	CLC TT23	K66I-CS1	0	4.800.000		4.800.000	
10580	21020164	Ngô Tuấn Anh	CLC TT23	K66I-CS2	0	10.400.000		10.400.000	
10581	21020173	Nguyễn Việt Cường	CLC TT23	K66I-CS2	0	10.400.000		10.400.000	
10582	21020187	Phạm Anh Đức	CLC TT23	K66I-CS2	0	3.200.000		3.200.000	
10583	21020462	Phùng Thành Đạt	CLC TT23	K66I-CS2	0	8.000.000		8.000.000	
10584	21020474	Phùng Việt Phú	CLC TT23	K66I-CS2	0	8.000.000		8.000.000	
10585	21020609	Nguyễn Ngọc Bảo	CLC TT23	K66I-CS2	0	2.400.000		2.400.000	
10586	21020610	Nguyễn Lê Hải Châu	CLC TT23	K66I-CS2	0	8.000.000		8.000.000	
10587	21020662	Lê Bùi Sơn	CLC TT23	K66I-CS2	0	8.000.000		8.000.000	
10588	21020665	Nguyễn Đức Thành	CLC TT23	K66I-CS2	0	8.000.000		8.000.000	
10589	21020666	Nguyễn Trọng Thành	CLC TT23	K66I-CS2	0	4.800.000		4.800.000	
10590	21021466	Lương Đình Dũng	CLC TT23	K66I-CS2	0	8.000.000		8.000.000	
10591	21021499	Võ Huy Hoàng	CLC TT23	K66I-CS2	0	2.400.000		2.400.000	
10592	21021503	Nguyễn Phan Hùng	CLC TT23	K66I-CS2	0	12.800.000		12.800.000	
10593	21021516	Nguyễn Công Mạnh	CLC TT23	K66I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10594	21021518	Nguyễn Công Tuấn Minh	CLC TT23	K66I-CS2	0	8.800.000		8.800.000	
10595	21021547	Nguyễn Hữu Trọng	CLC TT23	K66I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10596	21021549	Hoàng Quốc Tuấn	CLC TT23	K66I-CS2	0	3.200.000		3.200.000	
10597	21020204	Nguyễn Quang Huy	CLC TT23	K66I-CS3	2.400.000			2.400.000	Nợ kỳ hè 24-25
10598	21020220	Đoàn Ngọc Minh	CLC TT23	K66I-CS3	0	2.400.000		2.400.000	
10599	21020608	Lê Trọng Bảo	CLC TT23	K66I-CS3	0	2.400.000		2.400.000	
10600	21020632	Vũ Việt Hoàng	CLC TT23	K66I-CS3	0	10.400.000		10.400.000	
10601	21020663	Lê Quang Tuấn	CLC TT23	K66I-CS3	0	8.000.000		8.000.000	
10602	21020671	Trần Lê Thành Trung	CLC TT23	K66I-CS3	-200.000			-200.000	
10603	21021455	Nguyễn Tiến Bắc	CLC TT23	K66I-CS3	0	8.000.000		8.000.000	
10604	21021473	Phạm Tùng Dương	CLC TT23	K66I-CS3	0	2.400.000		2.400.000	
10605	21021489	Cao Chí Hiếu	CLC TT23	K66I-CS3	0	4.800.000		4.800.000	
10606	21021524	Hà Quang Nhuệ	CLC TT23	K66I-CS3	0	21.500.000		21.500.000	
10607	21021530	Lê Đức Quang	CLC TT23	K66I-CS3	0	12.800.000		12.800.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10608	21020210	Hồ Xuân Khoa	CLC TT23	K66I-IS	0	8.000.000		8.000.000	
10609	21020266	Đặng Thái Hà	CLC TT23	K66I-IS	0	10.400.000		10.400.000	
10610	21020466	Đặng Vũ Quỳnh Hương	CLC TT23	K66I-IS	0	8.000.000		8.000.000	
10611	21021471	Nguyễn Đức Dương	CLC TT23	K66I-IS	0	8.800.000		8.800.000	
10612	21021521	Vũ Đại Minh	CLC TT23	K66I-IS	0	2.400.000		2.400.000	
10613	21020579	Bùi Quang Việt Bách	CLC TT23	K66M-MT1	0	2.400.000		2.400.000	
10614	21020585	Nguyễn Duy Trường Giang	CLC TT23	K66M-MT1	0	11.200.000		11.200.000	
10615	21020590	Hoàng Dương Khôi Nguyên	CLC TT23	K66M-MT1	0	1.600.000		1.600.000	
10616	21020597	Nguyễn Minh Vũ	CLC TT23	K66M-MT1	0	9.600.000		9.600.000	
10617	21021268	Trịnh Hoàng Anh	CLC TT23	K66M-MT1	0	2.400.000		2.400.000	
10618	21021274	Nguyễn Mạnh Dũng	CLC TT23	K66M-MT1	0	14.400.000		14.400.000	
10619	21021276	Bùi Văn Dương	CLC TT23	K66M-MT1	0	6.400.000		6.400.000	
10620	21021278	Nguyễn Huy Dương	CLC TT23	K66M-MT1	0	4.000.000		4.000.000	
10621	21021281	Nguyễn Việt Đan	CLC TT23	K66M-MT1	0	14.400.000		14.400.000	
10622	21021288	Bùi Minh Đức	CLC TT23	K66M-MT2	0	4.800.000		4.800.000	
10623	21021292	Nguyễn Minh Đức	CLC TT23	K66M-MT2	0	7.344.000		7.344.000	
10624	21021322	Trần Duy Hưng	CLC TT23	K66M-MT2	0	15.200.000		15.200.000	
10625	21021336	Nguyễn Đức Long	CLC TT23	K66M-MT2	0	31.100.000		31.100.000	
10626	21021340	Lê Vũ Đức Mạnh	CLC TT23	K66M-MT2	0	7.200.000		7.200.000	
10627	21021350	Nguyễn Kiều Phong	CLC TT23	K66M-MT2	0	15.200.000		15.200.000	
10628	21021354	Hoàng Việt Quang	CLC TT23	K66M-MT2	0	23.900.000		23.900.000	
10629	21021360	Bùi Công Sơn	CLC TT23	K66M-MT2	0	21.500.000		21.500.000	
10630	21021384	Phạm Quang Tú	CLC TT23	K66M-MT2	0	7.200.000		7.200.000	
10631	21021671	Bùi Bảo Tín	CLC TT23	K66M-MT2	0	2.400.000		2.400.000	Giảm 70%HP (TT23)
10632	21021285	Phạm Tiến Đạt	CLC TT23	K66M-MT3	0	4.000.000		4.000.000	
10633	21021299	Nguyễn Minh Hiền	CLC TT23	K66M-MT3	0	7.200.000		7.200.000	
10634	21021305	Nguyễn Tiến Hiếu	CLC TT23	K66M-MT3	0	12.000.000		12.000.000	
10635	21021309	Trương Huy Hoàng	CLC TT23	K66M-MT3	-800.000			-800.000	
10636	21021337	Phạm Thành Long	CLC TT23	K66M-MT3	0	5.600.000		5.600.000	
10637	21021347	Văn Tiến Nam	CLC TT23	K66M-MT3	0	1.600.000		1.600.000	
10638	21021383	Nguyễn Việt Tú	CLC TT23	K66M-MT3	0	6.400.000		6.400.000	
10639	21021385	Đinh Thái Tuấn	CLC TT23	K66M-MT3	0	9.600.000		9.600.000	
10640	21021351	Lê Minh Phương	CLC TT23	K66M-MT3	0	8.000.000		8.000.000	Miễn HP (TT23)
10641	22027166	Nguyễn Thành Vinh	CLC TT23	K67E-EC	0	20.700.000		20.700.000	
10642	22029000	Nguyễn Chí Nguyên	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10643	22029001	Nguyễn Quang Thái	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10644	22029002	Trương Văn Nam	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10645	22029003	Nguyễn Minh Đức	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10646	22029004	Nguyễn Quang Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	23.100.000		23.100.000	
10647	22029005	Lê Hồng Phúc	CLC TT23	K67E-EC	0	24.700.000		24.700.000	
10648	22029006	Nguyễn Hữu Nam	CLC TT23	K67E-EC	0	19.100.000		19.100.000	
10649	22029008	Phùng Tuấn Kiệt	CLC TT23	K67E-EC	0	23.100.000		23.100.000	
10650	22029009	Lê Tuấn Ngọc	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10651	22029010	Hoàng Đức Kiên	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10652	22029011	Nguyễn Thế Dũng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10653	22029012	Nguyễn Công Hải	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10654	22029013	Khuất Nguyễn Diệu Trang	CLC TT23	K67E-EC	0	19.100.000		19.100.000	
10655	22029016	Đỗ Việt Hải	CLC TT23	K67E-EC	0	24.700.000		24.700.000	
10656	22029018	Dương Nhật Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	24.700.000		24.700.000	
10657	22029019	Mai Đức Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10658	22029020	Trịnh Thành Thiên	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10659	22029021	Hoàng Tuấn Hưng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10660	22029022	Lê Anh Tuấn	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10661	22029023	Vũ Ngọc Duy	CLC TT23	K67E-EC	0	20.700.000		20.700.000	
10662	22029024	Thiều Việt Tuấn Khanh	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10663	22029025	Nguyễn Ngọc Đại	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10664	22029026	Nguyễn Đức Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	32.700.000		32.700.000	
10665	22029027	Nguyễn Công Huy	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10666	22029028	Nguyễn Việt Quang	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10667	22029029	Nguyễn Quang An	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10668	22029030	Lê Thế Hiền	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10669	22029031	Cao Quang Vinh	CLC TT23	K67E-EC	0	20.700.000		20.700.000	
10670	22029032	Ngô Tuấn Hưng	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10671	22029033	Dương Kiến Quốc	CLC TT23	K67E-EC	0	25.500.000		25.500.000	
10672	22029034	Trần Trung Đức	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10673	22029035	Đàm Nhật Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10674	22029036	Lê Hoài Nam	CLC TT23	K67E-EC	0	19.100.000		19.100.000	
10675	22029037	Ngô Quang Tăng	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10676	22029038	Ngô Thành Tiến	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10677	22029039	Nguyễn Đình An	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10678	22029040	Dương Thị Huệ	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10679	22029041	Lê Trần Anh Dũng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10680	22029042	Bùi Duy Anh	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10681	22029043	Nguyễn Huy Hoàng	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10682	22029044	Phạm Đan Trường	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10683	22029045	Phạm Văn Chiến	CLC TT23	K67E-EC	0	20.700.000		20.700.000	
10684	22029046	Phùng Thị Linh	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10685	22029047	Nguyễn Thị Mai Chi	CLC TT23	K67E-EC	0	23.100.000		23.100.000	
10686	22029048	Nguyễn Thị Trang	CLC TT23	K67E-EC	0	21.500.000		21.500.000	
10687	22029049	Lê Quang Huy	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10688	22029050	Nguyễn Quốc Huy	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10689	22029051	Hoàng Nhật Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10690	22029052	Nguyễn Việt Hoàng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10691	22029053	Nguyễn Tuấn Anh	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10692	22029054	Ngô Anh Sơn	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10693	22029055	Phạm Anh Tú	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10694	22029056	Ngô Nhật Long	CLC TT23	K67E-EC	0	27.100.000		27.100.000	
10695	22029057	Nguyễn Việt Anh	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10696	22029058	Chu Tâm Vũ	CLC TT23	K67E-EC	0	19.100.000		19.100.000	
10697	22029059	Phạm Khôi Nguyên	CLC TT23	K67E-EC	0	23.100.000		23.100.000	
10698	22029060	Nguyễn Phan Anh	CLC TT23	K67E-EC	0	24.700.000		24.700.000	
10699	22029061	Nguyễn Hoàng Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10700	22029062	Phùng Quốc Việt	CLC TT23	K67E-EC	0	25.500.000		25.500.000	
10701	22029063	Nguyễn Hoàng Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10702	22029064	Tạ Thị Huyền Trang	CLC TT23	K67E-EC	0	20.700.000		20.700.000	
10703	22029065	Đinh Xuân Hải	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10704	22029066	Khương Duy	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10705	22029067	Phạm Đức Vượng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10706	22029068	Nguyễn Việt Dũng	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10707	22029069	Lê Duy Long	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10708	22029071	Trần Duy Long	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10709	22029072	Nguyễn Hồng Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	21.500.000		21.500.000	
10710	22029073	Hứa Huyền Thu	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10711	22029074	Phạm Duy Mạnh	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10712	22029075	Đinh Thái Phong	CLC TT23	K67E-EC	0	20.700.000		20.700.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10713	22029076	Đặng Xuân Chung	CLC TT23	K67E-EC	0	18.300.000		18.300.000	
10714	22029077	Vũ Hải Đăng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10715	22029078	Phạm Huy Bằng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10716	22029079	Đào Thu Hoài	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10717	22029081	Mai Đức Hiệp	CLC TT23	K67E-EC	0	24.700.000		24.700.000	
10718	22029082	Lê Quang Tuấn	CLC TT23	K67E-EC	100.000	24.700.000		24.800.000	Nợ 1 phần K2/24-25
10719	22029083	Đặng Ngọc Giáp	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10720	22029084	Nguyễn Nhật Anh	CLC TT23	K67E-EC	0	19.100.000		19.100.000	
10721	22029085	Phạm Minh Đức	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10722	22029086	Vũ Công Hoan	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10723	22029087	Trần Quang Huy	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10724	22029088	Vũ Đức Hiếu	CLC TT23	K67E-EC	0	23.100.000		23.100.000	
10725	22029089	Đỗ Hoàng Long	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10726	22029090	Nguyễn Xuân Giang	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10727	22029091	Tào Mạnh Đức	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10728	22029092	Nguyễn Ngọc Dương	CLC TT23	K67E-EC	1.700.000	17.500.000		19.200.000	Nợ kỳ hè 24-25
10729	22029093	Phạm Mạnh Kiên	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10730	22029094	Phạm Yến Nhi	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10731	22029096	Phan Như Vũ Marcel	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10732	22029097	Đỗ Thành Lập	CLC TT23	K67E-EC	0	25.500.000		25.500.000	
10733	22029098	Đoàn Quốc Huy	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10734	22029099	Nguyễn Minh Trí	CLC TT23	K67E-EC	0	20.700.000		20.700.000	
10735	22029100	Vũ Hải Đăng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10736	22029101	Lê Hiền Vinh	CLC TT23	K67E-EC	0	19.900.000		19.900.000	
10737	22029102	Đào Đình Thảo	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10738	22029103	Nguyễn Trọng Diễm	CLC TT23	K67E-EC	0	23.900.000		23.900.000	
10739	22029104	Đặng Tùng Sơn	CLC TT23	K67E-EC	0	21.500.000		21.500.000	
10740	22029105	Nguyễn Văn Chiến	CLC TT23	K67E-EC	0	22.300.000		22.300.000	
10741	22029106	Nguyễn Trương Dũng	CLC TT23	K67E-EC	0	17.500.000		17.500.000	
10742	22029014	Hà Đức Minh	CLC TT23	K67E-EC	0	11.200.000		11.200.000	Miễn HP (TT23)
10743	22029095	Trần Tuấn Hưng	CLC TT23	K67E-EC	0	14.225.000		14.225.000	Giảm 50%HP (TT23)
10744	22025500	Bùi Tuấn Minh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10745	22025501	Đỗ Trí Dũng	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10746	22025502	Bùi Thành Lộc	CLC TT23	K67I-CN	0	19.900.000		19.900.000	
10747	22025504	Phan Vũ Liêm	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10748	22025505	Vũ Khánh Duy	CLC TT23	K67I-CN	0	19.100.000		19.100.000	
10749	22025506	Đình Nhật Minh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10750	22025507	Nguyễn Thanh Tùng	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10751	22025508	Hoàng Minh Nghĩa	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10752	22025509	Trần Đức Anh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10753	22025510	Nguyễn Thị Ngọc Mai	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10754	22025511	Hoàng Đức Duy	CLC TT23	K67I-CN	0	19.900.000		19.900.000	
10755	22025512	Phạm Thị Thùy Linh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10756	22025513	Nguyễn Hoàng Đông	CLC TT23	K67I-CN	0	27.100.000		27.100.000	
10757	22025514	Nguyễn Gia Bảo	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10758	22025515	Vũ Tuấn Hùng	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10759	22025516	Đình Hồng Khanh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10760	22025517	Nguyễn Minh Châu	CLC TT23	K67I-CN	0	21.100.000		21.100.000	
10761	22025518	Phạm Xuân Dương	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10762	22025519	Trần Đăng Quang	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10763	22025520	Trần Khánh Duy	CLC TT23	K67I-CN	0	19.900.000		19.900.000	
10764	22025521	Vũ Khánh Đạt	CLC TT23	K67I-CN	0	22.300.000		22.300.000	
10765	22025522	Võ Trọng Dân	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10766	22025523	Nguyễn Tuấn Khoa	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10767	22025524	Nguyễn Huy Trà	CLC TT23	K67I-CN	0	19.100.000		19.100.000	
10768	22025525	Phạm Quang Anh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10769	22025526	Nguyễn Tấn Khôi	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10770	22025527	Nguyễn Hoàng Gia Huy	CLC TT23	K67I-CN	0	27.900.000		27.900.000	
10771	22025529	Nguyễn Viết Thành An	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10772	22025531	Vũ Thu Huyền	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10773	22025532	Trần Diệu Quỳnh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10774	22025533	Dương Việt Hoàng	CLC TT23	K67I-CN	0	23.100.000		23.100.000	
10775	22025534	Nguyễn Thanh Hưng	CLC TT23	K67I-CN	0	25.500.000		25.500.000	
10776	22025535	Phan Khánh Huyền	CLC TT23	K67I-CN	0	19.900.000		19.900.000	
10777	22025538	Trần Gia Bảo	CLC TT23	K67I-CN	0	19.100.000		19.100.000	
10778	22025539	Phạm Gia Bách	CLC TT23	K67I-CN	0	19.100.000		19.100.000	
10779	22025540	Phương Danh Duy	CLC TT23	K67I-CN	0	23.900.000		23.900.000	
10780	22025543	Vũ Thị Ngọc Thanh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10781	22025545	Phan Thị Thùy Linh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10782	22025546	Bùi Vũ Hải Anh	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10783	22027547	Bùi Tiến Thành	CLC TT23	K67I-CN	0	17.500.000		17.500.000	
10784	22025530	Nguyễn Bảo Ngọc	CLC TT23	K67I-CN	0	7.025.000		7.025.000	Giảm 50%HP (TT23)
10785	22025537	Nguyễn Quang Anh	CLC TT23	K67I-CN	0	7.025.000		7.025.000	Giảm 50%HP (TT23)
10786	22028006	Lê Việt Hoàng	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.100.000		19.100.000	
10787	22028008	Nguyễn Huy Minh	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.900.000		19.900.000	
10788	22028009	Tạ Xuân Duy	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10789	22028013	Lê Hoàng Lan	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10790	22028025	Hà Đức Hùng	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10791	22028030	Nguyễn Duy Khánh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10792	22028039	Hoàng Minh Đức	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10793	22028049	Trần Ngọc Huy	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10794	22028050	Võ Tá Thành	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10795	22028053	Tạ Việt Anh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10796	22028062	Đỗ Khôi Nguyên	CLC TT23	K67I-CS1	0	20.700.000		20.700.000	
10797	22028066	Đinh Chí Kiên	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10798	22028068	Nguyễn Anh Vũ	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10799	22028069	Triệu Việt Hùng	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10800	22028076	Nguyễn Hữu Dũng	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10801	22028082	Mai Tiến Huy	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.900.000		19.900.000	
10802	22028091	Phạm Ngọc Thạch Hà	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.900.000		19.900.000	
10803	22028098	Phan Nguyễn An Hưng	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10804	22028102	Nguyễn Hữu Tân	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10805	22028104	Chu Huy Quang	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10806	22028117	Nguyễn Minh Hùng	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10807	22028119	Nguyễn Thái Huy	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10808	22028123	Trần Anh Tuấn	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10809	22028126	Nguyễn Huy Tú	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10810	22028127	Nguyễn Hoàng Sơn	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10811	22028133	Dương Công Đạt	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.100.000		19.100.000	
10812	22028135	Tô Phú Cường	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10813	22028137	Lương Anh Tuấn	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10814	22028140	Hoàng Anh Minh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10815	22028146	Nguyễn Hữu Quang	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10816	22028147	Nguyễn Hồ Bắc	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10817	22028152	Lê Đức Mạnh	CLC TT23	K67I-CS1	0	20.700.000		20.700.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10818	22028163	Nguyễn Bá Thịnh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10819	22028164	Lâm Nguyễn Duy Phong	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10820	22028174	Nguyễn Tiến Trung	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10821	22028175	Bùi Quốc Khánh	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.900.000		19.900.000	
10822	22028177	Nguyễn Hải Nam	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10823	22028179	Đặng Đào Xuân Trúc	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10824	22028184	Nguyễn Hữu Đức	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10825	22028192	Nguyễn Tiến Tạo	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10826	22028200	Nguyễn Quang Cảnh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10827	22028210	Trần Thái An	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10828	22028216	Nguyễn Việt Bách	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.900.000		19.900.000	
10829	22028220	Vũ Tuấn Kiệt	CLC TT23	K67I-CS1	-1.600.000	21.500.000		19.900.000	Nộp thừa kỳ hè 24-25
10830	22028221	Đào Đình Hiếu	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10831	22028224	Lê Thị Diệu Thúy	CLC TT23	K67I-CS1	0	20.700.000		20.700.000	
10832	22028226	Nguyễn Đàm Kiên	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10833	22028227	Văn Huy Luân	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10834	22028236	Nguyễn Quốc Đạt	CLC TT23	K67I-CS1	0	23.900.000		23.900.000	
10835	22028247	Trần Long Hải	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10836	22028248	Khuất Tuấn Anh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10837	22028250	Phan Đức Quân	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10838	22028252	Nguyễn Thanh Trà	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10839	22028253	Vũ Tú Quỳnh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10840	22028255	Mai Ngọc Duy	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.900.000		19.900.000	
10841	22028257	Nguyễn Xuân Anh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10842	22028262	Bùi Minh Nhật	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.100.000		19.100.000	
10843	22028264	Nguyễn Duy Hưng	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10844	22028266	Tổng Vũ Hoàng	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10845	22028273	Trần Đại Dương	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10846	22028277	Kiều Đức Long	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.100.000		19.100.000	
10847	22028279	Nguyễn Đình Tuấn Anh	CLC TT23	K67I-CS1	0	20.700.000		20.700.000	
10848	22028281	Nguyễn Văn Lên	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10849	22028284	Phạm Quang Phúc	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10850	22028287	Đình Tuấn Hiệp	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10851	22028289	Nguyễn Trung Hiếu	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10852	22028293	Hoàng Duy Hưng	CLC TT23	K67I-CS1	0	27.100.000		27.100.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10853	22028301	Đồng Tự Nguyên A	CLC TT23	K67I-CS1	-3.200.000	20.700.000		17.500.000	Nộp thừa K2/24-25
10854	22028305	Đoàn Đức Thành	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10855	22028306	Đinh Xuân Hòa	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10856	22028309	Vũ Văn Phong	CLC TT23	K67I-CS1	0	19.900.000		19.900.000	
10857	22028310	Nguyễn Tuấn Anh	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10858	22028315	Đoàn Minh Quân	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10859	22028317	Trương Sỹ Đạt	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10860	22028318	Lê Sĩ Toàn	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10861	22028321	Đỗ Hoàng Việt	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10862	22028335	Dương Gia Huấn	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10863	22028336	KIM CHAE YEON	CLC TT23	K67I-CS1	0	17.500.000		17.500.000	
10864	22028037	Trịnh Ngọc Chiến	CLC TT23	K67I-CS1	0	0		0	Miễn HP (TT23)
10865	22028203	Đặng Mạnh Cường	CLC TT23	K67I-CS1	0	4.625.000		4.625.000	Giảm 50%HP (TT23)
10866	22028014	Trần Hoàng Vũ	CLC TT23	K67I-CS2	0	20.700.000		20.700.000	
10867	22028015	Cao Đức Chung	CLC TT23	K67I-CS2	1.600.000	17.500.000		19.100.000	Nợ 1 phần K2/24-25
10868	22028018	Nguyễn Việt Hùng	CLC TT23	K67I-CS2	0	20.700.000		20.700.000	
10869	22028019	Hoàng Minh Quân	CLC TT23	K67I-CS2	0	23.900.000		23.900.000	
10870	22028020	Nguyễn Văn Sơn	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10871	22028021	Dương Anh Tú	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10872	22028022	Hoàng Đăng Khải	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10873	22028026	Đàm Quang Đạt	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10874	22028029	Nguyễn Trung Hiếu	CLC TT23	K67I-CS2	0	28.700.000		28.700.000	
10875	22028032	Nguyễn Khôi Nguyên	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10876	22028040	Lê Văn Lương	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10877	22028042	Ngô Lê Hoàng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10878	22028043	Nguyễn Tiến Đạt	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10879	22028046	Hoàng Kim Chi	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10880	22028051	Hoàng Đức Minh	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10881	22028054	Đặng Hoàng Minh Nghĩa	CLC TT23	K67I-CS2	0	27.100.000		27.100.000	
10882	22028056	Trần Đình Phú	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10883	22028060	Trần Hữu ánh Bằng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10884	22028061	Trần Thái Dương	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10885	22028071	Bùi Đức Anh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10886	22028073	Trần Trọng Thịnh	CLC TT23	K67I-CS2	0	22.300.000		22.300.000	
10887	22028074	Nguyễn Hoàng Anh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10888	22028079	Vũ Nguyệt Hằng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10889	22028090	Dương Quốc Khánh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10890	22028092	Ngô Tùng Lâm	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10891	22028094	Trần Quang Huy	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10892	22028096	Nhâm Ngọc Đức	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10893	22028107	Bồ Quốc Trung	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10894	22028111	Hà Tiến Đông	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10895	22028115	Hoàng Duy Hưng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10896	22028124	Vũ Việt Hùng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10897	22028125	Nguyễn Minh Dũng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10898	22028129	Tăng Vinh Hà	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10899	22028142	Nguyễn Ngọc Hưng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10900	22028143	Nguyễn Thành Huy	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10901	22028144	Mai Anh Tuấn	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10902	22028148	Nguyễn Công Minh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10903	22028151	Nguyễn Thị Lan Hương	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10904	22028153	Nguyễn Thức Hoàn	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10905	22028160	Nguyễn Sỹ Tân	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10906	22028161	Nguyễn Duy Anh Quốc	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10907	22028162	Lê Thị Hải Anh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10908	22028168	Trần Minh Tuấn	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10909	22028169	Đỗ Đình Dũng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10910	22028170	Tổng Quang Trung	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10911	22028171	Nguyễn Mạnh Quân	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10912	22028172	Lê Xuân Hùng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10913	22028183	Trần Huy Hoàng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10914	22028195	Trần Thế Mạnh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10915	22028196	Nguyễn Đức Khánh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10916	22028197	Nguyễn Bá Duy	CLC TT23	K67I-CS2	0	23.100.000		23.100.000	
10917	22028198	Đỗ Minh Quang	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10918	22028199	Đỗ Đức Cường	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10919	22028202	Lương Thị Linh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10920	22028211	Đoàn Trung Kiên	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10921	22028212	Nguyễn Văn Bản	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10922	22028214	Bùi Thị Huyền Tâm	CLC TT23	K67I-CS2	0	20.700.000		20.700.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10923	22028217	Hoàng Hữu Phước	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10924	22028225	Phạm Mai Anh	CLC TT23	K67I-CS2	0	20.700.000		20.700.000	
10925	22028228	Trần Duy Tuấn Anh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10926	22028230	Nguyễn Tuấn Dương	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10927	22028238	Phan Anh Tú	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10928	22028254	Nguyễn Thị Thu Trang	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10929	22028261	Vũ Ninh Giang	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10930	22028267	Lê Minh Đức	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10931	22028272	Nguyễn Nhật Phong	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10932	22028276	Nguyễn Bảo Long	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10933	22028285	Nguyễn Đức Kiên	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10934	22028295	Lại Hoàng Hiệp	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10935	22028302	Trần Thị Thúy	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10936	22028303	Nguyễn Tuấn Anh	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10937	22028313	Lê Văn Thắng	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10938	22028319	Nguyễn Chí Huy	CLC TT23	K67I-CS2	0	19.900.000		19.900.000	
10939	22028326	Đào Thị Bình An	CLC TT23	K67I-CS2	0	17.500.000		17.500.000	
10940	22028093	Chu Quang Cần	CLC TT23	K67I-CS2	0	0		0	Miễn HP (TT23)
10941	22028298	Nguyễn Đức Phát	CLC TT23	K67I-CS2	0	0		0	Miễn HP (TT23)
10942	22028304	Lê Trung Hiếu	CLC TT23	K67I-CS2	0	0		0	Miễn HP (TT23)
10943	22028307	Nguyễn Nhật Quang	CLC TT23	K67I-CS2	0	0		0	Miễn HP (TT23)
10944	22028259	Hoàng Đức Dương	CLC TT23	K67I-CS2	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (TT23)
10945	22028005	Phạm Hoàng Hiệp	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10946	22028024	Trương Minh Phước	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10947	22028027	Tạ Việt Hùng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10948	22028035	Hoàng Xuân Trường	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.900.000		19.900.000	
10949	22028036	Khổng Quang Huy	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10950	22028041	Lê Văn Đức	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10951	22028048	Lê Hoàng Minh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10952	22028057	Lâm Hoàng Hải	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10953	22028064	Đặng Quốc Anh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10954	22028072	Phạm Đức Lâm	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10955	22028075	Nguyễn Chí Trung	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10956	22028078	Nguyễn Ngọc Linh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10957	22028080	Vương Thị Thu Trang	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10958	22028084	Nguyễn Hoàng Giang	CLC TT23	K67I-CS3	0	21.500.000		21.500.000	
10959	22028086	Đinh Hồng Phúc	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10960	22028087	Nguyễn Trần Công Hoàng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10961	22028095	Bùi Quang Minh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10962	22028099	Phạm Văn Anh	CLC TT23	K67I-CS3	0	24.700.000		24.700.000	
10963	22028101	Lê Thế Hiền	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10964	22028103	Lê Quang Hưng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10965	22028105	Trần Anh Khoa	CLC TT23	K67I-CS3	0	29.500.000		29.500.000	
10966	22028108	Nguyễn Thành Phát	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10967	22028110	Võ Quốc Huy	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.100.000		19.100.000	
10968	22028114	Nguyễn Thị Thanh Nhân	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10969	22028116	Vũ Thị Minh Thư	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10970	22028118	Nguyễn Văn Hưng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10971	22028120	Đinh Công Tú	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10972	22028128	Nguyễn Thị Văn Anh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10973	22028130	Nguyễn Hoàng Quân	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.100.000		19.100.000	
10974	22028131	Lê Xuân An	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.900.000		17.900.000	
10975	22028132	Hoàng Linh Chi	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10976	22028134	Nguyễn Phạm Việt Quang	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10977	22028138	Khúc Gia Khánh	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.100.000		19.100.000	
10978	22028141	Trần Thị Hoa Mai	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10979	22028145	Bùi Thị Ngọc ánh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10980	22028149	Nguyễn Đăng Việt Tuấn	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10981	22028155	Nguyễn Hữu Thế	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10982	22028156	Nguyễn Văn Ngọc Bảo	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10983	22028166	Đinh Ngọc Đức	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10984	22028180	Nguyễn Hữu Tiến	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10985	22028181	Đỗ Trung Kiên	CLC TT23	K67I-CS3	0	22.300.000		22.300.000	
10986	22028185	Phạm Trung Kiên	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10987	22028186	Đường Minh Hoàng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10988	22028188	Hoàng Văn Dũng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10989	22028190	Lê Minh Quý	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.900.000		19.900.000	
10990	22028191	Nguyễn Đức Huy	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.100.000		19.100.000	
10991	22028193	Bùi Thế Công	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10992	22028194	Nguyễn Văn Thuận	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
10993	22028201	Trương Thị Xuân Sang	CLC TT23	K67I-CS3	0	20.700.000		20.700.000	
10994	22028215	Nguyễn Đức Duy	CLC TT23	K67I-CS3	0	20.700.000		20.700.000	
10995	22028219	Nhữ Trọng Thành	CLC TT23	K67I-CS3	0	21.500.000		21.500.000	
10996	22028222	Lê Thành Doanh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10997	22028229	Nguyễn Quang Dũng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10998	22028231	Nguyễn Viết Phong	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
10999	22028232	Nguyễn Chí Nghĩa	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11000	22028234	Bùi Quang Tùng	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11001	22028237	Phạm Hữu Huy	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11002	22028239	Phạm Công Minh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11003	22028240	Đỗ Tiến Đạt	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11004	22028244	Trần Lương Minh Đức	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.900.000		19.900.000	
11005	22028256	Tô Phan Tú	CLC TT23	K67I-CS3	0	21.500.000		21.500.000	
11006	22028260	Kiều Minh Quang	CLC TT23	K67I-CS3	0	23.900.000		23.900.000	
11007	22028268	Ngô Hải Anh	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11008	22028274	Phan Công Dương	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11009	22028275	Nguyễn Thành Đạt	CLC TT23	K67I-CS3	0	23.100.000		23.100.000	
11010	22028278	Nguyễn Đỗ Quang Đại	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.900.000		19.900.000	
11011	22028280	Ngô Duy Hiếu	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11012	22028282	Nguyễn Thu Hà	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.100.000		19.100.000	
11013	22028283	Lê Minh Dương	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11014	22028290	Nguyễn Minh Quân	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11015	22028292	Đào Thị Thu Hường	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.900.000		19.900.000	
11016	22028296	Phạm Quý Sơn	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11017	22028299	Nguyễn Quang Khải	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11018	22028300	Hoàng Minh Quân	CLC TT23	K67I-CS3	0	19.500.000		19.500.000	
11019	22028314	Trương Minh Việt	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11020	22028322	Lê Thị Minh Tâm	CLC TT23	K67I-CS3	0	17.500.000		17.500.000	
11021	22028327	Nguyễn Mạnh Cường	CLC TT23	K67I-CS3	0	20.700.000		20.700.000	
11022	22028176	Mã Nguyễn Khánh Hùng	CLC TT23	K67I-CS3	0	2.775.000		2.775.000	Giảm 70%HP (TT23)
11023	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11024	22028012	Đỗ Trung Kiên	CLC TT23	K67I-CS4	17.500.000	17.500.000		35.000.000	Nợ K2/24-25
11025	22028016	Bùi Hồng Quân	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11026	22028017	Nguyễn Bảo Dung	CLC TT23	K67I-CS4	0	19.900.000		19.900.000	
11027	22028028	Khổng Mạnh Tuấn	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11028	22028031	Quản Xuân Trường	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11029	22028033	Đào Huy Hùng	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11030	22028034	Hà Trường Giang	CLC TT23	K67I-CS4	0	22.300.000		22.300.000	
11031	22028038	Đỗ Quang Minh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11032	22028052	Nguyễn Công Khanh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11033	22028058	Dương Tuấn Kiệt	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11034	22028059	Hoàng Minh Phúc	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11035	22028063	Phùng Đức Anh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11036	22028065	Cao Chí Kiên	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11037	22028067	Kiều Minh Khuê	CLC TT23	K67I-CS4	0	20.700.000		20.700.000	
11038	22028070	Nguyễn Tiến Quân	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11039	22028077	Nguyễn Quang Huy	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11040	22028081	Trần Tuấn Phong	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11041	22028083	Lê Quyết Chiến	CLC TT23	K67I-CS4	0	21.500.000		21.500.000	
11042	22028089	Lê Thế Phương Minh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11043	22028100	Nguyễn Duy Đức	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11044	22028113	Nguyễn Thành Đạo	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11045	22028121	Đồng Quang Duy Hưng	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11046	22028122	Nguyễn Việt Hoàng	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11047	22028136	Nguyễn Đình Tuấn Anh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11048	22028139	Hà Văn Đức	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11049	22028150	Lê Bá Hoàng	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11050	22028154	Võ Lê Hiếu	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11051	22028157	Nguyễn Đăng Thành Vinh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11052	22028158	Hồ Văn Tiến Mạnh	CLC TT23	K67I-CS4	0	19.900.000		19.900.000	
11053	22028159	Nguyễn Đình Tú	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11054	22028165	Lê Đắc Minh Trí	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11055	22028167	Hoàng Văn Phi	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11056	22028173	Nguyễn Tự Cường	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11057	22028178	Nguyễn Đức Hiền	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11058	22028182	Nguyễn Văn Thiện	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11059	22028187	Trần Bình Minh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11060	22028189	Lê Thành Đạt	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11061	22028204	Lê Anh Dũng	CLC TT23	K67I-CS4	-2.400.000	17.500.000		15.100.000	Dư HP theo QĐ 2036
11062	22028205	Phạm Tất Thành	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11063	22028206	Trần Văn Hiệp	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11064	22028207	Trần Đức Tâm	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11065	22028208	Phạm Văn Toàn	CLC TT23	K67I-CS4	0	26.300.000		26.300.000	
11066	22028209	Nguyễn Quang Tuấn	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11067	22028213	Đỗ Thái Sơn	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11068	22028218	Phạm Tuấn Đạt	CLC TT23	K67I-CS4	0	19.900.000		19.900.000	
11069	22028223	Mai Quang Huy	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11070	22028235	Vũ Tùng Lâm	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11071	22028241	Nguyễn Mạnh Quỳnh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11072	22028242	Tạ Hải An	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11073	22028243	Hoàng Duy Anh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11074	22028245	Trần Văn Sơn	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11075	22028246	Nguyễn Mạnh Hùng	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11076	22028249	Nguyễn Văn Nhất	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11077	22028251	Nguyễn Thành Long	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11078	22028258	Đàm Việt Cường	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11079	22028263	Nguyễn Hồng Quang	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11080	22028265	Nguyễn Quốc Hải	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.900.000		17.900.000	
11081	22028269	Phạm Ngọc Linh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11082	22028271	Phạm Xuân Huy	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.900.000		17.900.000	
11083	22028286	Nguyễn Hữu Phương	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11084	22028288	Lưu Khải Hưng	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11085	22028294	Nguyễn Hùng Minh	CLC TT23	K67I-CS4	0	27.100.000		27.100.000	
11086	22028297	Trần Thu Thủy	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11087	22028311	Lê Xuân Nam Khánh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11088	22028316	Nguyễn Đức Quân	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11089	22028320	Nguyễn Đình Nghĩa	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11090	22028323	Nguyễn Thị Huyền Thương	CLC TT23	K67I-CS4	0	23.100.000		23.100.000	
11091	22028325	Nguyễn Trần Phương Hà	CLC TT23	K67I-CS4	0	23.900.000		23.900.000	
11092	22028329	Vương Nguyệt Bình	CLC TT23	K67I-CS4	0	19.900.000		19.900.000	
11093	22028330	Nguyễn Trần Tuấn Anh	CLC TT23	K67I-CS4	0	25.500.000		25.500.000	
11094	22028331	Nguyễn Việt Hưng	CLC TT23	K67I-CS4	0	23.100.000		23.100.000	
11095	22028332	Nguyễn Phương Anh	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11096	22028334	Trần ánh Dương	CLC TT23	K67I-CS4	0	17.500.000		17.500.000	
11097	22028328	Nguyễn Nho Hiếu	CLC TT23	K67I-CS4	0	8.800.000		8.800.000	Miễn HP (TT23)

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11098	22028270	Nguyễn Quang Trung	CLC TT23	K67I-CS4	0	21.175.000		21.175.000	Giảm 70%HP (TT23)
11099	22024500	Lê Minh Tâm	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11100	22024501	Nguyễn Khắc An	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11101	22024502	Hồ Trung Hiếu	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11102	22024503	Phùng Khôi Nguyên	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11103	22024504	Nguyễn Đức Mạnh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11104	22024505	Nguyễn Hà Linh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11105	22024506	Lê Xuân Bách	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11106	22024508	Trần Vỹ Anh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11107	22024510	Lê Ngọc Quang	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11108	22024511	Trần Minh Khanh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11109	22024512	Nguyễn Duy Anh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11110	22024513	Lưu Quý Lân	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11111	22024514	Mạc Minh Duy	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11112	22024515	Hồ Nguyên Lượng	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11113	22024516	Nguyễn Thị Thanh Lam	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11114	22024517	Hoàng Thu Hiếu	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11115	22024518	Nguyễn Tuấn Đạt	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11116	22024519	Nguyễn Tuấn Hưng	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11117	22024520	Lê Hồng Triệu	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11118	22024521	Lưu Quang Khải	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11119	22024522	Trần Hoàng Lương	CLC TT23	K67I-IS	0	20.700.000		20.700.000	
11120	22024523	Nguyễn Thị ánh Tuyết	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11121	22024524	Ngô Ngọc ánh	CLC TT23	K67I-IS	0	23.900.000		23.900.000	
11122	22024525	Phạm Thị Tùng Chi	CLC TT23	K67I-IS	0	20.700.000		20.700.000	
11123	22024526	Ngô Mạnh Tiến	CLC TT23	K67I-IS	0	26.300.000		26.300.000	
11124	22024527	Nguyễn Tiến Trung	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11125	22024528	Nguyễn Đức Huy	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11126	22024529	Phan Tiến Đạt	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11127	22024530	Đỗ Trần Văn Anh	CLC TT23	K67I-IS	0	19.900.000		19.900.000	
11128	22024531	Phạm Tiến Sơn	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11129	22024532	Nguyễn Đăng Hải	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11130	22024533	Nguyễn Quý Dương	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11131	22024535	Đoàn Ngọc Hiếu	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11132	22024536	Nguyễn Anh Đức	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11133	22024538	Trần Hữu Mạnh	CLC TT23	K67I-IS	0	20.700.000		20.700.000	
11134	22024539	Vũ Hải Long	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11135	22024540	Nguyễn Đức Minh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11136	22024541	Đỗ Tuấn Thành	CLC TT23	K67I-IS	0	19.900.000		19.900.000	
11137	22024542	Nguyễn Duy Anh	CLC TT23	K67I-IS	0	19.900.000		19.900.000	
11138	22024544	Lê Đức Thịnh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11139	22024545	Hoàng Bảo An	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11140	22024546	Lê Tuấn Kiệt	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11141	22024547	Nguyễn Quang Minh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11142	22024548	Phạm Thu Trang	CLC TT23	K67I-IS	0	19.900.000		19.900.000	
11143	22024549	Nguyễn Thị Hương	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11144	22024551	Hoàng Văn Lộc	CLC TT23	K67I-IS	0	31.100.000		31.100.000	
11145	22024552	Hà Đăng Long	CLC TT23	K67I-IS	0	19.900.000		19.900.000	
11146	22024553	Nguyễn Trung Nguyên	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11147	22024554	Nguyễn Tuấn Dũng	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11148	22024555	Nguyễn Hoàng Phúc	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11149	22024556	Hoàng Bảo Long	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11150	22024558	Lương Gia Khánh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11151	22024559	Lê Hoàng Linh	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11152	22024560	Đỗ Quang Trung	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11153	22024561	Phạm Văn Đức	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11154	22024562	Phạm Thế Duyệt	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11155	22024564	Lê Quốc Anh	CLC TT23	K67I-IS	0	19.900.000		19.900.000	
11156	22024565	Lê Văn Hoàng Khang	CLC TT23	K67I-IS	0	23.100.000		23.100.000	
11157	22024566	Phan Đức Hùng	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11158	22024567	Hoàng Linh	CLC TT23	K67I-IS	0	20.700.000		20.700.000	
11159	22024568	Nguyễn Đăng Nam Phong	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11160	22024569	Nguyễn Thị Hồng Nhung	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11161	22024570	Hồ Anh Thơ	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11162	22024571	Nguyễn Thị Thu Hà	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11163	22024572	Phạm Hương Giang	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11164	22024573	Nguyễn Yến Nhi	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11165	22024574	Nguyễn Văn Kiên	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11166	22024575	Đặng Sỹ Toàn	CLC TT23	K67I-IS	0	22.300.000		22.300.000	
11167	22024576	Đào Nguyên Hải	CLC TT23	K67I-IS	0	28.700.000		28.700.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11168	22024577	Hoàng Đình Hoàn	CLC TT23	K67I-IS	0	19.900.000		19.900.000	
11169	22024578	Nguyễn Thế Duy	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11170	22024579	Nguyễn Vũ Khánh Huy	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11171	22024580	Thái Thị Diệp	CLC TT23	K67I-IS	0	17.500.000		17.500.000	
11172	22026100	Bùi Văn Dương	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11173	22026102	Nguyễn Huy Anh	CLC TT23	K67M-MT	0	20.700.000		20.700.000	
11174	22026103	Phạm Tiến Mạnh	CLC TT23	K67M-MT	0	20.700.000		20.700.000	
11175	22026104	Nguyễn Tuấn Kiệt	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11176	22026105	Lê Minh Tuấn	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11177	22026106	Nguyễn Văn Hiệp	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11178	22026107	Nguyễn Đức Minh	CLC TT23	K67M-MT	0	23.100.000		23.100.000	
11179	22026108	Nguyễn Huy Hoàng	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11180	22026109	Nguyễn Hoài Nam	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11181	22026110	Trần Bình Minh	CLC TT23	K67M-MT	0	21.500.000		21.500.000	
11182	22026111	Trần Minh Tuấn	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11183	22026112	Lê Xuân Long	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11184	22026113	Nguyễn Anh Tuấn	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11185	22026115	Bùi Tuấn Minh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11186	22026116	Lê Thị Trà Mi	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11187	22026117	Bùi Đức Phú	CLC TT23	K67M-MT	0	20.700.000		20.700.000	
11188	22026118	Hà Ngọc Hải	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11189	22026119	Lê Anh Tuấn	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11190	22026120	Ngô Đức Thành	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11191	22026121	Trần Văn Hiếu	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11192	22026122	Phan Quốc Việt	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11193	22026124	Nguyễn Văn Linh	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11194	22026125	Lại Đình Tuấn Thành	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11195	22026126	Vũ Hồng Phúc	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11196	22026127	Nguyễn Quang Đức	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11197	22026128	Nguyễn Hải Minh	CLC TT23	K67M-MT	0	23.100.000		23.100.000	
11198	22026129	Nguyễn Mạnh Đức	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11199	22026130	Nguyễn Huy Hoàng	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11200	22026131	Trần Tùng Anh	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11201	22026132	Hoàng Bá Duy	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11202	22026133	Nguyễn Khánh Duy	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11203	22026134	Trần Xuân Chính	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11204	22026135	Nguyễn Tiến Dũng	CLC TT23	K67M-MT	0	23.100.000		23.100.000	
11205	22026136	Phạm Khắc Khương Duy	CLC TT23	K67M-MT	0	20.700.000		20.700.000	
11206	22026137	Vũ Mạnh Thắng	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11207	22026138	Trần Văn Giang	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11208	22026139	Đinh Công Hiếu	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11209	22026140	Nguyễn Trung Nguyên	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11210	22026141	Trần Hoàng Phúc	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11211	22026142	Phạm Văn Huynh	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11212	22026143	Trần Hoài Nam	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11213	22026144	Vũ Tiến Bình	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11214	22026145	Đào Duy Hưng	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11215	22026146	Phạm Anh Tuấn	CLC TT23	K67M-MT	0	23.900.000		23.900.000	
11216	22026147	Phạm Minh Quân	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11217	22026148	Nguyễn Phúc Bảo Chấn	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11218	22026149	Đoàn Gia Hưng	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11219	22026150	Nguyễn Anh Quyền	CLC TT23	K67M-MT	0	31.100.000		31.100.000	
11220	22026151	Nguyễn Bảo Nam	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11221	22026152	Phan Quý Duy	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11222	22026154	Nguyễn Quang Khánh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11223	22026155	Ngô Thế Quân	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11224	22026156	Phạm Anh Đức	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11225	22026157	Nguyễn Khả Anh Sơn	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11226	22026158	Nguyễn Trung Kiên	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11227	22026159	Hoàng Anh Quốc	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11228	22026160	Nguyễn Đức Duy	CLC TT23	K67M-MT	0	22.300.000		22.300.000	
11229	22026161	Lê Công Minh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11230	22026162	Trần Quang Minh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11231	22026163	Nguyễn Văn Thành	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11232	22026164	Đinh Nhật Dương	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11233	22026165	Phạm Trung Kiên	CLC TT23	K67M-MT	0	20.700.000		20.700.000	
11234	22026166	Nguyễn Quốc Anh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11235	22026167	Trịnh Hoàng Anh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11236	22026168	Ông Thế Anh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11237	22026169	Đặng Đình Khánh	CLC TT23	K67M-MT	0	21.500.000		21.500.000	

TT	Mã SV	Họ và tên	HT	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải thu K1/25-26	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11238	22026170	Nguyễn Trọng Hiệp	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11239	22026172	Phạm Việt Hưng	CLC TT23	K67M-MT	0	21.500.000		21.500.000	
11240	22026173	Nguyễn Hữu Khoa	CLC TT23	K67M-MT	0	22.300.000		22.300.000	
11241	22026174	Trịnh Nguyên Giáp	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11242	22026175	Nguyễn Phú Nam	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11243	22026176	Trần Anh Quân	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11244	22026177	Trần Hoàng Nam	CLC TT23	K67M-MT	0	20.700.000		20.700.000	
11245	22026178	Lê Đức Anh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11246	22026179	Bạch Ngọc Tấn	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11247	22026180	Đỗ Văn Thanh	CLC TT23	K67M-MT	0	26.300.000		26.300.000	
11248	22026181	Nguyễn Đình Vinh	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11249	22026182	Bùi Văn Hưng	CLC TT23	K67M-MT	6.400.000	31.100.000		37.500.000	Nợ kỳ hè 24-25
11250	22026183	Hà Tuấn Anh	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11251	22026184	Nguyễn Xuân Đức	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11252	22026186	Nguyễn Quý Dũng	CLC TT23	K67M-MT	0	20.700.000		20.700.000	
11253	22026187	Trần Sĩ Việt	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11254	22026188	Trần Vũ Đức	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11255	22026189	Trần Tiến Đạt	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11256	22026190	Nguyễn Xuân Dũng	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11257	22026191	Lê Văn Võ	CLC TT23	K67M-MT	0	23.100.000		23.100.000	
11258	22026192	Trần Lê Bắc	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11259	22026193	Vũ Mai Tuấn	CLC TT23	K67M-MT	0	23.100.000		23.100.000	
11260	22026194	Nguyễn Trường Giang	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11261	22026195	Mai Hải Đăng	CLC TT23	K67M-MT	0	19.100.000		19.100.000	
11262	22026196	Nguyễn Văn Dũng	CLC TT23	K67M-MT	0	21.500.000		21.500.000	
11263	22026197	Võ Hoàng Anh Tuấn	CLC TT23	K67M-MT	0	19.900.000		19.900.000	
11264	22026198	Phạm Văn Nhật	CLC TT23	K67M-MT	0	24.700.000		24.700.000	
11265	22026199	Lê Ngọc Linh	CLC TT23	K67M-MT	5.600.000	20.700.000		26.300.000	Nợ kỳ hè 24-25
11266	22026200	Lê Khánh Duy	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11267	22026202	Đỗ Thùy Trang	CLC TT23	K67M-MT	0	21.500.000		21.500.000	
11268	22026203	Nguyễn Văn Dương	CLC TT23	K67M-MT	0	21.500.000		21.500.000	
11269	22026204	Phạm Trọng Hùng	CLC TT23	K67M-MT	0	24.700.000		24.700.000	
11270	22026205	Vũ Khôi Nguyên	CLC TT23	K67M-MT	0	17.500.000		17.500.000	
11271	22026114	Hoàng Tùng Dương	CLC TT23	K67M-MT	0	0	0	0	Miễn HP (TT23)